NGUYÊN PHONG



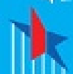
# Muôn Kiếp Nhân Sinh



MANY LIVES - MANY TIMES



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



First News
Where there's a will - there's a way

# Mục lục

*Lời giới thiệu*

# HÀNH TRÌNH MUÔN KIẾP NHÂN SINH

---

Tôi chưa từng có dịp gặp tác giả Nguyên Phong. Trước đó, tôi biết đến ông như một nhà khoa học nổi tiếng thế giới và cũng là người phóng tác, viết lại những tác phẩm về văn hóa, tâm linh kinh điển mà nhiều thế hệ bạn đọc Việt, trong đó có tôi, hằng yêu mến.

Hơn năm năm trước tôi có nhân duyên được trò chuyện cùng tác giả Nguyên Phong về những bí ẩn liên quan đến tác phẩm kỳ bí nổi tiếng Hành Trình về Phương Đông - tác phẩm ra đời gần nửa thế kỷ trước nhưng không một ai trên thế giới có thể truy tìm được bản gốc, để biết bao độc giả nhiều thế hệ còn thắc mắc và khiến một nhà xuất bản ở Mỹ phải dịch ra tiếng Anh từ nguyên bản tiếng Việt mà Nguyên Phong đã phóng tác. Tôi đã hiểu rộng hơn nghĩa phóng tác - là có thể viết theo tiềm thức của mình, bằng kiến thức và những chiêm nghiệm cuộc sống. Và tôi đã nghiệm ra, có những người Việt vô cùng khiêm nhường nhưng không hề thua kém bất cứ ai trên thế giới rộng lớn này.

Tôi đã may mắn được ông chia sẻ nhiều câu chuyện trong nhiều năm. Vào một đêm khuya năm 2016, trong cuộc trò chuyện kéo dài gần về sáng, tôi đã hỏi ông về Nhân quả và Luân hồi. Ông đã kể lại một mối nhân duyên xảy ra nhiều năm trước, về Thomas - một doanh nhân nổi tiếng ở New York - và những câu chuyện tiền kiếp của mình. Tôi đã vô cùng ngạc nhiên và linh cảm rằng câu chuyện này có liên quan đến những trăn trở trước giờ của tôi, và chắc cũng

của rất nhiều người. Tôi rất mong tác giả Nguyên Phong có thể viết lại những câu chuyện đó thành một cuốn sách. Ông im lặng không trả lời, và cũng không nhắc lại chuyện này trong những cuộc nói chuyện tiếp theo. Bẵng đi hơn hai năm, tôi bất ngờ nhận được thư điện tử của ông, trong đó là những chương đầu tiên của cuốn sách mà ông đặt tên là Muôn Kiếp Nhân Sinh. Đọc xong, tôi đã thầm nghĩ không thể có cái tên nào chính xác hơn. Tôi biết được rằng trong hai năm qua ông đã bay sang New York nhiều lần, phỏng vấn, trò chuyện với ông Thomas để thực hiện cuốn sách. Trước đó, tác giả Nguyên Phong đã liên lạc với ông Thomas để hỏi xin ý kiến về việc viết một cuốn sách kể lại các câu chuyện tiền kiếp mà ông từng chia sẻ. Ban đầu ông không chắc ông Thomas sẽ chấp nhận, vì nhiều câu chuyện quá riêng tư, nhạy cảm, nhưng bất ngờ thay, Thomas đã đồng ý.

**Muôn Kiếp Nhân Sinh** là một bức tranh lớn với vô vàn mảnh ghép cuộc đời, là một cuốn phim đồ sộ, sống động về những kiếp sống huyền bí, trải dài từ nền văn minh Atlantis hùng mạnh đến vương quốc Ai Cập cổ đại của các Pharaoh quyền uy, đến Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ ngày nay - nơi nhân vật chính Thomas, người bạn tâm giao lâu năm của tác giả Nguyên Phong - đang sống.

**Muôn Kiếp Nhân Sinh** cung cấp cho bạn đọc kho kiến thức mới mẻ, vô tận của nhân loại lần đầu được hé mở, cùng những phân tích uyên bác, tiên đoán bất ngờ về hiện tại và tương lai thế giới của những bậc hiền triết thông thái. Thông điệp quan trọng xuyên suốt của tác phẩm thức tỉnh con người chính là nguồn gốc và cách thức vận hành luật Nhân quả và Luân hồi của vũ trụ. Đời người tưởng chừng rất dài nhưng lại trôi qua rất nhanh, sinh vượng suy tử, mong manh như sóng nước. Luật Nhân quả cực kỳ chính xác, chi tiết, phức tạp, được thu thập qua nhiều đời, nhiều kiếp, liên hệ tương hỗ đan xen chặt chẽ lẫn nhau, không ai có thể tính được tích đức này có thể trừ được nghiệp kia, không ai có thể biết được khi nào nhân sẽ trổ quả. Nhưng, một khi đã gây ra nhân thì chắc chắn sẽ gặt quả - luật Nhân quả trước giờ không bao giờ sai.

Những xung lực, năng lượng vô hình của vũ trụ qua luật Luân hồi và Nhân quả đã tạo nhân duyên để người này gặp người kia. Gặp nhau có khi là duyên, có khi là nợ; gặp nhau có lúc để trả nợ, có lúc để nối lại duyên xưa. Có biết bao việc diễn ra trong đời, tưởng chừng như là ngẫu nhiên nhưng thật ra đã được sắp đặt từ trước. Luân hồi là một ngôi trường rộng lớn, nơi tất cả con người, tất cả sinh vật đều phải học bài học của riêng mình cho đến khi thật hoàn thiện mới thôi. Nếu không chịu học hay chưa học được trọn vẹn thì buộc phải học lại, chính xác theo quy luật của Nhân quả. Có người có cơ duyên được chứng kiến luật Nhân quả hay Luân hồi, có người thì không, điều đó còn phụ thuộc vào cơ duyên, nhận thức, trải nghiệm và niềm tin ở mỗi người.

Một lời tri ân chân thành tới tác giả Nguyên Phong - người đã dày công viết nên cuốn sách đặc biệt này - là không đủ. Qua những lần trò chuyện, tôi nhận ra ông chỉ có một ước mong duy nhất khi viết cuốn sách này. Xin được cảm ơn ông Thomas - vì tất cả. Xin được chia sẻ cùng bạn đọc những chiêm nghiệm sâu sắc, tâm huyết nhất của ông:

*“Hiện nay thế giới đang trải qua giai đoạn hỗn loạn, xáo trộn, mà thật ra thì mọi quốc gia đều đang gánh chịu những nghiệp quả mà họ đã gây ra trong quá khứ. Mỗi quốc gia, cũng như mọi cá nhân, đều có những nghiệp quả riêng do những nhân mà họ đã gây ra. Cá nhân thì có 'biệt nghiệp' riêng của từng người, nhưng quốc gia thì có 'cộng nghiệp' mà tất cả những người sống trong đó đều phải trả.*

*Hãy nhìn khắp thế giới hiện nay với hơn bảy tỷ người, có bao nhiêu người đang hành động độc ác, vô nhân tính? Có những quốc gia đang đối xử với người khác tàn độc như thế nào? Có biết bao cái chết thương tâm và cuộc sống bi đát của nhiều con người vô tội đã và đang diễn ra? Hãy thử nghĩ nếu tất cả đều chịu học hỏi và hiểu rõ về Nhân quả, biết rõ một khi 'gieo nhân gì sẽ gặt quả đó’ thì có ai dám hành động như thế không? Thường thì con người, khi hành động, ít ai nghĩ đến hậu quả, nhưng một khi hậu quả xảy đến thì họ nghĩ gì, làm gì? Họ oán hận, trách trời, trách đất, trách những người chung quanh đã gây ra những hậu quả đó? Có mấy ai biết chiêm*

*nghiệm, tự trách mình và thay đổi không? Đó là động lực để tôi chia sẻ những câu chuyện chưa từng kể với ai này - dù có những điều thiên cơ bất khả lộ - và chấp thuận để anh chia sẻ những trải nghiệm, bài học vô tiền khoáng hậu này với các bạn của anh, để viết thành một cuốn sách cho nhiều người trên thế giới cùng chiêm nghiệm - giữa lúc hành tinh đang gặp nhiều tai ương, biến động từng ngày. Tôi mong chúng ta - những cánh bướm bé nhỏ rung động mong manh cũng có thể tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh mọi người.*

*Tương lai của mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi quốc gia và cả hành tinh này sẽ ra sao trong giai đoạn sắp tới là tùy thuộc vào thái độ ứng xử, nhìn nhận và thức tỉnh của từng cá nhân, từng tổ chức, từng quốc gia đó tạo nên. Nếu muốn thay đổi, cần khởi đầu bằng việc nhận thức, chuyển đổi tâm thức, lan tỏa yêu thương và chia sẻ sự hiểu biết từ mỗi người chúng ta trước.*

*Nhân quả đừng đợi thấy mới tin. Nhân quả là bảng chỉ đường, giúp con người tìm về thiện lương“.*

**- Nguyễn Văn Phước**

**Sáng lập First News - Trí Việt**

# *Phần mở đầu*
# ĐÀI BẮC NHÂN DUYÊN

---

Năm 2008, tôi có dịp tham dự một hội thảo khoa học tại Đài Bắc. Nhân dịp đó, tôi liên lạc với một người bạn thân, giáo sư Raymond Yeh, để đến thăm ông này. Giáo sư Yeh là cựu Trưởng khoa Khoa học Máy tính tại trường Đại học Texas và Đại học Maryland. Ông là một nhà khoa học, là tác giả của rất nhiều tài liệu nghiên cứu và của mười cuốn sách giáo trình được dạy trong các trường đại học tại Hoa Kỳ. Ông đã đào tạo nhiều thế hệ khoa học gia và giáo sư nổi tiếng ngày nay. Mặc dù đã về hưu và sống tại Đài Bắc nhưng ông vẫn tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực khoa học và có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới. Giáo sư Yeh vui mừng mời tôi ghé qua tư gia ăn tối. Điều bất ngờ là trong bữa ăn đó cũng có sự hiện diện của phi hành gia Edgar Mitchell[1] và một người bạn của ông tên là Thomas K, cũng đến thăm giáo sư Yeh.

*[1] Phi hành gia Edgar Mitchell khởi xướng việc nghiên cứu về sự tương quan giữa con người và vũ trụ để tìm hiểu về những sự kiện không thể giải thích, khuyến khích việc xây dựng mối liên hệ giữa khoa học và trải nghiệm nội tâm trong viện nghiên cứu do chính ông cùng một số người bạn lập ra tại Palo Alto, California, nhưng ông đã bị một làn sóng dư luận khắt khe chỉ trích. Ông qua đời vào năm 2016.*

Giáo sư Yeh mở đầu giới thiệu với mọi người:

- Phi hành gia Edgar Mitchell là một nhà khoa học lỗi lạc với nhiều công trình nghiên cứu nổi tiếng về không gian tại Đại học Harvard và Viện Công nghệ Massachusetts (MIT). Ông là một trong sáu người

đã đặt chân lên mặt trăng bằng phi thuyền Apollo 14 vào ngày 31 tháng 1 năm 1971. Trên hành trình trở về trái đất, nhìn qua cửa sổ của phi thuyền, ông thấy trái đất thật nhỏ bé so với vũ trụ bao la và bất ngờ trải nghiệm một cảm giác bình an lạ lùng không thể diễn tả.

Khi trở về, ông tìm đủ mọi cách để tìm hiểu về cái cảm giác đó. Là nhà khoa học, Edgar Mitchell cố gắng nghiên cứu để giải thích sự bình an lạ lùng này qua các lý thuyết khoa học nhưng không thành công. Ông quy tụ một số khoa học gia nổi tiếng, thành lập một viện nghiên cứu về mối liên hệ giữa khoa học và trải nghiệm nội tâm (Institute of Noetic Science); nhưng qua nhiều năm, những nhà khoa học lỗi lạc nhất này cũng chưa thể đi đến một kết luận nào cả. Do đó, lần này tôi mời ông ấy đến gặp Hòa thượng Thánh Nghiêm, mong rằng ngài có thể giúp ông ấy giải đáp thắc mắc về trải nghiệm này.

Trong bữa ăn tối hôm đó, chúng tôi đàm đạo thân mật về các lý thuyết khoa học vừa được phát minh vào lúc đó. Tôi nhận thấy phi hành gia Mitchell là người có đầu óc cởi mở, với sự hiểu biết rộng và sâu sắc hơn những nhà khoa học khác mà tôi đã gặp.

Ông Mitchell nói:

- Các phát minh khoa học mới nhất hiện nay đang thúc đẩy nhân loại phải thay đổi cách suy nghĩ và quan niệm của họ, ngay cả với những gì mà trước đây chúng ta vẫn cho là đúng. Càng ngày càng có thêm nhiều khám phá mới, dữ kiện mới, có thể hoàn toàn thay đổi nền tảng khoa học mà chúng ta đã xây dựng từ mấy trăm năm nay. Thí dụ như, trong nhiều thế kỷ, chúng ta đã tin rằng trái đất là trung tâm của vũ trụ và mọi hành tinh, kể cả mặt trời, mặt trăng đều quay quanh trái đất. Dĩ nhiên hiện nay chúng ta biết rằng điều này hoàn toàn sai. Mặt trời chỉ là trung tâm của một Thái Dương hệ, quả đất của chúng ta và các hành tinh liên hệ đều quay quanh mặt trời. Tuy nhiên, vũ trụ thì vô cùng rộng lớn và có rất nhiều Thái Dương hệ khác mà chúng ta chưa biết đến. Theo ước tính của Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Mỹ (NASA) thì có khoảng hơn một tỷ Thái Dương hệ trong vũ trụ bao la mà Thái Dương hệ của chúng ta chỉ là một phần nhỏ trong đó.

Ông Mitchell bất chợt trầm ngâm, giọng xúc động:

- Chỉ khi con người đi ra ngoài không gian mới thật sự thấy được chúng ta quá nhỏ bé giữa vũ trụ bao la ngoài sức tưởng tượng này. Hiện nay, chúng ta biết rằng sự sống đã có mặt trên trái đất này từ hàng triệu năm nay, nhưng biết đâu sự sống cũng có thể hiện hữu ở các hành tinh khác hay các Thái Dương hệ khác nữa. Chúng ta cho rằng loài người là thông minh nhất khi so sánh với các loài vật, nhưng biết đâu có những sinh vật thuộc hành tinh khác còn thông minh hơn mà chúng ta chưa hề biết đến.

Cách đây không lâu, chúng ta cho rằng vật thể nhỏ nhất trên thế giới là phân tử (Molecule), nhưng sau đó chúng ta tìm ra nguyên tử (Atom) và nghĩ rằng nguyên tử là vật thể nhỏ nhất. Hiện nay, chúng ta biết rằng nguyên tử không phải là nhỏ nhất mà còn có những hạt lượng tử nhỏ hơn nhiều (Quark). Nếu chúng ta tiếp tục nghiên cứu thì có lẽ sẽ còn có những thứ nhỏ hơn nữa. Do đó, kiến thức của chúng ta luôn luôn thay đổi theo các khám phá mới của khoa học. Nếu chúng ta có thể chứng minh được rằng hạt vi lượng (Neutrino) di chuyển nhanh hơn vận tốc ánh sáng thì quan niệm về thuyết Tương đối của Einstein phải thay đổi và quỹ đạo của mọi hành tinh trong vũ trụ sẽ khác hẳn những gì chúng ta đo được ngày nay.

Ông ngừng lại và nhấn mạnh từng chữ:

- Vấn đề là chúng ta sẽ phản ứng như thế nào với những dữ kiện mới được khám phá? Liệu chúng ta có chấp nhận rằng những gì chúng ta tin tưởng từ bấy lâu nay chỉ là những lý thuyết không còn giá trị nữa không? Hay chúng ta vẫn bám chặt lấy quan niệm cũ vì đã coi chúng như là chân lý tuyệt đối?

Giáo sư Yeh đồng tình tiếp lời:

- Khoa học thực nghiệm chỉ là tập hợp những kiến thức thu tập được từ nhiều cuộc thí nghiệm, với những dữ liệu được đo lường, quan sát và kiểm chứng. Là khoa học gia, chúng ta luôn luôn tìm kiếm, học hỏi và nghiên cứu dựa trên lý luận, đặt ra những giả thuyết, rồi chứng minh rằng chúng đúng hay sai. Tất cả những gì

chúng ta xây dựng đều hoàn toàn dựa vào các công cụ đo lường; nhưng với sự tiến bộ của khoa học, khi các công cụ này ngày một tinh vi hơn, chính xác hơn, chúng ta sẽ tìm thêm được những dữ liệu mới để bổ sung cho những dữ liệu trước và tiếp tục xây dựng nền khoa học hiện nay. Nói cho đúng thì khoa học thực nghiệm là một tiến trình luôn luôn thay đổi để bổ sung cho những gì bất toàn trước đây.

Ông Mitchell mỉm cười:

- Nhưng sẽ có một lúc nào đó chúng ta tìm ra những dữ liệu hoàn toàn khác với những dữ liệu trước đó. Chúng ta sẽ đặt ra những giả thuyết mới để thay đổi các quan niệm hiện tại và chúng ta sẽ có một cuộc cách mạng khoa học lật đổ tất cả những gì chúng ta xây dựng trước đây.

Bất chợt, ông Mitchell quay qua hỏi tôi:

- Anh cũng là một nhà khoa học, vậy anh nghĩ như thế nào?

Tôi suy nghĩ, rồi trả lời:

- Một cuộc cách mạng khoa học như thế có lẽ cần nhiều thứ hơn là việc đưa ra một lý thuyết mới để đánh đổ những lý thuyết trước. Theo tôi nghĩ, trước hết, chúng ta phải nghiệm lại các quan niệm trước để tìm hiểu tại sao chúng không còn đúng nữa. Như giáo sư Yeh đã nói, nếu chúng ta phát minh ra những công cụ tinh vi hơn, chính xác hơn, thì chúng ta hiểu rằng công cụ trước đây không hoàn hảo. Nếu chúng ta có thể chứng minh rằng những dữ liệu mới này hợp lý hơn, chính xác hơn, giá trị hơn, thì chúng ta có thể đưa ra bằng chứng để biện minh cho lý thuyết mới này và thay thế lý thuyết trước đã không còn giá trị nữa. Tuy nhiên, tôi nghĩ có lẽ sẽ phải mất nhiều thời gian để thay đổi tư duy của mọi người.

Chúng tôi tiếp tục thảo luận về các phát minh khoa học, nhưng phần lớn là cuộc đối thoại giữa phi hành gia Mitchell và giáo sư Yeh. Tôi và ông Thomas chỉ ngồi nghe, đôi khi thêm vào vài câu xã giao. Tôi thấy ông Thomas chăm chú vào cuộc đối thoại, thỉnh thoảng lại mỉm

cười nhưng không nói gì. Có lẽ vì ông là một doanh nhân chứ không phải là khoa học gia như chúng tôi nên ông kiệm lời hơn.

Sau bữa ăn, ông Mitchell hỏi tôi:

- Ngày mai chúng tôi sẽ đến gặp Hòa thượng Thánh Nghiêm, anh có muốn đi cùng với chúng tôi không?

Dĩ nhiên tôi không thể từ chối một cơ hội hiếm có như vậy.

Buổi gặp gỡ được sắp đặt trước này diễn ra tại giảng đường Đại học Đài Bắc cho một số sinh viên và giáo sư tham dự. Giáo sư Yeh là người chủ trì buổi nói chuyện.

Giáo sư Yeh bắt đầu cuộc gặp mặt:

- Mitchell, ông hãy kể về trải nghiệm lạ lùng khi bay trên không gian vũ trụ cho Hòa thượng Thánh Nghiêm nghe và hỏi ngài về những thắc mắc của ông đi.

Phi hành gia Mitchell lên tiếng:

- Thưa Hòa thượng, sau khi hoàn tất sứ mệnh trên mặt trăng, chúng tôi bắt đầu bay trở về trái đất. Khi bay trong không gian, phi thuyền của chúng tôi phải liên tiếp xoay tròn theo trục di chuyển 360 độ để giảm sức nóng phát ra từ ánh sáng mặt trời. Do đó, cứ mỗi hai phút thì tôi lại nhìn thấy trái đất, mặt trăng và mặt trời qua cửa kính của phi thuyền. Tôi cũng phải nói thêm là bên ngoài không gian, vì không có bầu khí quyển nên chúng tôi nhìn thấy các hành tinh rất rõ. Khi ở trên trái đất, chúng ta nhìn lên bầu trời và thấy các vì sao lấp lánh vì ảnh hưởng của bầu khí quyển; nhưng trong không gian, tất cả đều sáng rõ như một mạng lưới khổng lồ với hàng ngàn hàng vạn vì sao trông như những hạt kim cương tỏa sáng. Đó là một hình ảnh tuyệt vời đối với các phi hành gia chúng tôi lúc đó. Ngày nay, mọi người đều có thể nhìn thấy hình ảnh này qua kính viễn vọng Hubble, hay qua các hình ảnh mà Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Mỹ chụp được và đưa lên mạng. Nếu quan sát kỹ, chúng ta sẽ thấy vũ trụ đẹp vô cùng, không lời nào có thể diễn tả được.

Là một nhà khoa học, tôi biết rằng tất cả những tế bào, những nguyên tử trong cơ thể tôi, hay cơ thể của những người bạn tôi trong phi thuyền, và ngay cả những nguyên tử cấu tạo nên phi thuyền, đều phát xuất từ hành tinh của chúng ta hay chính là khởi nguồn trong vũ trụ. Mọi hiện tượng vật chất đều phát xuất từ vũ trụ này. Từ đó, tôi ý thức rằng thân thể của tôi và tất cả mọi vật trong vũ trụ không có gì sai biệt. Thay vì là một cá thể độc lập, một thành phần riêng rẽ, tôi ý thức rằng tất cả cùng chung một nguồn gốc. Ngay khi đó, toàn thân tôi bỗng nhiên rung động mãnh liệt. Tôi thấy mình chìm đắm trong một cảm giác bình an lạ lùng không thể diễn tả. Trải nghiệm này tiếp tục diễn ra mỗi khi tôi không bận rộn. Là phi hành gia, dĩ nhiên chúng tôi rất bận vì vừa phải điều khiển phi thuyền, vừa phải hoàn thành những thí nghiệm khoa học trong phi thuyền, nhưng thỉnh thoảng tôi cũng dừng lại nhìn ra ngoài cửa sổ để chiêm ngưỡng vẻ đẹp diệu kỳ của vũ trụ và cảm nhận cảm giác bình an lạ lùng này.

Với mỗi vòng quay của phi thuyền, tôi lại nhìn thấy trái đất, mặt trăng, mặt trời, cùng các vì tinh tú lấp lánh. Tôi thấy vũ trụ giống như một tấm lưới với hàng triệu vì sao toát ra thứ ánh sáng rực rỡ, và tôi ý thức rõ ý niệm "vạn vật đồng nhất thể". Tôi hiểu rằng nếu đã đồng nhất với tất cả thì vạn vật đều liên quan chặt chẽ với nhau, không thể tách rời được. Đây là một quan niệm mới lạ mà từ trước đến nay, các nhà khoa học chúng tôi không ai nghĩ đến.

Trong trải nghiệm bình yên đặc biệt đó, tôi tự hỏi: "Tôi thực sự là ai? Tôi từ đâu tới đây? Rồi tôi sẽ đi về đâu? Vũ trụ được hình thành và có mối liên hệ như thế nào với trái đất cùng những con người sống ở đó? Có phải chúng tôi, những người đầu tiên du hành ra ngoài không gian, đã cảm nhận được sự tương quan rõ rệt giữa con người và vũ trụ, khác hẳn với ý niệm của những người chưa từng rời trái đất?".

Từ ý niệm này, tôi nghĩ rằng có lẽ đã đến lúc phải tìm cách thay đổi các quan niệm định kiến chật hẹp đã giam cầm bao nhiêu thế hệ từ trước đến nay bằng một quan niệm mới về sự tương quan giữa con người và vũ trụ. Có lẽ các định luật khoa học, các kiến thức được

xây dựng từ ngàn xưa sẽ phải thay đổi khi chúng ta nhìn lại tất cả những gì chúng ta đã làm trên trái đất này, sau khi chứng kiến sự nhỏ bé của chúng ta so với vũ trụ bao la. Ngay như nền khoa học hiện đại bắt đầu khoảng bốn trăm năm trước với Isaac Newton cũng sẽ phải thay đổi khi con người bước ra khỏi tầm ảnh hưởng của sức hút trái đất.

Khi lan man nghĩ đến đó, tôi chợt nghĩ đến những bậc tiên phong như Copernicus, Galileo và những nhà khoa học lỗi lạc khác đã đưa ra ý kiến về sự tương quan giữa trái đất và vũ trụ nhưng phải chịu đựng sự chống đối, kỳ thị của những quan niệm thiển cận, hẹp hòi lúc bấy giờ. Người thì bị thiêu sống, người thì bị giam cầm cho đến chết, nhưng sự thật vẫn là sự thật, không thể chối cãi. Tất cả khuynh hướng bảo thủ, hẹp hòi trước sau cũng phải thay đổi khi người ta biết hướng tầm mắt lên cao, xóa bỏ thành kiến cũ và mở rộng tâm hồn để nhìn ra vũ trụ bao la.

Phi hành gia Mitchell ngừng lại suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Khi trở về trái đất, tôi luôn thắc mắc về cái cảm giác bình an lạ lùng này. Tôi tìm đọc rất nhiều sách vở khoa học nhưng không tìm thấy gì có thể giải thích hiện tượng trên. Tôi chuyển qua nghiên cứu các sách vở tôn giáo của phương Tây nhưng cũng không tìm được gì. Tôi tìm đến những học giả thông thái nhưng không ai có thể trả lời được thắc mắc của tôi. Một người bạn khuyên tôi nên tìm đọc các tài liệu về tôn giáo phương Đông, và tôi bắt đầu nghiên cứu Phật giáo, nhất là các sách nói về đại định (Samadhi). Tôi thấy có sự trùng hợp giữa trải nghiệm mà tôi đã trải qua trên không gian với trải nghiệm của các hiền triết phương Đông, khi họ diễn tả về trạng thái thiền định.

Giáo sư Yeh chợt hỏi:

- Phải chăng cảm giác đó là thấy mình hợp nhất với vạn vật?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Đúng thế, lúc đó tôi không thấy có sự khác biệt giữa mình và vạn vật nữa. Cái cảm giác hòa hợp, rung động cùng với sự chuyển động của vũ trụ, là một trải nghiệm kỳ lạ không thể diễn tả được bằng lời.

Giáo sư Yeh quay sang hỏi Hòa thượng Thánh Nghiêm:

- Bạch Hòa thượng, theo quan niệm của Phật giáo, trải nghiệm không còn thấy sự phân biệt giữa mình và vạn vật của phi hành gia Mitchell có phải là một sự chứng ngộ không?

Hòa thượng Thánh Nghiêm mỉm cười nhìn ông Mitchell:

- Trước hết tôi rất mừng cho phi hành gia Mitchell đã có một trải nghiệm đặc biệt. Trong hàng ngàn, hàng vạn người, không mấy ai có được trải nghiệm như thế. Trong cuộc sống, khi người ta trải nghiệm một điều gì đó hoàn toàn mới mẻ, có thể thay đổi hẳn các trải nghiệm cá nhân từ trước, ta có thể coi đó như là một sự chứng ngộ. Tuy nhiên, đó cũng có thể chỉ là một cảm giác nhất thời.

Thí dụ như, cách đây không lâu, một đệ tử của tôi cũng có một trải nghiệm đặc biệt. Sau một khóa tu thiền kéo dài bảy ngày, anh ta trở về nhà. Trên đường về, anh ta thấy tất cả cây cối, hoa lá, từ những con côn trùng nhỏ bé cho đến những chiếc lá cây, ngọn cỏ đều vui mừng chào đón anh. Anh cảm nhận được một niềm an lạc tuyệt vời như hòa nhập với ngoại cảnh và tin rằng mình đã chứng ngộ. Anh vội vã trở lại kể cho tôi nghe về trải nghiệm đó. Tôi nói với anh rằng tuy đó là một khoảnh khắc trải nghiệm tuyệt vời nhưng cũng có thể biến đi ngay trong chốc lát. Đừng coi cảm giác đó là một sự chứng ngộ. Nếu không tin, anh hãy thử trở lại khu vườn đó để xem những cây cỏ, hoa lá, muông thú có chào đón anh như trước không.

Khi quay trở lại, anh không cảm nhận được trải nghiệm như trước nên đã hỏi: “Làm thế nào để con có thể lấy lại cái cảm giác tuyệt vời đó?”. Tôi trả lời: “Không ai có thể sở hữu mãi mãi trải nghiệm đã qua đó. Nếu muốn nắm giữ nó mãi thì anh thật tham lam. Có được trải nghiệm này chỉ là một kết quả của quá trình tu tập mà thôi. Đó không phải là sự chứng ngộ như anh kỳ vọng. Mục đích của tu tập thiền định là để phát triển trí tuệ và xóa bỏ bản ngã. Nếu chúng ta

đạt đến trạng thái Vô ngã thì thế giới này còn tồn tại nữa không? Nếu chúng ta đạt đến trạng thái Tâm vô phân biệt thì làm gì còn có chúng ta hay thế giới này nữa? Đối với đa số mọi người, thế giới này thật sự hiện hữu, nhưng đối với những người đã chứng ngộ thì thế giới này chỉ là huyễn ảo, không có thật, do đó tất cả trải nghiệm dù là trải nghiệm gì đi chăng nữa, cũng chỉ là huyễn ảo chốc lát mà thôi. Chúng ta không nên để ý đến nó hay muốn nắm giữ nó mãi làm gì".

Giáo sư Yeh hỏi thêm:

- Bạch Hòa thượng, như thế thì dù chúng ta có được những trải nghiệm gì cũng không nên bám víu vào nó hay sao?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Cho dù trải nghiệm đó diễn ra thế nào đi nữa, hãy để cho nó đến và đi một cách tự nhiên. Có thể nó chỉ là điều xuất phát từ tâm thức, sẽ thay đổi, vì tất cả mọi sự đều sẽ đổi thay. Dù nó hiện hữu như thật, vẫn hãy coi nó chỉ là những hiện tượng của tâm thức mà thôi.

Tuy nhiên, đối với những người đã trải nghiệm, rồi hoàn toàn thay đổi nhận thức của họ và luôn luôn sống với tâm thức đó, thì chúng ta có thể kết luận rằng người đó đã chứng ngộ. Theo quan niệm của Phật giáo, người này đã có một "nhân" lành từ trước và đến nay nó bắt đầu trổ "quả".

Hòa thượng Thánh Nghiêm chia sẻ tiếp:

- Phi hành gia Mitchell là một nhà khoa học, nhưng không thể giải thích trải nghiệm đó bằng lý luận của khoa học, không thể chứng minh nó qua các cuộc thí nghiệm, hay tạo ra lý thuyết bằng phương pháp luận lý. Ông tin rằng đây là một kiến thức mới, mà khoa học cần khám phá, nghiên cứu thêm. Tuy nhiên, ông nên biết rằng cảm giác đó là một trải nghiệm tâm linh nằm trong phạm trù của tôn giáo mà khoa học không thể giải thích. Triết học hay luận lý học cũng không thể giải thích được, vì nó là một trải nghiệm tinh thần xảy ra cho một người duy nhất - là ông mà thôi. Trải nghiệm ấy đã làm thay

đổi hoàn toàn cách suy nghĩ của ông. Từ đó, ông cảm thấy nó trở thành một phần của ông, không thể tách rời ra được nữa. Trải nghiệm này vượt khỏi phạm trù của khoa học bởi vì những người trải nghiệm được việc này không thể diễn tả, giải thích được, không thể chứng minh được, và cũng không ai có cùng một trải nghiệm tương tự như thế, nó là một trải nghiệm có tính chất duyên căn cá nhân. Ai uống nước thì tự mình biết nóng hay lạnh. Trong trường hợp của ông, chỉ mình ông cảm nhận được sự an lạc hòa hợp cá nhân vào vũ trụ, nhập với tất cả, không còn phân biệt giữa mình và vũ trụ nữa. Lúc đó cũng có các phi hành gia khác ở trong phi thuyền. Tại sao họ không có được trải nghiệm giống như ông? Tại sao chỉ mình ông có được cảm nhận đó? Nếu nói theo khoa học thì một khi ông cảm nhận được điều gì, tất cả những người khác cũng đều phải thấy như thế. Tóm lại, đây là điều mà khoa học không thể giải thích hay chứng minh, vì nó nằm ngoài phạm trù của khoa học.

Giáo sư Yeh hỏi tiếp:

- Ông Mitchell, trải nghiệm lạ lùng đó có trở lại với ông nữa không? Khi trở về trái đất, ông còn có cảm nhận đó nữa không?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Có chứ, tôi vẫn cảm nhận được và sống trong niềm an lạc vô biên này. Nó hoàn toàn thay đổi quan niệm của tôi về con người và vũ trụ, vì thế tôi mới tìm cách giải thích nó theo khoa học, luận lý học, triết học và tâm linh. Tôi đồng ý với Hòa thượng Thánh Nghiêm về điều ngài dạy; nhưng là người nghiên cứu khoa học, tôi vẫn muốn tìm cách kết nối khoa học với trải nghiệm nội tại, để mở ra một chân trời mới cho kiến thức còn thiếu sót của nhân loại hiện nay.

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi:

- Ông nghĩ sao về các lý thuyết khoa học còn thiếu sót hiện nay? Chẳng hạn như giả thuyết về sự hình thành vũ trụ qua vụ nổ Big Bang?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Khoa học thực nghiệm được xây dựng từ những lý luận, rồi được chứng minh qua các cuộc thí nghiệm với những dữ liệu chính xác. Giả thuyết về sự hình thành vũ trụ qua vụ nổ Big Bang mặc dù được đa số chấp nhận nhưng chưa ai có thể chứng minh nó một cách chính xác. Do đó, nó vẫn chỉ là một giả thuyết. Nó giải thích được một số hiện tượng, nhưng nó chưa hoàn chỉnh để có thể được công nhận là sự thật tuyệt đối. Theo tôi thì với đà tiến triển của khoa học ngày nay, giả thuyết này có thể trở nên lỗi thời, khi có thêm những bằng chứng hay dữ liệu khác. Tôi không nghĩ vũ trụ chỉ là kết quả của một vụ nổ, mà là một cái gì đó vận động, thay đổi không ngừng, do đó rất khó định nghĩa thật rõ ràng.

Giáo sư Yeh đặt vấn đề:

- Nhưng nếu loại bỏ lý thuyết về vụ nổ Big Bang thì phải chăng thời gian không bắt đầu từ lúc tạo lập ra vũ trụ mà là một cái gì đó không có khởi thủy?

Phi hành gia Mitchell giải thích thêm:

- Đối với tôi, thời gian chỉ là một sự đo lường có tính tương đối. Chính con người đề xướng ra cái gọi là “thời gian” trên trái đất này chứ tự nhiên không phân chia ra như thế. Con người tạo ra quan niệm về thời gian, rồi chia nó ra thành nhiều mảnh vụn. Trái đất quay quanh mặt trời một vòng thì được xem là một năm, rồi một năm có mười hai tháng, mỗi tháng có một số ngày, rồi ngày chia ra giờ, giờ chia ra phút, phút chia ra giây v.v… Sự phân chia này chỉ mang tính giới hạn trên trái đất mà thôi. Nếu chúng ta đi lên Hỏa Tinh, hay Kim Tinh, chúng ta sẽ phải thay đổi thời gian khác đi. Nếu chúng ta tiếp tục đi vào không gian thì thời gian trên trái đất sẽ không còn giá trị nữa.

Giáo sư Yeh quay qua hỏi Hòa thượng Thánh Nghiêm:

- Bạch Hòa thượng, một nhà khoa học không gian và là một phi hành gia nổi tiếng như ông Mitchell đây cũng không hoàn toàn tin vào giả thuyết về sự hình thành vạn vật qua vụ nổ Big Bang, mà cho rằng vũ trụ là một cái gì đó luôn luôn thay đổi. Nếu thế phải chăng

vạn vật không có khởi đầu hay chấm dứt, mà chỉ là một diễn trình thay đổi không ngừng? Bạch Hòa thượng, liệu quan niệm này có khác với quan niệm của Phật giáo trong kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka) không?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Cho đến nay, mọi người đều cho rằng vạn vật được hình thành từ vụ nổ Big Bang. Các nhà khoa học cũng dựa vào giả thuyết này để đưa ra các lý luận khoa học về không gian, thời gian v.v... Tôi mừng vì một nhà khoa học lỗi lạc và là phi hành gia nổi tiếng như ông đây lại nghĩ khác. Ông tin rằng vũ trụ luôn luôn thay đổi và vận động không ngừng, do đó rất hợp với quan niệm "thành, trụ, hoại, diệt" vì mọi sự vật, mọi hiện tượng luôn luôn thay đổi, không có khởi đầu hay chấm dứt. Điều này rất hợp với quan niệm của Phật giáo.

Tuy nhiên, tôi muốn nói thêm rằng vũ trụ quan của Phật giáo không phân chia thời gian và không gian như là hai thực thể khác biệt mà bao gồm cả thời gian lẫn không gian. Thời gian bao gồm cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Không gian cũng bao trùm cả sáu hướng (Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới). Nhưng thời gian có thật sự hiện hữu không? Không! Thời gian chỉ được tạo ra khi có một đối tượng trong không gian chuyển động, và nếu ta đo được sự chuyển động đó thì thời gian hiện hữu. Nói cách khác, nếu ta cảm thấy không gian thay đổi thì thời gian hiện hữu. Nếu không gian không chuyển động thì sẽ không có thời gian. Nhưng nói như thế thì không gian có hiện hữu không? Cũng không! Nếu ta không cảm nhận được thời gian thì không gian cũng không hiện hữu. Tất cả chỉ là một cái gì đó uyên nguyên rỗng lặng.

Nói cách khác, vũ trụ quan của Phật giáo là sự phối hợp giữa không gian và thời gian. Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không, tất cả đều liên hệ với nhau, tương tức và tương nhập chặt chẽ. Tóm lại, mọi sự vật trong vũ trụ đều có tính tương đối, nghĩa là đều vô thường, vô ngã và duyên sinh. Thời gian và không gian tuy có tên gọi khác nhau nhưng cùng chung một bản thể, hay "vạn vật đồng nhất thể", một là tất cả, tất cả là một.

Hòa thượng Thánh Nghiêm tiếp tục giải thích:

- Ngày nay, ngành vật lý không gian đã chứng minh điều này bằng thuyết Tương đối của Albert Einstein. Đặc biệt là quan niệm về không gian bốn chiều, nêu rõ ý nghĩa: không gian và thời gian không phải là hai điều tuyệt đối có tự thể riêng biệt, mà chỉ có tính tương đối thôi. Phải dùng từ “kỳ gian” (space-time) để gọi chung cho cả hai mới đúng, vì tính chất của chúng là dung thông, hòa hợp với nhau làm một, thâu nhiếp và tương nhập với nhau một cách tuyệt diệu.

Với trí óc siêu việt, Einstein đã tìm ra được luật Tương đối, thấy được vận tốc, thời gian, không gian, khối lượng đều là những gì tương đối chứ không tuyệt đối. Công thức E = mc2 của ông đã chứng minh rằng năng lượng (energy) chính là khối lượng (mass) của vật đó khi di chuyển nhanh bằng lũy thừa của vận tốc ánh sáng. Lúc đó, vật chất sẽ biến thành năng lượng và khi năng lượng chuyển động chậm lại thì nó sẽ biến thành vật chất.

Hòa thượng Thánh Nghiêm quay qua phi hành gia Mitchell rồi nói một cách rõ ràng:

- Như ông cũng biết, năng lượng là khối lượng và khối lượng cũng là năng lượng, hay tinh thần là vật chất và vật chất cũng là tinh thần. Đó chính là lời Đức Phật đã dạy trong kinh Hoa Nghiêm từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước: “Tâm là vật, vật cũng là tâm – vạn vật đồng nhất thể, đó chính là nguyên lý 'sự sự vô ngại pháp giới'”. Muốn tiếp thông với cảnh giới Hoa Nghiêm này, ông phải đi vào bằng cánh cửa tâm linh chứ những cảm giác phân biệt hay luận lý dựa trên sự suy ngẫm của “thức” thì không thể được. Chỉ có cánh cửa tâm linh mới có thể tổng hợp được thời gian và không gian, đưa ông vào cuộc sống “hằng mà chuyển” thôi.

Lúc nãy, ông nói rằng ông không tin vũ trụ này được hình thành bởi vụ nổ Big Bang, mà vũ trụ này thay đổi không ngừng. Nhưng ai có thể cảm nhận được sự thay đổi của vũ trụ như thế? Phải chăng chính là con người? Những sinh vật khác không thông minh như con người nên không ý thức rõ về vũ trụ như con người. Con người có ý niệm rõ ràng về thời gian và không gian. Khi thời gian hiện hữu,

không gian cũng hiện hữu, đó chính là quan niệm căn bản về sự tạo lập vũ trụ.

Hòa thượng Thánh Nghiêm quay sang nói với giáo sư Yeh:

- Lúc nãy, ông hỏi quan niệm này có trùng hợp với quan niệm của kinh Hoa Nghiêm không? Đúng thế, chủ trương của kinh Hoa Nghiêm là "pháp giới duyên khởi", nghĩa là mọi sự, mọi vật đều do nhân duyên hòa hợp mà thành, tất cả đều nương vào nhau, nhân sinh quả, quả lại sinh nhân, lớp lớp trùng trùng, có khi dung thông, có khi đối chọi, ảnh hưởng lẫn nhau mà sinh ra, không một cái gì có thể tự tồn, tự lập riêng rẽ. Cái này có là nhờ cái kia, cái kia có là nhờ cái này. Lớp lớp trùng trùng không cùng tận nên gọi là "trùng trùng duyên khởi".

Vì thế, "một cũng là tất cả, tất cả cũng là một", mọi sự, mọi vật đều có liên quan mật thiết với nhau, đều tuân theo định luật của vũ trụ như vô thường, vô ngã. Điểm đặc biệt của kinh Hoa Nghiêm là nói về cái thể "động" của vũ trụ mà đặc tính của nó là biến hóa, thay đổi không ngừng.

Hòa thượng Thánh Nghiêm nhìn mọi người một lượt và nhấn mạnh:

- Sự thay đổi này cũng là đặc tính của cuộc sống vô thường của chúng ta mà không mấy ai để ý đến. Chúng ta sinh ra, lớn lên, rồi già và chết. Trong mỗi giây, mỗi phút, cơ thể chúng ta đều thay đổi với hàng vạn tế bào chết đi và hàng vạn tế bào được sinh ra. Sự thay đổi được đo lường qua thời gian và chia làm ba thời: "Quá khứ, hiện tại và vị lai". Thật ra, sự phân chia này chỉ là tương đối mà thôi vì trong một thời vẫn có thể nói đến các thời kia. Ba thời có thể riêng rẽ hay xen lẫn với nhau, thay đổi hay dung thông với nhau. Thí dụ như khi suy tư, chúng ta có thể ý thức được nhiều việc trong quá khứ, hiện tại, hay vị lai.

Mọi sự, mọi vật trong vũ trụ đều tác động với nhau theo nhân duyên và tạo thành những sự, những vật. Sự tác động và biến chuyển này diễn tiến và thay đổi không ngừng trong vòng sinh hóa. Chính nhờ có sự phân chia thời gian này mà chúng ta có thể hiểu rõ được luật

Vô thường, Vô ngã, Duyên sinh và Nhân quả. Kinh Hoa Nghiêm giải thích cho chúng ta biết rõ vũ trụ được tạo ra do vô tận duyên khởi, hình tướng tuy khác nhưng tất cả đều chung một bản thể, bình đẳng và dung thông. Bản thể đây chính là tâm chân như. Từ chân như phát sinh ra vạn hữu. Vạn hữu là giả huyễn mà chúng ta lại cho là thật.

Nhờ biết cách quan sát thật tướng qua công phu thiền định sâu xa mà chúng ta hiểu được và thấy rõ mọi sự, mọi vật như nó là. Khi chúng ta thực hành nhìn sâu vào mọi sự, chúng ta vượt qua cái tướng bên ngoài để thấy rõ cái thể bên trong. Khi chúng ta biết hướng tâm lên cao, vượt khỏi thế giới hiện tượng sai biệt để đạt tới cảnh giới vô sai biệt này thì chúng ta mới hiểu rõ được thật tướng của sự vật.

Giáo sư Yeh hỏi phi hành gia Mitchell:

- Hòa thượng đã trình bày về sự thành lập vũ trụ qua lăng kính của Phật giáo. Là một nhà khoa học về không gian, ông nghĩ sao về quan niệm này?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Có nhiều quan niệm khác nhau về sự tạo lập vũ trụ. Ngay cả những nhà khoa học thông thái nhất cũng không đồng ý với nhau, người nói thế này, người nói thế khác. Người đặt ra lý thuyết này, người đưa ra quan niệm khác. Tất cả đều là những giả thuyết, chưa ai chứng minh được một cách rõ ràng với các dữ liệu chính xác. Tuy nhiên, nếu nói tất cả là "Không" thì đa số mọi người sẽ hiểu lầm là không có gì, và nếu nói vũ trụ không có thật thì không ai tin được. Càng tìm hiểu về những điều này, các nhà khoa học, ngay như chính tôi đây, cũng bối rối. Hãy cho rằng vũ trụ là một cái gì đó thật sự hiện hữu đã, nhưng khoa học sẽ giải thích như thế nào? Ai tạo ra nó? Nó đến từ đâu? Nó bắt đầu như thế nào? Khoa học thực nghiệm đòi hỏi phải có sự chứng minh, giải thích, đưa ra những lý thuyết, rồi tìm ra những dữ liệu để biện minh cho lý thuyết đó đúng hay sai.

Thế kỷ hai mươi là thế kỷ của nhiều phát minh, và con người đã khám phá ra rất nhiều thứ mà trước đó người ta chỉ tưởng tượng ra, nay đã thành sự thật. Hiện nay có rất nhiều lý thuyết mới và quan niệm mới, nhiều hơn tất cả những lý thuyết từ trước đến nay. Phải nói rằng nhân loại đã đi rất xa, đã đặt chân lên mặt trăng, đã tiến vào vũ trụ, nhưng còn biết bao nhiêu thứ khác chúng ta chưa biết đến. Việc giải thích về vũ trụ vẫn là điều mà những nhà khoa học như chúng tôi chưa hiểu rõ.

Tuy nhiên, quan niệm về sự tương thông và dung nhiếp chứ không phân chia này là một quan niệm rất hợp với lý thuyết vật lý lượng tử. Từ nhiều năm nay, chúng tôi đã nghiên cứu việc sử dụng những công cụ khoa học của ngành vật lý lượng tử để tìm ra sự tương quan giữa khoa học và tâm linh. Dĩ nhiên, chúng tôi chưa đi đến một kết luận nào rõ ràng nhưng đã có rất nhiều bằng chứng cho thấy vật lý lượng tử sẽ đưa nền khoa học thực nghiệm tiến xa hơn trước.

Giáo sư Yeh thắc mắc:

- Nếu thế thì thuyết Big Bang sẽ không còn giá trị nữa sao?

Phi hành gia Michell chia sẻ:

- Không những tôi mà các nhà khoa học khác cũng nghĩ như thế. Đã có nhiều bằng chứng cho thấy giả thuyết này không hoàn toàn như mọi người vẫn nghĩ. Đã có nhiều nghiên cứu khoa học tìm ra những dữ liệu mới, trái ngược với các dữ liệu về vụ nổ Big Bang này. Dĩ nhiên phải cần nhiều cuộc thí nghiệm nữa trước khi chúng ta có thể kết luận rõ ràng.

Nhưng theo tôi nghĩ, khoa học mỗi ngày một phát triển, người ta sẽ tìm được nhiều dữ liệu mới để chứng minh rằng một số lý thuyết trước đây không còn đúng nữa. Thí dụ như ngày trước Einstein cho rằng tốc độ của ánh sáng là tuyệt đối, không gì có thể đi nhanh hơn tốc độ của ánh sáng. Quan niệm của vật lý lượng tử về tính “vô định xứ” (quantum non-locality) chứng minh rằng có những tín hiệu có thể đi nhanh hơn vận tốc của ánh sáng. Trong thí nghiệm về cảm giác nhận thức siêu việt (Extrasensory Perception - ESP), khi một tư

tưởng nảy ra, người khác có thể nhận biết được ngay lập tức. Tôi đã thực hiện thí nghiệm này trên mặt trăng và người ở trái đất nhận ngay được những tín hiệu này, không những một lần mà hàng chục lần. Nếu chúng ta đo lường thời gian và khoảng cách thì những tín hiệu này di chuyển nhanh hơn vận tốc của ánh sáng rất nhiều. Theo quan niệm của vật lý lượng tử về tính "vô định xứ" thì những tín hiệu của cảm giác, hay đơn giản hơn là tư tưởng phát xuất từ bộ óc con người, có thể di chuyển nhanh không giới hạn.

Giáo sư Yeh góp thêm lời:

- Một yếu tố của quan niệm về tính "vô định xứ" là lý thuyết về sự tương quan giữa hai thực thể với nhau. Nếu một thực thể rung động hay cảm nhận được điều gì thì thực thể kia cũng nhận thấy ngay lập tức. Điều này tuy vẫn chỉ là một giả thuyết khoa học nhưng cũng có thể dùng để giải thích về sự cảm thông giữa hai người hay quan niệm về Nhân quả.

Phi hành gia Mitchell gật đầu:

- Đúng thế, quan niệm về Nhân quả của Phật giáo rất thích hợp với các lý thuyết khoa học ngày nay. Vật lý đã chứng minh rằng nếu ta ném một vật lên không trung, vật đó sẽ phải rơi xuống vì sức hút của trái đất. Tương tự, một hành động xảy ra cũng sẽ đem lại một kết quả. Bất cứ động lực nào phát ra cũng có một phản lực ngược lại. Ngày nay, tất cả các nhà khoa học đều chấp nhận quan niệm này.

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi cho Hòa thượng Thánh Nghiêm:

- Bạch Hòa thượng, phi hành gia Mitchell vừa giải thích về mối tương quan giữa hai thực thể. Vậy điều này có thể giải thích về nghiệp lực trong thuyết Nhân quả của Phật giáo như thế nào?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Theo Phạn ngữ, Karma có nghĩa là hành động. Bất cứ một hành động nào như cử chỉ (thân), lời nói (khẩu) hay ý nghĩ (ý) cũng đều tạo ra một phản lực hay nghiệp. Tuy nhiên, phải nói thêm rằng

những hành động này phải dựa trên ý thức (consciousness). Do đó, giữa nghiệp (karma) và thức có mối tương quan chặt chẽ với nhau, tương tự như giả thuyết khoa học về sự tương quan lượng tử mà phi hành gia Mitchell vừa trình bày.

Thức thuộc về phạm trù tinh thần. Phật giáo có rất nhiều cách giải thích về thức. Theo phái Duy Thức (Vijnanamatra) thì thức có thể chia thành nhiều phần chi tiết nhưng ta có thể tạm chia thức ra làm sáu phần là: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý, tương ứng với sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và óc. Ngoài ra còn thức thứ bảy hay căn thức (Mạt na thức) và thức thứ tám là tàng thức (A lại da thức).

Nghiệp lực được tạo ra do thức thứ sáu (ý thức) vì nó tạo ra sự phân biệt, do đó còn gọi là phân biệt thức. Chính thức thứ sáu này phân biệt phải trái, tốt xấu, đúng sai v.v… Năm thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) không phân biệt, chỉ là nhận thức các cảm giác, nên không tạo nghiệp.

Khi các cảm giác này diễn ra, thức thứ sáu sinh ra các ý niệm phân biệt và hợp tác với thức thứ bảy hay căn thức (Mạt na thức) để tạo thành nghiệp nhân. Khi một nghiệp nhân xảy ra, nó có thể đem lại một hậu quả ngay trong lúc này hay có thể xảy ra ở một lúc khác. Một nhân có thể tạo ra quả ngay trong đời này hoặc có thể chờ đến đời sau. Tuy nhiên, đã gây nhân gì thì gặt quả đó. Trồng đậu thì được ăn đậu, trồng dưa thì được ăn dưa. Không thể có việc trồng đậu mà lại ra quả dưa được. Nghiệp nhân gây ra trong kiếp này đôi khi được lưu trữ trong thức thứ tám hay tàng thức và tác động ở kiếp sau.

Nói cách khác, từ kiếp sống này qua kiếp sống khác, cái duy nhất được duy trì là nhân, hay chủng tử, được lưu trữ trong tàng thức. Chính thức thứ tám này chứa đựng tất cả chủng tử của nghiệp lực và chúng tiếp tục đi theo mỗi cá nhân như bóng với hình, từ kiếp này qua kiếp khác.

Theo quan niệm của Phật giáo thì sự sống con người được hình thành bằng ba thực thể: sinh lực, hơi ấm và tàng thức. Sinh lực giúp người ta sống, hơi ấm là sự chuyển động của sinh lực tạo ra năng

lượng, và tàng thức ảnh hưởng đến đời sống của mọi người theo luật Nhân quả. Khi sinh lực cạn dần, người ta sẽ già và chết. Khi chết, hơi ấm mất đi và cái cuối cùng ra đi là tàng thức. Nó sẽ dẫn dắt người ta đi vào đời sống ở kiếp khác.

Vì trong đời sống hàng ngày con người tạo nghiệp tốt hay xấu qua hành động, lời nói và ý nghĩ, nên những chủng tử của nghiệp lực này được lưu trữ trong tàng thức. Một số chủng tử hoạt động không ngừng, ảnh hưởng qua bảy thức trên, tạo thành tính tình, năng khiếu, thói quen của một cá nhân vì bất cứ hành động nào (nghiệp nhân) cũng tạo ra những phản lực (nghiệp quả).

Tuy nhiên, một số chủng tử tiềm ẩn trong tàng thức không phát động ngay mà chờ đến thời điểm thuận tiện khác nên con người tiếp tục trải qua kiếp sống này đến kiếp sống khác. Khi có đủ duyên, những chủng tử này phát động theo luật Nhân quả dưới một dạng thức khác. Thể xác có thể là một con người, hay cũng có thể là một con vật do sự dẫn dắt của nghiệp lực.

Theo quan niệm của Phật giáo, kiếp sống hiện nay chẳng phải là kiếp sống đầu tiên hay cuối cùng, mà chúng ta đã sống hàng trăm, hàng triệu kiếp sống trước đây và sẽ có vô số những kiếp sống sau nữa. Kiếp sống con người thì có hạn, kéo dài cao lắm là tám chục hay một trăm năm, nhưng tàng thức thì không bao giờ hết, kéo dài liên tục và đó chính là vòng luân hồi vô tận mà Đức Phật đã chỉ rõ trong giáo lý của Ngài.

Dĩ nhiên các bậc thánh nhân thì khác, vì họ đã được giải thoát khỏi sự chi phối của nghiệp lực. Họ đã biết cách tu hành để chấm dứt vòng sinh tử luân hồi, và đó chính là mục đích tối hậu mà Đức Phật đã nhận ra và truyền dạy cho loài người. Sứ mệnh của Phật giáo là được giải thoát khỏi sự chi phối của vòng Luân hồi.

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi để làm rõ hơn nữa những chia sẻ của Hòa thượng Thánh Nghiêm:

- Bạch Hòa thượng, vậy làm thế nào để hóa giải các nghiệp lực này đây?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Nếu người ta biết cách chuyển hóa thức thứ tám (A lại da thức), biến thức thành trí thì họ sẽ vượt ra khỏi sự kiềm tỏa của nghiệp thức. Điều này đòi hỏi phải có công phu tu luyện, và chỉ có cách duy nhất ấy thôi. Dĩ nhiên, sự tu luyện có nhiều lối, người thích tu Thiền, người thích tu Tịnh, người thích tu Mật v.v… tùy theo căn cơ mỗi người.

Giáo sư Yeh hỏi thêm:

- Hòa thượng đã chia sẻ rất rõ về Nghiệp, Nhân quả và vòng Luân hồi, nhưng là nhà khoa học, ông nghĩ thế nào về việc này, thưa phi hành gia Mitchell?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Đứng trên phương diện khoa học, chúng tôi không có sự giải thích rõ ràng về Nghiệp như Hòa thượng Thánh Nghiêm vừa trình bày. Chúng tôi chưa có một công cụ khoa học nào để giải thích về Nghiệp thức hay chứng minh rằng có một đời sống ở kiếp sau. Chúng tôi có thể vẫn đọc sách và tìm hiểu về quan niệm này, nhưng chúng tôi không thể đo lường hay chứng minh được. Tuy nhiên, tôi đồng ý rằng bất cứ hành động nào cũng tạo ra phản ứng. Do đó, khoa học có thể công nhận quan niệm về luật Nhân quả, nhưng việc lưu trữ những lực này ở một nơi nào đó, rồi để chúng khởi phát vào lúc khác là điều chúng tôi không thể chứng minh trong phòng thí nghiệm.

Theo tôi thì quan niệm về Luân hồi hiện nay vẫn là một điều không thể giải thích bằng khoa học. Chúng tôi biết từ ngàn xưa, mỗi quốc gia, mỗi nền văn minh trên thế giới đều có những niềm tin mà ngày nay khoa học không thể giải thích. Quan niệm đó đúng hay sai, có giá trị hay không, là điều mà khoa học không thể thẩm xét. Do đó, chúng tôi chỉ có thể coi đó là những niềm tin mà thôi. Người ta có thể tin thế này hay thế khác, nhưng không thể chứng minh bằng những dữ liệu trong phòng thí nghiệm được. Tuy nhiên, là người đã

có một trải nghiệm chỉ có thể giải thích trên phương diện tâm linh chứ chưa thể giải thích bằng khoa học, nên tôi có một ý nghĩ khác.

Theo tôi, đức tin tôn giáo và lý thuyết khoa học có thể bổ sung cho nhau và tạo ra những lý thuyết mới, đó là sức mạnh của một kiến thức mới. Phật giáo chủ trương mọi vật đều do nhân duyên tạo thành, từ "Không" biến thành "Có". Khoa học cũng biết rằng khi năng lượng đông đặc lại sẽ kết thành vật chất. Nói cách khác, vật chất chính là do năng lượng hợp thành. Do đó, chúng ta có thể sử dụng giác quan để nhận thức về vật chất, tôi có thể nhìn, có thể sờ nắm vật chất - như cái bàn này hay cái ghế này. Sự hiểu biết về năng lượng và vật chất là một ngành khoa học dựa trên óc thông minh của con người. Chúng ta có thể coi sự thông minh là khả năng nhận biết dựa trên những dữ kiện. Từ đó, chúng ta có thể đưa ra những định luật khoa học mới, hay những danh từ mới, để giải thích về sự tương quan giữa con người và vũ trụ.

Mặc dù khoa học đã tiến triển rất nhiều nhưng vẫn còn nhiều thứ mà chúng ta cần khám phá. Để tìm hiểu thêm về những thứ này, chúng ta cần sử dụng những công cụ khoa học tối tân, những lý thuyết mới, để khám phá thêm và phát triển kiến thức của nhân loại. Biết đâu một ngày nào đó khoa học sẽ có thể giải thích và chứng minh các lý thuyết Phật giáo, và cả hai sẽ bổ sung cho nhau để thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại.

Hòa thượng Thánh Nghiêm tiếp lời:

- Không đơn giản như thế đâu. Tôi muốn nói rõ rằng khoa học và Phật giáo là hai môi trường hoàn toàn khác biệt. Tuy cả hai có một số điểm tương đồng nhưng

khoa học không bao giờ có thể giải thích được những điều thâm sâu diệu vợi của Phật giáo. Tại sao thế? Bởi vì giáo lý của đạo Phật vượt ra ngoài khả năng của ngôn ngữ, vượt ra ngoài nhận thức về mặt tri giác, vượt ra ngoài sự hiểu biết thông thường mà các giác quan đem lại, vì nó là những hoạt động sâu thẳm của trí tuệ chứ không được xây dựng dựa trên sự thông minh.

Khoa học thực nghiệm hoàn toàn được xây dựng dựa trên giác quan của con người, vốn giới hạn. Có rất nhiều thứ mà giác quan không thể nhận biết được. Thí dụ như chúng ta không thể nghe được một số âm thanh có tần số quá thấp hay quá cao. Mắt chúng ta không thể nhìn thấy một số thứ vì chúng rung động ở một tần số khác. Ngay cả suy nghĩ của chúng ta cũng rất giới hạn vì kiến thức chúng ta có hoàn toàn dựa trên những ký ức đã được tích lũy từ trước, hay dựa trên những điều đã được truyền dạy. Suy nghĩ của chúng ta có tính thiên chấp. Từ sự giới hạn này dẫn đến những lý thuyết sai lầm và thành kiến hẹp hòi. Dĩ nhiên, theo thời gian, một số lý thuyết sai lầm sẽ được sửa đổi và thay thế bằng những lý thuyết khác. Khoa học có thể giúp con người phát triển kiến thức và chinh phục được thiên nhiên nhưng làm sao những thứ hữu hạn có thể giải thích những cái vô hạn được?

Khoa học giải thích mọi sự dựa trên ngôn từ nhưng quan niệm của Phật giáo vượt khỏi giới hạn của ngôn từ. Khoa học dựa trên sự suy luận nhưng quan niệm của Phật giáo vượt khỏi những lý luận thông thường, do đó không thể nghĩ, bàn. Nếu không thể diễn tả được bằng các lý luận hay ngôn từ thì làm sao khoa học có thể nghiên cứu những cái vô giới hạn này?

Khoa học thực nghiệm đặt căn bản trên trí thông minh qua khả năng suy luận và phân tích của bộ óc, nhưng quan niệm của Phật giáo không dựa trên sự thông minh của bộ óc, mà đặt căn bản trên một thứ trí tuệ khác gọi là trí tuệ Bát nhã (prajna), nên không thể giải thích bằng trí thông minh được.

Tuy nhiên, sự tiến bộ của khoa học có thể giúp chúng ta hiểu thêm về các định luật bất biến của vũ trụ, mở rộng tầm mắt cho mọi người. Khoa học cũng giúp ích cho sự phát triển của Phật giáo trong tương lai để đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

Giáo sư Yeh hỏi thêm:

- Phi hành gia Mitchell, ông có đồng ý như thế không?

Phi hành gia Mitchell gật đầu:

- Tôi hoàn toàn đồng ý với Hòa thượng Thánh Nghiêm. Hôm nay, chúng ta đã đề cập đến nhiều vấn đề quan trọng. Mặc dù vẫn có một số quan niệm khác biệt, nhưng điều đó không quan trọng. Khi tôi nhìn thấy vẻ đẹp của vũ trụ, tôi cảm nhận được mối tương quan giữa tôi và vạn vật, nhưng tôi không thể đưa ra một phương trình toán học để giải thích sự kiện đó. Tôi cảm nhận được một điều kỳ lạ xảy đến với tôi, nhưng tôi không biết lý giải như thế nào nữa.

Là một nhà khoa học, tôi rất quan tâm đến những hiện tượng không thể giải thích này nên vẫn muốn tìm ra một giải pháp hợp lý hơn. Tôi biết điều này là không dễ. Có thể mất vài chục năm, vài trăm năm nữa để giải thích, hay có thể không bao giờ giải thích được. Tuy nhiên, tôi muốn đưa ra những câu hỏi, và đặt vấn đề về sự tương quan giữa khoa học với trải nghiệm tâm linh để những nhà khoa học sau này tiếp tục nghiên cứu.

Tôi biết rằng sự chết, sự tái sinh, nghiệp lực là những khái niệm hết sức quan trọng cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, vì tôi tin đó là những biên giới mà hiện nay khoa học chưa đạt đến, nhưng trước sau gì chúng ta cũng phải tìm hiểu thêm. Tôi tin rằng theo thời gian, nhân loại sẽ tiến bộ và biết đâu một ngày nào đó sẽ đạt được sự hiểu biết sâu sắc về các quan niệm mà hiện nay họ chỉ coi là niềm tin tôn giáo. Nếu chúng ta không học hỏi và nghiên cứu thì tôi không biết tương lai của nhân loại sẽ ra sao.

Phi hành gia Mitchell cảm thán:

- Khi tôi từ không gian trở về trái đất với một trải nghiệm lạ lùng, tôi thấy mình hoàn toàn khác hẳn. Tôi có thể nhận thức rõ ràng về tình trạng của nhân loại hiện nay. Tôi thấy rõ sự tàn bạo đang gia tăng khắp nơi. Tôi cảm nhận được nỗi đau khổ của những nạn nhân chiến tranh như thể nó xảy ra với chính mình vậy. Tôi thấy rõ những hậu quả mà con người đang gây ra cho trái đất này, chẳng hạn như việc tàn phá môi trường không thương tiếc. Càng ngày con người càng trở nên ích kỷ, tham lam, vô cảm, lãnh đạm, mà không nhìn thấy những hậu quả họ đang gây ra cho chính họ, cho gia đình họ, hay cho đất nước của họ. Do đó, tôi thấy chúng ta cần phải thay đổi những quan niệm lỗi thời từ trước, vượt ra khỏi những tranh chấp

thường tình để hướng đến những gì cao thượng, tốt đẹp hơn. Tiếc thay, hiện nay, chính quốc gia của tôi cũng đang tiếp tay cho ảnh hưởng xấu xa này. Làm sao chúng ta có thể nói là nhân loại đã văn minh hơn trước, đã tiến bộ hơn trước trong khi chúng ta không ý thức gì về những việc chúng ta đang làm?

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi:

- Bạch Hòa thượng, chúng ta chỉ có một kiếp sống rất ngắn. Như phi hành gia Mitchell vừa nói, liệu chúng ta có thể hy vọng rằng sẽ có sự thay đổi trong tương lai gần hay không? Tương lai của nhân loại sẽ ra sao?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Tôi luôn luôn lạc quan về tương lai của con người. Hiện nay đã có hơn bảy tỷ người sống trên trái đất này, tôi tin rằng nếu vẫn có những người biết suy nghĩ như phi hành gia Mitchell đây và họ ý thức được về sự tàn bạo, thù hận, ích kỷ, tham lam... rồi tìm cách nuôi dưỡng lòng từ bi, hướng đến chân thiện mỹ, thì họ có thể tạo ra những ảnh hưởng tích cực lên những người chung quanh. Chừng nào chúng ta còn hy vọng về một tương lai tốt đẹp, thì tương lai đó sẽ diễn ra. Nếu chúng ta tuyệt vọng, và phó mặc cho mọi việc xảy ra, thì thật đáng tiếc.

Tại sao tôi không cảm thấy bi quan? Bởi vì cách đây không lâu tôi có đọc một cuốn sách khoa học đề cập đến thuyết Hỗn độn, trong đó tác giả, cũng là một nhà khoa học, đã sử dụng một thí dụ về ảnh hưởng một cánh bướm nhỏ bé rung động chập chờn tại khu rừng xứ Brazil nhưng lại có thể gây ra một trận cuồng phong lớn ở Texas. Một việc tuy nhỏ nhưng có thể tạo ra những tác động lớn đến không ngờ.

Điều này có thể giải thích cho tình trạng hiện nay. Nếu một người có ý thức và làm những điều thiện lành, dẫu chỉ là việc nhỏ, thì họ cũng có thể tạo ra những ảnh hưởng tích cực, giúp thay đổi những người chung quanh. Nếu nhiều người cùng chung sức làm những việc lành, thì cả thế giới sẽ thay đổi.

Hòa thượng Thánh Nghiêm quay qua các sinh viên đang ngồi dự thính và nhấn mạnh:

- Hiện nay, đa số mọi người đều bận rộn với sinh kế nên họ không ý thức gì về hệ quả của hành động, lời nói và tư tưởng của mình. Họ tiếp tục tạo nghiệp cho mình và cho những người chung quanh. Song, vẫn có người ý thức về tình trạng khủng hoảng đang xảy ra và không ngừng kêu gọi mọi người hãy tỉnh thức, tránh làm những việc ích kỷ, tham lam, thù hận, năng làm những việc tốt lành. Dù chỉ một hay hai người khởi xướng làm việc tốt cũng có thể ảnh hưởng đến những người khác, giống như phi hành gia Mitchell đây. Tôi hy vọng các giáo sư và sinh viên tham dự buổi nói chuyện hôm nay sẽ ý thức hơn về việc làm của mình và phóng tầm mắt lên một bình diện cao hơn như, phi hành gia Mitchell đang cố gắng đề xướng để chấm dứt những tranh chấp thường tình, xu hướng ích kỷ, tham lam hiện tại, nhờ đó chúng ta sẽ có được một tương lai tốt đẹp hơn.

Phi hành gia Mitchell lên tiếng:

- Tôi hoàn toàn tâm đắc với những lời chia sẻ của Hòa thượng Thánh Nghiêm. Đôi khi tôi cũng bi quan, nhưng tôi không muốn như thế.

Giáo sư Yeh nói lời kết cho buổi gặp gỡ:

- Hôm nay chúng ta đã có một buổi nói chuyện thú vị và hữu ích, nhưng chúng ta không thể tiếp tục vì Hòa thượng Thánh Nghiêm còn phải trở về chùa chuẩn bị cho khóa lễ. Thay mặt ban tổ chức, tôi xin cảm ơn Hòa thượng Thánh Nghiêm và phi hành gia Edgar Mitchell, mong rằng trong tương lai chúng ta sẽ có thêm những buổi nói chuyện như thế này.

Trong lúc Hòa thượng Thánh Nghiêm rời giảng đường thì một số sinh viên kéo lên xin được chụp ảnh kỷ niệm với phi hành gia Mitchell. Tôi và Thomas, người bạn của Mitchell, vẫn ngồi dưới hàng ghế khán giả. Trong suốt buổi nói chuyện, ông này vẫn giữ im lặng, nhưng không hiểu sao lúc này ông Thomas quay qua hỏi tôi:

- Anh nghĩ sao về buổi nói chuyện này?

Tôi trả lời rằng tôi rất quan tâm khi nghe Hòa thượng Thánh Nghiêm giải thích về mối tương quan giữa khoa học và Phật giáo, cũng như nêu lên sự khác biệt giữa hai lĩnh vực này.

Ông Thomas gật đầu:

- Nhưng anh nghĩ thế nào về vòng Luân hồi và luật Nhân quả?

Tôi trả lời:

- Tôi hoàn toàn tin tưởng luật Nhân quả và Luân hồi, gây nhân gì thì gặp quả đó. Dĩ nhiên đối với những người chưa quen thuộc với quan niệm này thì có thể đây là một điều khó tin, nhất là những người thiên về khoa học hay những người luôn đòi hỏi phải có bằng chứng rõ ràng.

Ông Thomas tiếp tục hỏi:

- Nếu thế, anh có tin rằng con người có linh hồn không? Sau khi chết, linh hồn này sẽ đầu thai vào một thể xác khác, kiếp sống chứ?

Lần đầu tiên tôi thấy vị doanh nhân vốn luôn giữ thái độ im lặng trầm tĩnh này lại chịu nói nhiều như thế. Hẳn đây phải là một đề tài mà ông quan tâm.

Tôi giải thích:

- Linh hồn chỉ là một danh từ thông thường được sử dụng để gọi tên một cái gì đó tồn tại sau khi thể xác này chết đi. Lúc nãy, Hòa thượng Thánh Nghiêm giải thích rằng theo quan niệm của Phật giáo thì cái duy nhất tồn tại sau khi chết là tàng thức (A lại da thức), một cái kho chứa mọi loại hạt giống (chủng tử), tốt cũng như xấu, mà chính người đó đã gieo.

Một lần nữa, tôi cảm thấy ngạc nhiên khi ông Thomas hỏi tiếp:

- Nếu thế thì theo anh, linh hồn và tàng thức khác nhau như thế nào?

Đây là một câu hỏi khó giải thích rõ ràng nên tôi trả lời vắn tắt:

- Theo sự hiểu biết của tôi thì linh hồn ám chỉ một cái gì đó không thay đổi, di chuyển từ kiếp này qua kiếp khác, giống như một người đi du lịch qua thời gian, qua nhiều kiếp sống. Trong khi tàng thức là một cái gì đó sống động, luôn luôn thay đổi, nó là tập hợp của nhiều chủng tử, được góp lại qua những trải nghiệm trong nhiều kiếp.

Ông Thomas gật đầu như thể tâm đắc với một điều gì đó thú vị:

- Theo như anh giải thích về linh hồn thì sau khi chết, người đó sẽ tái sinh thành một người khác ở kiếp sau. Dù người đó làm gì chăng nữa thì vẫn tái sinh trở lại thành người, vì linh hồn là một cái gì đó bất tử, không thay đổi. Trong khi quan niệm của Phật giáo về tàng thức lại cho rằng tùy hoàn cảnh hay nhân duyên, sau khi chết, một người có thể tái sinh làm người hay súc vật. Anh nghĩ sao về điều này?

Tôi giải thích, dù tin rằng ông Thomas có thể đã biết:

- Đúng thế, tùy nhân duyên tốt hay xấu mà sau khi chết, một người có thể tái sinh thành người hay thành súc vật. Hơn nữa, họ cũng có thể trở thành ma, quỷ hay xuống địa ngục. Do đó, vòng Luân hồi không chỉ giới hạn trong thế giới của loài người mà còn có cõi giới khác nữa.

Ông Thomas mỉm cười, đồng cảm với tôi:

- Hay lắm! Điều anh nói rất thú vị và làm tôi bất ngờ vì có người am hiểu, đồng cảm. Có lẽ chúng ta cần gặp nhau thêm nhiều lần nữa để thảo luận, chia sẻ về đề tài thú vị này. Tôi có những trải nghiệm riêng và muốn tìm hiểu thêm về các kiến thức của Phật giáo về Luân hồi, Nhân quả, duyên nghiệp v.v… Tiếc rằng giờ đây giáo sư Yeh và ông Mitchell đã xong việc. Tôi và ông Mitchell phải trở về khách sạn thu xếp ra phi trường để kịp chuyến bay về New York chiều nay.

Chúng tôi tạm biệt nhau, ông Thomas chủ động trao cho tôi tấm danh thiếp và thiện ý mời tôi nếu có dịp ghé qua New York thì cho ông biết. Tôi cũng lịch sự đáp lại và hứa sẽ liên lạc với ông ấy để trao đổi thêm về đề tài thú vị này.

Tuy nhiên, vì bận rộn với nhiều công việc nên tôi dường như quên hẳn cuộc gặp gỡ và lời hứa này trong nhiều năm.

***

Năm năm sau, vào năm 2013, tôi có dịp tham dự một buổi hội thảo về khoa học ở New York và sau đó đi ăn tối tại một nhà hàng gần khách sạn. Vừa bước vào nhà hàng và đang chờ đợi để được đưa đến bàn ăn thì tôi bất ngờ nghe có tiếng gọi tên mình và thấy ông Thomas cùng vợ đang ngồi tại một bàn gần cửa sổ. Ánh mắt ông lộ vẻ vui mừng khi thấy tôi và lịch sự mời tôi ngồi ăn cùng với vợ chồng ông ấy.

Ông Thomas mở lời:

- Thật bất ngờ được gặp anh ở New York, sao anh đến mà không báo cho tôi biết? May là có duyên gặp anh ở đây, chúng ta đã có lời hẹn và chưa có dịp nói hết câu chuyện tại Đài Bắc năm năm về trước. Anh có muốn chúng ta tiếp tục thảo luận sâu về đề tài này không?

Thật ra lúc đó tôi chưa kịp nhớ về câu chuyện khi trước mà ông vừa nhắc, và cũng ngần ngại vì sự hiện diện của Angie, vợ ông. Có lẽ đoán được ý tôi, ông Thomas trách nhẹ:

- Này anh bạn, anh đã nhất trí rằng chúng ta cần nhiều thời giờ hơn để tiếp tục đề tài còn dở dang này. Hay là anh ghé qua nhà tôi để chúng ta tiếp tục câu chuyện nhé. Anh thấy được không? Anh còn ở đây đến bao giờ?

Đọc được sự chân thành trong ánh mắt Thomas. Dĩ nhiên tôi không thể từ chối một lời mời thật lòng như thế nên đã đồng ý ghé thăm ông ấy vào hôm sau. Ông Thomas căn dặn:

- Anh cho tôi địa chỉ khách sạn và thời gian anh có thể đi, ngày mai tôi sẽ cho người đến đón anh.

Hôm sau tôi dành buổi tối đến nhà riêng của ông. Chúng tôi tiếp tục trao đổi về đề tài Luân hồi, Nhân quả. Buổi nói chuyện đặc biệt này kéo dài trong nhiều giờ, và đến lúc đó tôi khẳng định được là ông Thomas có mối quan tâm đặc biệt đến Luân hồi.

Hôm đó, ông Thomas hỏi:

- Anh nói rằng anh tin vào sự Luân hồi, Nhân quả nhưng đó chỉ là một niềm tin tôn giáo hay còn là điều gì khác nữa? Là một nhà khoa học quan tâm nhiều đến triết học, đến nhiều tôn giáo, nhất là Phật giáo, ngoài niềm tin ra, anh phải có bằng chứng nào đó chứ?

Tôi trả lời:

- Là một nhà khoa học từng nghiên cứu nhiều về Phật giáo, tôi không chỉ đơn thuần tin vào giáo lý của Đức Phật mà đã trực tiếp trải nghiệm, quan sát, kiểm chứng một giai đoạn dài. Tôi đã suy ngẫm, phân tích một cách khoa học về những lời dạy của Ngài trong khá nhiều năm và thấy nó rất hợp lý và giải thích được vì sao nó trở thành một chân lý. Do đó, đây không chỉ là một niềm tin thuần túy, dù ngày nay đạo Phật đã có nhiều biến tướng không còn nguyên bản - ngay ở những nước Á Đông - mà không ít người đã nhận ra nhiều người không tốt đã dùng đạo Phật, chùa chiền, tín ngưỡng Phật giáo để trục lợi và phục vụ cho mục đích, lợi ích riêng của họ. Trở lại với bằng chứng Luân hồi, đã có rất nhiều bằng chứng về sự tái sinh trong các kiếp sống như trường hợp của Edgar Cayce, một nông dân tại tiểu bang Kentucky với học vấn chưa quá bậc trung học. Chỉ qua một cơn bạo bệnh mà ông ấy đã nhớ lại kiếp sống trước kia, kiếp sống mà ông là một thầy thuốc. Không những thế, từ đó ông có thể chẩn bệnh, chữa bệnh chính xác hơn những y bác sĩ đương thời. Ông đã để lại nhiều tài liệu y học giá trị mà hiện nay nhiều trường đại học y vẫn đang nghiên cứu và áp dụng.

Ông Thomas mỉm cười và gật đầu đồng ý:

- Tôi có đọc qua một số tư liệu về trường hợp Edgar Cayce. Đây thực sự là một trường hợp đặc biệt về Luân hồi, nhưng chắc còn những trường hợp khác nữa chứ?

Tôi nói tiếp:

- Nếu không hoàn toàn tin tưởng vào vòng Luân hồi thì có thể giải thích sao về trường hợp của những đứa trẻ với năng khiếu đặc biệt mà chúng ta thường gọi là thần đồng? Chắc ông cũng biết Mozart soạn nhạc từ năm lên bốn và chủ trì các buổi hòa tấu từ năm lên tám. Tuy còn rất nhỏ nhưng Mozart đã có thể soạn nhạc cho hàng chục loại nhạc khí khác nhau chỉ trong vài ngày mà không hề qua một lớp dạy nhạc nào. Beethoven cũng thế, ông ấy bắt đầu soạn nhạc từ lúc mới lên ba và có thể sử dụng hàng chục loại nhạc khí khác nhau. Ai đã dạy những đứa trẻ này như thế nếu không phải họ đã trải qua rất nhiều kiếp sống từng học và am hiểu sâu về âm nhạc?

Hẳn ông cũng biết Galileo vừa là một nhà toán học, vừa là một nhà thiên văn học đã đưa ra bằng chứng về quỹ đạo của các hành tinh từ khi còn bé. Ông ấy đã vẽ bản đồ vũ trụ với những hành tinh mà khi đó kính viễn vọng còn chưa được phát minh ra. Ngay cả những nhà khoa học thông thái thời bấy giờ chưa mấy ai biết về những hành tinh này. Ai đã dạy cho một đứa bé chưa đầy mười tuổi, chưa học qua bậc tiểu học những kiến thức tuyệt vời như thế, nếu không phải ông ấy đã từng được sinh ra vào những kiếp sống ở những nền văn minh mà nay đã biến mất trên bề mặt địa cầu?

Ông nghĩ sao về một đứa bé mới lên năm như Blaise Pascal có thể giải những bài toán cực kỳ phức tạp, kể cả những phương trình toán làm nhức đầu những bậc thầy về toán khi đó? Khoa học giải thích trường hợp này như thế nào nếu chúng ta không tin rằng con người đã trải qua nhiều kiếp sống và đã từng được dạy bảo, học hỏi trong quá khứ?

Ông Thomas hỏi:

- Anh nghĩ rằng những người này có thể hồi tưởng lại kiến thức mà họ đã trải qua, đã học được ở kiếp trước hay sao? Tại sao những người khác lại không nhớ được gì?

Tôi trả lời:

- Nếu một người được rèn luyện kỹ lưỡng một chuyên môn nào đó và tiếp tục theo đuổi chuyên môn ấy trong nhiều kiếp sống tiếp theo, do những nhân duyên đặc biệt, họ sẽ có thể nhớ lại được những kiến thức tiềm thức này.

Thí dụ như văn hào John Stuart Mill có thể nói, viết thông thạo tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh khi mới lên bốn tuổi mặc dù ông sinh ra ở nước Anh và cha mẹ ông chỉ biết nói tiếng Anh. Không những thế, khi vừa lên tám, ông đã viết hẳn một cuốn sách gần tám trăm trang về lịch sử triều đại các vua chúa La Mã với những niên đại, năm tháng rõ ràng đến từng chi tiết, đến nỗi các nhà sử học phải ngạc nhiên về độ chính xác của nó.

Đi xa hơn vào lĩnh vực văn chương, ta sẽ thấy từ năm lên ba, văn hào Voltaire thuộc lòng những bài luận xuất sắc của các bậc thầy văn chương sống ở thế kỷ trước. Theo quan niệm của Phật giáo thì tất cả những gì mình làm hay suy nghĩ đều được lưu giữ lại trong tàng thức (A lại da thức) dưới hình thức là những chủng tử. Khi nào những chủng tử này phát động đều do những nhân duyên đặc biệt, vượt ngoài sự hiểu biết của chúng ta.

Có lẽ ông cũng thấy, trong cùng một gia đình, cùng cha mẹ, được nuôi dưỡng trong cùng hoàn cảnh như nhau, được giáo dục như nhau nhưng tại sao anh chị em, mỗi người một tính nết, không ai giống ai. Có người thích âm nhạc, có người thích khoa học, có người thích thể thao. Có người mới nghe giảng bài đã hiểu ngay, trong khi người khác học mãi cũng không hiểu gì cả. Tại sao lại có sự khác biệt như thế? Nếu không vận dụng quan niệm về nhân quả thì người ta phải giải thích như thế nào đây? Phải chăng tính tình, nhân cách con người đều chịu ảnh hưởng của cái nhân, hay những chủng tử, đã được gieo trồng trong quá khứ? Một người thợ giỏi vì đã từng hành nghề đó trong quá khứ. Một học sinh thông minh vì đã

học qua môn đó từ trước rồi. Điều này có thể giải thích tại sao có người giỏi toán trong khi người khác có tài về âm nhạc.

Chúng tôi tiếp tục bàn luận về đề tài này đến khuya và cảm thấy rất tâm đắc vì có nhiều ý tưởng trùng hợp. Đến lúc đó tôi thực sự ngạc nhiên khi biết vị doanh nhân này có một kiến thức rất rộng và rất quan tâm đặc biệt về luật Luân hồi. Ông cũng tỏ ra rất cởi mở, khác hẳn lần gặp đầu tiên.

Ông Thomas khẩn khoản mời tôi ghé lại thăm ông mỗi khi có dịp ghé qua New York. Lần này tôi bắt tay ông hứa sẽ ghé thăm ông để tiếp tục đàm đạo về đề tài này. Kể từ lúc đó, chúng tôi đã trở thành bạn thân với nhau.

Nhiều năm sau tôi mới biết lý do tại sao ông Thomas lại quan tâm đến đề tài này, vì ông đã có những trải nghiệm sâu sắc về Luân hồi qua một trường hợp đặc biệt mà ông đã kể lại cho tôi.

***

Vào một ngày cuối thu năm 2016, tôi đến thăm ông Thomas tại căn nhà nghỉ dưỡng của ông ở Colorado. Hôm đó chỉ có hai người, cuộc chuyện trò được bắt đầu với những phát minh khoa học công nghệ hiện đại, ông hỏi tôi:

- Là một khoa học gia chuyên nghiên cứu về công nghệ, anh nghĩ sao về những phát minh công nghệ ngày nay?

Tôi trả lời:

- Ngày nay, khoa học đã phát triển vượt bậc. Công nghệ phát triển nhanh với tốc độ chóng mặt. Một sản phẩm vừa được phát minh ra đã có thể trở nên lỗi thời vì ngay sau đó đã có sản phẩm khác mới hơn xuất hiện. Một lý thuyết mới vừa được đề xướng đã có những lý thuyết khác được đưa ra, thay đổi lý thuyết đó.

Ông Thomas lắc đầu tỏ vẻ không tán đồng:

- Nếu công nghệ phát triển nhanh như anh nói thì chúng ta cần xem xét cẩn thận ảnh hưởng của nó trong thời đại này, rồi tự hỏi xem liệu chúng ta có đi quá trớn hay không. Tuy khoa học đã đạt được những bước tiến lớn và đây được coi là điều tốt, nhưng chúng ta cũng cần thận trọng đối với tác động của nó trong tương lai. Tiến trình lịch sử đôi khi lặp lại những sai lầm quá khứ mà chúng ta vô tình không nhận thức rõ hay chưa học được bài học chúng ta cần học.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao ông nghĩ như thế?

Ông Thomas mỉm cười trả lời:

- Anh là người nghiên cứu về công nghệ nhưng có bao giờ anh nghĩ rằng trong sự tiến bộ lại ẩn chứa mầm mống của tai họa không ai ngờ đến không? Thí dụ như việc phát minh ra thuốc súng đã châm ngòi cho những cuộc chiến tranh khốc liệt. Sự tiến bộ của khoa học về nguyên tử đưa đến thảm họa chiến tranh hạt nhân. Hiện tại, anh nghĩ sao về những thiết bị như iPhone mà Apple đang quảng cáo khắp nơi?

Tuy ngạc nhiên về câu hỏi của ông Thomas nhưng tôi cũng rút cái điện thoại iPhone trong túi mình ra:

- Theo tôi thì đây là một phát minh tuyệt vời. Ông xem này, nó vừa là điện thoại, vừa là máy nghe nhạc, vừa là máy ảnh, vừa là máy điện toán có thể giúp ta tìm kiếm tin tức trong vài giây. Tất cả thu gọn vào một vật nhỏ bé có thể đút vừa túi áo. Nếu nó không phải là một phát minh tuyệt vời thì còn gì nữa đây?

Ông Thomas lắc đầu:

- Trên phương diện công nghệ thì đó là một phát minh tuyệt vời, nhưng chúng ta cũng cần xét đến hệ quả của nó nữa chứ. Theo tôi, những thứ này có thể là một tai họa cho nhân loại. Có thể anh không để ý đến đấy thôi, nhưng anh hãy nhìn bọn trẻ mà xem. Thay vì chú

tâm vào việc học, chúng chỉ biết theo dõi mọi thứ qua chiếc iPhone và bị “thôi miên” trong một “thế giới ảo” qua màn hình nhỏ bé này. Những người trẻ ngày nay như đều bị một loại “ma lực” hấp dẫn, rút hết sinh lực và trí thông minh của chúng. Trong tương lai, công nghệ sẽ tàn phá nhân loại vì họ sẽ đánh mất rất nhiều thứ mà thế hệ trước đã xây dựng. Công nghệ là con dao hai lưỡi, nhưng đa số không hiểu rõ điều này. Họ coi đó là văn minh, là tiến bộ mà không biết rằng thế hệ tương lai sẽ phải trả một cái giá rất đắt cho những phát minh mà họ coi là kỳ diệu này.

Những điều ông Thomas nói làm tôi liên tưởng đến việc các sinh viên của tôi ngày hôm nay không còn chăm chỉ học như trước nữa. Nhiều người đến lớp nhưng vẫn bị xao lãng bởi những tin tức trong chiếc iPhone, không chú tâm vào những điều đang được giảng dạy. Tôi thường phải nhắc nhở họ chăm chú nghe bài giảng nhưng chỉ vài phút sau, một số sinh viên lại lén lút rút iPhone ra, lướt Facebook, rồi gửi tin nhắn cho nhau.

Ông Thomas tiếp tục:

- Tệ hơn nữa là những cái như video game. Những thứ này đã dạy cho người trẻ những hành vi kỳ lạ, khác thường, khó lòng tưởng tượng được. Chúng học cách bắn giết, cướp bóc trong những cuộc phiêu lưu của “thế giới ảo”, rồi về sau không còn biết rõ đâu là thật và đâu là ảo nữa. Do đó, chúng sẽ mất đi khả năng phân biệt đâu là đúng, đâu là sai. Từ những đứa trẻ cho đến những thanh niên lớn tuổi, ai ai cũng say mê với những điều nguy hại mà phần lớn chỉ coi là trò chơi vô hại này. Không ai hiểu rằng tuy công nghệ có thể mang đến nhiều lợi ích nhưng chúng cũng tiềm ẩn nhiều mối hiểm nguy. Những người trẻ chưa biết phân biệt, chưa được dạy bảo cẩn thận nên dễ dàng trở thành nạn nhân của thứ “ma lực” này. Chúng dán tai, dán mắt vào chiếc điện thoại nhỏ bé và quên đi tất cả mọi sự xảy ra chung quanh, bởi vì chúng chỉ biết sống trong “thế giới ảo” mà thôi. Có những đứa trẻ quên ăn, quên ngủ và sống trong “thế giới ảo” này, do đó chúng không thể trưởng thành, không có trách nhiệm với thế giới chung quanh, trở nên dửng dưng vô cảm, vì đầu óc của chúng đã bị “thôi miên” rồi.

Tuy có phần đồng ý với nhận xét của ông Thomas, nhưng tôi cũng góp thêm vài lời để bào chữa:

- Khoa học công nghệ đã giúp ích cho con người rất nhiều. Chúng ta cần có cái nhìn cởi mở với những phát minh trong nhiều lĩnh vực, thay vì quy tội cho chiếc iPhone.

Ông Thomas bật cười:

- Khoa học công nghệ hiện nay còn nhiều thiếu sót cần phải bổ túc thêm. Người ta không thể dạy khoa học kỹ thuật mà không đề cập đến đạo đức hay bổn phận của những người có trách nhiệm làm việc trong đó. Khoa học mà không có lương tâm, công nghệ mà không có trách nhiệm thì chỉ mang lại thảm họa cho nhân loại sau này.

Ông Thomas cảm thán:

- Với tốc độ phát triển quá nhanh, với thị trường tiêu thụ khổng lồ, với số thu nhập quá cao, người ta khó có thể kìm hãm được đà phát triển của những sản phẩm này, từ đó dẫn đến những lỗi lầm khó sửa. Tôi không lên án khoa học hay công nghệ, tôi chỉ muốn nói rằng điều chúng ta cần làm là phát triển khả năng phân biệt đúng sai, tốt xấu và sử dụng trí tuệ để biết rõ những hậu quả chúng ta có thể tránh được.

Ông Thomas im lặng một lúc như để hồi tưởng về một điều gì đó, rồi nói tiếp:

- Anh có biết rằng điều này đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ rồi không? Vì thiếu ý thức nên con người đã để cho những sản phẩm có “ma lực” này rút hết sinh lực của họ. Đa số mọi người trở nên thụ động, quên đi tất cả mọi sự chung quanh. Họ không còn sống với sự tỉnh thức nữa mà đã trở thành những cỗ máy hoàn toàn vô cảm trước hoàn cảnh xã hội. Họ chỉ biết nghĩ đến mình và trở nên ích kỷ, tham lam, tàn bạo không khác gì loài vật. Theo thời gian, nhân loại sẽ mất đi khả năng nhận xét hay hiểu biết, vì những thứ được gọi là “công nghệ” này sẽ kết nối vào bộ óc của họ, làm tê liệt cơ quan

này, khiến con người không còn biết suy nghĩ mà trở thành một kiểu người sống không ra sống, chết không ra chết, hoàn toàn thụ động theo mệnh lệnh của cái “ma lực” kia.

Nếu không ý thức rõ ngay từ lúc này, sự thông minh của chúng ta sẽ dần dần bị thay thế bởi những hiện tượng tâm thức “máy móc” mà chúng ta cho là tiến bộ. Chúng ta phải biết phân biệt giữa bộ óc thông minh (intelligence) và trí tuệ nội tại (wisdom). Thông minh mà thiếu trí tuệ sẽ đưa con người vào những nhận xét mê lầm. Khi đó, con người sẽ trở thành những cỗ máy, những “xác sống”. Bộ óc không biết suy nghĩ sẽ dễ dàng bị kiểm soát để làm những việc phi nhân tính. Trong tương lai, nếu không biết sử dụng bộ óc để phân biệt phải trái, đúng sai, con người sẽ trở thành những cỗ máy chỉ biết làm những gì được sai khiến.

Ông Thomas ngừng lại như để cho tôi suy nghĩ về điều ông nói, rồi tiếp tục với lời lẽ xúc động:

- Là nhà khoa học về công nghệ, anh có thể nghĩ rằng tôi là người không am hiểu về sự tiến bộ của khoa học ngày nay, nhưng anh có biết tôi đã từng sống trong hoàn cảnh tương tự từ hàng ngàn năm trước rồi không? Tôi đã trải nghiệm nhiều điều mà ngày nay tuy chưa xảy ra nhưng rồi sẽ xảy ra, và tôi hiểu rõ hậu quả của nó. Hiện nay anh cũng biết, với sự tiến bộ của khoa học, người ta có thể ghép những tế bào của động vật vào cơ thể con người, hay đặt vào cơ thể con người những thiết bị gọi là “trí tuệ nhân tạo” khiến họ phát triển những khả năng mà người thường không thể làm được. Anh có thể coi đó là người hay là “nửa người, nửa siêu nhân” (cyborg) cũng được. Anh có biết hệ quả của việc này là thế nào không?

Hiện nay thế giới đang trải qua giai đoạn hỗn loạn, xáo trộn, mà thật ra thì mọi quốc gia đều đang gánh chịu những nghiệp quả mà họ đã gây ra trong quá khứ. Mỗi quốc gia, cũng như mọi cá nhân, đều có những nghiệp quả riêng do những nhân mà họ đã gây ra. Cá nhân thì có “biệt nghiệp” riêng của từng người, nhưng quốc gia thì có “cộng nghiệp” mà tất cả những người sống trong đó đều phải trả. Chu kỳ “thành, trụ, hoại, diệt” như anh đã biết là thứ mà mỗi người,

mỗi quốc gia, đều không thể tránh khỏi. Ngay như trái đất cũng thế, nó cũng phải trải qua thời gian được hình thành, phát triển, rồi suy thoái và tàn lụi. Tuy nhiên, đời người thì ngắn, còn sự thay đổi của một quốc gia hay một nền văn minh thì kéo dài lâu hơn nên không mấy ai ý thức được điều này. Nếu nhìn vào lịch sử, anh có thể thấy những nền văn minh phát triển cực thịnh rồi suy tàn như Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, gần đây Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Đức, Ý cũng đang trên đà suy thoái, và không biết chuyện gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Tôi lặng người một hồi lâu. Tôi thật không ngờ một người vốn ít nói như ông Thomas lại hùng hồn với những nhận xét sâu sắc đến thế. Điều ông nói cũng là điều mà tôi đang trăn trở bấy lâu nay. Trong cuộc nghiên cứu về trí thông minh nhân tạo (AI) và học máy (machine learning), tôi đã bàng hoàng khi thấy những con robot thông minh trong phòng thí nghiệm tại Đại học Carnegie Mellon nơi tôi làm việc, có thể làm được những điều mà chúng tôi không ngờ. Khi tôi cài những thuật toán học máy phức tạp vào những con robot này để chúng chơi cờ vua với nhau, chúng đã có thể học và tính hàng trăm nước cờ để thắng đối thủ. Điều mà tôi và các giáo sư tại đây không ngờ là những con robot "vô tri giác" này lại có thể tìm cách lừa nhau để thắng cuộc – không phải bằng việc đoán trước nước cờ của đối thủ, mà tìm cách lừa bịp lẫn nhau và đây là điều chúng tôi không hề lập trình cho chúng. Sự tiến bộ của trí thông minh nhân tạo đã vượt ra khỏi tầm kiểm soát của chúng tôi.

Tôi gật đầu đồng ý:

- Ông nói đúng đó, phần lớn những khoa học gia như chúng tôi vẫn đang chìm đắm trong những ảo tưởng về sự tiến bộ của khoa học nhưng không mấy ai nghĩ đến những hậu quả trong tương lai. Hiện nay, một số phụ huynh đã bắt đầu đặt vấn đề về việc trẻ em nghiện Internet, video game; và một số khoa học gia cũng

lưu ý đến việc phát triển quá nhanh của trí thông minh nhân tạo nhưng chưa ai tìm được giải pháp hợp lý cho tình huống này. Nhưng ông vừa nói rằng ông đã trải qua kinh nghiệm này trong quá khứ, vậy câu chuyện là thế nào?

Ông Thomas im lặng suy nghĩ, rồi ôn tồn trả lời:

- Thật tình tôi cũng không muốn nói ra điều này. Nhưng khi xưa, tôi rất tâm đắc khi nghe Hòa thượng Thánh Nghiêm nói rằng chỉ cần một số người ý thức làm những việc thiện lành, dù là việc nhỏ, họ cũng có thể tạo ra ảnh hưởng tích cực, có thể đem lại sự thay đổi lớn. Nếu một cánh bướm nhỏ có thể tạo ra một trận cuồng phong thì việc chia sẻ những trải nghiệm của tôi qua những kiếp sống cũng có thể giúp nhiều người hiểu biết về những quy luật bất biến trong vũ trụ, và biết đâu họ sẽ nhận ra điều gì đó để thay đổi. Khi trước chúng ta đã bàn luận rất nhiều về Luân hồi và Nhân quả, nhưng tôi chưa nói rõ cho anh biết tại sao tôi lại quan tâm đến việc này. Nhân buổi nói chuyện ngày hôm nay, tôi có thể chia sẻ với anh về những kiếp sống của tôi trong quá khứ.

Tôi lặng người nhìn ông Thomas. Ông dừng lại một lúc như để cho tôi suy nghĩ. Tuy ngạc nhiên nhưng tôi vẫn giữ im lặng, không muốn cắt đứt dòng tư tưởng của người bạn này. Ông Thomas đắm chìm trong suy tư một lúc khá lâu, rồi nói:

- Điều tôi chia sẻ sau đây chỉ là trải nghiệm của tôi qua những kiếp sống trước kia mà thôi. Dĩ nhiên anh có thể tin hoặc không tin, tùy theo sự hiểu biết của anh.

Trong thế giới khoa học quay cuồng ngày nay, dĩ nhiên khó ai tin được những điều kỳ lạ mà ông Thomas đã kể cho tôi ngày hôm đó. Có nói ra thì hầu hết mọi người sẽ cho rằng đó chỉ là sự tưởng tượng, do đó tôi không có ý định chia sẻ câu chuyện được nghe với ai mà chỉ giữ riêng cho mình.

Tôi đã thấy một người nổi tiếng như phi hành gia Edgar Mitchell khi đề xướng việc nghiên cứu các hiện tượng tâm linh, các quy luật vũ trụ ẩn tàng trong thiên nhiên, sự hiện hữu của sinh vật ngoài hành tinh, sự tương quan giữa vũ trụ và con người mà còn bị dư luận truyền thông chỉ trích thì mấy ai tin được những chuyện về tiền kiếp hay luân hồi?

***

Khi anh Nguyễn Văn Phước, người sáng lập Công ty Văn hóa Sáng tạo Trí Việt - First News trao đổi về những kiến thức tâm linh trong những cuốn sách tôi đã phóng tác, viết lại từ nhiều năm về trước, tôi vô tình nhắc đến câu chuyện đó, anh Phước đề nghị tôi nên chia sẻ câu chuyện thú vị này với độc giả Việt thông qua một cuốn sách. Lúc đầu, tôi rất ngại vì đã không viết về những đề tài này trong nhiều năm. Tôi đã dự định gác bút, kể cả việc viết về các đề tài liên quan đến công nghệ. Tuy nhiên, với sự khích lệ và nguồn cảm hứng từ anh Phước khi anh tin tưởng câu chuyện từ những nhân vật có thật này sẽ có thể giúp đỡ cho nhiều người về mặt tinh thần - tôi đã liên lạc với ông Thomas để hỏi xin ý kiến về việc viết một cuốn sách kể về các trải nghiệm tiền kiếp của ông. Thoạt đầu tôi đã nghĩ ông Thomas có thể sẽ không chấp thuận, vì câu chuyện của ông quá đặc biệt và riêng tư. Nhưng bất ngờ thay ông đã đồng ý, với một điều kiện duy nhất là không để tên tuổi thật của ông và những người có liên quan trong những câu chuyện này. Ông nói: “Anh có thể viết và chia sẻ những điều này với những người bạn của anh nhưng không nên để tên thật của tôi trong đó. Tôi không muốn trở thành đề tài cho dư luận bàn ra tán vào”.

Tôi biết ông Thomas là một doanh nhân nổi tiếng và thành công trên thị trường tài chính New York. Những cộng sự, đồng nghiệp và bạn bè của ông đều là những nhân vật tên tuổi trong xã hội nước Mỹ và thế giới hiện nay. Hiển nhiên không ai muốn trở thành đề tài cho những tờ báo lá cải hay các trang mạng xã hội đàm tiếu.

Trong mấy năm qua, tôi bay đến New York gặp ông Thomas nhiều lần để ghi kỹ lại về những câu chuyện tiền kiếp lạ thường của ông. Chúng tôi nói chuyện với nhau một cách rất khẩn trương nhưng thân mật, tự nhiên để ông có thể chia sẻ sâu và chi tiết hơn về những trải nghiệm tiền kiếp của mình. Lúc đầu, chúng tôi không đi theo thứ tự nào vì đây không phải là một cuộc phỏng vấn hay để viết một cuốn hồi ký. Tôi ghi chép lại tất cả những chi tiết quan trọng, rồi hệ thống lại những thông điệp trong câu chuyện của ông. Tôi cũng trao đổi liên tục với ông trong quá trình viết, để ông góp ý và biên tập, chỉnh sửa kỹ lưỡng hơn, đúng theo những gì ông muốn truyền đạt.

Sau đó, ông đề nghị: “Theo tôi thì chúng ta nên thay đổi vài chi tiết trong đó, viết lại theo thứ tự thời gian, để có thể trở thành một cuốn sách sinh động chứ không phải chỉ là những mẩu đối thoại liên tục giữa chúng ta. Đây không phải là tài liệu nghiên cứu hay một cuộc phỏng vấn dài với những câu hỏi và trả lời”. Và ông khẳng định sau một lúc trầm ngâm: ”Đây sẽ là một cuốn sách đặc biệt!”.

Vì thế tôi chỉnh sửa lại theo thứ tự thời gian, qua các kiếp sống, theo dòng lịch sử, và viết ”văn học hóa” một số chi tiết, câu chuyện để trở thành một cuốn sách lôi cuốn, chuyển tải những thông điệp quan trọng chứ không chỉ là tổng hợp các tư liệu. Tôi mong các bạn đọc xong cuốn sách cũng đồng ý như thế, và nếu có sơ suất gì, xin hãy lượng thứ bỏ qua.

Và sau đây là câu chuyện của ông Thomas.

# *Phần một*
# COLORADO CUỘC GẶP TIỀN ĐỊNH

---

Hôm đó, tôi - Thomas - đang làm việc thì Angie, vợ tôi, bước vào với tờ quảng cáo trên tay:

- Em vừa tìm thấy một căn nhà nghỉ dưỡng đang rao bán ở Colorado. Xem hình ảnh thì thấy nó đúng như ý anh muốn. Anh có muốn đi xem không?

Tôi liếc vội qua tờ quảng cáo. Quả thật đó là một căn nhà rất đẹp, tọa lạc trên một ngọn đồi nhìn xuống hồ nước trong xanh, chung quanh cây cối um tùm, trông rất thanh bình. Đã từ lâu tôi đã có ý định tìm mua một căn nhà nghỉ dưỡng trên núi thuộc vùng Colorado, nhưng không thích những thành phố đông đúc đầy du khách như Vail hay Colorado Spring mà chỉ muốn tìm một nơi thật yên tĩnh, vắng vẻ, gần gũi thiên nhiên. Là chủ của một công ty tài chính lớn đang phát triển, tôi cần có một căn nhà nghỉ dưỡng yên tĩnh để có thể thư giãn khi cần thiết. Tôi đã đi xem nhiều nhà nghỉ dưỡng ở khắp nơi, từ New England, Maine, đến Florida, Arizona nhưng không nơi đâu tôi thích bằng Colorado với rặng Rocky uy nghi, cao lớn sừng sững.

Tôi nói với Angie:

- Hiện nay anh đang bận, em cứ đi xem trước, thấy được thì mua. Em gọi Charles cho mang phi cơ đến để đi cho nhanh. Nếu cần thì rủ Andrew hay Connie cùng đi với em cho vui.

Charles là quản gia của gia đình. Andrew và Connie là đôi vợ chồng trẻ, tuy làm dưới quyền tôi nhưng chúng tôi vẫn coi họ như con vì chúng tôi không có con cái.

Angie nói đùa:

- Không có anh thì làm sao em quyết định được? Nếu mua mà không đúng như ý anh thì sao?

Tôi liếc qua tờ quảng cáo với những con số, rồi bật cười:

- Nếu em thấy được thì cứ mua. Giá như vậy thì có sao đâu.

Angie cũng bật cười vì thường mọi công việc chi tiêu trong gia đình, ít khi nào tôi để ý đến. Sở hữu một công ty lớn trị giá hàng trăm triệu đô-la, con số vài trăm ngàn cho căn nhà nghỉ dưỡng không phải là số tiền tôi phải quá bận tâm.

Khi Angie vừa ra khỏi phòng, tôi gọi điện ngay cho Charles:

- Anh gọi phi công lấy phi cơ riêng đưa nhà tôi đi Colorado nhé. Tôi nghĩ Angie đã tìm được một căn nhà thích hợp rồi. Nếu Angie thấy được thì gọi ngay cho Brian biết để làm thủ tục.

Brian là luật sư riêng của gia đình, rất thành thạo trong mọi công việc, kể cả vấn đề tài chính. Thấy thái độ của Angie, tôi biết nàng đã ưng ý ngôi nhà. Một khi Angie thích thì không có lý do nào để tôi từ chối.

Chiều hôm đó, tôi nhận được điện thoại của Angie:

- Anh ơi, căn nhà đẹp lắm, đẹp hơn em nghĩ nhiều. Em thích vô cùng. Connie cũng nói rằng đó là căn nhà tuyệt vời. Có đầy đủ tiện nghi, đã được tân trang cẩn thận. Chung quanh nhà rất yên tĩnh. Căn nhà gần nhất cũng cách đó khá xa nên không lo ai nhòm ngó hay quấy rầy chúng ta nghỉ ngơi. Anh nghĩ sao?

Tôi bật cười và hỏi đùa:

- Căn nhà tốt như vậy liệu chúng ta có mua nổi không?

Angie cũng cười theo:

- Em đã gọi cho Brian để thu xếp mua căn nhà này. Có lẽ mọi việc sẽ hoàn tất vào tuần sau. Bao giờ anh có thể qua xem căn nhà này đây?

Tôi nhìn vào tờ ghi chép thời gian biểu làm việc trên bàn chằng chịt những buổi họp, rồi nói:

- Hiện nay anh rất bận, nhưng sau khi giấy tờ hoàn tất, anh sẽ qua đó xem.

Đó là một ngày cuối thu, thời tiết bắt đầu chớm lạnh nhưng Angie cứ giục tôi phải đi xem căn nhà nghỉ dưỡng mới mua. Tôi đã từ chối mấy lần vì bận việc. Từ nhiều tuần trước, Angie và Connie đã bay qua đó để sắm sửa và trưng bày đồ đạc cho căn nhà này.

Angie nói:

- Thế là đến Giáng sinh năm nay anh có thể mời bạn bè về đây ít hôm. Chúng ta không cần phải đi nghỉ dưỡng ở đâu xa nữa. Căn nhà này có sáu phòng ngủ tiện nghi, đủ cho vợ chồng Andrew, vợ chồng Brian, vợ chồng Charles và cả Andy nữa.

Những người này đều là những nhân viên thân tín đắc lực của tôi trong nhiều năm. Mỗi năm tôi đều rủ họ đi nghỉ dưỡng chung, vừa có dịp nghỉ ngơi thư giãn vừa có thể bàn tính công việc cho năm sau.

Chiều hôm đó, tôi nhận điện thoại của Andrew nói rằng cuộc họp cuối tuần đã bị hủy bỏ vì khách hàng bất ngờ phải đi xa. Andrew khuyên:

- Đây là dịp để ông đi xem căn nhà nghỉ dưỡng. Bà Angie đã chờ đợi lâu rồi. Nếu bằng lòng, tôi sẽ gọi Charles chuẩn bị phi cơ cho ông bà.

Tôi suy nghĩ rồi trả lời:

- Không cần đâu, tôi sẽ tự lái phi cơ. Tuần qua phi công đã làm việc nhiều rồi, cậu ấy cũng cần nghỉ ngơi.

Chiếc Cessna Citation là phi cơ riêng của chúng tôi và tôi cũng có bằng lái máy bay nên chỉ vài giờ sau chúng tôi đã có mặt tại Colorado. Lần này vì không có nhân viên đi theo nên tôi phải thuê một chiếc xe để lái. Khi vừa khởi hành thì trời đổ tuyết khiến trục giao thông bị tắc nghẽn. Sau gần hai tiếng đồng hồ, chúng tôi mới rời khỏi xa lộ chính để đi vào con đường nhỏ dẫn lên núi. Lúc đó trời đã nhá nhem tối. Càng lên cao, tuyết càng trút xuống dày, phủ trắng xóa con đường. Đi được một quãng thì hệ thống chỉ đường GPS không còn hỗ trợ được, vì căn nhà không nằm trên đường giao thông chính.

Angie vừa nhìn đường vừa chỉ cho tôi rẽ vào những con đường nhỏ ngoằn ngoèo dẫn lên núi. Càng đi xa, tuyết càng đổ xuống nhiều hơn, ngập hết lối đi nên rất khó nhìn. Xe chạy được một lúc thì sụp xuống một hố trũng bên lề đường. Mặc dù tôi đã cố gắng nhưng chiếc xe vẫn không nhúc nhích.

Angie than:

- Biết thế chúng ta cứ vào khách sạn nghỉ ngơi chờ đến sáng. Tình trạng này chắc chúng ta phải ngủ qua đêm trên xe rồi.

Tôi khoác vội chiếc áo ấm rồi bước ra khỏi xe để định hướng, nhưng chung quanh cảnh vật tối đen, không thấy gì hết. Tôi cố gắng vận toàn lực để đẩy chiếc xe lên khỏi miệng hố nhưng vô hiệu.

Trong lúc đang thất vọng, tôi bỗng thấy một ánh đèn ở xa đang từ từ tiến đến gần, rồi một người đàn ông cao lớn cầm chiếc đèn pin bước đến:

- Chắc ông bà lạc đường rồi. Tôi nghe tiếng máy xe rú lên nên bước ra xem. Ông bà có cần giúp đỡ gì không?

Angie mừng rỡ trả lời:

- Chúng tôi vừa mua căn nhà gần đây, chủ nhà cũ tên là Hart nhưng hiện nay chúng tôi không tìm được lối vào.

Người đàn ông lạ gật đầu:

- Thì ra là thế! Tôi biết nhà ông Hart. Ông bà đi lạc đường rồi. Đáng lẽ phải rẽ trái ở khúc quanh ngay bìa rừng nhưng ông bà đã đi quá xa rồi.

Nhìn thấy vẻ bối rối của tôi bên cạnh chiếc xe bị sụp hố, ông nói tiếp:

- Trời đã tối rồi, chiếc xe của ông cũng không đi được. Nếu ông bà không ngại thì hãy ghé vào nhà tôi nghỉ qua đêm nay. Ngày mai tôi sẽ đem xe trục đến kéo lên. Hiện trời đã tối mà tuyết lại rơi nhiều thế này.

Tôi chưa kịp nói gì thì Angie đã vui vẻ nhận lời ngay. Chúng tôi mang hành lý theo chân người đàn ông đến một căn nhà nằm khuất dưới rặng thông phủ đầy tuyết. Chủ nhân mời chúng tôi vào nhà. Dưới ánh sáng của ngọn đèn, tôi nhận ra đó là một người gốc Ấn Độ, hay Trung Đông, với hàm râu quai nón rất rậm. Vì lý do nào đó, tôi thấy ông ta trông rất quen mặc dù tôi không nhớ đã gặp người này ở đâu.

Vị chủ nhân lịch sự dẫn chúng tôi vào một căn phòng riêng:

- Ông bà có thể dùng căn phòng đó, nếu không ngại, xin mời ông bà dùng bữa tối với tôi.

Angie hồn nhiên nhận lời ngay:

- Cảm ơn ông, thật quý quá, vì từ sáng đến giờ chúng tôi chưa có gì vào bụng.

Sau khi sửa soạn xong, chúng tôi bước vào phòng ăn thì vị chủ nhân đã chờ sẵn trước bàn ăn đơn giản toàn trái cây tươi. Angie

đưa mắt nhìn quanh căn phòng rộng lớn với những bức tranh trông lạ lùng:

- Ông ở một mình sao?

Vị chủ nhân khẽ gật đầu:

- Vâng, tôi sống một mình.

Chúng tôi ngồi vào bàn. Vị chủ nhân lên tiếng:

- Tôi rất tiếc vì không kịp chuẩn bị các món khác. Bình thường tôi chỉ ăn trái cây…

Angie nhanh nhẹn:

- Cảm ơn ông, thế cũng tốt rồi. Tôi cũng thích trái cây hơn những thứ khác.

Tôi quan sát vị chủ nhân, ông ta có một vẻ gì đó rất quen thuộc trong tiềm thức mà tôi không nhớ đã gặp ở đâu. Tôi là người có trí nhớ rất tốt, gần như gặp ai tôi cũng có thể nhớ tên người đó. Làm việc trong lĩnh vực thương mại nhiều năm, tôi có thói quen ghi nhớ tên tuổi những người mà tôi giao thiệp. Trong khi Angie và vị chủ nhân trò chuyện thân mật, tôi cố gắng đào bới trí nhớ để tìm kiếm nhưng không sao nhớ được. Bất chợt vị chủ nhân hình như đoán được điều tôi đang nghĩ, quay qua tôi và tự giới thiệu:

- Xin lỗi ông bà, tôi quên chưa giới thiệu về mình. Tên tôi là Ramakrishnan, nhưng ông bà có thể gọi tôi ngắn gọn là Kris cho dễ nhớ.

Chúng tôi cũng tự giới thiệu về bản thân. Ông Kris mỉm cười đưa ly nước cam lên:

- Rất hân hạnh được quen biết ông bà.

Trong lúc chúng tôi cũng đưa ly nước cam lên như cử chỉ xã giao thì tôi nhìn thấy ngón tay của ông Kris có đeo một chiếc nhẫn hình con

bọ hung, khảm một viên hồng ngọc đỏ sẫm. Chiếc nhẫn có một điều gì đó khiến tôi cảm thấy quen thuộc một cách kỳ lạ. Tôi chăm chú nhìn người đàn ông có hàm râu quai nón này. Ông ta có một cặp mắt rất sáng thể hiện một nội tâm, hiểu biết phong phú. Cử chỉ của ông chậm rãi, điềm đạm nhưng vẫn toát lên vẻ oai nghi lạ lùng. Tôi đã gặp nhiều vị nguyên thủ quốc gia, những nhà quản lý công ty lớn, những người lãnh đạo cao cấp nhưng chưa thấy ai có vẻ sang trọng, oai nghi như người này.

Angie là người hồn nhiên, thích xã giao, gần như gặp ai nàng cũng có thể nói chuyện dễ dàng trong khi tôi thích suy ngẫm và ít nói. Các bạn tôi vẫn nói rằng chúng tôi là cặp vợ chồng đẹp đôi. Nếu cần gì thì Angie nói, nhưng nếu tính toán cái gì thì tôi mới là người quyết định.

Trong khi Angie và vị chủ nhân tiếp tục câu chuyện trên bàn ăn, tôi đưa mắt nhìn quanh căn nhà có những bức họa vẽ các ký hiệu ngoằn ngoèo lạ lùng. Tuy tôi không biết nhiều về nghệ thuật nhưng vẫn có thể phân biệt được các trường phái hội họa của những nghệ sĩ đương thời như Picasso, hay Dali. Tuy nhiên, những bức họa này lại khác hẳn những bức họa thông thường, chúng có những đường nét trông như thư pháp mà không phải là thư pháp. Trong công ty của tôi cũng có treo mấy bức thư pháp của các danh gia Nhật Bản và Trung Hoa do chính thân chủ tặng làm kỷ niệm. Tuy nhiên, những bức họa ở đây có những đường nét khác hẳn các bức thư pháp kia.

Thấy tôi chú ý đến bức tranh, ông Kris mỉm cười:

- Ông thấy những bức họa này thế nào? Hình như ông thích nghệ thuật?

Tôi chưa kịp trả lời thì Angie đã chỉ vào một bức tranh và nói ngay:

- Em nhận ra rồi, đó là những dòng chữ tiếng Phạn. Đó là chữ “Om”, có phải không ạ?

Vị chủ nhân gật đầu:

- Phải rồi, chính là chữ Phạn, bà nói đúng đó. Chữ đó là “Om”.

Angie reo lên vui sướng:

- Tôi có thấy những chữ giống như thế treo ở phòng tập Yoga.

Vị chủ nhân mỉm cười:

- Thì ra bà cũng tập Yoga.

Angie gật đầu:

- Hàng tuần tôi đều đi tập Yoga với các bạn. Đó là một hình thức thể dục để duy trì sức khỏe. Ngoài ra tôi cũng tập thiền nữa.

Không muốn câu chuyện đi quá xa, tôi hỏi:

- Thì ra đó là chữ Phạn, nhưng tại sao phòng tập Yoga lại treo chữ này? Tại sao họ không treo những bức tranh khác đẹp hơn?

Ông Kris bật cười:

- Có lẽ đó chỉ là một hình thức trang trí. Yoga xuất phát từ Ấn Độ, nên treo chữ Phạn lên đó cũng là một hình thức quảng cáo…

Angie lắc đầu:

- Không đâu, thầy dạy Yoga của tôi nói rằng đó là một chữ hết sức linh thiêng và khi thiền định phải tập trung tư tưởng vào đó.

Ông Kris gật đầu nói:

- Thì ra thế! Vậy bà thấy gì khi tập trung vào chữ đó?

Angie lúng túng:

- Tôi chẳng thấy gì hết. Đó chỉ là một phương pháp để giữ cho tư tưởng không chạy loạn xạ mà thôi. Tuy nhiên, bạn tôi, Connie, lại nói

rằng cô ấy thấy nó phát ra ánh sáng và có khi lại biến hiện ra nhiều dòng chữ khác nhau nữa, nhưng tôi chưa từng có trải nghiệm đó.

Tôi bật cười vì biết Connie rất rõ:

- Connie là người giàu trí tưởng tượng và biết đâu đã phóng đại mọi việc…

Ông Kris quay qua nhìn tôi và nói:

- Không hẳn thế, nếu thiền định đến mức độ nào đó người ta có thể nhìn thấy ánh sáng hay những hình ảnh lạ lùng.

Angie tò mò:

- Như thế hẳn ông biết rõ về thiền hay đã trải nghiệm điều này?

Ông Kris không trả lời mà quay qua hỏi tôi:

- Ông nghĩ sao?

Tôi nhìn đôi mắt rất sáng của người đàn ông, với những nét dí dỏm. Tôi trả lời:

- Tôi chưa hề tập thiền hay Yoga. Đó chỉ là một hình thức thể dục thịnh hành hiện nay, cũng như vài năm trước có phong trào tập thể dục nhịp điệu vậy.

Ông Kris đưa mắt nhìn tôi với vẻ tinh quái:

- Như thế là ông chưa hề tập thiền?

Tự nhiên tôi cảm thấy khó chịu:

- Dĩ nhiên, tôi tập những thứ đó làm gì?

May thay, Angie xen vào:

- Chồng tôi bận lắm, ngay cả chơi thể thao còn không có thời giờ lấy đâu ra mà tập Yoga hay thiền.

Ông Kris chỉ vào một bức tranh:

- Vậy ông thấy bức tranh này thế nào?

Tôi đưa mắt nhìn bức tranh, đó cũng là những ký hiệu lạ lùng nhưng trông không giống như chữ Phạn. Ký hiệu này khác hẳn. Càng nhìn, tôi càng thấy có một cái gì đó quen thuộc và như bị cuốn hút vào đó. Tự nhiên tôi bật lên nói mà không suy nghĩ:

- Tôi thấy nó quen thuộc, hình như đã thấy nó ở đâu. Nhưng nó không giống như chữ Phạn.

Ông Kris mỉm cười với một biểu cảm khác lạ:

- Ông nói đúng, đó không phải là chữ Phạn, mà là một cổ ngữ đã thất truyền từ rất lâu rồi. Nhưng ông thấy nóthế nào?

Tôi nhìn những đường nét ngoằn ngoèo lạ lùng nhưng không sao nhớ được đã thấy nó ở đâu. Angie bỗng xen vào:

- Tôi cũng thấy nó quen thuộc làm sao. Hình như tôi cũng thấy ở đâu rồi.

Ông Kris cười, vẻ bí ẩn:

- Hiện nay thì ông bà không nhớ đâu, nhưng rồi sẽ nhớ.

Angie chỉ tay lên chiếc hộp kính gần đó:

- Còn cây gậy kia nữa, tôi cũng thấy nó có vẻ quen thuộc. Đó là cái gì vậy?

Đến khi đó tôi mới nhìn thấy trên chiếc bàn nhỏ đặt gần lò sưởi có một chiếc hộp dài bằng kính, trong đó đặt một chiếc gậy màu bạc dài khoảng sáu gang tay. Vị chủ nhân bước đến chiếc hộp, lấy cây gậy ra đưa cho tôi. Đó là một cây gậy làm bằng chất liệu trông như

pha lê, màu bạc, có gắn bảy viên đá quý to bằng ngón tay cái, mỗi viên có một màu khác nhau. Tôi vừa cầm lên thì cảm nhận ngay một luồng điện cực mạnh từ cây gậy truyền vào tay khiến tôi giật mình. Tôi run giọng:

- Cái gì vậy?

Ông Kris nhẹ nhàng chạm tay lên cây gậy một cách trịnh trọng:

- Nó là một vật có công dụng chữa bệnh, nếu người ta biết cách sử dụng.

Tôi chăm chú nhìn vào cây gậy, những viên đá quý trên cây gậy bỗng tỏa ra những luồng sáng kỳ lạ khiến mắt tôi hoa lên. Tôi run run cầm cây gậy mà vị chủ nhân vừa trao cho. Rồi những viên đá quý bỗng xoay nhẹ như bánh xe và phát ra những tia sáng lạ lùng.

Angie lên tiếng:

- Khi nó phát ánh sáng, tôi đã nghĩ nó là một cái đèn pin, nhưng bây giờ những viên đá này lại xoay với màu sắc lạ lùng. Ông Kris, nó là cái gì thế?

Vị chủ nhân nói thầm vào tai tôi:

- Ông không nhận ra nó sao?

Lúc đó tôi như người bị mộng du. Tôi nắm chặt cây gậy nhưng đầu óc hoang mang khôn tả. Tôi tự hỏi:

- Tại sao mình lại ở đây? Tại sao mình lại gặp một người lạ trong căn nhà với những đồ vật lạ lùng như thế này?

Cũng ngay lúc đó, tôi cảm nhận được một luồng sức mạnh từ cây gậy truyền vào thân thể khiến cả người nóng ran lên. Ngực tôi bị nghẹn lại, đầu óc trở nên rối loạn, không tự chủ được nữa. Tôi muốn buông cây gậy ra nhưng nó có một sức hút kỳ lạ khiến tôi không thể bỏ xuống. Tai tôi nghe có tiếng rì rào của sóng biển và những âm thanh lạ lùng khác.

Tôi cố gắng giữ bình tĩnh, quay qua Angie, tôi thấy nàng vẫn đứng yên. Tôi quay lại phía vị chủ nhân nhưng không thấy gì ngoài cặp mắt sáng quắc của ông đang nhìn thẳng vào tôi. Ông nói bằng một giọng thân mật:

- Cứ bình tĩnh đi ông bạn. Hãy để cho tiềm thức làm việc, rồi ông sẽ hiểu.

Đầu óc tôi trở nên mơ hồ. Tiếng sóng biển càng lúc càng lớn và tôi nghe rõ những tiếng động lạ lùng dù không phân biệt được là những tiếng gì. Mọi vật dần dần trở nên lộn xộn, quay cuồng trong đầu tôi. Bất thình lình, tôi cảm thấy một sức mạnh dội vào lồng ngực khiến tôi thiếp đi…

# *Phần hai*

# ATLANTIS TIỀN KIẾP DẬY SÓNG

---

Tôi thấy mình đang đứng trước một bãi biển hoang vu với tiếng sóng vỗ rì rào, gần đó là những cỗ máy đang phát ra những âm thanh lạ lùng mà tôi không biết để làm gì. Không hiểu sao tôi thấy lòng tràn ngập một cảm giác buồn bực, khó chịu. Tôi vừa cúi mặt xuống thì giật mình thấy bàn chân mình to hơn trước. Ngay lúc đó, tôi nhận ra rằng mình đang ở trong một thể xác khác.

Tôi dụi mắt, vung mạnh tay để đánh thức mình và tự nhủ: "Phải chăng đây là một giấc mơ?". Nhưng tôi không mơ chút nào cả. Tay tôi vừa vung lên thì chạm vào một vật đeo bên hông, tôi cầm lên xem thì đó chính là cây gậy pha lê có gắn bảy viên ngọc mà tôi vừa thấy ở nhà người lạ kia. Tôi cố gắng giữ bình tĩnh nhưng đầu óc cứ quay cuồng, rồi những hình ảnh trong đầu lần lượt hiện ra như một bộ phim quay chậm.

Tôi thấy mình đang sống tại một lục địa lớn với nhiều hòn đảo nhỏ vây quanh. Không hiểu sao tôi biết rằng đó chính là châu Atlantis. Huyền thoại Hy Lạp nói rằng Atlantis hiện hữu vào thời xa xưa, ở giữa Đại Tây Dương, được coi là cái nôi của nền văn minh Ai Cập cũng như Hy Lạp, và rất có ảnh hưởng đến nền văn minh hiện thời.

Tuy nhiên, ngay khi đó tôi cũng biết văn minh Atlantis đã tiến xa hơn nền văn minh hiện nay rất nhiều vì nó được xây dựng dựa trên những kiến thức khác hẳn ngày nay. Từ ngàn xưa, người Atlantis đã

phát triển một thứ kiến thức đặc biệt, giúp cho họ sử dụng được những năng lực tiềm tàng trong thiên nhiên và tạo nên một nền khoa học kỹ thuật khác hẳn ngày nay. Đầu óc tôi trở nên hoang mang, những hình ảnh của một ký ức lạ lùng nào cứ từ đâu tràn về.

Vào lúc đó, người Atlantis đã chế tạo ra những dụng cụ, máy móc tối tân cho những mục đích mà ngày nay không thể nào giải thích được. Lý do tôi thấy khó chịu là vì mình đang nhập vào một thể xác khác, với những cảm nhận và kiến thức khác lạ. Là người có ý chí mạnh mẽ, tôi có thể nhận ra sự khác biệt lớn giữa cách suy nghĩ, cảm nhận của tôi lúc này đây và tôi của thời hiện đại. Lý trí suy luận của tôi đóng một vai trò rất nhỏ và yếu ớt trong thể xác này. Sau một lúc đấu tranh vô vọng giữa hai sự hiểu biết tương phản, tôi đành để cho tiềm thức làm chủ, đưa tôi trở lại quá khứ, như một người đang quan sát một cuốn phim của dĩ vãng.

Tôi đang thấy rõ những hình ảnh lịch sử của Atlantis dần dần hiện ra trong tâm trí. Từ ngàn xưa, người Atlantis đã phát triển một nền khoa học chú trọng vào việc sử dụng các năng lực ẩn tàng trong thiên nhiên. Họ có thể sử dụng ánh sáng mặt trời cùng sự rung động của các loại kim thạch[2] để thay đổi nguyên tử vật chất. Họ có thể làm mất trọng lượng của một vật thể để xây dựng nên những công trình kiến trúc khổng lồ, kiên cố mà không cần sử dụng đến máy móc hiện đại như ngày nay. Họ có thể thay đổi nguyên tử trong cơ thể con người để phục vụ cho việc chữa bệnh bằng những cây gậy gắn đá quý.

*[2] Dạng sống cơ bản nhất của vũ trụ, là những dạng vật chất rắn cơ bản, được liên kết từ các phân tử và hoàn toàn chưa có tri giác.*

Vào lúc đó, Atlantis gồm có ba nước là Og, Poseida và Arya. Xứ Og nằm ở phía Tây của Đại Tây Dương, gồm ba hòn đảo được nối liền với nhau bởi những cây cầu đá vĩ đại. Poseida nằm ở phía Đông của Đại Tây Dương, gồm một hòn đảo lớn với rất nhiều đảo nhỏ bao bọc xung quanh. Arya nằm ở phía Bắc của Đại Tây Dương, được xây dựng trên cao nguyên của một hỏa sơn.

Văn minh Atlantis đã kéo dài hàng ngàn năm với rất nhiều triều đại vua chúa. Xã hội Atlantis được phân chia thành nhiều đẳng cấp khác nhau. Những người thuộc đẳng cấp cao thẳng tay đàn áp, bóc lột những người thuộc đẳng cấp thấp một cách dã man, tàn bạo. Văn hóa xứ này chủ trương "mạnh được, yếu thua" chứ chưa phát triển luật pháp hay hệ thống công lý như xã hội ngày nay. Lúc đó, trừ một thiểu số đã phát triển khả năng suy luận qua lý trí, đa số người Atlantis vẫn sống bằng bản năng, do đó họ rất ích kỷ, tham lam và hung bạo.

Vì tình dục là một bản năng tự nhiên, nên người dân xứ này chưa biết kiểm soát dục tính. Việc giao hợp nam nữ là điều thông thường trong xã hội và không một luật lệ nào cấm đoán hay kiểm soát được. Ký ức của tôi trở nên rối loạn hơn nữa khi nhìn thấy những cảnh tượng giao hợp của con người lúc đó thật không khác loài vật hiện nay bao nhiêu. Trong xã hội đó, sự giao hợp nam nữ diễn ra khắp nơi, không phân biệt, không dựa trên tình cảm mà chỉ là sự chiếm đoạt theo bản năng và sức mạnh.

Thật khó giải thích điều này vì mỗi khi cố gắng suy luận thì đầu óc tôi lại bị những tư tưởng kỳ lạ xâm chiếm, khiến đầu tôi đau nhức khôn tả. Tôi biết rằng nền văn minh xứ này đã tiến bộ khoa học rất cao, hơn hẳn ngày nay, nhưng không hiểu sao xã hội Atlantis lại có thể sống man rợ với các tục lệ lạ lùng như thế? Có lẽ vì chưa biết phát triển tình thương hay lý trí nên đa số người Atlantis lúc đó đều sống ích kỷ, tham lam và hung dữ. Trong suốt lịch sử xứ này, chiến tranh giữa các nước xảy ra liên miên, dường như chưa bao giờ ngừng.

Văn minh Atlantis được xây dựng dựa trên kiến thức khoa học, một thứ khoa học khác hẳn bây giờ, người có khả năng chuyên môn được đặc biệt ưu đãi nên các môn khoa học phát triển rất mạnh, với những phát kiến mà ngày nay có thể coi là "phép lạ".

Dựa trên sự rung động của kim thạch và âm thanh, người Atlantis có thể phân tích ánh sáng mặt trời thành năng lượng để phục vụ cho cuộc sống cũng như tạo ra các loại vũ khí giết người. Họ có thể thay thế bộ óc con người bằng những dụng cụ gắn vào óc, khiến những

người này trở nên khờ dại, không còn biết gì và chịu sự chi phối của người khác.

Qua kỹ thuật làm mất trọng lượng vật chất để nâng những tảng đá khổng lồ hay những vật nặng lên cao, người Atlantis có thể xây cất những công trình kiến trúc hết sức vĩ đại. Nhờ thế, châu Atlantis phát triển với hàng vạn công trình, hàng trăm kim tự tháp khổng lồ, hàng ngàn ngôi nhà san sát, với đường sá rộng rãi và những cây cầu bằng đá vĩ đại nối liền những đảo nhỏ với nhau.

Qua kỹ thuật thay đổi nguyên tử, người Atlantis có thể thay đổi những cơ quan đã bị yếu, tổn thương trong cơ thể người để chữa khỏi bệnh. Phương pháp này cũng có thể biến đổi con người thành một sinh vật khác khi ghép cơ quan nội tạng trong cơ thể của họ bằng cơ quan của loài vật và tạo ra một loại người mới. Một loại sinh vật "nửa người, nửa thú", một sinh vật giống người, với khả năng đặc biệt để sử dụng vào những mục đích mà con người ngày nay không tưởng tượng được.

Một số người, phần lớn thuộc đẳng cấp thấp, hay tù binh chiến tranh thường bị đưa vào phòng thí nghiệm để tác hợp với nguyên tử của những loài thú có sức mạnh như trâu, bò, voi, ngựa, lạc đà, rồi họ được giao phó những công việc nặng nhọc như xây dựng, chuyên chở. Đó là một lực lượng lao động không còn biết suy nghĩ mà chỉ tuân theo mệnh lệnh.

Những sinh vật người được tác hợp với nguyên tử của những loài vật hung dữ (như sư tử, cọp, beo, chó sói v.v…) thì được giao phó nhiệm vụ kiểm soát những người thuộc đẳng cấp thấp hay những người đã bị biến đổi để trở thành những sinh vật "nửa người, nửa thú", phục vụ cho quyền lợi của đẳng cấp cao hơn. Đó là những binh lính cực kỳ hung dữ, sẵn sàng hành ác, hoàn toàn vô cảm, bất chấp sự đau khổ của các sinh vật khác.

Vì có đội quân thiện chiến hung dữ, những nhà lãnh đạo đầy tham vọng của Atlantis thường gây chiến với nhau để bành trướng thế lực và những trận chiến đổ máu dữ dội đã xảy ra thường xuyên giữa các xứ này.

Xứ Og là trung tâm của một tôn giáo thờ rất nhiều thần linh với những nghi thức lạ lùng, xuất phát từ ảnh hưởng của những sinh vật thuộc về một thế giới khác với loài người. Đây cũng là nơi mà những người thuộc đẳng cấp thấp hay tù binh chiến tranh thường bị giết để tế thần, hoặc được đưa đến "lò luyện người" để biến thành lực lượng lao động.

Triều đại Belia của xứ Og kéo dài hàng trăm năm với những hoàng đế có tham vọng bành trướng thế lực tôn giáo bằng việc gây chiến với những xứ khác. Vì đức tin được xây dựng dựa trên một thứ tôn giáo thờ rất nhiều quỷ thần từ cõi giới xa xăm, luôn luôn đòi hỏi những nghi thức cúng tế bằng huyết thịt, nên người xứ Og đã quen sống trong bạo lực, ích kỷ, vô cảm và thù hận. Xã hội xứ Og đầy những tranh chấp, thù hằn giữa con người với nhau do chủ trương "mạnh được, yếu thua". Đây cũng là nơi mà loài người sống lẫn lộn, giao hợp với loài "nửa người, nửa thú" và sản sinh ra một giống "quái vật" dị hợm được gọi là "con của Belia". Vì sự tranh chấp, thù hận luôn tồn tại giữa những người dân xứ này nên các hoàng đế triều đại Belia đã âm mưu gây dựng lòng căm thù với các nước khác, hòng chuyển lòng hận thù trong dân chúng sang các cuộc chiến tranh, tránh cho xã hội đi vào tình trạng hỗn loạn hay nội chiến.

Trong ba xứ của Atlantis thì Poseida lớn nhất, phồn thịnh nhất, với tài nguyên dồi dào, binh lực hùng hậu. Poseida gồm một số đảo nhỏ quây chung quanh một hòn đảo lớn với những khu rừng bát ngát và muông thú kỳ lạ. Vì đất đai màu mỡ, nhiều tài nguyên thiên nhiên nên đời sống xã hội xứ này phát triển cao hơn những xứ khác. Người Poseida cũng thờ rất nhiều thần linh như thần biển, thần sông, thần núi, thần cây v.v… nhưng không có những nghi thức giết người tế thần như tôn giáo của xứ Og.

Nền khoa học của Poseida phát triển rất mạnh với nhiều phát kiến và máy móc tối tân. Dân chúng Poseida được hưởng đời sống tiện nghi vật chất hết sức đầy đủ nhưng cũng vì thế mà đa số sống xa hoa, phung phí, ích kỷ và có tính dâm dục rất cao. Họ thường bắt cóc phụ nữ từ các xứ khác mang về để phục vụ cho nhu cầu xác

thịt. Điều này tạo ra một mối thù rất lớn giữa Poseida và những xứ khác. Trong lịch sử Atlantis, Og và Poseida luôn luôn gây chiến với nhau nhưng Poseida thường chiếm phần thắng. Qua những lần chiến thắng, Poseida bắt được rất nhiều tù binh "nửa người, nửa thú" và biến những người này thành nô lệ phục vụ cho người dân tại đây. Điều này càng khiến mối hận thù giữa hai xứ này trở nên sâu sắc.

Arya là xứ nhỏ nhất nằm ở phía Bắc, xây dựng trên bình nguyên của một hỏa sơn, dân cư thưa thớt. Tuy điều kiện khắc nghiệt, đất đai khó canh tác nhưng xã hội Arya lại phát triển theo một đường lối khác hẳn với hai nước kia. Văn hóa xứ này dựa trên tôn giáo tôn thờ mặt trời với những giáo điều, kỷ luật hết sức khắt khe như không cho phép loài người giao hợp với giống "nửa người, nửa thú". Do đó, người Arya thường tự hào rằng họ là tộc người Atlantis thuần khiết nhất.

Nền khoa học Arya được xây dựng dựa trên kiến thức về ánh sáng mặt trời và sự rung động của các loại kim thạch. Từ lâu, người Arya đã chế tạo được những cây gậy ngọc có thể thay đổi nguyên tử vật chất để chữa bệnh, cũng như các loại vũ khí sử dụng ánh sáng để phá hủy vật chất. Nhờ thế mà Arya duy trì được sự độc lập trong một thời gian dài.

Thật khó có thể tưởng tượng lịch sử Atlantis lại hiện ra rõ rệt trong tiềm thức của tôi như một bức tranh sống động. Đầu óc tôi tiếp tục xoay chuyển qua những biến cố lạ lùng.

Tôi thấy mình được sinh ra tại xứ Arya trong một gia đình quyền quý, thuộc đẳng cấp cao nhất trong xã hội. Cha tôi là người đứng đầu trường y, chuyên sử dụng cây gậy ngọc để chữa bệnh. Từ nhỏ, tôi đã được chỉ dạy về các năng lực tự nhiên tiềm tàng trong các loại đá quý. Khi lớn lên, tôi được huấn luyện bởi các danh sư nên trở thành một y sĩ tài giỏi trong nước.

Là người thuộc đẳng cấp cao, được xã hội kính trọng nên tôi trở nên kiêu căng và nhiều tham vọng khác thường. Tuy đã được huấn luyện về y học nhưng tôi không thỏa mãn mà muốn thu thập thêm

kiến thức về các năng lực siêu nhiên vốn chỉ được tín truyền riêng cho các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương.

Có lần tôi đã hỏi cha tôi về điều này, nhưng ông nói:

- Có một ranh giới rất rõ rệt giữa sự hiểu biết mà chúng ta có thể sử dụng hiện nay và sự hiểu biết dựa trên những kiến thức mà chúng ta không kiểm soát được. Để nghiên cứu về năng lực siêu nhiên, con người cần phải có khả năng kiểm soát nội tại. Ngoại trừ một số rất ít giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương biết phương pháp này, hầu như không ai có thể học được. Nếu không kiểm soát được mình mà sử dụng các năng lực này một cách vô trách nhiệm, thì có thể đưa đến những hậu quả vô cùng tai hại. Đó là lý do mà con phải ý thức rõ rệt về mối nguy hiểm tiềm tàng của những kiến thức này và không được sử dụng những gì con không thể kiểm soát được.

Tôi thắc mắc:

- Tại sao lại chỉ các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương mới có đặc quyền thu nhận kiến thức về các năng lực siêu nhiên?

Cha tôi trả lời:

- Con nên biết, trong mỗi con người đều có hai động lực tương phản: một là hướng thượng - hai là hướng hạ. Khi con người chưa biết phát triển sự suy luận để kiểm soát nội tâm mà chỉ sống bằng bản năng thì động lực bản năng hướng hạ thường làm chủ. Nó dẫn dắt con người hành động theo dục vọng. Con có thể thấy người dân xứ Og và Poseida thiên sống bằng bản năng và hậu quả là những cuộc chiến tranh kéo dài, không thể chấm dứt.

Hiện nay, tại Arya chỉ có riêng các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương, nhờ thực hành những kỷ luật tự giác, biết phát triển óc suy luận để kiểm soát nội tâm nên không bị ảnh hưởng. Nhờ biết kiềm chế dục vọng, những người này mới có thể sử dụng các năng lực siêu nhiên đặc biệt trong vũ trụ. Những người như chúng ta chỉ được dạy một số kiến thức giới hạn vì nội tâm chúng ta vẫn còn là bãi chiến trường, một sự tranh đấu giữa hai khuynh hướng tương phản. Do

đó, nếu chưa thể làm chủ được mình thì phải biết tự giới hạn, đừng để tham vọng chi phối, điều khiển.

Tuy đã được cảnh cáo nhưng tôi vẫn ngầm muốn sở hữu quyền năng từ các năng lực siêu nhiên kia. Có lần tôi đã hỏi một giáo sĩ có kiến thức về môn này thì ông nói:

- Hiện nay đầu óc ngươi chưa phát triển đủ về khả năng suy luận mà thường để bản năng chi phối. Muốn sở hữu quyền năng siêu nhiên thì ngươi phải trải qua những giai đoạn tu tập phát triển đức tính hy sinh, nhẫn nại, để kiểm soát chính mình.

Tôi hỏi:

- Như vậy thì tôi phải làm gì?

Giáo sĩ trả lời:

- Trước hết ngươi phải tập tính hy sinh để làm những gì "trái ngược" với những điều mọi người thường làm. Nếu mọi người ham muốn thứ gì thì ngươi phải đi ngược lại, nghĩa là từ bỏ cái ham muốn đó. Nếu mọi người chỉ làm điều có lợi cho bản thân thì ngươi phải làm ngược lại, nghĩa là chỉ làm những gì có lợi cho người khác. Ngươi phải cho người khác những gì tốt nhất, làm những điều mà không ai muốn làm, và chỉ nhận lấy những gì không ai muốn nhận. Đó là bước đầu trong việc rèn luyện kỷ luật hy sinh, nhẫn nại, để kiểm soát nội tâm. Liệu ngươi có làm được như thế không?

Văn minh Atlantis lúc đó hoàn toàn được xây dựng dựa trên "luật của kẻ mạnh", không ai biết gì đến sự hy sinh hay tinh thần tự chủ. Phần lớn mọi người đều sống một cách tham lam, ích kỷ và hung bạo, sẵn sàng chiếm đoạt mọi thứ cho riêng mình nên việc thực hành những điều vị giáo sĩ nói hết sức lạ lùng, khó hiểu.

Là người kiêu căng và ích kỷ, dĩ nhiên tôi không chịu nghe lời dạy bảo của vị giáo sĩ này. Tuy nhiên, do đã muốn có quyền năng này nên tôi phải quyết đạt cho bằng được. Tôi tính toán và tìm đến những người sở hữu kiến thức này qua một con đường tắt.

Đầu tiên, tôi làm quen với Biru, một người dân xứ Arya nhưng đã sống nhiều năm tại Og nên biết những nghi thức kêu gọi các quyền năng từ cõi giới khác. Tôi được hắn hướng dẫn những nghi thức đó, mặc dù pháp luật và tôn giáo xứ Arya hoàn toàn ngăn cấm việc này.

Chúng tôi bí mật trao đổi sự hiểu biết với nhau trong một căn hầm nằm sâu dưới lòng đất. Từ đó, tôi chìm đắm trong các nghi thức tế thần, sử dụng máu huyết để kêu gọi những động lực lạ lùng, liên lạc với những sinh vật thuộc cõi khác mà không hề ý thức gì đến hậu quả có thể xảy ra.

Đang miên man với những hình ảnh này, bỗng nhiên đầu óc tôi chuyển qua một ký ức khác. Tôi thấy mình đứng trong một tòa nhà to lớn, nguy nga, với lối chạm trổ tinh xảo, hơn hẳn các công trình kiến trúc đẹp nhất của ngày nay. Đó là đền thờ thần Thái Dương trang nghiêm, với các nghi thức tôn giáo được thực hiện bởi các thánh nữ. Bất ngờ, tôi nhìn thấy đôi chân trần gợi cảm, trắng ngần của một thánh nữ thoáng lộ ra khi đang duyên dáng múa hát với điệu nhạc huyền bí trong ánh sáng đuốc bập bùng huyền ảo. Tôi lén hỏi và biết tên cô ấy là Kor. Không hiểu sao hình ảnh cô thánh nữ Kor này lại lập tức xâm chiếm, ngự trị tâm trí tôi khiến tôi không còn tự chủ được nữa. Không rời mắt khỏi người thiếu nữ yêu kiều, trong đầu tôi bắt đầu nóng rực nảy sinh ý tưởng chiếm đoạt người thánh nữ. Là người thuộc đẳng cấp cao của xã hội, một khi đã muốn sở hữu cái gì thì tôi thường phải tìm mọi cách chiếm đoạt cho kỳ được.

Vừa nghĩ đến đó, không hiểu sao đầu óc tôi bắt đầu xáo trộn bởi những hình ảnh ma quái chập chờn, những nghi thức thờ cúng huyền bí lạ lùng, những súc vật bị giết để tế thần, những ly rượu pha bằng máu súc vật tanh tưởi, những hình ảnh hoan lạc của đám đông nam nữ buông thả dưới những ánh đuốc chập chờn hoang dại, rừng rú. Bất chợt tôi thấy những cảnh tượng hãi hùng, máu đổ thịt rơi, với những trận giao tranh khốc liệt của những đội binh ”nửa người, nửa thú” cấu xé những nạn nhân của chúng. Nỗi sợ hãi mỗi lúc một tăng lên khiến tôi hốt hoảng kêu lớn, rồi choàng tỉnh dậy.

***

Tôi thấy mình đang nằm trong một căn phòng xa lạ, toàn thân ướt đẫm mồ hôi. Angie nhìn tôi với vẻ mặt lo lắng:

- Anh làm sao vậy?

Lúc đó, tôi thấy trời đã sáng và biết mình vừa trải qua một giấc mơ lạ lùng.

Angie lo lắng hỏi:

- Anh có sao không? Tự nhiên anh la lớn làm em giật cả mình.

Tôi hoảng hốt:

- Mình đang ở đâu đây?

Angie bật cười:

- Anh không nhớ sao? Hôm qua xe của chúng ta bị trượt xuống hố, may là có ông Kris đưa mình về nhà ông ấy.

Khi đó tôi mới nhớ ra rằng mình đang ở trong nhà một người lạ. Angie nhắc khéo:

- Trời đã sáng rồi, anh hãy vào phòng tắm thay quần áo đi, rồi xuống dưới nhà. Em nghe tiếng ông Kris mở cửa ra ngoài từ sớm nhưng thấy anh ngủ say nên chưa muốn đánh thức.

Tôi cố giữ bình tĩnh mặc dù chưa tỉnh táo hẳn:

- Thì ra thế, nhưng hôm qua chúng ta vào phòng lúc nào?

Angie trả lời:

- Chúng ta đang nói chuyện dở dang, nhưng em thấy anh mệt quá cứ thiếp đi nên ông Kris bảo em đưa anh về phòng nghỉ sớm. Anh không nhớ sao?

Khi chúng tôi bước vào phòng ăn thì ông Kris đã chờ sẵn:

- Ông bà ngủ ngon chứ, mời ông bà dùng bữa ăn sáng. Tôi đang chuẩn bị mang xe trục kéo chiếc xe của ông bà lên.

Trong khi Angie hồn nhiên kéo ghế ngồi, tôi nhìn quanh căn phòng với những bức họa lạ lùng và chiếc hộp đựng cây gậy thất bảo bằng pha lê. Nó vẫn nằm nguyên trên chiếc bàn nhỏ bên cạnh lò sưởi. Thì ra đó không phải là một giấc mộng mà là một sự thật. Giờ thì đầu óc tôi đã hoàn toàn tự chủ. Tôi nhủ thầm: “Mình phải tìm ra sự thật về cây gậy ngọc này”.

Sau bữa ăn sáng, chúng tôi theo ông Kris ra chỗ chiếc xe bị sụp xuống hố. Tôi thấy vị chủ nhân đã chu đáo chuẩn bị đầy đủ chiếc xe tải lớn với sợi dây xích sắt đã buộc vào chiếc xe của tôi để kéo lên. Angie mừng rỡ:

- Thật phiền ông quá, tôi không ngờ ông đã chuẩn bị cẩn thận từ sớm.

Sau khi chiếc xe được kéo lên, ông Kris chỉ rõ cho chúng tôi đường đến căn nhà mới. Tôi im lặng quan sát người đàn ông có bộ râu quai nón rậm rạp này như để chờ đợi một sự giải thích nào đó, nhưng ông vẫn thản nhiên như không hề có chuyện gì xảy ra. Sự im lặng của ông làm cho tôi thêm nóng lòng, bối rối, tôi muốn lên tiếng nhưng không hiểu sao lại im lặng. Cả hai chúng tôi nhìn nhau nhưng không nói gì.

Theo sự chỉ dẫn của ông Kris, chúng tôi đến căn nhà mới. Đúng như Angie đã nói, đó là một căn nhà tuyệt đẹp, xây cất đơn giản, nằm trên một ngọn đồi thấp nhìn xuống thung lũng và một hồ nước xanh biếc phía dưới.

Angie nhanh nhẹn mở khóa cửa bước vào:

- Anh thấy căn nhà này ra sao? Nó có như ý anh muốn không?

Tôi gật đầu đồng ý nhưng tâm trí vẫn hoang mang về những việc xảy ra đêm qua. Tôi tự hỏi phải chăng đó là một giấc mơ?

Trong khi Angie thu xếp hành lý, tôi ngồi xuống chiếc ghế bành và tự hỏi: "Tại sao mình có thể nhớ lại một ký ức xa xôi với những chi tiết rõ rệt như thế? Liệu châu Atlantis có thật hay chỉ là một huyền thoại?".

Hiện nay, người ta biết đến Atlantis qua tài liệu giảng dạy của triết gia Hy Lạp Plato được ghi lại trong cuốn Timaeus và Crotias. Plato đã kể cho học trò rằng chính Solon, sử gia lừng danh của Hy Lạp khi du hành qua Ai Cập để học hỏi đã được các vị trưởng lão xứ này tiết lộ về một đại lục lớn bị chìm sâu xuống đáy biển vào khoảng hai mươi ngàn năm trước đó. Plato ghi chép lại lời dạy bảo của Solon về lục địa với nền văn minh rực rỡ nhưng đã suy thoái vì tham vọng điên cuồng của những người lãnh đạo, rồi bị chìm sâu xuống biển bởi trận động đất khủng khiếp.

Hiện nay có nhiều giả thuyết khác nhau về Atlantis. Có người cho rằng đó là một đại lục có thật vì bờ biển Địa Trung Hải còn sót lại một vài di tích của một nền văn minh cổ xưa mà không ai biết rõ. Người khác cho rằng đó chỉ là một huyền thoại được người xưa tạo ra để dọa nạt dân chúng mà thôi. Trải nghiệm vừa qua đã cho tôi một cảm giác khác thường vì tôi thấy rõ mình đã từng sống ở đó và lịch sử xứ này hiện rõ trong đầu tôi như một cuốn phim sống động. Không một giấc mơ nào lại có thể hiển hiện rõ rệt với từng chi tiết như thế.

Suốt ngày hôm đó, đầu óc tôi cứ liên miên suy nghĩ về ký ức kỳ lạ này nhưng không tìm được lời giải đáp nào. Trong khi Angie vui vẻ chỉ cho tôi những đồ đạc trưng bày, những bức tranh nghệ thuật mà nàng vừa mua, và phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp của căn nhà, thì đầu óc của tôi hoàn toàn bị chi phối bởi giấc mơ lạ lùng đêm qua.

Tôi tự hỏi: "Nếu đó là một giấc mơ thì tại sao tôi lại bị ám ảnh một cách sâu sắc như thật đến tận lúc này?". Từ trước đến nay, tôi không hề đọc một tài liệu nào về Atlantis hay quan tâm gì đến huyền thoại lịch sử này, nhưng tại sao hiện giờ tôi lại biết về nền văn minh đã biến mất này đến từng chi tiết như vậy? Tuy là người bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh nhưng lúc này tôi lại rất hoang mang trước trải nghiệm không thể giải thích này.

Chiều hôm đó, Angie đề nghị:

- Em muốn nấu một bữa ăn thật ngon để cảm ơn ông Kris. Anh nghĩ sao? Nếu không có ông ấy, chắc chắn chúng ta đã phải ngủ ở trong xe rồi.

Tôi gật đầu mặc dù đầu óc không thoát khỏi những hình ảnh lạ lùng của giấc mơ kia. Angie hồn nhiên nói:

- Tiếc quá, em không xin số điện thoại của ông Kris. Hay là anh mang xe đến đó mời ông ấy qua đây ăn tối với chúng ta đi. Anh nghĩ sao? Có gì gọi điện cho em biết với.

Angie là người có tài nấu ăn tuyệt vời. Trong tủ lạnh ở nhà không bao giờ thiếu đồ ăn nhưng tôi không ngờ nàng cũng đã mua sắm đồ ăn cần thiết cho căn nhà nghỉ dưỡng này từ trước. Tôi ngần ngại:

- Hình như ông ấy chỉ ăn trái cây thì phải?

Angie gật đầu:

- Không sao, em đã có sẵn một số trái cây ở đây. Anh cứ hỏi ông ấy muốn gì thì em sẽ chuẩn bị được ngay.

***

Khi xe tôi vừa đến trước cửa thì thấy ông Kris bước ra, dường như ông ấy đã biết trước sự có mặt của tôi lúc đó. Chúng tôi cùng nhau bước vào nhà, ông Kris thong thả mời tôi ngồi xuống ghế. Có lẽ nhìn thấy khuôn mặt đăm chiêu lo lắng của tôi nên ông đã chủ động hỏi một cách thân mật:

- Hình như ông có điều gì đó muốn hỏi tôi thì phải?

Tôi cố bình tĩnh nhưng như thể có một động lực nào đó thúc đẩy, tôi chỉ vào chiếc hộp để cây gậy ngọc, ngập ngừng hỏi:

- Tôi muốn biết... à không phải, tôi muốn hỏi... cây gậy đó là gì vậy?

Tôi nói chưa hết câu thì ông Kris gật đầu như biết tôi muốn gì. Ông nói một cách chậm rãi:

- Tôi biết ông sẽ hỏi về cây gậy này. Nó chính là vật của ông đấy.

Tôi giật mình:

- Như thế… như thế... chuyện hôm qua không phải là giấc mơ sao?

Ông Kris mỉm cười:

- Không đâu, nó giúp ông khôi phục lại một ký ức xa xôi, một kiếp sống mà ông đã quên từ lâu rồi.

Nhìn thấy vẻ bối rối của tôi, ông Kris thong thả giải thích:

- Tôi không muốn ông thắc mắc về việc này, tôi sẵn sàng trả lời những câu hỏi đang làm ông hoang mang. Cách tốt nhất là giải thích những điều căn bản trước, với hy vọng chúng sẽ giúp ông hiểu biết thêm về quy luật vũ trụ và hoàn cảnh hiện nay của ông. Tôi có thể giúp ông có trải nghiệm thực tiễn, nhờ vậy ông có thể tự chứng nghiệm việc này.

Từ trước đến nay, tôi không bao giờ tin vào những chuyện mơ hồ, viển vông. Tôi không tin chuyện có nhiều kiếp sống như một số tôn giáo đề xướng. Tôi không tin con người chết đi rồi đầu thai vào một kiếp khác. Tôi không mấy khi bận tâm về những chuyện viển vông này. Tôi là người thực tế, không dễ tin người, nhưng lúc đó không hiểu sao đầu óc tôi trở nên rất dao động, hoang mang.

Tôi run giọng:

- Như ông nói, quả thật là một người có nhiều kiếp sống hay sao?

Ông Kris mỉm cười:

- Dĩ nhiên rồi, nhưng ông không phải tin, mà cần trải nghiệm điều đó. Đến khi đó ông sẽ thấy những sự kiện thay đổi trên bề mặt địa cầu,

những quy luật bất biến của vũ trụ và trả lời được câu hỏi hiện nay của ông.

Tôi bối rối:

- Như thế… tôi đã từng sống tại đó? Tại Atlantis ư?

Ông Kris nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Tại sao không? Ông đã sống ở nhiều nơi, trải qua nhiều kiếp, và đã đến lúc ông cần nhớ lại những điều này. Đó chính là những điều ông đã dặn tôi rất kỹ.

Tôi ngạc nhiên:

- Tôi đã từng yêu cầu ông thế sao? Khi nào cơ chứ?

Ông Kris gật đầu:

- Chúng ta đã biết nhau từ lâu rồi. Chính ông yêu cầu tôi giúp nên chúng ta mới có duyên gặp nhau hôm nay.

Một lần nữa, tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác:

- Chúng ta đã gặp nhau từ lúc nào? Tại sao tôi không nhớ?

Ông Kris thong thả trả lời:

- Đây là lần đầu chúng ta gặp nhau tại kiếp này, nhưng còn những kiếp khác nữa chứ. Chúng ta đã có mối liên hệ với nhau trong nhiều tiền kiếp rồi.

Tôi bối rối tự lẩm bẩm nói một mình:

- Nếu thế thì tại sao tôi không nhớ được gì cả? Nếu có những kiếp trước thì tôi phải nhớ được như ông chứ?

Ông Kris bật cười:

- Có những chuyện xảy ra không lâu trước đây ông còn không nhớ thì làm sao ông có thể nhớ được những chuyện đã từng xảy ra từ những tiền kiếp xa xôi?

Tôi đâm ra khó chịu khi không muốn chấp nhận:

- Không lẽ đầu óc của tôi lại kém đến thế sao?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi và giải thích:

- Ông bạn ơi, đầu óc của ông hiện nay chỉ chứa đựng những kiến thức ông học trong kiếp sống này mà thôi. Nó có những giới hạn của nó. Ông không thấy sao?

Có khi ông nhớ được một vài việc xảy ra tuần trước, có khi ông quên. Có khi ông nhớ được một số việc xảy ra vài tháng trước, vài năm trước nhưng cũng có khi ông quên.

Khi mới sinh ra, trí não của ông chưa phát triển nên ông đâu nhớ được những việc xảy ra khi chào đời hay khi nằm trong bụng mẹ, đúng không? Khi trí não của ông bắt đầu phát triển, ông nhớ được vài việc xảy ra khi còn thơ ấu, từ khoảng hai hay ba tuổi gì đó. Tuy nhiên, đó chỉ là một vài hình ảnh mơ hồ, những mảnh ký ức vụn vặt thôi vì trí não của ông lúc nhỏ còn non kém. Khi ông lên sáu, bảy tuổi thì ông nhớ được nhiều hơn vì trí não đã phát triển đầy đủ. Tùy theo sự phát triển của trí não và thói quen trong cuộc sống mà người ta nhớ được một số việc nhưng cũng dễ quên đi một số sự việc, dữ kiện khác. Trí não có giới hạn của nó, do đó chúng ta khi nhớ, khi quên. Khi già yếu, trí não không hoạt động hữu hiệu thì người ta quên nhiều hơn nhớ. Nhưng tất cả kinh nghiệm, tư tưởng, lời nói và hành động đều được lưu trữ lại ở một “trí não” khác và nó luôn luôn theo cùng ông qua những kiếp sống khác nhau.

Tôi thắc mắc:

- Vậy làm sao tôi có thể nhớ được những việc đã xảy ra từ kiếp trước?

Ông Kris thong thả trả lời:

- Đôi khi, bằng cách thôi miên tiềm thức, người ta có thể liên lạc được với “trí não” kia và nhớ được vài chi tiết, nhưng thôi miên cũng có giới hạn của nó. Một vài người có thể nhớ lại tiền kiếp nhưng chỉ là những trải nghiệm mập mờ, những mảnh vụn của một ký ức chứ không rõ rệt. Việc nhớ lại tiền kiếp đòi hỏi một công phu tu tập mà ông đã từng luyện tập trong quá khứ, do đó ông mới nhớ được một kiếp sống ở Atlantis khi nhìn thấy cây gậy ngọc này.

Tôi ngạc nhiên:

- Tôi có thể nhớ lại các kiếp sống từ trước sao?

Ông Kris nhìn thẳng vào tôi và nói một cách nghiêm nghị:

- Những điều tôi sắp nói ra đây có thể lạ lùng với ông trong lúc này. Tôi không đòi hỏi ông phải chấp nhận những gì tôi nói là chuyện có thật, vì ông chỉ có thể thấy nó là thật khi tự mình biết chúng là đúng hay sai, thông qua trải nghiệm của chính ông mà thôi.

Thấy tôi do dự, ông Kris giải thích thêm:

- Ông không phải tin những điều tôi sắp nói đây, trừ phi ông thấy điều đó hợp với suy nghĩ của ông. Bây giờ ông có thể xem đó như là một lý thuyết cũng được, nhưng ông phải tự mình chứng nghiệm lấy những điều này, để rồi đi đến kết luận, niềm tin cho riêng ông.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng tôi phải làm thế nào? Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra hôm qua? Tại sao chúng ta lại gặp nhau tại đây? Phải chăng đã có sự thu xếp từ trước?

Ông Kris mỉm cười:

- Đúng thế, đây không phải là một sự tình cờ đâu. Đã có những nhân duyên từ trước thu xếp cho cuộc gặp gỡ này. Thật ra việc này đã được sắp đặt từ lâu rồi và đến nay mới xảy ra.

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng ai đã thu xếp việc này chứ?

Ông Kris từ tốn trả lời:

- Chính ông là người đã thu xếp việc này từ nhiều thế kỷ trước.

Tôi hốt hoảng:

- Tại sao tôi không biết gì về việc này? Tại sao lại là từ nhiều thế kỷ về trước?

Ông Kris gật đầu:

- Hiện nay ông không biết rõ nhưng chúng ta đã quen biết nhau từ nhiều thế kỷ rồi. Lúc này ông chưa khôi phục được khả năng nhớ lại tiền kiếp nhưng rồi ông sẽ có dịp biết những điều ông muốn biết.

Tôi bỗng cảm thấy vừa ngạc nhiên vừa khó chịu và một chút tự ái, khiến tôi không giữ được bình tĩnh. Tôi hỏi:

- Nhưng có bằng chứng nào cho thấy có những kiếp sống trước đó hay việc con người đã trải qua nhiều kiếp khác nhau?

Ông Kris mỉm cười, bình tĩnh chỉ vào chiếc gậy ngọc:

- Vật này có thể giúp ông trải nghiệm một kiếp sống cho đến khi ông khôi phục lại khả năng sẵn có nơi ông.

Dĩ nhiên tôi không muốn tâm trí mình bị thôi miên hay dẫn dắt bởi một vật lạ lùng nên cảnh giác:

- Tôi không biết gì về cây gậy này. Ông có thể giải thích cho tôi tại sao ông lại có cây gậy này không?

Ông Kris gật đầu:

- Tôi giờ có nói ra ông cũng không tin nhưng trước sau gì ông cũng sẽ biết.

Kris thong thả bước đến chiếc hộp để cây gậy ngọc, rồi cầm lên đưa cho tôi. Tôi ngần ngại chưa muốn cầm lấy nó. Tôi không muốn bị ảnh hưởng bởi cây gậy lạ lùng này, nhưng không hiểu sao tôi vẫn đưa tay ra như có một lực hút. Cây gậy tự nhiên phát ra ánh sáng, những viên ngọc cũng đồng loạt phát ra những tia sáng khác nhau có vẻ quen thuộc. Tôi vừa chạm vào cây gậy, bỗng như có một sức hút khiến tôi nắm chặt lấy nó. Tôi cảm nhận có một luồng điện lạ lùng từ cây gậy truyền qua tay, chạy dọc toàn thân khiến tôi ngây ngất. Tôi cố giữ bình tĩnh, nhưng cứ thấy mình như bị thu hút vào luồng ánh sáng kỳ lạ của cây gậy...

Ông Kris nói rất khẽ:

- Cứ tự nhiên, nó sẽ giúp ông trở về với quá khứ, vì chỉ có ông mới có thể sử dụng cây gậy này mà thôi...

***

Tâm trí tôi quay lại với ký ức về cuộc sống tại Atlantis như đêm qua, nhưng lần này tôi thấy mình đang bị dằn vặt bởi cảm giác muốn chiếm đoạt người thánh nữ xinh đẹp trong đền thờ Thái Dương. Đó không phải là một kiểu tình yêu mà chỉ là lòng tham của một người thuộc đẳng cấp quyền uy trong xã hội, cho rằng mình có quyền làm tất cả những gì mình muốn. Dĩ nhiên việc chiếm đoạt một thánh nữ là điều không thể vì những người này thuộc phạm vi “bất khả xâm phạm”. Với tôi khi đó, Kor là một thứ “trái cấm” mà ngay cả người có quyền như tôi dù muốn cũng không thể chiếm đoạt được. Thật khó có thể diễn tả cảm giác này vì đầu óc của tôi lúc đó đang bị xâu xé bởi một ý nghĩ hung bạo và ích kỷ, hoàn toàn khác hẳn với tâm trí của tôi ở hiện tại.

Đang quay cuồng với những ý tưởng dục vọng kia thì cha tôi từ đâu bước đến, bằng vẻ mặt nghiêm nghị, ông nói như ra lệnh:

- Con đi theo ta! Chúng ta có việc cần làm ngay lúc này.

Nhìn khuôn mặt và ánh mắt quyết đoán của cha, tôi ngạc nhiên vì ông vốn là người bình tĩnh, ngay cả trong những tình trạng khẩn cấp. Tôi hỏi:

- Chúng ta đi đâu vậy cha?

Cha tôi không trả lời mà chỉ ra dấu cho tôi đi theo. Hiển nhiên, ông đang suy nghĩ về chuyện gì đó rất hệ trọng.

Tôi theo cha tôi đi qua những con đường rộng lớn dẫn đến cung điện của Hoàng đế Heracles xứ Arya. Đây không phải là lần đầu tôi đến nơi này, vì thỉnh thoảng cha cũng đưa tôi đi cùng khi vào cung. Là thành viên của Hội đồng Trưởng lão xứ Arya, ông thường tham dự vào những việc quan trọng trong triều, đôi khi ông cũng cho tôi đi theo.

Chúng tôi bước vào căn phòng lớn, tôi thấy một số nhân vật của triều đình trong Hội đồng Trưởng lão cũng đang hiện diện, nhưng vẻ mặt ai cũng đăm chiêu, ra chiều nghiêm trọng. Buổi họp bắt đầu khi Hoàng đế Heracles ra dấu cho một trưởng lão ngồi gần đó:

- Này Mar, ông hãy nói cho mọi người biết sự việc đi.

Mar là quan thiên giám và cũng là một nhà tiên tri nổi tiếng của Arya. Ông này nghiêm nghị nói:

- Hiện nay, chúng ta đã thấy rõ những dấu hiệu bất thường mà các nhà tiên tri khi xưa đã cảnh báo, về hiện tượng địa cầu chuyển trục. Các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương cũng xác nhận rằng luồng từ lực của địa cầu đã di chuyển theo phương hướng bất lợi. Từ nhiều năm nay, thời tiết khắp nơi đều thay đổi với những trận hạn hán kéo dài nhiều tháng, phá hoại mùa màng. Có những cơn bão mạnh gây lụt lội khắp nơi. Có những trận cháy rừng kéo dài hàng tháng khiến súc vật chết hàng loạt. Có những dịch bệnh mà các y sĩ tài giỏi nhất cũng bó tay, khiến người chết vô số.

Hiện tại cuộc chiến giữa xứ Og và Poseida đi đến giai đoạn ngày càng quyết liệt và mối đe dọa xâm lăng Arya ngày một gần hơn. Do

đó, không còn nghi ngờ gì nữa, chuyện phải đến sẽ xảy ra. Không phải trong nhiều năm hay nhiều tháng mà chỉ trong vài ngày nữa. Đã đến lúc chúng ta phải thi hành kế hoạch trù liệu từ trước là thu xếp đưa một số người đã được chọn đến các bến bờ an toàn.

Từ lâu, các nhà tiên tri Atlantis đã cảnh cáo mọi người về tình trạng thay đổi của trục địa cầu. Họ nói rằng sẽ có những trận cuồng phong dữ dội hay những cơn địa chấn có thể đưa Atlantis đến tình trạng diệt vong nên đây không phải là một thông tin mới, nhưng lần này, qua giọng nói của quan thiên giám tôi đã cảm thấy có điều bất thường.

Hoàng đế Heracles lên tiếng:

- Ông hãy xác nhận những điều ông tiên đoán cho mọi người biết để chuẩn bị.

Mar trả lời, sự nghiêm trọng thể hiện trong giọng nói:

- Tôi đã quan sát rất kỹ những thay đổi của ảnh hưởng từ các tinh tú xuống địa cầu và kiểm tra những lời tiên tri trong quá khứ. Tôi và các giáo sĩ hoàn toàn đồng ý với nhau rằng chỉ vài ngày nữa sẽ có một biến động hết sức to lớn, ngoài sức tưởng tượng.

Hoàng đế Heracles trầm tĩnh suy nghĩ, rồi lên tiếng:

- Chắc gì nó sẽ xảy ra đúng như dự đoán? Liệu có thay đổi gì khác không?

Mar lắc đầu:

- Tôi đã xem xét kỹ nhiều lần sự di chuyển của các vì tinh tú và quả quyết rằng tai họa chắc chắn sẽ xảy ra, đúng như lời tiên tri từ nhiều năm trước.

Hoàng đế Heracles gật đầu:

- Nếu thế, chúng ta phải thi hành ngay kế hoạch đưa số người đã được chọn đến các bờ bến an toàn. Hôm nay ta muốn duyệt xét lại

danh sách này một lần nữa và cho tiến hành ngay kẻo trễ. Các ông đã chuẩn bị danh sách đầy đủ chưa?

Cha tôi quay sang tôi nói nhỏ:

- Nếu lời tiên tri này đúng thì sẽ có một trận cuồng phong rất lớn ập đến, có thể gây thiệt hại khủng khiếp cho Atlantis. Để bảo tồn nền văn minh của chúng ta, Hoàng đế Heracles đã lựa chọn một số người đại diện cho Atlantis lên những thuyền lớn để đưa họ đến những vùng khác an toàn hơn. Trên mỗi chiếc thuyền, ngoài thủy thủ đoàn là những người với nhiệm vụ đã được chỉ định rõ: giáo sĩ, chiêm tinh gia, khoa học gia, kiến trúc sư, nghệ sĩ, y sĩ, kỹ sư, và thánh nữ. Những người này đều được chọn lựa bởi Hội đồng Trưởng lão từ trước. Và hôm nay sẽ là ngày quyết định.

Tôi hỏi:

- Nếu đã biết trước có tai ương như thế tại sao chúng ta không ra đi hết mà chỉ chọn một số người thôi?

Cha tôi lắc đầu:

- Không ai có thể biết chắc rằng việc này sẽ xảy ra đúng như lời tiên tri. Nếu điều này không xảy ra thì sao? Và dù có muốn đi nữa, chúng ta cũng không đủ thuyền bè để đưa tất cả mọi người đến những nơi đó, nên đa số chúng ta tình nguyện ở lại, chấp nhận số phận nếu tai họa xảy ra.

Theo thứ tự, mỗi vị trưởng lão bước ra trình danh sách những người được chọn cho Hoàng đế Heracles duyệt xét lần cuối. Là trưởng lão đứng đầu trường y, cha tôi có trách nhiệm chọn ra những y sĩ được thu xếp lên thuyền. Điều bất ngờ là khi công bố danh sách, tôi không thấy mình có tên trong đó. Tại sao lại như thế được? Tôi là một trong những y sĩ có kiến thức cao, hơn cả những người có tên trong danh sách kia. Chuyện gì đã xảy ra?

Trong lúc tôi đang bất mãn muốn lên tiếng hỏi cha tôi thì một trưởng lão khác đã bước lên trình danh sách các thánh nữ được chọn. Tôi

choáng váng! Kor, người thiếu nữ mà tôi đang muốn chiếm đoạt, có tên trong đó. Một cảm giác mất mát, hụt hẫng lạ lùng khiến tôi đâm ra khó chịu và tức giận.

Sau khi duyệt qua danh sách, Hoàng đế Heracles chỉ thị cho viên tướng hầu cận đứng gần đó:

- Ngươi liên lạc ngay với những người có tên trong danh sách này, đưa họ đến địa điểm đúng vào giờ giấc đã định. Những con thuyền sẽ phải nhổ neo ra khơi ngay, không được chậm trễ. Thuyền trưởng và thủy thủ đoàn đã biết họ phải làm gì. Đây là việc hệ trọng, phải thi hành thật chuẩn xác.

Tuy vẫn đang bất bình về việc cha không chọn mình, nhưng đầu óc tôi lúc đó lại bị chi phối quá mạnh bởi việc người thánh nữ mà tôi muốn chiếm đoạt sẽ phải rời xa nơi đây, đồng nghĩa với ham muốn của tôi sẽ không đạt được. Hơn lúc nào hết, ý nghĩ chiếm đoạt “trái cấm” kia đã hoàn toàn chi phối tôi. Đầu óc tôi nổi lên vô vàn mưu tính nên tôi không còn để ý gì đến chung quanh, cho đến khi buổi họp kết thúc, và mọi người rời cung điện ra về.

Khi đó, cha nhìn tôi lạ lùng, rồi giải thích:

- Ta biết con sẽ hỏi tại sao ta không chọn con vào danh sách những người được đưa đi xa. Nhưng những người được lựa chọn sẽ ảnh hưởng đến tương lai của Atlantis, ta không thể đưa tên con vào đó được.

Tôi hết sức bất mãn:

- Cha không nghĩ con xứng đáng hơn những người đã được chọn ư? Hay cha nghĩ kiến thức của con không bằng những người khác?

Cha tôi lắc đầu:

- Không phải thế, kiến thức của con vượt xa những người kia, nhưng sở dĩ con không được chọn vì chúng ta không muốn mang nền tà giáo mà con đang theo đuổi đến bờ bến an toàn kia.

Một tiếng sét ngang tai! Tôi không ngờ cha tôi lại biết việc tôi đang theo học những nghi thức bí mật của nền tôn giáo xứ Og.

Trong lúc tôi vẫn bối rối chưa biết phải nói gì thì ông tiếp tục:

- Lúc đầu ta đã đưa tên con vào danh sách này, nhưng khi duyệt xét với các trưởng lão trước khi trình lên Hoàng đế Heracles thì ta được báo cáo về việc con đã bí mật theo đuổi những nghi thức của các giáo sĩ xứ Og. Ta biết lòng ham mê học hỏi của con, nhưng việc sử dụng những động lực mà con không thể kiểm soát này sẽ mang đến những hậu quả không thể lường được. Chúng ta không thể để cho cái tôn giáo ma quái kia ảnh hưởng đến tương lai tươi sáng của nền văn minh mà chúng ta sẽ xây dựng ở bờ bến an toàn được.

Cha tôi nghiêm giọng:

- Là người Arya, con đã vi phạm một nguyên tắc rất quan trọng của xứ này và phải chịu trách nhiệm về việc con làm. Đáng lẽ con đã bị bắt giam ngay nhưng ta đã xin phép để nói chuyện riêng với con. Đối với ta, con không xứng đáng là người xứ Arya nữa và cây gậy ngọc mà con sở hữu sẽ phải hoàn trả lại cho ta.

Tôi thấy cha tôi ra dấu cho hai người lính đang đứng gần đó bước lại. Tuy chấn động vì sự kiện bất ngờ này nhưng tôi cũng phản ứng ngay bằng cách hung hãn rút cây gậy ngọc ra. Thay vì trao cho cha tôi, tôi lùi lại vung cây gậy lên trước mặt để đe dọa kẻ nào muốn đến gần. Mặc dù đó là cây gậy dùng để chữa bệnh nhưng cũng là một thứ vũ khí toàn năng vì người điều khiển có thể dùng nó để tách rời nguyên tử trong cơ thể người khác.

Dĩ nhiên những người lính kia biết rõ sự lợi hại của cây gậy ngọc, tuy có gươm giáo sẵn trên tay nhưng không ai dám tiến đến gần tôi, chỉ dám bao vây chung quanh. Tôi bất ngờ xoay người lại, dùng gậy mở đường tháo chạy khỏi cung điện. Cha tôi quát lên ngăn cản nhưng tôi vẫn cắm đầu chạy thẳng, bỏ xa quân lính đang đuổi theo. Tôi không hiểu sao mình lại có thể chạy nhanh đến thế. Tôi mải miết chạy qua các đường phố quanh co cho đến khi dừng chân trước căn nhà mà tôi thường đến học nghi thức tế lễ của nền tôn giáo xứ

Og. Beru vừa mở cửa tôi đã trút tất cả giận dữ trong lòng ra và kể cho hắn nghe về kế hoạch của Hoàng đế Heracles.

Beru nghe xong rồi bật cười:

- Việc địa cầu chuyển trục đưa tai họa đến Atlantis không phải là điều gì mới. Các nhà tiên tri Atlantis đã nói về việc này từ lâu rồi. Từ xưa, mọi nước đều đã có kế hoạch đưa người đến những lục địa chưa có người ở để định cư. Tuy nhiên, hiện nay chưa nước nào thực hiện được vì chiến tranh giữa Og và Poseida đang đến hồi quyết liệt. Có lẽ Hoàng đế Heracles muốn chiếm độc quyền việc di cư này vì số người được chọn đến đó đều là người Arya, theo luật lệ và tôn giáo của Arya, không phải của Og hay Poseida.

Tôi hơi giật mình vì sự hiểu biết của hắn. Beru nói tiếp:

- Những lời tiên tri này đã được đề cập đến cả mấy năm nay rồi chứ đâu phải là điều gì mới đâu. Việc Hoàng đế Heracles lại vội vàng đưa người rời khỏi đây ngay như thế cho thấy ông ta có một âm mưu gì khác, đúng không?

Beru trầm ngâm, rồi gật đầu như đã tìm được câu trả lời:

- Hiện nay cuộc chiến giữa Og và Poseida trước sau cũng sẽ lan đến Arya. Phe nào thắng sẽ quyết định số phận của Arya. Từ trước đến nay, Arya vẫn là một cái gai

đối với Og và Poseida vì tôn giáo thờ Thái Dương với những giáo điều khắt khe, khác hẳn với tôn giáo của Og và Poseida. Người dân Arya vẫn tự hào là một tộc người thuần khiết, không bao giờ ngẫu phối với những giống người khác. Chiến tranh đang lan rộng khắp nơi, nếu Og hay Poseida xâm lăng Arya thì liệu triều đại của Heracles có thể tồn tại được không? Có lẽ thấy không thể giữ được ngôi vị tại đây nên Hoàng đế Heracles muốn dời đô đi nơi khác chăng?

Lý giải đó của Beru đã đáp ứng được cho thắc mắc của tôi. Trong cuộc chiến gần đây, đội binh ”nửa người, nửa thú” của Og đã sáng

chế ra những vũ khí mới lạ nên đã chiếm phần thượng phong. Nếu Poseida thất thủ thì Arya cũng không thể tránh khỏi số phận như Poseida. Trước sau gì người dân xứ này cũng sẽ bị bắt làm nô lệ hay bị thay đổi thành một giống người khác.

Tôi run giọng:

- Nếu Hoàng đế Heracles âm mưu dựa vào những lời tiên tri vu vơ bỏ xứ ra đi để tiếp tục cai trị ở một nơi nào đó tức là mọi người, kể cả những vị trưởng lão, đã mắc mưu của hắn rồi. Thay vì trốn đi một mình, hắn lại mang theo một số người có khả năng xây dựng một xã hội mới, tại một nơi chốn an toàn. Đã thế hắn lại còn kéo theo một số giáo sĩ và thánh nữ trong đền thờ Thái Dương để mang nền tôn giáo này đi theo. Quả là âm mưu thâm độc.

Beru đồng tình phụ họa theo:

- Khi Heracles và số người thân tín bỏ Arya ra đi thì trước sau gì nơi đây cũng sẽ thuộc về Og hay Poseida và cái tôn giáo thờ Thái Dương sẽ bị loại bỏ. Khi đó, chúng ta muốn gì chẳng được.

Tôi không kìm được nữa:

- Thánh nữ Kor cũng được đưa đi lánh nạn phương xa, tôi thì không. Mà cô ta lại là người mà tôi đang thèm muốn.

Beru bật cười lớn:

- Tôi không ngờ anh lại thích cô thánh nữ đó? À mà cũng dễ hiểu thôi, cô ấy xinh đẹp quá mà! Nếu muốn, tại sao chúng ta không lập mưu bắt cô này về hầu hạ ít lâu. Trong lúc Hoàng đế Heracles bận rộn mang hàng trăm người lên thuyền, đâu ai để ý đến một người bị thất lạc.

Beru là người đa mưu túc trí khác thường nên chỉ một thoáng hắn đã đưa ra ngay một kế hoạch hết sức táo bạo. Theo kế hoạch, một viên quan triều đình sẽ liên lạc với những người có tên trong danh sách để đưa họ đi. Mặc dù đang bị truy nã nhưng tôi vẫn tìm ngay

được người giữ trọng trách đưa những thánh nữ lên thuyền. Chỉ một liều thuốc mê, tôi đã khiến hắn ngủ mê mệt, rồi đoạt lấy binh phục và ấn tín của hắn để đi đến đền Thái Dương.

Đền thờ Thái Dương của các thánh nữ được coi là một nơi chốn linh thiêng, rất ít ai được phép lui tới, nhất là đàn ông. Tuy nhiên, bà thánh trưởng đã được thông báo từ trước nên không hỏi gì mà đưa tôi, trong binh phục của viên quan triều đình, tiến thẳng vào một căn phòng phía sau đền thờ. Những thánh nữ có tên trong danh sách được đưa vào gặp tôi.

Bà thánh trưởng căn dặn:

- Các con đã được ta huấn luyện từ nhiều năm nay cho việc này. Bây giờ đã đến lúc các con thi hành. Đây là người có nhiệm vụ đưa các con đi, các con phải tuyệt đối tuân theo chỉ dẫn của người này.

Tôi lên tiếng:

- Những chiếc xe đón các cô lên đường đã sẵn sàng. Tôi sẽ chỉ định người nào đi xe nào vì mỗi xe sẽ đưa các cô đến những địa điểm khác nhau, nơi những con thuyền đang chờ sẵn.

Những thánh nữ đã biết trước nhiệm vụ của họ nên không ai tỏ vẻ ngạc nhiên. Họ mau chóng yên lặng thu xếp hành trang rồi theo tôi lên đường. Bước khỏi đền thờ, tôi vừa cảm thấy lo lắng, lại vừa phấn khích như loài thú dữ sắp vồ được con mồi. Mặc dù cố tự chủ nhưng đầu óc tôi đột nhiên rối loạn như linh cảm được một điều gì bất thường có thể sắp diễn ra.

Trước mặt tôi là những chiếc xe đã chờ sẵn trong màn đêm tối. Tôi thấy Beru cũng ngồi chờ trên một chiếc xe gần đó. Dưới sự chỉ dẫn của tôi, các thánh nữ lần lượt bước lên những chiếc xe đã được chỉ định. Trong khi những chiếc xe khác chở các thánh nữ theo kế hoạch tiến ra bờ biển để lên thuyền thì chiếc xe của Beru lại chở Kor đi ngược hướng đến căn nhà riêng của hắn.

Vì biết các thánh nữ đều có lời thề giữ mình trong sạch, thà chết chứ không chịu khuất phục bất cứ một sức mạnh nào nên theo mưu tính của Beru, tôi đã tổ chức ngay một buổi tế lễ tà thuật với một số nam nữ mà trong đó rượu và các dược chất chuẩn bị trước được sử dụng tối đa. Thánh nữ Kor được hộ tống đưa xuống một căn hầm kín riêng biệt được đục âm sâu vào vách núi và bị ép uống một ly rượu trộn với máu súc vật cùng các dược chất kích thích đặc biệt để cô không còn khả năng tự chủ hay kháng cự tôi nữa. Sau ly rượu, Kor chỉ yếu ớt phục tùng con thú dữ đang bùng phát dữ dội trong tôi. Tôi không hiểu tại sao lúc đó mình lại có thể làm một việc đồi bại và đầy thú tính từ chinh phục đến giày vò một thánh nữ trong trắng ngây thơ trong niềm hoan lạc, hả hê đến như thế. Nhưng lúc đó tôi không phải là tôi ngày hôm nay, mà là một con người hoàn toàn khác, một kẻ có thú tính, tham lam và ích kỷ như đa số đàn ông Atlantis lúc bấy giờ. Đến gần sáng Kor đã thiếp đi cùng với tôi.

Điều không ai ngờ là khi Hoàng đế Heracles và quân sĩ hộ tống những người được chọn vừa rời khỏi thành phố thì một đội binh ”nửa người, nửa thú” của xứ Og đã bí mật đột nhập vào Arya. Những “đứa con của Belia” mặc áo giáp bằng một thứ kim loại đặc biệt, gươm giáo không đâm thủng, tấn công binh sĩ phòng thủ của xứ Arya. Chẳng bao lâu, đám binh sĩ hung dữ đã chiếm Arya, dân chúng trở thành những miếng mồi ngon cho đội quân hung hãn này.

Trong khi chiến tranh xảy ra khắp Arya thì chúng tôi vẫn đắm mình trong cuộc truy hoan vô độ dưới căn hầm sâu, không biết gì về những việc xảy ra bên ngoài. Hôm đó, tôi tỉnh giấc trong một trạng thái bơ phờ sau đêm hoan lạc điên cuồng với những vò rượu pha máu và dược chất khi thực hành những nghi thức ma thuật với người thánh nữ đáng thương kia. Tuy thỏa mãn vì đạt được điều tôi muốn nhưng thật ngạc nhiên là rốt cuộc nó lại không đem lại cho tôi cảm giác mà tôi từng mong ước.

Việc chiếm đoạt được người thánh nữ xinh đẹp lúc đang bị mê man không thể chống cự này, không hiểu sao lại khiến cho tôi cảm thấy dằn vặt khó chịu, khác hẳn những lần ái ân với những cô gái khác trước đó. Tôi lảo đảo bước ra khỏi căn hầm tối đầy những thân thể

trần truồng vẫn ngủ say sau cuộc truy hoan và chợt nghe thấy tiếng kêu la thảm thiết từ bên ngoài đường phố vang vọng vào.

Tôi vừa mở cửa bước ra khỏi nhà thì đã thấy ngay một cảnh tượng khủng khiếp với những xác chết nằm la liệt, lũ quái vật ”nửa người, nửa thú” đang cấu xé, ăn thịt nạn nhân. Binh lửa khắp nơi. Đám lính hung dữ xứ Og đang hung hăng cướp phá và tàn sát những người dân lành vô tội.

Một đám lính xứ Og nhìn thấy tôi nên lập tức xông đến. Biết không thể chống cự, tôi tháo chạy vào đường hầm. Đám quái vật lập tức xông vào theo. Tôi chạy đến chỗ Kor đang nằm, nhặt lấy cây gậy ngọc khiến nó bật lên những tia sáng chói lọi. Đám quân sĩ hung dữ vội vã lùi lại vì chúng biết rõ sự lợi hại của thứ vũ khí này. Một khi đụng vào cây gậy này thì nguyên tử trong thân thể chúng có thể bị phá tan ngay.

Chưa bao giờ tôi thấy mình sợ hãi như lúc đó. Mặc dù có vũ khí trong tay nhưng nhìn đám binh sĩ lông lá xồm xoàm kia, tôi không biết phải đối phó thế nào. Một tên có vẻ như là người chỉ huy chăm chú nhìn cây gậy ngọc, rồi ra lệnh:

- Các ngươi tránh ra cho hắn đi, và chớ có đụng vào vật đó.

Mặc dù đám lính có ý tránh sang một bên để cho tôi đi nhưng chúng vẫn nhìn chằm chằm những người tham dự buổi tiệc đang sợ hãi rút vào một góc nhà. Tôi quay lưng dựa vào vách tường, cầm chặt cây gậy thủ thế, bước chậm từng bước một, lách qua kẽ hở mà đám lính đã nhường cho tôi đi để thoát thân. Ngay lúc đó, khi quay lại, tôi bắt gặp ánh mắt long lanh đang sợ hãi của Kor nhìn tôi như van lơn. Nếu tôi bước ra khỏi căn hầm, Kor và những người trong đó chắc chắn sẽ trở thành nạn nhân thảm thương của đám quái vật kia.

Không hiểu sao một cảm giác thương xót kỳ lạ trào dâng trong tôi. Thật khó có thể giải thích cảm giác này vì với thân xác hung bạo, tham lam, ích kỷ của người Atlantis khi đó, tình thương hay lòng trắc ẩn vẫn là một cảm giác mới lạ, chưa hề có. Như có một sức mạnh

nào đó thúc đẩy, tôi quay người chạy nhanh vào nắm chặt tay Kor, kéo cô đi theo, tay kia vẫn nắm chặt gậy ở thế sẵn sàng đánh trả.

Đám binh sĩ hung dữ trừng trừng mắt tức tối nhìn theo tôi mang Kor đi ngay trước mắt nhưng không dám ra tay vì biết rằng nếu chạm vào cây gậy này thì thân thể chúng sẽ nát như bụi. Khi ra khỏi nhà Beru, tôi không biết đi đâu vì khắp nơi lửa cháy ngùn ngụt, khói đen bốc mù trời, chung quanh là tiếng kêu la thảm thiết của nạn nhân chiến cuộc.

Trong phút hoảng sợ, tôi đã có ý định bỏ mặc Kor lại để tìm lối thoát thân nhưng Kor vẫn nắm chặt tay tôi không rời. Mới vài hôm trước, Kor là một thứ “trái cấm” mà tôi ao ước, nhưng hiện nay người thánh nữ này không còn là điều quan trọng đối với tôi nữa. Những gì tôi muốn tôi đã chiếm được, tôi đã thỏa mãn và giờ là lúc tôi phải tìm cách thoát thân, giữ lấy mạng sống.

Đối với người Atlantis, vô cảm là một điều bình thường vì đa số mọi người vẫn sống bằng bản năng man rợ chứ chưa phát triển về tình cảm. Tuy Kor chỉ yên lặng đi theo nhưng nhìn nét mặt sợ hãi tuyệt vọng của cô, tôi hiểu rằng nếu bỏ mặc Kor lại thì chắc chắn cô không thể thoát khỏi nanh vuốt của đám quái vật kia. Bỗng nhiên ngực tôi rung động một cách lạ lùng dù tôi không biết đó là cảm xúc gì. Không hiểu sao tôi vẫn nắm chặt tay Kor tiếp tục chạy đi.

Trên đường, có lúc tôi phải chiến đấu với một vài tên lính xứ Og và tôi đã giết chúng bằng cây gậy ngọc. Đây là lần đầu tôi giết người, nhưng lúc đó tôi không ý thức gì về việc làm của mình vì chỉ muốn thoát thân. Chúng tôi chạy băng qua những con phố khói lửa, đầy xác người, máu me lênh láng. Nỗi sợ hãi mỗi lúc một tăng khiến đầu óc tôi căng thẳng như muốn nổ tung nhưng tôi vẫn nắm chặt lấy tay Kor không rời.

Tôi gặp một đám lính Arya đang cố thủ ở vài địa điểm quan trọng, họ cho biết phần lớn các trưởng lão đều rút vào đền thờ Thái Dương trên đỉnh núi và chỉ có nơi đó là tương đối an toàn. Tôi bèn kéo Kor chạy thẳng lên đó.

Khi bước vào đền thờ Thái Dương, tôi thấy cha tôi và các trưởng lão, họ vẫn bình tĩnh ngồi yên như đang chờ đợi điều gì. Mặc dù thấy tôi nhưng cha tôi vẫn không nói gì. Tuy nhiên, bà thánh trưởng của đền thờ kinh ngạc khi thấy Kor phờ phạc trong y phục tơi tả, bà vội vã bước lại. Ngay lúc đó, Kor tuột ra khỏi tay tôi, ngã gục xuống đất khóc nức nở. Không khí trong đền thờ đột nhiên trở nên ngột ngạt vì tiếng khóc ấm ức của Kor.

Tôi rụt rè bước đến cạnh cha tôi. Ông vẫn ngồi im không tỏ thái độ gì. Tôi chưa kịp lên tiếng thì bất ngờ một tiếng nổ long trời vang lên, khắp mặt đất rung chuyển. Đền thờ cũng rung động dữ dội, bụi cát văng lên tứ tung. Tôi bàng hoàng chưa biết phải làm gì thì cha tôi đã chỉ tay ra cửa sổ nói:

- Đến lúc rồi!

Tôi hiểu ngay điều ông muốn nói. Cơn địa chấn được tiên đoán sẽ xảy ra đã bắt đầu.

Đền Thái Dương được xây trên đỉnh núi cao, từ đó người ta có thể nhìn thấy toàn bộ kinh đô Arya ở phía dưới. Từ cửa sổ trên cao, tôi thấy một luồng nước khổng lồ từ dưới biển đang dâng lên, cuốn trôi nhà cửa ở phía dưới. Thật là cảnh tượng hãi hùng. Luồng nước dâng lên cuồn cuộn, ngập khắp thành thị, đồng bằng, cây cối ngã rạp, bật gốc dưới sức mạnh của luồng nước. Sóng bủa cao như núi, mặt đất rung rinh rồi nứt ra từng mảnh, nhà cửa khắp nơi sụp đổ, lửa cháy đỏ trời, đất đá bể nát văng khắp nơi. Tiếng người kêu la khóc than thảm thiết pha lẫn với những tiếng sấm nổ vang trời.

Tôi hoảng hốt muốn tìm chỗ thoát thân. Cha tôi lên tiếng:

- Không chạy được đâu. Số phận của tất cả đã đến lúc kết thúc. Chúng ta đã biết trước việc này rồi, chỉ tiếc cho con không nghe lời ta mà phạm vào những điều cấm.

Ông không nói hết câu vì khi đó mặt đất tiếp tục rung chuyển dữ dội, những cây cột đá chống đỡ đền thờ cũng đồng loạt chuyển động theo. Tôi lặng người đi vì sợ hãi, chỉ chốc lát thôi mái đền sẽ sụp

xuống, đè nát mọi vật bên dưới, và nước triều sẽ dâng lên đây, tất cả sẽ chìm sâu trong dòng nước.

Ngay lúc đó, bà thánh trưởng xông đến chỗ tôi, quát lớn:

- Tên khốn nạn kia, mi đã làm gì con ta? Đáng lẽ nó đã thoát được tai biến này, sao mi lại dám…

Bà không thể nói hết câu vì đất đá bay lên mù mịt và tiếng gầm rú của luồng nước đã át đi giọng nói của bà. Tôi thấy các trưởng lão đang trừng mắt nhìn tôi, tiếng quát tháo của bà thánh trưởng chìm vào tiếng gầm rú của dòng nước hung dữ đang ập lên đến đền thờ.

Tôi bất ngờ cảm thấy trong mình một sự chuyển biến lớn, trong tôi nhen nhóm những cảm giác mà tôi chưa từng biết đến trước đây. Một cảm giác vừa thương xót vừa hối hận, dù tôi chưa thể gọi tên. Tôi thấy Kor vẫn nằm phủ phục dưới nền đá bất chấp luồng nước của trận đại hồng thủy đang bắt đầu tràn vào đền.

Như có một điều gì đó thôi thúc từ bên trong, tôi bước nhanh đến người thánh nữ đáng thương của mình. Trong lúc mọi vật chung quanh đang vỡ nát dưới sức mạnh của cơn địa chấn, tôi quỳ một chân, cúi người xuống sát Kor, cầm chặt tay nàng thì thầm một câu mà có lẽ chưa từng có trong ngôn ngữ của người Atlantis chúng tôi:

- Kor nàng ơi! Ta rất lấy làm tiếc. Ta xin lỗi nàng! Ta...

Chưa kịp nói dứt câu những gì trái tim tôi muốn nói, mái đền đã đổ sụp xuống đè nát tất cả mọi vật bên dưới. Tôi thoáng nhìn thấy đôi mắt Kor cũng đang nhìn tôi lạ lùng, đôi môi cô mấp máy như muốn nói nhưng không kịp vì dòng nước đã ập vào cuốn phăng mọi thứ. Tôi rất tiếc là Kor không nghe được câu sau cùng tôi chưa nói hết:

"...Ta sẽ không bỏ nàng!" khi nước đã tràn vào cổ họng tôi. Tôi cố nắm chặt lấy tay Kor nhưng không được nữa, Kor đã bị luồng nước mạnh giật khỏi tay tôi, bị cuốn đi mất hút... Tôi gào thét nhưng không kịp thành tiếng... Vạn vật đã chìm trong luồng nước xoáy hung dữ điên cuồng, rồi tôi không còn hay biết gì nữa...

***

Tôi thấy mình lại đang ngồi trên chiếc ghế bành trong căn phòng khách nhà ông Kris. Chiếc gậy ngọc để bên cạnh nhưng bảy viên ngọc đã không còn phát ra ánh sáng nữa. Ông Kris thân mật hỏi:

- Ông thấy thế nào?

Tôi bàng hoàng một lúc, rồi lên tiếng:

- Không lẽ… chuyện này có thật sao?

Ông Kris im lặng nhìn tôi, không trả lời. Tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh nhưng mồ hôi vẫn toát ra như tắm. Tôi lẩm bẩm nói một mình:

- Sao lại như thế được? Không lẽ tôi lại có thể nhớ được tiền kiếp? Phải chăng tôi bị thôi miên hay một lực truyền dẫn nào đó tái hiện quá khứ cho tôi? Nhưng dù có thôi miên thì mọi thứ không thể nào hiện ra rõ mồn một như một cuốn phim như vậy được? Những người bị thôi miên khi tỉnh dậy thường không nhớ gì hết nhưng tôi thì nhớ rõ đến từng chi tiết.

Sau một lúc xúc động, tôi lấy lại bình tĩnh và hỏi:

- Ông có thể giúp tôi giải thích việc này được không?

Đến lúc đó, ông Kris mới trả lời:

- Ông đã hồi tưởng trở lại kiếp sống xa xưa khi ở Atlantis, nhưng ông còn sống nhiều tiền kiếp khác nữa. Nếu muốn, ông có thể hồi tưởng lại những kiếp đó vì ông đã từng làm việc này từ trước rồi. Dĩ nhiên hiện nay ông không nhớ đâu, nhưng rồi ông sẽ nhớ.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng ông có thể giải thích cho tôi việc này được không?

Ông Kris suy nghĩ một lát, rồi lên tiếng:

- Này ông bạn, cuộc đời chúng ta trải qua hiện nay chỉ là một phần nhỏ của một đời sống kéo dài hàng trăm ngàn năm mà trong đó chúng ta học hỏi, thu thập kinh nghiệm để tiến tới sự hiểu biết thật sự. Đời sống là một trường học vĩ đại mà trong đó người ta học những gì cần phải học. Có người học rất nhanh qua những kinh nghiệm; và có những người không chịu học hay học chậm, do đó họ cứ phải học mãi. Trong trường đời này, đau khổ là bài học tốt nhất vì chỉ trong đau khổ người ta mới chịu học. Nếu quá dễ dàng sung sướng, ít ai học được gì cả.

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng chúng ta phải học gì?

Ông Kris mỉm cười:

- Chúng ta học để biết rõ mình thật sự là ai? Để biết mối liên hệ giữa chúng ta và những người khác. Để biết sự liên quan giữa chúng ta với vũ trụ. Để biết về những quy luật của sự sống và vũ trụ. Trong vũ trụ có những quy luật bất biến, không bao giờ thay đổi nhưng không mấy ai để ý đến. Quy luật quan trọng ông cần phải học lúc này là luật Luân hồi và Nhân quả.

Ông Kris nhìn tôi thăm dò, rồi tiếp tục giải thích:

- Con người thật ra chỉ là những năng lượng trong vũ trụ. Những năng lượng này tạm được gọi là “thực thể”, mặc dù cách gọi này không chính xác lắm. Thực thể sẽ hóa hiện trong các thân xác khác nhau, trải qua nhiều kiếp sống khác nhau, để học hỏi, lúc tái sinh thành người, lúc thành thú vật, lúc thành các sinh vật ở các cõi giới khác để học những bài học mà họ được định phải học.

Vậy những thực thể này học như thế nào? Chúng học qua một quy luật gọi là luật Nhân quả. Luật này nói rằng mọi tư tưởng, lời nói hay hành động phát xuất từ thực thể sẽ tạo ra những kết quả, xấu hoặc tốt, trong tương lai, và kết quả này sẽ bắt buộc thực thể phải chịu trách nhiệm về những việc làm của mình. Cũng giống như một học sinh trải qua các kỳ thi, có khi học sinh thuộc bài và thi đậu nhưng có

khi thi rớt và phải học lại cho đến khi học được bài học. Điều này đã được ghi rõ qua câu “Gieo giống nào, gặt giống đó”, hay “Trồng cam được cam, trồng ớt được ớt”, hay “Gây nhân nào, gặt quả nấy”.

Tôi hỏi:

- Nếu tôi gây ra đau khổ cho người khác thì tôi sẽ phải trả giá bằng sự đau khổ mà người khác tạo ra ngược lại cho tôi đúng không?

Ông Kris mỉm cười:

- Dĩ nhiên rồi! Như ông đã biết, vật lý cũng đã nói rõ “Bất cứ một lực tác động nào cũng đều có phản lực tương ứng”. Tuy nhiên, có khi phản lực xảy ra ngay, có khi nó tiềm ẩn và xảy ra vào lúc khác, có thể trong kiếp này, có thể trong kiếp sau.

Lúc đó tôi nghĩ đến cô thánh nữ Kor và hối hận về việc mình đã gây ra với cô ấy. Tôi hỏi:

- Nếu thế, một ngày nào đó Kor cũng sẽ trả thù tôi bằng hành động tương tự sao?

Ông Kris gật đầu:

- Giữa ông và Kor đã có một mối liên hệ trải qua rất nhiều kiếp sống, khi hồi tưởng lại những kiếp sống quá khứ, ông sẽ hiểu rõ hơn. Lúc ở Atlantis, ông chỉ là một thực thể non dại, nên tư tưởng và hành động có tính ích kỷ, độc ác mang tính bản năng, vì ông của khi đó đã quen sống trong một môi trường mà sự ích kỷ, độc ác, tham lam, chiếm đoạt là điều bình thường. Ở kiếp sống đó ông chưa thức tỉnh về tình thương, lòng trắc ẩn, hay sự hối hận. Nếu ông không học về những đức tính này qua những kiếp sống sau đó để thay đổi thì ông chắc chắn không thể được như ngày nay. Tuy nhiên, có rất nhiều người mặc dù trải qua nhiều kiếp sống nhưng vẫn chưa học được gì để tốt hơn, vì thế cuộc đời của họ ngày nay vẫn triền miên đau khổ. Họ là những người cần phải học thêm bởi vì trong đau khổ họ mới thức tỉnh để học.

Tương tự như thế, có những người tưởng mình đã học được điều gì đó, nhưng khi gặp đúng hoàn cảnh thích hợp thì thói quen, tính xấu khi trước lại nổi lên và hành động của họ không khác gì người xấu. Điều này có nghĩa là họ chưa nắm vững bài học trước đây và sẽ phải học lại, tư tưởng, lời nói và hành động của họ là nguyên nhân đưa đến sự đau khổ để buộc họ phải học. Người có lương tâm, trách nhiệm, biết lắng nghe và cảm thông với người khác thường là những thực thể đã học được bài học mà họ cần học. Họ đã trải qua nhiều kiếp, có kinh nghiệm học hỏi, nhờ vậy tính tình, tư tưởng và hành động của họ mới tốt đẹp như thế.

Một thực thể phải trải qua nhiều kiếp sống, lúc làm người, lúc làm thú vật, lúc làm sinh vật ở cõi giới khác để trải qua những tình huống khác nhau mà học tập. Tùy theo những tư tưởng và hành động mà họ làm, họ sẽ tái sinh vào những hình hài khác nhau chứ không phải lúc nào cũng đầu thai thành người. Kẻ hung dữ thường tái sinh thành con vật bị đánh đập tàn nhẫn để học bài học về sự đau khổ mà họ đã gây ra cho người khác. Dĩ nhiên khi phải trải qua nhiều kiếp sống bị đày đọa, đánh đập tàn nhẫn, họ mới ý thức được hậu quả việc làm của mình và chịu học.

Khi người này bắt đầu học được, mỗi khi họ có hành động độc ác, tự nhiên có một cái gì đó thúc giục họ ngừng tay, ta gọi là tiếng nói của lương tâm. Tiếng nói thầm lặng này phát xuất từ những trải nghiệm thu được qua những kiếp sống trước. Nó nằm bên trong một “bộ óc” đặc biệt để nhắc nhở người đó về bài học mà họ cần phải học. Lúc đầu, tiếng nói này không hiệu lực cho lắm vì họ không chịu nghe, nhưng sau nhiều kiếp sống, trải qua nhiều kinh nghiệm đớn đau, nó trở nên mạnh mẽ, đến khi nào thực thể thay đổi và không hành động như thế nữa thì xem như họ đã học được những điều cần phải học.

Tôi chợt thắc mắc:

- Nhưng... nếu vậy, thì tôi đã học được gì?

Ông Kris đăm chiêu nhìn tôi:

- Ông đã học được rất nhiều vì ông là một thực thể thông minh. Nhưng ông phải tự nhận ra những điều ông đã học. Tôi chỉ có thể giúp ông một phần nào thôi vì tự ông phải tìm ra những gì ông muốn biết. Nếu tôi nói ra thì đó chỉ là ý kiến của tôi và ông sẽ dễ dàng bỏ qua hay có thể không tin vào những điều tôi nói. Nhưng khi chính ông trải nghiệm những điều này thì ông sẽ có sự thấu hiểu một cách tự nhiên và rõ ràng hơn.

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi rồi nói tiếp:

- Thật ra những điều này không có gì mới lạ vì đã được các tôn giáo đề cập từ lâu rồi, nhưng đa số mọi người lúc tin lúc ngờ vực, vì đó chỉ là những điều đã được dạy bảo chứ không phải là kinh nghiệm thật sự của riêng mình. Người có đức tin thì dễ tuân theo những bài học răn dạy lý thuyết, nhưng đa số chỉ nghe rồi bỏ qua, do đó họ phải học đi học lại cho đến khi nào họ thật sự thẩm thấu bài học này.

Khi xưa, phần lớn con người đều có đức tin nên tôn giáo giúp cho họ học rất nhanh những gì cần học. Ngày nay, người ta đa số có tính nghi ngờ, chỉ nghe những gì họ muốn được nghe và bỏ qua những gì họ không thích. Do đó, họ thường hành động theo ý thích của mình, bất chấp hậu quả, nên họ sẽ còn phải học rất nhiều.

Tôi hồi tưởng lại ký ức xảy ra, rồi hỏi:

- Theo như trải nghiệm vừa qua, tôi có thể kết luận rằng nền văn minh Atlantis thật sự hiện hữu. Cũng như triết gia Plato đã khẳng định rằng Atlantis đã có một nền văn minh phát triển rực rỡ nhưng sau cùng đã chìm xuống biển qua trận đại hồng thủy, vậy thì những người từng sống ở đó hiện nay ra sao?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi:

- Ông có thật sự muốn biết điều đó không?

Tuy ngạc nhiên vì câu hỏi bất ngờ, nhưng tôi cũng gật đầu.

Ông Kris thong thả nói:

- Đa số mọi người không tin rằng từ ngàn xưa từng có những nền văn minh cao hơn ngày nay nhưng đã biến mất trên bề mặt địa cầu, không còn để lại dấu vết gì. Tuy nhiên, điều này cũng không lạ vì hai trăm năm trước nếu ai đó nói rằng con người có thể bay lên không gian hay tạo ra những thứ vũ khí có thể xóa sổ cả một lục địa thì chẳng ai tin. Nếu quan sát những biến cố xảy ra trong thời gian gần đây, chúng ta thấy rằng chỉ qua hai trận thế chiến mà bao nhiêu quốc gia đã bị xóa sổ và bao nhiêu quốc gia được hình thành. Nếu nhìn xa hơn nữa, chúng ta có thể thấy những đế quốc như Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, hay Mông Cổ với các triều đại kéo dài hàng trăm năm, nhưng hiện nay cũng không còn tồn tại, thì việc một nền văn minh đã tồn tại hàng ngàn năm rồi biến mất qua trận đại hồng thủy cũng không phải là điều không thể xảy ra. Biết đâu vài trăm năm nữa, người ta không còn biết gì đến nền văn minh cơ giới với những phát minh khoa học kỹ thuật ngày nay nữa. Chỉ vài biến cố như chiến tranh, đại dịch, thiên tai thì tất cả đều thay đổi và biết đâu lịch sử lại tái diễn vì chẳng ai học được gì.

Ông Kris dừng lại như để cho tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Nếu biết quan sát, ông sẽ thấy phần lớn những người đã từng sống tại Atlantis khi xưa đang trở lại thời đại này để học bài học mà họ cần học. Mỗi cá nhân có những bài học riêng, nhưng nói chung tất cả đều phải học lại những bài học chưa hoàn thành, và khi học xong thì lại học những bài học lớn lao hơn.

Ông Kris nhấn mạnh:

- Nếu để ý, ông sẽ thấy chỉ trong một thời gian rất ngắn, chưa đầy một thế kỷ, mà đã có biết bao nhiêu phát minh khoa học kỹ thuật ra đời. Trong năm mươi năm qua, số lượng phát minh khoa học kỹ thuật đã vượt trội hơn tất cả những phát minh trong mấy ngàn năm trước. Có bao giờ ông tự hỏi tại sao lại có nhiều phát minh như thế không? Các kiến thức khoa học này từ đâu đến? Phải chăng những người sống tại Atlantis khi xưa đã tái sinh trở lại và mang theo những kiến thức siêu phàm của họ vào thế kỷ này?

Ông Kris ngừng lại một chút dò ý tôi, rồi nói:

- Trong vòng hai mươi năm nữa, ông sẽ thấy có những phát minh hết sức tối tân mà hiện nay mọi người nghĩ không thể xảy ra. Thế kỷ hai mươi mốt này sẽ là khoảng thời gian mà phát minh kỹ thuật tiến bộ vượt xa những thế kỷ trước, nhưng đồng thời những thói quen xấu mà người xưa đã có cũng sẽ cùng lúc trở lại. Ông sẽ thấy tình trạng tham lam, ích kỷ, bóc lột, chiếm đoạt, áp bức xảy ra nhiều hơn trước. Ông sẽ thấy xã hội phân chia ra nhiều đẳng cấp, mà đẳng cấp trên sẽ đàn áp đẳng cấp dưới không thương tiếc. Tình trạng vô cảm, dửng dưng trước sự đau khổ của người khác đã và sẽ xảy ra khắp nơi. Ngay ở nước Mỹ này, tình trạng bất bình đẳng giàu nghèo hay phân biệt chủng tộc đang và sẽ là vấn đề lớn trong tương lai. Ngay tại đây, nơi mà phần lớn người Atlantis đầu thai trở lại, ông có thể thấy khoa học kỹ thuật phát triển mạnh hơn những nơi khác. Câu hỏi là mặc dù đã trải qua bao kiếp sống, nhưng những người này đã học được gì? Mặc dù đây là câu hỏi mang tính cá nhân nhưng cũng là câu hỏi dành cho toàn thể nhân loại. Họ đã học được gì?

Ông Kris ngừng lại một lúc để tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Nếu một lục địa như Atlantis có thể biến mất trên bề mặt địa cầu thì các lục địa khác như châu Mỹ, châu Âu, châu Á hay châu Úc hiện đang hưng thịnh cũng có thể vỡ nát thành nhiều mảnh hay chìm sâu xuống đáy đại dương. Nếu một nền khoa học có thể thay đổi được nguyên tử trong cơ thể để chữa bệnh thì nó cũng có thể biến con người thành một thứ sinh vật “nửa người, nửa thú“, và tôi nghĩ điều này có thể xảy ra vì một số người vẫn chưa học được điều họ phải học, dù đã trải qua nhiều kiếp sống sau đó. Nếu những người tham lam, ích kỷ chưa học được bài học về hậu quả của những gì họ đã gây ra cho người khác thì họ sẽ phải học lại bài học này qua những biến cố cùng cực hơn mà họ không thể tưởng tượng được. Như tôi đã nói, phần lớn con người chỉ học được qua sự đau khổ và bài học đau khổ này sẽ diễn ra vô cùng khốc liệt, ngoài sức tưởng tượng của con người.

Tôi giật mình:

- Ông nghĩ rằng điều này sẽ xảy ra hay sao?

Ông Kris gật đầu khẳng định:

- Nếu để ý, ông sẽ thấy hiện nay đã có những biến động trong tự nhiên như là lời cảnh cáo về sự vô ý thức của con người. Ông có thể thấy các tảng băng khổng lồ từng tồn tại hàng triệu năm ở hai đầu cực trái đất đang tan rã vì hành tinh đang nóng lên, và ít lâu nữa nước biển sẽ dâng lên gây ngập lụt khắp nơi. Những quốc gia ở sát bờ biển sẽ chìm xuống đại dương. Chỉ ít lâu nữa sẽ có những trận hạn hán khủng khiếp và cháy rừng thiêu đốt địa cầu gây ra sự biến đổi khí hậu không thể vãn hồi. Rồi nạn đói, thiên tai, dịch bệnh sẽ tràn lan khắp nơi. Người chết có thể lên đến con số hàng triệu hay nhiều hơn nữa.

Tuy nhiên, đã mấy ai thấy trước được điều này? Hiện nay đa số vẫn sống một cách dửng dưng, vô ý thức, vì tai họa chưa xảy đến với chính họ, gây hệ lụy cho gia đình họ hay quốc gia mà họ đang sống. Nếu nó xảy ra ở một nơi chốn nào khác thì họ thường chẳng quan tâm. Càng ngày con người càng sống một cách ích kỷ, tham lam, phung phí và vô cảm. Họ không biết thế nào là đủ, mà vẫn ham muốn nhiều thứ. Họ tiếp tục phá hoại thiên nhiên không thương tiếc để thỏa mãn lòng ham muốn chiếm đoạt mọi thứ. Họ không bao giờ biết đủ và tiếp tục vơ vét những gì họ có thể chiếm đoạt nên sẽ phải học bài học này dưới những hoàn cảnh mà họ không bao giờ nghĩ là có thể xảy ra cho mình được.

Bất chợt ông Kris ngừng lại:

- Chắc bây giờ Angie đang sốt ruột vì bữa cơm tối rồi. Hình như ông bà muốn mời tôi dùng cơm hôm nay thì phải. Buổi gặp gỡ bữa nay cũng đã đủ, chúng ta còn gặp nhau nhiều lần nữa và tôi sẵn sàng giúp ông truy tìm lại những gì ông muốn biết.

***

Trong lúc chúng tôi nói chuyện về châu Atlantis, ông Thomas cho biết thêm rằng khi xưa, lịch sử Atlantis có ghi nhận những trận động đất, bão tố và sóng thần gây ra nhiều thiệt hại rất lớn, nhưng người dân xứ này chỉ coi đó là những biến cố tự nhiên chứ không để ý đến

hậu quả mỗi ngày một nghiêm trọng và kinh khủng hơn trước khi xảy ra trận đại hồng thủy có một không hai. Ông đã nhớ lại kiếp sống lúc Atlantis bị cơn đại hồng thủy nhận chìm xuống đáy biển và cả nền văn minh này bị tiêu diệt hoàn toàn. Tôi có hỏi ông rằng ông có thể nhớ lại những kiếp sống trước đó nữa không? Ông cho biết chắc chắn ông đã có những kiếp sống trước đó nhưng không nhớ được vì khả năng hồi tưởng của ông còn rất giới hạn.

Tôi hỏi thêm chi tiết về đời sống tại châu Atlantis. Ông nói rằng rất khó có thể diễn tả về đời sống lúc đó cho người hiện tại hiểu được. Lý do là người dân xứ này sống thiên về bản năng, do đó họ hết sức ích kỷ và vô cảm gần giống như loài vật, kiến thức về khoa học của họ cũng phát triển từ bản năng và trực giác, trong khi hiện nay kiến thức của chúng ta phát triển từ bộ óc và sự suy luận. Qua bản năng, người Atlantis có thể hiểu được một vài sự kiện xảy ra trong thiên nhiên và biết sử dụng những năng lực tiềm ẩn này.

Ông tiết lộ rằng người ta có thể tìm thấy di tích những cây cầu xây bằng đá nối liền những hòn đảo của xứ Og với nhau ở ngoài khơi Đại Tây Dương (Bimini road) với các cột chống bằng đá hình tròn (scott stone). Ông còn cho biết thêm rằng ngoài khơi Florida vốn chính là nơi xứ Og tọa lạc khi xưa, người ta có thể tìm thấy di tích các đền thờ sinh vật của cõi giới khác dưới đáy biển. Ông cho biết ảnh hưởng của luồng từ lực ở nơi này vẫn tồn tại và là nguyên nhân gây ra hiện tượng “Tam giác quỷ Bermuda”, nơi tàu thuyền đi ngang thường bị mất tích một cách bí ẩn. Ông cho biết rằng khi tinh tú di chuyển vào vị trí nào đó, sẽ khích động, đánh thức luồng từ lực cực mạnh lạ lùng này tạo ra những trận cuồng phong bất ngờ, đánh chìm tất cả mọi vật quanh đó.

*Phần ba*

# KARMA NGHIỆP QUẢ BÁO ỨNG

---

Chúng tôi ngồi vào bàn ăn trong căn nhà nghỉ dưỡng mới mua, Angie đã sửa soạn một bữa ăn thịnh soạn với những đĩa trái cây được bài trí đẹp đẽ.

Ông Kris vui vẻ nói:

- Đã lâu lắm rồi tôi mới được ăn một bữa như hôm nay. Những đĩa trái cây bình thường này qua bàn tay bài trí khéo léo của bà đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật.

Angie vui mừng nói:

- Cảm ơn ông, tôi rất thích việc bài trí này. Làm bếp đối với tôi là một nguồn vui và mỗi khi nhà tôi mời khách đến chơi nhà, tôi đều đích thân chuẩn bị bữa ăn.

Tôi ngắt lời:

- Nhưng tôi thì không muốn Angie phải bận rộn như thế, bởi vì trong nhà đã có người phụ việc rồi.

Ông Kris mỉm cười quay qua Angie hỏi:

- Bà nghĩ sao?

Angie lắc đầu:

- Họ làm việc vì phải làm chứ không phải thích làm. Phần tôi thì khác, tôi làm vì niềm vui đối với công việc. Nhiều người nội trợ làm việc và cảm thấy cực nhọc, khổ sở như là nạn nhân chứ không phải vì niềm vui. Còn tôi làm vì tôi muốn làm chứ không phải bị ai bắt buộc, do đó nấu ăn hay công việc nội trợ đối với tôi là nguồn vui thực sự. Tôi làm vì tôi yêu nhà tôi nhưng ông ấy không muốn tôi phải mệt nhọc như thế.

Ông Kris lên tiếng:

- Bà nói đúng, nếu quan sát cách mọi người làm việc ngày nay, đa số họ làm việc vì phải làm chứ không phải thích làm. Họ không tìm được nguồn vui trong công việc và kết quả là họ cảm thấy mệt nhọc, chán nản. Nếu biết tìm nguồn vui trong mọi hành động thì cuộc sống là một ân sủng chứ không phải là một sự ép buộc.

Angie quay qua phía tôi:

- Anh thấy chưa, em làm vì yêu thích chứ có ai bắt ép đâu. Khi làm việc, em cảm thấy thích thú và thường huýt sáo hay ca hát nghêu ngao để tâm hồn vui vẻ, thoải mái.

Ông Kris nói:

- Bà thích làm đến thế sao? Hay quá, đã lâu lắm rồi tôi không nghe thấy tiếng huýt sáo. Có vẻ khi xưa mọi người sống vui vẻ, hồn nhiên hơn ngày nay thì phải.

Nghe ông Kris nói vậy, tôi cũng muốn góp thêm đôi lời:

- Ông nói đúng, ngày nay đa số đều bận rộn quay cuồng vì chịu ảnh hưởng của các dịch vụ sản phẩm công nghệ. Nếu không nhắn tin trên điện thoại, xem phim trên tivi thì cũng phải lướt Facebook, Messenger hay xem YouTube nhiều giờ liền trong ngày.

Ông Kris mỉm cười:

- Do đó họ không còn tìm thấy sự bình an trong tâm hồn nữa. Lúc nào họ cũng ở trong tình trạng căng thẳng, báo động và mất đi sự hồn nhiên từ bên trong. Ông sẽ thấy số người bị bệnh thần kinh gia tăng nhiều vì đa số người trẻ bây giờ đều mắc chứng suy nhược tinh thần.

Angie thắc mắc hỏi:

- Nhưng làm thế nào người ta có thể tìm lại niềm vui đã mất đó?

Ông Kris thong thả trả lời:

- Muốn sống thoải mái, trước hết con người phải khỏe mạnh thông qua việc vận động và nghỉ ngơi đúng nghĩa đầy đủ. Nhiều người trẻ phung phí sức khỏe qua những cuộc vui trác táng mà không biết hậu quả tai hại của nó là gì. Khi khỏe mạnh thật sự vừa về tinh thần và thể xác thì ta mới nhìn mọi sự với những khía cạnh đẹp nhất, đúng với những gì bản chất vốn có của nó. Còn khi mệt mỏi, lo toan, căng thẳng đau ốm bệnh tật thì không thể cảm nhận được một luồng gió mát, một tiếng chim hót, một cánh hoa tươi, sự rung động của những chiếc lá lay động trong làn gió nhẹ, âm thanh của một giai điệu bản nhạc hay. Những người trẻ bây giờ làm việc, ăn và ngủ ngay trên bàn làm việc chứ đâu biết tìm sự thoải mái khi nghe bài nhạc yêu thích, đi dạo trong công viên để đầu óc được thư giãn. Họ nói là cần tập trung tìm sự sáng tạo trong công việc nhưng họ đâu có nhận thức được rằng chính sự thoải mái tinh thần mới làm cho bộ óc của họ trở nên lạc quan và sáng tạo hơn.

Angie vẫn thắc mắc:

- Ông nói vậy, chứ tôi thấy nhiều người trẻ bây giờ vẫn tập thể thao đấy chứ, như chạy bộ, tập gym chẳng hạn.

Ông Kris mỉm cười trả lời:

- Họ chạy hay tập gym nhưng đầu óc vẫn bận rộn với đủ thứ việc. Có khi họ vừa chạy vừa tập vừa nghe nhạc hay theo dõi tin tức qua chiếc tivi ở đó hay iPhone. Đó chỉ là vận động thể xác thôi chứ

không phải là nghỉ ngơi, thư giãn. Việc chăm sóc sức khỏe thể chất phải đi đôi với nâng cao sức khỏe nội tâm và tránh nuôi dưỡng các cảm xúc tiêu cực. Khi họ quan tâm chú ý đến từng hành động, từng hơi thở của mình thì họ sẽ vui vẻ, lạc quan hơn. Nếu họ tự đặt cho mình một thông lệ là mỗi ngày chờ đón một niềm vui bất ngờ xuất hiện thì họ sẽ cảm nhận được niềm vui đó. Nếu họ biết tự nói với mình rằng thật may mắn khi được hít thở bầu không khí trong lành vào buổi sáng sớm, hay thật sung sướng khi được giẫm chân lên những chiếc lá khô vàng hay mặt cỏ còn đẫm sương mai, thì họ sẽ tìm được ngay những nguồn vui bất ngờ. Nhờ có cảm nhận tích cực về cuộc sống mà họ mới có đủ sức đương đầu với những khó khăn và vượt qua những trở ngại.

Angie hỏi thêm:

- Nếu thế thì việc tập Yoga hữu ích như thế nào? Hôm qua chúng ta đã nói về Yoga và hình như ông cũng biết về môn này?

Ông Kris gật đầu nói:

- Tôi cũng biết chút ít về Yoga. Thật ra Yoga là một môn khoa học đã có từ ngàn xưa giúp con người hợp nhất với Thượng Đế. Nhưng ngày nay tinh hoa và triết lý của Yoga cổ xưa đã mất dần, chỉ còn lại một số phương pháp tập luyện mà thôi. Hiện nay người ta chỉ biết đến Yoga như là môn thể thao để thư giãn cơ thể. Thí dụ như môn Yoga thông dụng và phổ biến nhất là Hatha Yoga, chú trọng đến các tư thế (asana) để phục hồi những bắp thịt không hoạt động đúng cách. Nếu biết hít thở đều đặn trong khi tập Yoga, người ta có thể phục hồi sức khỏe và thư giãn thân tâm.

Angie hỏi thêm:

- Nếu thế thì Yoga cổ xưa dạy thế nào?

Ông Kris trả lời:

- Theo truyền thống được viết trong kinh Veda thì có ba môn phái hay ba con đường Yoga, là Karma Yoga (con đường hành động),

Jhana Yoga (con đường minh triết) và Bhakti Yoga (con đường sùng tín). Khởi đầu là ba con đường khác nhau nhưng cuối cùng chúng hợp làm một vì tất cả chỉ là những phương tiện mà thôi. Phương tiện có thể khác nhau nhưng mục đích vẫn là một, trở về hợp nhất với Thượng Đế.

Theo quan niệm của Ấn giáo thì vạn vật đều trở về với nguồn cội. Từ ngàn xưa, trong mọi hoàn cảnh, dù dưới tên gọi này hay tên gọi khác, dưới hình tướng này hay hình tướng khác, dù vô tình hay hữu ý, vạn vật đều tìm về nguồn sống thiêng liêng mà chúng phát xuất ra. Chúng ta có thể thấy biển cả tìm về nguồn qua những con sóng trập trùng. Ngọn gió tìm về nguồn khi nó thổi qua mặt đất. Cũng như thế, cây cối trong rừng trổ mầm đơm hoa và các sinh vật lần mò từng bước một. Con người cũng như thế, họ quay về cội qua nhiều hình thức, có khi thanh cao đẹp đẽ nhưng cũng có khi điên cuồng sai lạc.

Khoa học ngày nay gọi sự tìm kiếm này là tiến hóa, hay là sự chuyển hóa để trở nên tốt hơn, rồi tiến đến chỗ tuyệt hảo. Tại sao lại như thế? Vì tất cả mọi vật đều phát xuất từ một nguồn gốc thiêng liêng và phải trở về với nguồn gốc đó – "vạn vật đồng nhất thể". Ấn giáo và một số tôn giáo gọi nguồn gốc này bằng danh từ "Thượng Đế". Phật giáo gọi là "Phật tánh", và khoa học gọi là "năng lượng uyên nguyên" (primal energy).

Theo quan niệm của khoa học, năng lượng này có trong tất cả mọi vật. Từ giọt nước đại dương đến các loại kim thạch, từ thảo mộc đến loài cầm thú hay con người. Nó nằm ở bên trong, ẩn dưới một bức màn hư ảo, hình thức của yếu tố vô minh bên ngoài nên sự tìm kiếm đúng đắn là "quay vào bên trong chứ không phải hướng ra bên ngoài. Sự sai lầm của con người là họ thường tìm kiếm ở bên ngoài", do đó, "ắt sẽ đến lúc họ cảm thấy đau khổ, lạc lõng và mất phương hướng". Lúc đầu, con người đi tìm một cách bản năng vô ý thức, hướng đến sự sung sướng, thỏa mãn tham vọng ích kỷ cá nhân, do đó họ sẽ phải học bài học về sự đau khổ ắt sẽ phải đến. Sau khi học được bài học xương máu đắt giá này, họ bắt đầu hiểu và ngộ ra hơn - tùy người - cuộc tìm kiếm sẽ trở nên có ý thức hơn,

họ biết nhận định rõ mục đích của mình và sử dụng kinh nghiệm đã khắc ghi, đã học hỏi được để tiến về mục đích.

Có nhiều cách giải thích về con đường này tùy theo phong tục, tập quán, và điều kiện địa dư, theo đó sinh ra nhiều tôn giáo khác nhau. Nếu biết cởi bỏ các thành kiến hay các giáo điều chật hẹp của tôn giáo, ta có thể thấy tất cả mọi vật đều tìm về nguồn sống thiêng liêng này.

Angie lên tiếng:

- Tôi vẫn chưa hiểu rõ, xin ông nói thêm về truyền thống Yoga theo quan niệm của Ấn giáo.

Ông Kris trả lời:

- Nếu quan sát kỹ, bà sẽ thấy con người dù sống ở nơi nào cũng đều đang trên lộ trình quay về với cội nguồn thiêng liêng ấy. Con đường này kéo dài qua nhiều kiếp sống, gọi là luân hồi. Người ta chết đi và đầu thai trong kiếp sống khác. Trong mỗi kiếp, họ phải học một số bài học để trở nên tốt đẹp hơn. Có người sớm học được ngay, song cũng có người không chịu học hoặc không học được, do đó họ phải học đi học lại nhiều lần. Đây là một hành trình gian nan kéo dài qua rất nhiều kiếp sống, vì có rất nhiều ảo tưởng gây ra bởi khí lực vô minh gọi là guna.

Khí lực đầu tiên là sự bất động (tamas), nó sai khiến con người không làm gì cả. Bà có thể thấy nhiều người lười biếng, thẫn thờ không muốn làm gì hết. Lúc nào họ cũng chìm trong trạng thái bất động, u mê. Họ sống một cách thụ động, không mục đích, không ý thức mà chỉ biết ăn hay ngủ và chỉ muốn yên thân trong hoàn cảnh đó. Đây là những người có mức tiến hóa rất thấp hay tiến bộ rất chậm nên phải mất thời gian rất lâu để học hỏi. Cũng có những người đã đi được rất xa nhưng lại quay ngược trở về vạch xuất phát chỉ vì họ bị ảnh hưởng bởi các dược chất như bia rượu hay ma túy, nghĩa là bản thân họ ham muốn sự bất động. Họ chưa biết tận hưởng niềm vui từ sự khai ngộ hay sự thỏa nguyện ước vọng tâm

linh, do đó họ còn phải trải qua một thời gian rất lâu trong nhiều kiếp nữa để học hỏi.

Karma Yoga cổ xưa khuyến khích con người hoạt động thay vì bất động. Trên con đường này, con người sẽ đối mặt với rất nhiều ham muốn hay dục vọng để thúc giục họ hoạt động thông qua một khí lực khác, ngược lại với sự bất động.

Khí lực này là sự hoạt động (rajas), nó tạo ra những ham muốn, dục vọng để thúc đẩy con người hành động. Với lòng ham muốn, con người lại hoạt động quá mức. Lòng tham tạo ra những khí lực dồi dào, hung hăng khiến họ lao vào nhiều hoạt động để thỏa mãn sự đòi hỏi. Những người này sẽ đi tìm những thứ bên ngoài, họ thu thập, vơ vét, gom góp tích trữ cho thật nhiều vì nghĩ rằng họ sẽ sung sướng với những thứ vật chất đó. Thật ra đó chỉ là lòng ham muốn, sự ích kỷ, chịu ảnh hưởng bởi khí lực rajas vô minh mà thôi.

Trong giai đoạn này, yếu tố quan trọng nhất mà họ phải học là sự đau khổ. Tất cả những người tham lam, ích kỷ đều phải trải qua bài học về sự đau khổ. Do đó mới có một quy luật gọi là luật Nhân quả. Mọi hành động gây ra đều có phản lực dội lại, gieo nhân nào sẽ gặt quả nấy. Hiện nay đa số nhân loại đều đang đi trên con đường này. Vì họ chưa tìm được niềm hạnh phúc thật sự bên trong nên họ phải tìm vui qua sự sở hữu, chiếm đoạt tài sản vật chất bên ngoài, bởi thế mới có sự bóc lột và chiến tranh. Qua các biến cố này, con người mới thấm thía đau khổ là gì, nhưng để học được bài học, họ còn phải trải qua rất nhiều kiếp nữa vì đây là một bài học rất khó tiếp thu trọn vẹn.

Angie tiếp tục nhờ ông Kris giải thích thêm:

- Nhưng ai đã đặt ra luật lệ này chứ? Và các yếu tố này xuất phát từ đâu?

Ông Kris vẫn vui vẻ trả lời:

- Không ai đặt ra luật lệ này cả vì đó là những quy luật của vũ trụ. Nó hiện hữu và chi phối vạn vật trong vũ trụ. Giống như bà hỏi ai đã làm

trái đất này quay chung quanh một quỹ đạo hay ai đã làm cho mặt trời chiếu sáng thì không ai có thể trả lời được, vì đó là luật vũ trụ. Vì không thể giải thích nên một số người đã tạo ra tên gọi "Thượng Đế" ám chỉ một cá nhân nào đó ngồi trên cao tạo ra luật pháp. Thật ra "Thượng Đế" chỉ là một danh từ để nói về các quy luật của vũ trụ mà thôi.

Hiện nay, trên khắp thế giới, mọi người đều tìm mọi cách để vơ vét, chiếm hữu. Họ làm việc không ngừng chỉ để thu thập được thật nhiều của cải, tài sản vật chất bất chấp mọi thủ đoạn. Từ đó sinh ra đủ thứ tệ nạn như bóc lột, đàn áp, đè nén, áp bức, rồi dẫn đến sự chênh lệch quá lớn về người giàu và người nghèo.

Nếu quan sát kỹ, ta sẽ thấy rõ dù thành công hay thất bại, dù giàu hay nghèo, xã hội nào hiện giờ cũng đều có rất nhiều người mắc bệnh thần kinh - như lo lắng, sợ hãi, buồn rầu, chán nản v.v… Nếu để ý kỹ, bà sẽ thấy càng ngày số người mắc bệnh nan y càng nhiều. Số người chết vì đau tim, đột quỵ nhiều hơn bao giờ hết. Số người mắc các bệnh như ung thư cũng gia tăng nhiều hơn những năm trước. Đối diện với cái chết, họ bàng hoàng, đau khổ và lúc đó họ mới ý thức rằng tiền bạc, của cải, danh vọng không thể giúp họ sống mãi và khi chết họ cũng không thể mang theo thứ gì. Đó là bài học mà họ phải học ở kiếp này. Thật ra việc theo đuổi dục lạc vật chất này không bao giờ chấm dứt và không bao giờ được thỏa mãn. Con người có thể hoạt động cả đời hòng tìm kiếm sự giàu sang nhưng họ vẫn không cảm thấy thỏa mãn. Càng kiếm được, họ lại muốn có nhiều hơn vì lòng tham thì vô đáy. Kinh Veda cũng nói rõ rằng: "Đó chính là lấy dầu để dập tắt lửa".

Trải qua nhiều kiếp sống, nếm trải nhiều nỗi khổ đau, con người mới nhận thức được rằng lúc nào họ cũng bất mãn, buồn phiền, đau khổ. Có nhiều thì lại lo mất đi, không có thì lại muốn được nhiều. Càng thu thập nhiều bao nhiêu, sự lo lắng, buồn phiền càng nảy sinh nhiều bấy nhiêu cho đến lúc họ thấy mệt mỏi, chán chê, cay đắng và hiểu được rằng không bao giờ họ có thể thỏa mãn với của cải vật chất.

Nhận biết được điều đó, một số người từ bỏ tất cả để tìm về đời sống “thoát tục“ qua con đường tu tập, mong có thể thoát khỏi nỗi khổ đau. Nhưng không phải cứ xa lánh mọi sự là con người có thể bỏ được lòng tham vì sự ham muốn sẽ đuổi theo họ đến tận rừng sâu, núi thẳm. Các ham muốn sẽ ám ảnh họ vào mọi lúc. Thể xác, tinh thần họ vẫn bị câu kéo bởi những ham muốn, bởi tình dục xác thân, bởi ao ước điên cuồng vì dục vọng không phải dễ dàng xóa bỏ. Gốc rễ của nó đã bám sâu trong bản chất con người rồi.

Bà có thể thấy những tu sĩ bên ngoài rất thánh thiện nhưng bên trong họ là cả một bãi chiến trường. Bà có thể thấy rất nhiều tu sĩ Ấn Độ tu khổ hạnh, ép xác để kiểm soát thân thể nhằm mục đích thoát khỏi áp lực của dục vọng nhưng người ta không thể quay về với nguồn gốc thiêng liêng thông qua sự ép buộc thân thể như thế được.

Angie muốn ông Kris giải thích rõ hơn nữa thắc mắc của mình:

- Vậy thì họ có thể thay đổi bằng cách nào đây? Chứ tôi nghĩ phải can đảm lắm thì người ta mới có thể từ bỏ vật chất hay đời sống xã hội để rút vào rừng sâu núi thẳm mà ẩn tu hòng tìm thấy sự an lạc.

Ông Kris bật cười:

- Con đường Karma Yoga dạy cho con người hoạt động chứ không ngồi im hay tránh né. Không phải cứ từ bỏ đời sống thành thị để vào rừng sâu hay từ bỏ tài sản vật chất là có thể đổi lấy được sự an lạc tinh thần. Bà có thể thấy nhiều tu sĩ không màng tài sản vật chất nhưng lại muốn được người đời xưng tụng đề cao. Do đó, họ chỉ đổi thứ này lấy thứ khác, nghĩa là vẫn còn ham muốn. Hiện nay không thiếu gì những tu sĩ như thế. Họ có thể thuyết giảng đủ thứ giáo điều cao siêu chỉ để đổi lấy sự khen ngợi hay kính trọng của người đời. Đó chỉ là một sự đổi chác vật chất lấy tinh thần, vì họ chưa xé bỏ được tấm màn vô minh của tham vọng qua bản ngã cá nhân.

Angie vẫn tiếp tục đặt câu hỏi:

- Vậy thì theo ông, họ cần phải làm gì?

Ông Kris trả lời:

- Họ phải tiếp tục đi trên con đường hành động vì chỉ thông qua hành động họ mới có thể học hỏi, thay đổi để trở nên tốt đẹp và hoàn thiện hơn. Họ có thể sống ở thành thị như mọi người nhưng phải biết cách thoát ra khỏi màn sương ảo ảnh của sự vô minh. Họ vẫn làm việc như mọi người, hành động như mọi người nhưng trong tâm đã biết xả ly, dứt bỏ mọi ràng buộc. Họ không từ bỏ bổn phận của mình trong gia đình hay trong xã hội, nhưng họ hành động với một mục đích khác. Họ có thể giàu có, tài sản đầy nhà nhưng họ không thiết tha với nó. Họ coi mình như là người được ủy thác quản lý tài sản đó chứ không phải là chủ nhân. Những người này hành động vì quyền lợi chung chứ không phải vì mục đích ích kỷ của cá nhân. Nói cách khác, họ làm việc để giúp đời chứ không phải thu vén lợi ích cho riêng mình.

Bỗng nhiên ông Kris tỏ thái độ nghiêm nghị:

- Tuy nhiên, trong giai đoạn này, có một khuynh hướng tinh tế xảy ra vì làm việc tốt cũng có thể ẩn chứa mục đích cá nhân, bắt nguồn từ những động cơ vi tế nằm sâu thẳm trong nội tâm mà không mấy người biết rõ. Có người làm việc để giúp xã hội nhưng muốn thành công và sợ thất bại. Họ lo lắng về kết quả, do đó động cơ họ làm vẫn bắt nguồn từ sự ham muốn. Họ lo sợ khi việc không thành và vui sướng khi đạt được thành tựu. Từ đó, họ mong được mọi người biết đến việc làm của mình, hay được đề cao. Kết quả là việc làm đó, dù là việc tốt, vẫn ẩn chứa một ham muốn riêng tư cho bản thân. Đó là một tham vọng vi tế nằm sâu bên trong bản ngã. Bất cứ việc làm nào mà có yếu tố cá nhân xen vào thì người làm sẽ bị ràng buộc bởi hành động hay kết quả. Do đó, họ vẫn chưa thoát khỏi vòng kiềm tỏa của khí lực vô minh rajas.

Chỉ khi nào người làm không thấy mình làm, không thấy việc làm, không thấy hay không mong cầu kết quả của hành động, dù là sự biết ơn hay cảm mến thì mới thật sự là người đi đúng con đường Karma Yoga. Khi đã dứt bỏ hoàn toàn, không hoạt động để được một thứ gì đó ở thế gian, cũng không hoạt động để được một thứ gì đó ở cõi trên, không hoạt động để được một thứ gì đó ở kiếp này,

cũng không hoạt động để được một thứ gì đó ở kiếp sau, không hoạt động để được mọi người biết đến, không hoạt động để được phần thưởng tinh thần mà hoạt động âm thầm không màng đến kết quả, thành công đến cũng được mà thất bại cũng không sao, lúc nào cũng hoạt động nhưng tâm hồn bình thản như không có chuyện gì xảy ra, đó mới chính là sự quân bình cần thiết để hoàn tất bài học Karma Yoga, hay con đường hành động.

Khi biết thản nhiên với thành công cũng như thất bại, trong lúc vui cũng như buồn, trong khi vinh cũng như nhục, trong tình thương cũng như oán hận thì họ đạt đến trạng thái quân bình, không bất động (tamas) và cũng không náo động (rajas), vì hành động "vô sở cầu" là bài học quan trọng của con người trên con đường Karma Yoga. Những người này thản nhiên và bình tĩnh trước mọi sự trong đời vì hành động chính là bổn phận. Họ không tìm kiếm hành động khi nó không đến, không từ chối hành động khi nó xảy ra, mà vui vẻ hành động khi bổn phận bắt buộc và bình thản trước mọi kết quả.

Những người này dù ở trong cung vàng điện ngọc, ăn cao lương mỹ vị, sống giữa châu báu ngọc ngà nhưng họ vẫn an nhiên tự tại. Nếu họ sống trong lều tranh chiếu rách, ăn bữa có bữa không, sống như kẻ bần cùng thì tâm hồn vẫn bình thản trước mọi thăng trầm. Khi sự vật bên ngoài đến, họ không xua đuổi; khi chúng rời đi, họ không tiếc nuối vì họ có thể sống trong mọi hoàn cảnh. Không gì khiến họ đam mê, không gì khiến họ bận tâm, không gì khiến họ lo lắng mà lúc nào họ cũng ung dung tự tại vì biết rằng tất cả chỉ là những ảo ảnh chập chờn của vô minh (guna).

Ai sống được như thế nghĩa là đã đi trọn vẹn con đường hành động Karma Yoga và tiến đến chỗ mọi con đường đều hòa hợp thành một và hợp nhất với nguồn sống thiêng liêng vô tận kia. Dù gọi bằng "Thượng Đế" hay danh xưng gì chăng nữa cũng không thành vấn đề. Những người này đã cởi bỏ được những ô trược của bản ngã, đã gột sạch được dục vọng và nhìn thấy rõ mọi sự trên thế gian này có mối liên hệ với nhau như thế nào. Họ thấy rằng vũ trụ này là một cái gì đó thật mỹ lệ, không bút mực nào có thể tả xiết. Lúc đó, họ sẽ

hưởng được niềm phúc lạc vô biên, niềm hân hoan sung sướng mà Ấn giáo gọi là sự hòa hợp “bản ngã vào với chân ngã”.

Angie suy nghĩ một lúc, rồi hỏi thêm:

- Theo con đường này thì con người phải trải qua rất nhiều kiếp sống và học hỏi qua sự đau khổ cho đến khi trở nên tốt đẹp. Nhưng đã mấy ai tin rằng có nhiều kiếp sống và con người chết đi rồi tái sinh như thế?

Ông Kris mỉm cười trả lời:

- Tin hay không là quyền của mọi người nhưng quan niệm rằng có nhiều kiếp sống khác nhau, hay luân hồi, là một niềm tin đã có từ ngàn xưa. Các tôn giáo như Ấn giáo và Phật giáo đều dạy như thế. Nếu bà đọc các sách vở của Hy Lạp thì cũng thấy các triết gia như Pythagoras, Plato, hay Aristoteles đều tin rằng sau khi chết sẽ có đời sống kế tiếp. Triết gia Plato đã viết rất rõ về việc con người trải qua nhiều kiếp sống trong cuốn Phaedo và Republic, và nếu xét kỹ bà cũng thấy Chúa Jesus cũng từng giảng về điều này trong Phúc Âm.

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi với vẻ thâm sâu và tiếp tục nói:

- Trên bình diện luân lý đạo đức, nếu xem xét quan niệm “con người chết đi rồi tái sinh trong nhiều kiếp sống, căn cứ theo những yếu tố mà chính họ đã gây ra”, ông bà có thể trả lời câu hỏi mà các triết gia và khoa học gia ngày nay lúng túng không tìm được lời giải đáp. Tại sao con người sinh ra để rồi chết đi? Đời sống có ý nghĩa gì nếu chỉ có một đời sống duy nhất và chết là hết? Tại sao có người được sinh ra đã sung sướng trong khi người khác lại sinh ra trong hoàn cảnh bần cùng? Tại sao có người được sinh ra ở những quốc gia thịnh vượng, văn minh, được hưởng thụ những tiện nghi vật chất trong khi người khác lại sinh ra ở những quốc gia nghèo đói, chiến tranh liên miên, thường xuyên xảy ra thiên tai hay dịch bệnh? Không ai có thể trả lời những câu hỏi này nếu người ta không tin vào luật Luân hồi và Nhân quả.

Cứ tạm coi đây chỉ là một lý thuyết thôi thì ông bà cũng sẽ thấy đó là một lý thuyết hợp lý, công bình và thỏa đáng hơn bất kỳ quan niệm nào. Nó khác với thuyết "tiền định” rằng mọi sự hay số mạng đều được định trước bởi một “đấng cao cả” nào đó. Điều này có nghĩa là con người không có quyền tự do quyết định số phận của mình và chỉ bị sai khiến mà thôi. Nó biến con người thành một dạng nô lệ và không thể làm gì để thay đổi. Làm gì có chuyện vô lý, bất công như thế được. Ai có quyền định đoạt số phận con người như thế? Không thể có một người nào hay đấng nào có thể trừng phạt con người. Đời sống con người tốt xấu ra sao là do chính họ tạo nên qua nhiều kiếp sống. Những người được hưởng sung sướng và những người không may mắn cũng là do những yếu tố trong quá khứ mà không mấy ai nhớ được. Bất cứ chuyện gì xảy ra cũng là do chính cá nhân đó tạo ra cho chính mình chứ chẳng phải ai trừng phạt hay ban thưởng gì cho họ.

Angie tiếp tục hỏi:

- Nếu con người phải trải qua rất nhiều kiếp sống để học hỏi, vậy thì con người đến từ đâu?

Ông Kris vui vẻ trả lời:

- Đây là một vấn đề đã gây ra rất nhiều bàn cãi từ xưa. Không ai có thể giải thích một cách thỏa đáng. Có rất nhiều lý thuyết về việc con người từ đâu đến và đi về đâu. Một số tôn giáo nói rằng có một quyền năng sáng tạo đằng sau tất cả mọi vật và gọi quyền năng ấy là “Thượng Đế”. Nhưng đã có ai chứng kiến chuyện này chưa? Hay đó chỉ là đức tin mà thôi? Nhiều người tin Thượng Đế là ông già quắc thước với chòm râu bạc, có quyền năng vô biên và công minh vô cùng. Nghĩ như vậy thì cũng không có gì là sai. Quan niệm được “nhân cách hóa” này có thể làm thỏa mãn một số người nhưng không phải ai cũng đồng ý như thế. Trong thời buổi khoa học ngày nay, nhiều người không tin có một “Thượng Đế” hiện hữu mà cho rằng đó chỉ là những đức tin tôn giáo mà thôi. Nhưng khoa học giải thích thế nào đây?

Nếu xét theo quan niệm của khoa học thì có một năng lượng uyên nguyên hiện diện khắp nơi trong vũ trụ. Năng lượng này khi tiếp xúc với những yếu tố bản địa ở những hành tinh khác nhau thì thay đổi thành một loại năng lượng mới do những yếu tố vật lý hay hóa học nào đó. Sự biến đổi này thích hợp với hoàn cảnh của hành tinh đó và trở thành sinh lực đặc biệt thích hợp với hoàn cảnh địa phương. Những sinh lực này tiếp tục biến đổi và trở thành những sinh vật có sự sống.

Ông Kris nhìn chúng tôi, rồi nhấn mạnh:

- Đây cũng chỉ là một lý thuyết khoa học thôi vì chưa ai có thể chứng minh về sự tạo lập ra vũ trụ hay sự sống. Tuy nhiên, những khoa học gia như J. R. Oppenheimer, Niels Bohr, Erwin Schrodinger, Werner Heisenberg đều cho rằng đây là một lý thuyết có giá trị và hợp lý.

Theo lý thuyết này thì con người hay mọi vật đều phát xuất từ cái năng lượng uyên nguyên kia nhưng đã bị thay đổi bởi những yếu tố địa phương của các hành tinh trong vũ trụ nên trở thành những thực thể có sự sống. Để quay về với cội nguồn nguyên thủy, thực thể ấy phải được thanh lọc, loại bỏ những yếu tố bản địa này để chuyển hóa trở lại thành năng lượng uyên nguyên kia. Hiện nay trong vũ trụ có cả triệu hành tinh khác nhau, trên đó đều có những thực thể không hẳn giống như loài người vì điều kiện địa phương khác nhau sẽ tạo ra những thực thể khác nhau. Tuy nhiên, tất cả đều đi trên con đường tiến hóa để trở về với nguồn sống thiêng liêng hay cái năng lượng uyên nguyên kia.

Dù không thể hiểu rõ về nguồn gốc của sự sống nhưng chúng ta có thể tiếp xúc với nó. Không ai có thể sống mãi, và chết là một sự thật hiển nhiên. Bà có thể thấy một người đang sống vào lúc này nhưng lại chết ngay phút sau. Chuyện gì xảy ra trong phút giây đó? Chắc chắn phải có cái gì đó đã rút ra khỏi hình hài đang hoạt động kia, khiến nó trở nên bất động, rồi sau đó tan rã, trở về với cát bụi. Do đó, bà có thể nhìn nhận rằng sống là một sự kiện hiển nhiên, nhưng nó đến hay nó đi còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố nữa.

Theo lý thuyết này thì sau khi chết, cái sự sống hay sinh lực - vốn là một dạng năng lượng - sẽ chuyển hóa qua một dạng thức khác. Như ông bà cũng biết, theo vật lý thì năng lượng không thể được sinh ra hay mất đi (định luật Bảo toàn và Chuyển hóa năng lượng) vì năng lượng là một cái gì đó bất biến trong không gian và thời gian. Nó chỉ có thể chuyển hóa hay biến đổi từ một hình thái này sang một hình thái khác mà thôi. Chết thực ra chỉ là sự chuyển hóa sinh lực con người qua một hình thể mới dựa theo luật Nhân quả.

Dưới hình thái mới, nó sẽ tiếp tục công việc thanh lọc những yếu tố ô trược, nhưng điều này không dễ dàng hay giản đơn. Vì những lý do nào đó, khi qua thể xác mới, hoàn cảnh mới, nó lại tiếp thu thêm những ô nhiễm khác nên tiến trình thanh lọc để quay trở về nguồn cội kéo dài rất lâu qua hàng trăm, hàng ngàn kiếp sống.

Khoa học cho biết rằng sự sống hiện hữu trong thiên nhiên - từ kim thạch, cây cỏ cho đến thú vật và con người. Dĩ nhiên ai cũng biết rằng có sự sống trong loài vật và loài người, nhưng nói rằng sự sống cũng có trong kim thạch và thảo mộc thì khó tin hơn. Nếu nói loài thảo mộc có sự sống thì cũng có thể chấp nhận được vì khi nhổ lên khỏi mặt đất, cây cỏ sẽ khô héo, tàn tạ, rồi chết đi như các sinh vật khác, nhưng nói rằng hòn đá cũng có sự sống thì ít ai có thể chấp nhận. Nếu quan sát kỹ thì theo thời gian, hòn đá cũng tan rã thành bụi cát như thân xác con người hay cây cỏ, tuy rằng việc này phải trải qua thời gian rất lâu, hàng ngàn năm hay hàng triệu năm.

Theo Yoga cổ xưa thì vạn vật đều tiến hóa để trở về nguồn cội. Ấn giáo gọi là trở về hợp nhất với “Thượng Đế”. Do đó, muôn loài tiến hóa không ngừng vì mục đích của việc sống là học hỏi, thu thập kinh nghiệm để thay đổi, để trở nên tốt đẹp hơn. Sự học hỏi này bắt đầu từ thấp lên cao, qua các hình thể khác nhau trong thiên nhiên. Từ hình thể thấp nhất như kim thạch, đất đá, cây cỏ đến thú vật, loài người, rồi tiếp tục lên những mức cao hơn nữa mà chúng ta có thể tạm gọi là những bậc thánh nhân.

Khi sự sống bắt đầu ở những loài kim thạch, nó có những đặc tính không giống như loài cây cỏ, cầm thú hay con người. Nếu nghiên cứu, bà có thể thấy những loại khoáng chất tiến hóa thấp thường

đông đặc, còn những loại khoáng chất tiến hóa cao đã có những thay đổi lạ lùng ở bên trong, nên biến thành các loại đá quý. Sinh lực của các loại đá quý này rất đặc biệt và mầu nhiệm. Nếu biết sử dụng tinh lực của các loại đá quý này, người ta có thể làm được nhiều việc như chữa được các loại bệnh.

Angie bỗng reo lên:

- Tôi nhớ rồi, hôm qua ông có cho tôi xem cây gậy ngọc có gắn những viên đá quý. Phải chăng nó là vật để chữa bệnh?

Ông Kris nhìn tôi một cách tinh quái khiến tôi bối rối trước sự hồn nhiên vô tư của Angie. Ký ức vừa qua đã cho tôi thấy công dụng của cây gậy ngọc nhưng hiện nay tôi không biết phải giải thích ra sao.

May thay, ông Kris lên tiếng:

- Người xưa tin rằng có bảy loại ngọc với công dụng chữa bệnh. Các vua chúa thời cổ thường đeo những loại ngọc quý này để tiêu trừ bệnh tật. Cây gậy ngọc ở nhà tôi chỉ là vật trang trí để bày cho đẹp mà thôi.

Angie thắc mắc:

- Nếu tôi nhớ không lầm thì nó có gắn bảy viên ngọc. Đó là những loại ngọc nào vậy?

Ông Kris nhìn tôi một cách thích thú, rồi thong thả giải thích:

- Bảy loại ngọc có công dụng chữa bệnh là kim cương, lam ngọc (sapphire), ngọc lục bảo (emerald), vân ngọc (jasper), hoàng ngọc (topaz), hồng ngọc (ruby) và tía ngọc (amethyst). Nếu bà có một cái vòng đeo tay gắn đủ bảy loại ngọc này thì nó có thể giúp bà mạnh khỏe vì sinh lực từ bảy loại ngọc này có thể trừ được ảnh hưởng của một số bệnh.

Angie vẫn thắc mắc:

- Nhưng người ta chữa bệnh bằng ngọc như thế nào?

Một lần nữa, ông Kris nhìn tôi, rồi mỉm cười:

- Đó là một ngành khoa học cổ xưa mà ngày nay đã thất truyền. Ngành khoa học này nắm giữ một kiến thức sâu xa về các luồng từ điện trong vũ trụ và biết cách rút sức mạnh từ điện trong cái kho của vũ trụ xuống những viên ngọc. Qua đặc tính của từng loại ngọc, người ta có thể tìm hiểu nguyên nhân của căn bệnh và sử dụng luồng từ điện trong từng loại ngọc để chữa bệnh. Người sử dụng phải biết rõ các năng lượng vũ trụ vào những giờ phút nhất định nào thì thuận lợi cho việc chữa trị. Có khi họ phải dùng thêm thuốc men được bào chế từ cỏ cây, hoa lá, hay xoa bóp để giúp cho việc phục hồi mau chóng. Đôi khi họ phải tổ chức các nghi thức đặc biệt để nhờ sự trợ giúp của các động lực bên ngoài. Mỗi loại ngọc đều có công dụng khác nhau nhưng nếu biết sử dụng sức mạnh của cả bảy loại ngọc này cùng một lúc thì sẽ tạo ra một năng lượng rất mạnh có thể thay đổi nguyên tử hay tiêu hủy vật chất.

Angie xuýt xoa:

- Nghe ông giải thích như thế, tôi nghĩ rằng ông biết rõ cách sử dụng các loại ngọc này để chữa bệnh.

Ông Kris lắc đầu:

- Không đâu, tôi chỉ là người đọc qua sách vở thôi. Người ta viết gì thì tôi nói thế chứ không biết gì về việc chữa bệnh cả. Các tài liệu khảo cổ nói rằng hầu hết các vua chúa khi xưa thường đeo những chiếc vòng trên cổ hay trên tay có gắn những viên ngọc này để gia tăng sức khỏe và trừ bệnh tật. Nếu bà vào tham quan các viện bảo tàng, nhất là viện bảo tàng Ai Cập, thì sẽ thấy những món đồ trang trí của vua chúa khi xưa đều có bảy loại ngọc này và cung điện Ai Cập thường sơn phết màu sắc của các loại ngọc này.

Lo sợ câu chuyện có thể đi xa với những chi tiết có thể trở nên bất lợi nên tôi ngắt lời:

- Chúng ta đang nghe nói về sự tiến hóa của mọi vật. Em hãy để cho ông Kris tiếp tục câu chuyện dở dang nhé.

Ông Kris quay qua nhìn tôi mỉm cười, rồi nói tiếp:

- Sự sống tiếp diễn qua các loại khoáng vật rồi chuyển qua loài thảo mộc, từ loài thấp như rêu rong hay cây cỏ (thân thảo), rồi tiến đến cây có thân cứng (thân mộc), và sau đó lên đến loài côn trùng, chim cá, các loài động vật tinh khôn và đến con người. Đó là một tiến trình kéo dài rất lâu, hàng triệu năm hay hơn thế nữa. Mỗi khi chuyển qua một giai đoạn, sự sống hay cái năng lượng đó thu thập thêm kinh nghiệm và dần dần tạo ra sự hiểu biết hay trí thông minh. Ở mức độ thấp (như đất đá, cây cỏ hay côn trùng) thì sự hiểu biết rất thô nên chưa có tính cách cá nhân, nhưng khi tiến đến mức cao hơn (như thú vật) thì nó dần dần tạo thành những cá thể riêng biệt, đến loài người thì ta gọi là "trí thông minh cá nhân".

Angie lên tiếng:

- Nếu thế thì phải chăng loài vật tiến hóa cao hơn cây cỏ và loài người tiến hóa cao hơn loài vật?

Ông Kris mỉm cười:

- Đối với loài vật thì con người là một sinh vật cao siêu. Điều đáng tiếc là chúng ta mang danh "cao siêu" nhưng lại đối xử tàn ác với loài vật thay vì thương yêu hay thông cảm với những sinh vật thấp kém hơn chúng ta. Nếu để ý, bà có thể thấy con người là nguyên nhân gây ra đau khổ cho thú vật. Họ giăng lưới hay đặt bẫy bắt chim, dùng lông thú vật làm đẹp cho quần áo. Họ xem việc bắn giết loài thú như là một trò giải trí, bất chấp nỗi đau khổ gây ra cho loài thú không tinh khôn bằng mình. Những việc làm tàn ác này gây ra nỗi sợ hãi cho loài vật. Sợ hãi là một dạng cảm xúc tiêu cực làm trì trệ sự tiến hóa trong tự nhiên. Sự sợ hãi đối với con người bắt đầu từ những loài cấp thấp và tiếp tục lan truyền khắp muôn loài.

Angie tiếp tục hỏi:

- Nhưng đâu phải ai cũng giết súc vật để giải trí như ông nói. Người ta ăn thịt loài vật để nuôi dưỡng thân thể…

Ông Kris lắc đầu cắt ngang câu nói của Angie:

- Đó là một quan niệm sai lầm. Nếu bà đồng ý rằng trên con đường tiến hóa để trở nên tốt đẹp hơn, con người phải thanh lọc những điều ô trược. Loài thú có sự tiến hóa thấp hơn loài người, nếu ta ăn thịt chúng thì chính chúng ta lại hấp thụ những thứ ô trược đó vào trong cơ thể. Vậy thì làm sao chúng ta có thể đi xa trên con đường trở về nguồn sống thiêng liêng cho được.

Câu nói của ông Kris làm cả hai chúng tôi giật mình. Angie lên tiếng bào chữa:

- Nhưng đó chỉ là lý thuyết mà thôi, chứ đã có ai chứng minh rõ ràng đâu.

Ông Kris mỉm cười nói tiếp:

- Thôi được, chúng ta hãy làm sáng tỏ vấn đề dựa trên lý luận khoa học cho dễ hiểu. Khi súc vật bị giết, chúng sợ hãi và cơ thể chúng tiết ra những chất độc. Bà cũng biết rằng mỗi khi lo lắng, cơ thể con người cũng tiết ra những hóa chất độc hại - nhẹ thì làm chua bụng, nhức đầu, đau lưng, hồi hộp, mất ăn, mất ngủ… nặng thì làm hại hệ thần kinh, gây ra các chứng bệnh như đau tim, sưng phổi, ung thư… Khoa học cũng đã chứng minh điều này. Vậy thì loài vật khi đối diện trước cái chết, điều gì diễn ra trong cơ thể chúng? Chắc chắn chúng sợ hãi vô cùng và cơ thể chúng tiết ra các hóa chất vô cùng độc hại. Khi chúng ta tiêu thụ những chất độc đó thì chuyện gì sẽ xảy ra cho cơ thể chúng ta?

Ông Kris ngưng lại như để cho chúng tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Hiện nay, đa số mọi người đều thích ăn thịt loài vật, từ những con côn trùng bé nhỏ cho đến các loại tôm cá, rồi đến những sinh vật lớn hơn như heo, bò, trâu, dê… Nhu cầu ăn thịt đã tạo ra ngành chăn nuôi quy mô lớn trên khắp thế giới. Nhưng đã mấy ai nhìn thấy trong thời gian rất ngắn, số người mắc bệnh cũng gia tăng theo cấp số nhân. Đủ các thứ bệnh, từ nhức đầu, đau bụng đến đau tim, đột quỵ, ung thư…

Một thời gian nữa sẽ có nhiều chứng bệnh quái lạ chưa từng có mà khoa học phải bó tay. Không mấy người biết đặt câu hỏi tại sao nền văn minh nhân loại tiến triển cao mà lại sản sinh ra nhiều bệnh khó trị như thế. Chữa trị bệnh cũng trở thành một ngành kinh doanh khổng lồ với những viện nghiên cứu và bệnh viện rất lớn. Khi có bệnh, ai cũng phải lo chữa trị. Bệnh càng nặng, chi phí cho việc chữa trị càng cao. Bà có thể thấy ngành công nghiệp thực phẩm và chữa trị bệnh có liên quan mật thiết với nhau và có khả năng sinh lời rất nhiều. Do đó, khắp nơi trên thế giới có rất nhiều ấn phẩm quảng cáo chiêu dụ con người ăn những thứ độc hại đó và uống những loại thuốc có thể chữa bệnh tật. Nhưng việc này không dừng ở đây mà còn tiếp diễn ở kiếp sau nữa. Ông bà có biết điều gì sẽ xảy ra không?

Ông Kris nở một nụ cười lạ lùng:

- Khi con người hấp thụ năng lượng của loài vật qua việc ăn thịt chúng thì sinh lực của họ chứa đầy những năng lượng của loài vật này có phải không? Và với những năng lượng loài vật như thế thì họ sẽ chuyển hóa như thế nào? Làm sao họ có thể tái sinh thành người vào kiếp sau được? Một cái kho sinh lực chứa toàn nguyên tử của loài thú chỉ có thể chuyển hóa thành loài thú mà thôi, có đúng không? Nói cách khác, họ đi ngược con đường tiến hóa mà họ đã phải mất bao nhiêu kiếp học hỏi để thành người, rồi lại thoái hóa trở lại thành thú vật bởi vì nguyên nhân ăn uống này. Khi trở thành loài vật, họ sẽ chịu số phận bị bắt, bị đánh đập, bị giết để học bài học về sự đau khổ mà họ đã gây ra cho sinh vật kia.

Angie có vẻ sợ hãi với những chia sẻ vừa rồi của ông Kris:

- Nghe ông nói mà tôi thấy lạnh cả người! Quan niệm này ghê gớm quá, nhưng dù sao đó cũng chỉ là lý thuyết thôi, chưa phải... à, không đúng với thực tế phải không ông?

Ông Kris nghiêm nghị trả lời:

- Bà có thể xem đó như một lý thuyết cũng được. Bà có thể xem việc ăn thịt cá là cần thiết để bổ sung dinh dưỡng cho cơ thể cũng không

sao. Bà cũng có thể loại bỏ những dữ kiện về bệnh tật sinh ra do ăn uống và tiếp tục ăn uống như đa số mọi người, nhưng đến khi mắc bệnh thì bà sẽ nghĩ khác. Lúc đó có muốn kiêng khem cũng đã muộn và thuốc men chữa trị cũng chỉ kéo dài thêm thời gian mà thôi. Người ta có thể tin hay không tùy theo sự hiểu biết của họ vì trước sau ai cũng phải học những bài học cần thiết. Bà có thể học vào lúc này hay chờ đến lúc khác, tùy vào bà thôi. Chắc bà cũng biết câu ngạn ngữ cổ "Ăn thứ gì thì trở thành thứ ấy". Do đó, các nhà hiền triết khi xưa đều chủ trương ăn rau quả, không ăn thịt cá.

Không muốn Angie phải quá sợ hãi nên tôi cắt ngang:

- Xin ông nói tiếp về sự tiến hóa theo quan niệm của Karma Yoga cổ xưa cho chúng tôi được rõ.

Ông Kris gật đầu:

- Tôi sẽ mô tả rõ cho ông bà hiểu về diễn trình của sinh lực trên quả đất này. Hãy tưởng tượng có một luồng sinh lực tuôn trào quanh địa cầu của chúng ta như một dòng nước. Khi luồng sinh lực này thấm vào kim thạch và các loài thảo mộc, nó tạo ra sự sống mãnh liệt, nhưng không có điều gì đặc biệt xảy ra. Nhưng khi luồng sinh lực này tuôn trào vào thế giới loài vật thì có rất nhiều yếu tố nảy sinh. Thế giới loài vật có cấu tạo phức tạp vì có nhiều trình độ tiến hóa khác nhau, từ vi khuẩn nhỏ bé, sâu bọ, giun dế cho tới các loài thú hoang trong rừng, và sau nữa là các loài thú đã được thuần hóa trở thành gia súc.

Khi luồng sinh lực này tuôn trào vào loài vật cấp thấp, kinh nghiệm học hỏi còn rất thô thiển chứ chưa tiến đến mức "cá nhân hóa". Ông bà có thể thấy trường hợp của những con côn trùng như kiến, ong, sâu bọ... Tuy chúng có hình thể riêng biệt nhưng chúng chưa có suy nghĩ riêng, mà chỉ có chung một sự hiểu biết. Thí dụ như một tổ ong trong đó có những con ong làm việc y hệt như nhau. Một số đi hút mật, một số nuôi nấng những con ong nhỏ trong trứng. Đời sống của những con ong này chỉ kéo dài vài ngày, vài tuần, nhiều lắm là khoảng một tháng thôi. Cả tổ ong có chung một "nguồn kinh nghiệm" học hỏi nên làm việc rất hiệu quả. Một số con hút mật hoa rồi mang

về nuôi những con ong khác. Chúng sinh ra, làm việc, rồi chết đi nhưng không học được gì mấy. Một số con bay đi hút mật hoa nhưng bị loài người đuổi bắt nên sợ hãi. Khi chết đi, chúng mang theo nỗi sợ này. Do đó, loài ong bắt đầu có cảm giác sợ người và tìm cách trốn lánh mỗi khi đối mặt với con người. Để đối phó, con ong tìm cách chống lại loài người bằng cách đốt họ. Theo thời gian, những con ong sinh sau đều học được kinh nghiệm của những con ong trước. Trong đời sống loài ong, mỗi con ong học được gì khi chết đi đều mang điều đó về "nguồn kinh nghiệm" và sau này trở thành một tập tính chung của cả loài ong. Nếu quan sát, ông bà có thể thấy hầu như tất cả các côn trùng đều có những hoạt động tương tự như thế, giống nào hoạt động theo giống nấy vì mỗi loài đều có một "nguồn kinh nghiệm" chung.

Ông Kris ngừng lại như để cho chúng tôi suy nghĩ, rồi mỉm cười:

- Có bao giờ người ta tự hỏi tại sao côn trùng lại hoạt động như thế không? Các nhà côn trùng học không thể giải thích được điều này mà chỉ kết luận rằng loài vật hành động theo bản năng riêng của chúng. Từ xưa, các nhà hiền triết của phái Karma Yoga đã biết rằng loài vật cấp thấp chưa có kinh nghiệm riêng, chưa tiến hóa tới mức đạt được "trí thông minh cá nhân" nên hành động giống nhau vì chúng có "nguồn kinh nghiệm" chung.

Qua thời gian, luồng sinh lực với kinh nghiệm thâu thập được sẽ tiến hóa lên mức cao hơn. Thí dụ như thay vì một tổ ong với cả chục ngàn con ong thì nó sẽ là một tổ chuột với vài chục con chuột. Chuột sinh ra có nỗi sợ hãi đối với con người và những kẻ thù của loài chuột (như mèo hay chồn, cáo) do kinh nghiệm từ những kiếp sống trước được mang sang kiếp này. Ngay từ lúc mới sinh ra, chuột con đã biết rằng nó phải tránh xa loài người hay loài mèo bằng mọi giá nhờ nguồn kinh nghiệm chung của loài chuột. Nó biết rằng phải sinh hoạt vào ban đêm lúc loài người ngủ say thay vì ban ngày. Tuy nhiên, loài mèo thì khôn hơn và có thể bắt chuột vào mọi lúc. Một số con chuột bị mèo ăn thịt nhưng có những con chuột khôn ngoan thoát được móng vuốt của loài mèo. Khi chúng chết đi thì kinh nghiệm này trở về "nguồn kinh nghiệm" chung của loài chuột, những

con chuột sinh sau sẽ khôn hơn và biết nhiều mánh khóe hơn để tránh loài mèo.

Khi dòng sinh lực của sự tiến hóa tiếp tục lên đến loài thú thì sự thay đổi diễn ra nhiều hơn vì một số thú rừng bắt đầu khôn ngoan hơn qua kinh nghiệm chung. Những thú rừng sống theo bầy vẫn chia sẻ kinh nghiệm chung của chúng, nhưng các loại thú rừng sống riêng rẽ thì bắt đầu tiến đến mức "cá nhân hóa" và bắt đầu phát triển trí khôn riêng mặc dù chúng vẫn có chung một nguồn kinh nghiệm của loài đó. Thú rừng sống theo quy luật tự nhiên "mạnh thì sống", và đặc điểm chính của chúng là sự sinh tồn. Con yếu sẽ là thức ăn cho con mạnh, và nỗi sợ hãi về sự sinh tồn được chia sẻ trong kinh nghiệm chung của loài thú ấy. Hầu như tất cả loài thú đều sợ chết, dù đó là cái chết tự nhiên hay bị con khác ăn thịt. Trong tự nhiên, cá lớn nuốt cá bé, thú mạnh ăn thú yếu, vì đó là bản năng sinh tồn, ăn để mà sống. Do đó, việc tìm thức ăn đối với mỗi con thú trở thành chức năng không thể thiếu. Khi không có thức ăn ở nơi sinh sống, chúng phải đi tìm vùng sinh sống mới, học được cách thích nghi với đời sống mới và đó là bài học quan trọng mà chúng cần học.

Một số loài thú như lừa, ngựa, trâu bò, chó mèo bị loài người bắt và nuôi nên học hỏi thêm được những kinh nghiệm thích nghi mới. Chúng biết rằng khi tuân theo mệnh lệnh của con người làm một số công việc thì sẽ được ăn uống và chăm sóc. Từ đó, nỗi sợ đối với loài người giảm dần và khi chúng chết, những kinh nghiệm này trở về nguồn kinh nghiệm chung, rồi con cháu của những thú vật ấy ngày càng được thuần hóa và có thể sống chung với loài người một cách tự nhiên. Theo thời gian, những con thú ấy bắt đầu học nhiều và có những kinh nghiệm riêng, rồi tiến hóa thành những cá tính độc lập biết nghĩ và học nhiều hơn nữa.

Tới giai đoạn này thì sinh lực đã được "cá nhân hóa" có thể thoát kiếp thú chuyển thành người. Việc con thú phải trải qua thời gian bao lâu trước khi chuyển hóa thành người còn tùy thuộc vào những người mà loài thú này gần gũi. Nếu những con thú này được đối xử tốt, thương yêu, chúng sẽ thấm nhuần được bài học thương yêu. Nhờ có tình thương mà chúng phát triển được sự thông minh và

mau chóng chuyển sang kiếp người. Nhưng nếu loài thú này bị đối xử khắc nghiệt, bị đánh đập tàn nhẫn thì nỗi sợ hãi đã mất đi phần nào trong những kiếp trước sẽ trở lại, và con vật phải trải qua nhiều kiếp nữa mới có thể thoát kiếp thú thành người.

Trong các bài học thì tình thương yêu là bài học quan trọng nhất để tiến hóa và thanh lọc các yếu tố ô trược. Tình thương không phải chỉ dành riêng cho loài người mà bao trùm muôn loài trên thế gian. Tình thương xóa bỏ nỗi sợ hãi, vì nếu không có sự thông cảm và thương yêu, loài thú không thể chuyển kiếp thành người được.

Ông Kris ngừng lại nhìn chúng tôi, rồi nhấn mạnh:

- Đây là chìa khóa then chốt của minh triết Karma Yoga. Tình thương là bước đầu cho việc phát triển trí thông minh. Trí thông minh đúng cách là bước đầu cho việc phát triển trí tuệ, và trí tuệ là yếu tố quan trọng nhất để thanh lọc những yếu tố ô trược để quay về với cội nguồn thiêng liêng. Nếu quan sát, ta có thể thấy những người thông minh thường là những người có tình thương bao la. Bây giờ, chúng ta hãy xét đến loài thú gần gũi với loài người nhất. Chó, mèo là hai loài gần gũi với loài người nhất. Thông thường loài chó thương chủ vô điều kiện và sẵn sàng làm mọi sự theo lệnh của người chủ. Nhờ biết thương yêu nên loài chó học rất nhanh và chúng ta có thể kết luận rằng chó là loài vật dễ dạy nhất vì chúng khôn ngoan, thông minh nhất.

Ngay trong lúc nguy hiểm hay khẩn cấp, nó quên hẳn bản năng sinh tồn và hy sinh thân mình để cứu chủ. Nếu con vật đã tiến đến mức phát triển lòng hy sinh vào lúc nguy cấp xảy ra, nó sẽ mau chóng học hỏi để chuyển kiếp thành người. Dĩ nhiên loài chó không nhất thiết phải hy sinh mới thoát kiếp thú thành người. Khi con chó đã học tất cả những bài học nó cần phải biết trong thế giới loài vật, và khi nỗi sợ hãi đối với loài người được loại bỏ, thì nó được chuyển sang một kiếp sống mới để học nhiều hơn.

Sự khác biệt chính giữa người và thú là óc lý luận, cùng sự tự do ý chí. Nhờ óc lý luận, con người có khả năng phân biệt phải trái, đúng sai, tốt xấu và họ có thể đưa ra quyết định cho hành động của mình.

Trong khi đó, vì chưa phát triển óc lý luận này, thú vật chỉ biết tuân theo bản năng sinh tồn hay kinh nghiệm chung mà thôi.

Angie sốt sắng hỏi:

- Nếu thế thì tất cả loài thú đều phải chuyển kiếp thành chó mèo mới có hy vọng làm người hay sao?

Ông Kris lắc đầu:

- Không hẳn thế, thú rừng cũng có thể thành người, nhưng mang thân xác của những con người man rợ, thấp kém. Đa số được sinh ra trong những bộ lạc sống sơ khai. Nhiều người còn mang nhiều thú tính dã man hay những kẻ trì độn, lười biếng, ngu si, không biết làm gì vì chưa phát triển được trí thông minh. Trong những kiếp đầu tiên mang thân xác con người, những người này vẫn sống thiên về bản năng như loài vật, họ tham lam, hung dữ, chưa biết kiểm soát hành động vì chưa biết gì về những quy luật tác động trong thế giới loài người.

Luật quan trọng đầu tiên áp dụng trong thế giới loài người là luật Luân hồi. Luật này nói rằng khi sinh lực chuyển hóa thành cá nhân riêng biệt, nó sẽ phải tái sinh nhiều lần qua những kiếp sống khác nhau để học tất cả những bài học có thể học được. Từ đó, nó sẽ biết cách thanh lọc các yếu tố ô nhiễm qua kinh nghiệm của những kiếp sống.

Luật quan trọng thứ hai tác động đến con người là luật Nhân quả. Theo luật này thì mọi tư tưởng, lời nói hay hành động phát xuất từ con người đều sinh ra kết quả tương ứng rõ rệt, và kết quả này phải được giải quyết ít lâu sau đó hay qua nhiều kiếp sống để học hỏi, rút kinh nghiệm. Luật này rất đơn giản vì “gieo nhân nào, gặt quả đó”. Hành động nào của ta gây đau khổ cho người khác thì ta phải trả giá bằng sự đau khổ do hành động tương tự của người khác gây cho ta, hoặc trong kiếp này hay kiếp sau.

Khi vừa chuyển kiếp thành người thì hành động hay tư tưởng, lời nói của con người thường bị ảnh hưởng bởi loài thú trong kiếp trước

nên ít nhiều mang tính tham lam, ích kỷ, độc ác. Họ sẽ gặp nhiều đau khổ do chính tư tưởng, hành động và lời nói của họ gây ra. Trong hàng trăm kiếp đầu tiên làm người, những người này tích lũy rất nhiều nhân xấu vì chưa học được bài học mà họ cần phải học. Tuy họ gặp đau khổ nhưng chưa biết cách giải quyết ra sao. Phần lớn chưa tiến bộ hay học hỏi gì mà sống theo những thú tính của loài vật, có bản năng chiếm đoạt, giành giật, cướp bóc bất cứ thứ gì của người khác. Bản năng thú tính của họ sẽ thúc giục họ dùng sức mạnh để giành cho được cái mà họ muốn.

Trong khoảng hàng trăm kiếp sống đầu tiên, những người này tạo nhiều nhân xấu hơn là nhân tốt và cứ liên miên tái sinh trong vòng luân hồi. Lúc làm người,

khi làm thú vật để học hỏi thêm. Nhiều người quan niệm luân hồi hay tiến hóa nghĩa là tiến lên những kiếp sống, hoàn cảnh tốt đẹp hơn, điều đó không đúng. Luân hồi nghĩa là đi lên hay đi xuống trong một cái vòng luẩn quẩn. Có khi làm người, có khi làm thú vật, có khi còn xuống thấp hơn thành các loại ma quỷ không nơi nương tựa, lang thang không định hướng, đầu óc ngu si, vất vưởng trong một thời gian rất dài.

Angie hỏi:

- Nhưng họ đã làm gì mà phải gặp hoàn cảnh đó?

Ông Kris mỉm cười:

- Bất cứ một hành động nào cũng tạo ra một nhân và đã có nhân thì phải có quả. Đó là quy luật của vũ trụ. Bất cứ hành động nào cũng tạo ra một phản hồi tương ứng. Nếu bà ném một vật lên không trung thì vật đó phải rơi xuống vì sức hút của trái đất. Cái lực ném lên và lực rơi xuống đều tương đương như nhau. Nếu bà ném một viên đá xuống một mặt hồ phẳng lặng sẽ gây nước bắn ra tung tóe. Nếu đời nay con người gây ra một số nhân xấu, rồi đời sau lại gây thêm một số nhân xấu nữa và cứ như thế thì số nhân xấu gây ra càng ngày càng chồng chất. Theo luật Nhân quả, khi quả chín thì việc phải đến sẽ đến. Vì sao con người sau khi chết hóa thành ma quỷ? Vì bị bao

nhiêu nhân xấu tạo thành quả xấu bủa vây cho nên họ phải thành loài ma quỷ. Những người có tính tàn nhẫn, hiếu sát, thích đánh đập hay giết hại sinh vật thì thường chịu đựng bệnh tật đau đớn, khổ sở, khó có thể sống lâu được. Nếu họ tước đoạt sinh mạng của sinh vật khác khiến chúng không được sống lâu hơn, thì số mạng của người đó cũng không thể lâu dài và thường chết yểu. Những người trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của người khác thì kiếp sau thường tái sinh vào những nơi bần cùng nghèo khổ. Điều này cũng dễ hiểu vì chiếm đoạt tài sản của người khác, khiến cho người ta lâm vào cảnh túng thiếu thì trước sau kẻ chiếm đoạt cũng gặp phải cảnh nghèo nàn cơ cực. Vì thiếu hiểu biết cho nên con người tập nhiễm những điều xấu, lâu dần trở thành thói quen ác độc, kết quả là họ phải hứng chịu vô số hoàn cảnh khổ sở, bệnh tật, có nói ra cũng không thể hết được.

Khi trải qua hàng trăm kiếp sống, lúc thế này lúc thế khác, lúc sướng lúc khổ, lúc “lên voi” khi “xuống chó”, con người bắt đầu học được nhiều hơn nên hiểu rằng làm việc xấu sẽ gây khó khăn cho họ, còn làm chuyện tốt thì kết quả là gặp may mắn, thuận lợi hơn. Khi đã biết kìm hãm thú tính, chuyển qua làm những việc tốt lành thì thực thể bắt đầu giai đoạn tiến hóa để thanh lọc các yếu tố ô trược. Theo thời gian, qua nhiều kiếp sống, họ tiến đến mức mà nhân tốt tạo ra trong một kiếp nhiều hơn là nhân xấu. Đây là giai đoạn rất quan trọng trong sự phát triển của con người, vì từ lúc này họ trở nên hữu dụng và có giá trị cho gia đình, xã hội và đất nước của họ.

Nếu quan sát, ông bà có thể thấy rõ những người này. Họ là những người đã biết phát triển những đức tính cao đẹp, biết rõ bổn phận của họ đối với gia đình, xã hội, quốc gia và nhân loại. Họ là những người luôn luôn học hỏi, thay đổi và biết làm chủ mọi hành động để chuyển hóa các tập tính xấu và trở thành những hiền triết, thánh nhân trên tiến trình trở về với cội nguồn thiêng liêng. Đó chính là nguyên tắc của con đường hành động Karma Yoga mà ngày nay không mấy người hiểu rõ.

Angie vẫn thắc mắc:

- Nhưng Karma Yoga khác với môn Yoga tôi thường tập luyện như thế nào? Thầy dạy Yoga của tôi còn bắt chúng tôi phải tập thiền

nữa. Vậy thì thiền có liên quan gì đến Karma Yoga không?

Ông Kris gật đầu trả lời:

- Môn Yoga bà đang học chỉ là phương pháp tập luyện để giúp cho thân thể khỏe mạnh và xả giãn. Như tôi đã trình bày, Yoga đã có từ ngàn xưa, bao gồm việc điều trị thể xác, làm chủ hơi thở và luyện tập tinh thần. Yoga cổ chia thành ba con đường hay ba khuynh hướng triết lý. Mỗi con đường lại có rất nhiều phương pháp tập luyện khác nhau nữa. Hatha Yoga chủ trương rèn luyện thể chất, Raja Yoga chủ trương rèn luyện tinh thần…

Ông Kris nhấn mạnh:

- Karma Yoga có nghĩa là con đường của hành động. Nhưng cần lưu ý rằng karma không phải chỉ bất cứ hành động nào, mà ám chỉ sự chủ tâm trong mọi hành động. Không những chủ tâm khi hành động mà cả trong lúc suy nghĩ, nói năng nữa. Ngày nay, nhiều người cho rằng karma đơn thuần chỉ là hành động mà thôi, như thế là thiếu sót vì karma bao gồm cả tư tưởng, lời nói và hành động.

Nếu ông bà để ý thì sẽ thấy có sự khác biệt rất lớn giữa hành động làm với sự chủ tâm và hành động làm lúc vô thức. Việc làm được thực hiện một cách vô ý sẽ khác với việc làm có sự cố ý trong đó vì kết quả sẽ khác nhau. Bất cứ điều gì ta làm với sự chủ tâm đều mang lại hệ quả, vì đã có sự cân nhắc trước khi hành động. Tư tưởng có trước lời nói và hành động, nó là nguyên nhân của mọi hành động. Vì thế con người phải biết cảnh giác với mọi tư tưởng của mình. Nhưng làm sao để làm chủ tư tưởng đây? Do đó, tập Yoga để thư giãn thể chất là chưa đủ mà còn phải tập thiền để làm chủ tư tưởng của mình nữa.

Trên con đường thanh lọc các yếu tố ô trược, con người phải biết rõ quá trình tư duy của mình, nếu không thì họ chỉ hành động mà không có sự chủ tâm. Khi con người biết rõ tư tưởng của họ như thế nào rồi thì họ có thể sửa đổi chúng cho tốt hơn, đúng hơn, hợp với mục đích mà họ theo đuổi. Con đường thanh lọc này diễn ra như thế nào? Việc đầu tiên là chuyển hóa lòng tham lam, ích kỷ, chiếm hữu,

hay nói cách khác là bắt đầu loại bỏ những tư tưởng tham lam, thèm muốn trong tâm trước đã. Khi tâm hồn trong sạch thì lời nói và hành động cũng trong sạch theo. Khi đã hiểu rõ luật Nhân quả, họ sẽ cố gắng thanh lọc, loại bỏ những tư tưởng ích kỷ trong tâm và tránh những hành động tham lam.

Ông Kris mỉm cười nói:

- Tuy nhiên, ông bà cũng nên lưu ý rằng có nhiều người chỉ muốn làm việc tốt để kiếp sau họ sẽ được hưởng một cuộc sống tốt đẹp hơn. Họ sẵn sàng bỏ tiền ra làm từ thiện để sau này được sinh ra trong gia đình giàu có. Đó là một sự trao đổi. Bỏ cái này để đổi lấy một cái khác như thế vẫn là tham lam, đầy tính chấp ngã. Hành động thiện cần được làm với sự sáng suốt, biết rằng nếu không làm thế, con người chỉ đem lại thất vọng, đau khổ cho chính họ. Làm việc thiện là điều tiên quyết giúp con người sống thoải mái, an nhiên tự tại, hòa nhịp với bản thân họ và với tất cả mọi người. Nghĩ đến kết quả chỉ là một sự mong cầu, tham lam và ích kỷ. Tất cả những gì ham muốn, mong cầu chỉ mang đến sự thất vọng. Không có sự mong cầu nào trở thành hiện thực như đã muốn. Sự mong cầu khiến con người chỉ chú ý đến tương lai xa vời và như thế là không đúng với con đường hành động Karma Yoga. Hành động thiện phải được thực hiện bằng cả tâm hồn một cách tự nhiên, không có bất kỳ cái gì khác xen vào thì mới thật sự là việc thiện. Làm việc thiện để cho người khác biết là không đúng vì có yếu tố cá nhân tiềm ẩn trong đó.

Angie hỏi tiếp:

- Nếu luật Nhân quả là đúng thì tại sao hiện giờ có những người làm bao điều ác mà vẫn sống thoải mái, sung sướng, không bị sao cả? Nhiều người gian lận, lừa bịp chiếm đoạt tài sản của người khác mà họ vẫn sống thảnh thơi, sức khỏe vẫn tốt. Tại sao họ không bị trừng phạt?

Kris bật cười:

- Họ chưa bị trừng phạt đó thôi. Họ sẽ lãnh những hậu quả của những việc họ làm. Nếu không phải lúc này thì vào lúc khác. Nếu không kiếp này thì kiếp khác. Vì cuộc đời chúng ta là hữu hạn nên không mấy ai có thể nhìn rõ những tác động của tạo hóa. Trong vũ trụ này, không có gì xảy ra ngẫu nhiên đâu mà tất cả đều tuân theo những quy luật bất biến. Tất cả các hành tinh, mặt trời, mặt trăng đều tuân theo quy luật của vũ trụ. Trái đất ta đang sống cũng như thế vì luật vũ trụ không phân biệt hay thiên vị với bất kỳ ai. Gieo nhân nào sẽ gặt quả đó, khi quả đến lúc chín muồi thì sự việc quả sẽ xảy ra.

Khi bước vào cuộc đời, tất cả mọi người đều mang theo một số thói quen từ quá khứ hay những kiếp sống trước. Những gì xảy ra cho chúng ta trong đời sống hiện tại đều là quả của các nhân đã gieo trồng từ trước. Bất cứ hành động, lời nói hay tư tưởng nào của chúng ta cũng đều là nhân và có khi nó trổ quả ngay lúc này, nhưng có khi nó tiềm ẩn và trổ quả vào lúc khác. Chúng ta là người tạo ra số phận của mình. Không ai có thể thật sự làm gì cho ta được. Tất cả chúng ta trong mỗi giây phút đều có cơ hội để gieo trồng hay gây nhân cho chính mình. Nhân tốt hay xấu đều do ta tạo ra, và khi nào nó trổ quả còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa.

Ông Kris ngừng lại và kết luận:

- Hôm nay chúng ta đã bàn luận về con đường hành động – Karma Yoga, một nền minh triết cổ xưa mà hiện nay rất ít ai biết đến. Tôi muốn nhấn mạnh rằng đó là minh triết của vũ trụ chứ không phải của riêng Ấn Độ đâu mặc dù ngày nay người ta vẫn cho rằng nó xuất phát từ xứ Ấn.

Thật ra, luật vũ trụ bao trùm khắp mọi nơi và chi phối vạn vật. Nó không dành riêng cho một nơi nào hay địa phương nào cả. Từ ngàn xưa, đã có những nền văn minh với các nhà hiền triết đã học hỏi, tìm hiểu và nghiên cứu về những điều này. Những người được thụ giáo từ nền minh triết này đã đi khắp nơi truyền dạy cho mọi người. Tùy theo nơi họ đến, tùy điều kiện và phong tục địa phương mà phương pháp truyền dạy cũng thay đổi phần nào, nhưng minh triết hay luật vũ trụ thì không bao giờ thay đổi. Tiếc thay, ngày nay người

ta chỉ nói đến phương pháp chứ không mấy ai đề cập đến triết lý. Do đó, đối với phần lớn mọi người, Yoga chỉ là một phương pháp luyện tập thể chất và thiền định cũng chỉ là một phương pháp tĩnh tâm để thư giãn đầu óc mà thôi.

***

Khi chúng tôi trao đổi về đề tài Karma Yoga, ông Thomas cho biết bài học quan trọng mà cá nhân ông đã học được qua các kiếp sống là việc phát triển tình thương. Đó là một tư tưởng bất ngờ nảy sinh trong kiếp sống của ông tại Atlantis mặc dù lúc đó những người dân xứ này chưa biết gì về tình thương. Vì lý do nào đó, ông hối hận và có ý nghĩ thương yêu Kor trong giờ phút cuối của kiếp sống đó. Nó trở thành một động lực rất mạnh dẫn dắt ông trong những kiếp sau để học hỏi, phát triển tình thương.

Ông Thomas nói rằng buổi nói chuyện với ông Kris về Karma Yoga cũng giúp cho vợ chồng ông hiểu thêm về các quy luật vũ trụ như Luân hồi và Nhân quả. Mặc dù ông đã được học về những điều này trong những kiếp trước nhưng ông vẫn chưa ý thức được rõ rệt. Ông tiết lộ rằng trong chu kỳ hiện tại, hai quy luật này là bài học quan trọng mà tất cả mọi người đều phải học để biết về sự vận hành trong vũ trụ và hậu quả mà họ gây ra. Ông kết luận: “Đừng bao giờ làm bất cứ việc gì mà không suy xét đến hậu quả của nó”.

## *Phần bốn*

# AI CẬP THẦN LINH KHÔNG TRONG TƯỢNG ĐÀI

---

Sau chuyến đi ngắn ngủi tại Colorado, chúng tôi trở về New York để tiếp tục công việc hàng ngày. Cuộc gặp gỡ kỳ lạ với ông Kris và ký ức về châu Atlantis đã làm tôi bắt đầu suy nghĩ về khái niệm Luân hồi và Nhân quả.

Từ trước đến nay, tôi là người thực tế, không tin vào những gì hoang đường viễn vông, nhưng hiện nay tôi hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi những điều ông Kris nói. Phải chăng mọi người đều đã trải qua nhiều kiếp sống để học hỏi? Nhưng nhân loại đã làm gì, đã học được những gì hay không học được gì? Họ đã tạo những nhân gì và sẽ gặt quả gì? Phải chăng những người mà chúng ta gặp trong đời này đều đã có mối liên hệ từ trước? Tại sao không mấy ai nhớ được kiếp trước? Nếu những việc làm trong quá khứ chi phối hoàn cảnh hiện tại và hành động hiện tại sẽ chi phối tương lai thì tương lai nhân loại sẽ ra sao? Khi xưa, tôi chẳng bao giờ bận tâm về ý nghĩa của cuộc đời, nhưng hiện nay nó là câu hỏi đang khiến tôi phải suy nghĩ rất nhiều.

Một hôm, trong lúc tôi đang làm việc thì Angie bước vào:

- Em và Connie vừa đi xem triển lãm về Ai Cập tại viện bảo tàng New York. Từ khi nghe ông Kris nói, em để ý và nhận thấy các món trang sức của vua chúa Ai Cập đều gắn những viên ngọc như thế. Các lăng tẩm cũng đều được sơn phết bằng màu sắc của các loại ngọc. Nếu những viên ngọc có công dụng cho sức khỏe thì em cũng

muốn mua một chiếc vòng đeo tay có gắn bảy viên ngọc như thế. Anh nghĩ sao? Anh có muốn đi mua với em không?

Tôi là người thực sự không thích đi mua sắm. Mọi vật dụng cần thiết, từ quần áo, giày dép đến các thứ khác đều có Angie lo liệu, nhưng không hiểu sao hôm đó tôi lại nhận lời. Khu phố Kim Cương (Diamond District) nằm trên đường 47 và đường số 5 là nơi tập trung rất nhiều cửa hàng trang sức. Tại đây có đủ mọi loại hàng từ vàng bạc, kim cương, đến các loại ngọc quý, đủ thứ, đủ cỡ lớn nhỏ. Gần như du khách nào đến New York cũng phải thăm khu này. Chúng tôi ghé qua những cửa hàng nổi tiếng như Tiffany, Bvlgari, Cartier, Van Cleef v.v… Bất cứ nơi nào Angie cũng vui vẻ nói chuyện với nhân viên bán hàng và ngỏ ý muốn xem những chiếc vòng có gắn ngọc quý. Vì biết chúng tôi, nên chủ tiệm nào cũng mời vợ chồng tôi vào phòng riêng chỉ dành cho khách quý và mang ra các món trang sức đặc biệt và hiếm cho chúng tôi lựa chọn.

Trong khi Angie xem những chiếc vòng đeo tay, tôi vẩn vơ nhìn quanh và thấy trên tường có treo bức ảnh một chiếc nhẫn hình con bọ hung gắn hồng ngọc. Tôi nhận ra ngay đó là chiếc nhẫn mà ông Kris thường đeo.

Tôi hỏi người bán hàng:

- Đó là nhẫn gì vậy?

Người bán hàng trả lời:

- Đó là chiếc nhẫn của các Pharaoh thời xưa.

Tôi hỏi thêm:

- Tôi có thể xem chiếc nhẫn đó được không?

Người bạn hàng bật cười:

- Đó chỉ là bức ảnh để trang trí thôi, chiếc nhẫn này là một cổ vật hiện được trưng bày trong viện bảo tàng ở Luân Đôn.

Không hiểu sao tôi cảm thấy chiếc nhẫn đó vô cùng thân thuộc. Tôi bèn đề nghị:

- Liệu các ông có thể chế tác một chiếc nhẫn giống như thế không?

Người bán hàng ngạc nhiên:

- Đó là chiếc nhẫn cổ xưa chứ ngày nay đâu ai đeo kiểu nhẫn như thế nữa đâu.

Thấy tôi nhìn chăm chăm chiếc nhẫn đó, Angie nói ngay:

- Nếu tôi đặt làm một chiếc nhẫn y hệt như thế thì các ông có làm được không?

Người bán hàng trả lời:

- Công ty của chúng tôi có thể chế tác bất cứ kiểu trang sức nào mà quý khách muốn. Tuy nhiên, đây là trường hợp đặc biệt nên chúng tôi phải liên hệ với thợ kim hoàn để lấy ý kiến đã.

Angie gật đầu:

- Đây là địa chỉ của chúng tôi. Tôi muốn đặt làm một chiếc nhẫn y hệt như bức hình kia. Ông hãy liên hệ với thợ kim hoàn và cho tôi biết giá cả và thời gian thế nào nhé.

Ra khỏi tiệm, Angie tò mò hỏi:

- Anh thích chiếc nhẫn đó lắm à? Nhưng anh có bao giờ đeo nhẫn đâu?

Tôi gật đầu:

- Không hiểu sao anh lại có cảm giác thích nó ngay từ lúc mới nhìn thấy.

Angie mừng rỡ nói:

- Hay quá, thế là em mua được cho anh món mà anh ưa thích rồi, chứ từ trước đến nay anh có bao giờ để ý đến những thứ này đâu.

Tuy nhiên, khi về đến văn phòng, tôi bận việc quá nên quên hẳn việc đi mua sắm với Angie. Khoảng ba tuần sau, trong lúc tôi đang làm việc thì cô thư ký bước vào cho biết có một người thợ kim hoàn muốn gặp tôi. Đó là một ông lão Do Thái nhỏ bé đeo cặp kính dày cộm. Ông tự giới thiệu:

- Tôi là thợ kim hoàn chuyên về trang sức cổ xưa của Ai Cập, Ba Tư và Ấn Độ. Tôi được biết ông muốn có một chiếc nhẫn hình con bọ hung theo kiểu Ai Cập. Tôi được hãng điều đến để làm việc với ông.

Trước khi đo ngón tay để làm nhẫn, ông lão hỏi:

- Ông muốn đeo chiếc nhẫn này ở ngón nào?

Không hiểu sao tôi trả lời ngay mà không cần suy nghĩ:

- Tôi muốn đeo nó vào ngón tay trỏ.

Ông lão giật mình:

- Tại sao lại là ngón trỏ, người ta chỉ đeo nhẫn vào ngón giữa hay ngón áp út, thường gọi là ngón nhẫn thôi. Chỉ có các bậc Pharaoh ngày xưa mới đeo nhẫn vào ngón trỏ.

Ông lão trầm ngâm, rồi lên tiếng:

- Chiếc nhẫn trên ngón tay trỏ tượng trưng cho uy quyền của Pharaoh. Một khi Pharaoh đưa ngón tay trỏ đeo nhẫn ra lệnh thì đó là quyền năng cao nhất và mọi người phải tuyệt đối tuân theo.

Tôi ngạc nhiên vô cùng:

- Làm sao ông biết những điều đó?

Ông lão bật cười:

- Tôi là thợ kim hoàn chuyên về trang sức thời cổ. Dĩ nhiên tôi phải nghiên cứu để hiểu rõ các loại trang sức cũng như ý nghĩa xuất xứ của nó. Đây là loại nhẫn của các Pharaoh Ai Cập, ngày xưa được coi như là vương ấn của triều đình. Tuy bên ngoài nhẫn giống nhau nhưng mỗi Pharaoh lại cho khắc những dòng chữ trên đó tùy theo ý nguyện của họ. Nếu không phải là thợ có chuyên môn sâu thì không mấy ai biết được điều này.

Tôi tò mò hỏi tiếp:

- Vậy chiếc nhẫn trưng bày tại viện bảo tàng Luân Đôn là của ai? Và trên đó khắc chữ gì?

Ông lão mỉm cười:

- Đó là chiếc nhẫn của một Pharaoh thuộc vào thời đại cuối của triều đại các vua chúa Ai Cập, trước khi Ai Cập bị người Assyria xâm lăng vào khoảng hơn sáu trăm năm mươi năm trước Công nguyên. Chiếc nhẫn đó khắc dòng chữ "Xin thần Thái Dương Amun Ra[3] che chở cho tôi". Phía trong có hình chim ưng Horus, tượng trưng cho công lý.

*[3] Thần Thái Dương (Ra) là vị thần tối cao trong văn hóa Ai Cập cổ đại, đại diện cho ánh sáng và sự sinh trưởng. Amun vốn là thần bảo hộ của thành phố Thebes. Ai Cập được đề cập trong cuốn sách này rơi vào thời kỳ Tân Vương Quốc. Để củng cố vị trí của thần Amun, triều đình đã tôn vị trí thần Amun lên sánh ngang với thần Ra và kết hợp hai vị thần này thành thần Amun Ra.*

Tôi ngạc nhiên trước kiến thức của người thợ kim hoàn:

- Ông còn biết gì về chiếc nhẫn đó nữa?

Ông lão Do Thái tiếp tục:

- Chiếc nhẫn đó có khảm một viên hồng ngọc. Hồng ngọc tượng trưng cho đức tin, do đó tôi nghĩ vị Pharaoh này phải là người có đức tin tôn giáo mãnh liệt. Mỗi khi lên ngôi, các Pharaoh đều cho

giáo sĩ làm nghi thức đặc biệt truyền bùa chú vào đồ trang sức để bảo vệ cho họ. Hiện nay, chiếc nhẫn này được trưng bày trong viện bảo tàng ở Luân Đôn nên không có điều gì nguy hiểm.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao lại nguy hiểm?

Ông lão trả lời:

- Khi Pharaoh qua đời, các vật dụng, trang sức được chôn theo họ. Vì thế các lăng tẩm này thường bị các tay trộm đến đào, khai quật để lấy đồ quý. Nhiều người sưu tầm đồ cổ mua những thứ này mà không biết đến mối nguy hiểm của chúng. Hầu hết các đồ vật chôn theo vua chúa đều được yểm bùa để bảo vệ, hay những xác ướp đã được các giáo sĩ giam giữ một số sinh vật cõi âm vào để giữ mồ. Do đó, người mua đồ cổ thường bị hại bởi các động lực, năng lượng vô hình này. Nếu họ không chết thì cũng tán gia bại sản và con cháu họ cũng khó sống yên ổn. Dĩ nhiên, ngày nay không ai tin vào những chuyện như thế. Một số người cho rằng đó chỉ là những chuyện hoang đường nhằm mục đích dọa nạt mọi người, không cho họ bén mảng đến những nơi chôn cất đó thôi. Tuy nhiên, chắc ông cũng biết đã có nhiều nhà khảo cổ chết bất đắc kỳ tử. Một số triệu phú thích sưu tầm đồ cổ của vua chúa thời xưa cũng gặp phải các tai nạn thương tâm bất ngờ.

Ông lão Do Thái thấy vẻ mặt nghi ngờ của tôi nên nói tiếp:

- Chắc ông cũng biết về ngôi mộ của Pharaoh Tutankhamun hay "King Tut". Đây là ngôi mộ tồn tại trong suốt mấy ngàn năm, còn nguyên vẹn, không bị trộm. Năm 1923, nhà khảo cổ Howard Carter và Lord Carnarvon đã tìm ra ngôi mộ này. Sau khi đào mồ, Lord Carnarvon đã chết bất đắc kỳ tử vì một lý do hết sức mơ hồ. Người phụ tá của ông trong việc đào mồ, George Gould cũng chết vì tai nạn vài ngày sau đó. Trong số bốn mươi người hiện diện lúc khai quật mộ "King Tut", hai mươi lăm người cũng chết trong vòng ba tháng. Nhiều người cho rằng ngôi mộ có rải thuốc độc nhưng cho

đến nay không ai tìm được bằng chứng nào cho thấy có độc trong ngôi mộ.

Tôi bật cười:

- Phải chăng đó chỉ là tin đồn được báo chí phóng đại lên mà thôi.

Người thợ kim hoàn lắc đầu:

- Chúng tôi làm nghề này đã lâu nên biết rõ mọi việc hơn người khác. Đối với chúng tôi, các cổ vật, trang sức lấy được trong mồ mả, nơi thờ phượng là điều cấm kỵ, không ai dám đụng vào.

Thấy tôi vẫn lắc đầu có vẻ không tin, ông lão nói tiếp:

- Một trong những món trang sức nổi tiếng là viên kim cương "Hy vọng" (Hope) màu xanh được lưu giữ trong viện bảo tàng Smithsonian tại Washington D.C. Nó có xuất xứ từ viên kim cương rất lớn được gắn vào trán của một vị thần trong một ngôi đền cổ tại Ấn Độ. Trong thời nội chiến giữa các tiểu vương, một vị chỉ huy nhóm loạn quân đã gỡ viên kim cương đó xuống để bán. Chỉ vài hôm sau, ông này chết bất ngờ, rồi viên kim cương đó được bí mật mang về châu Âu bởi một lái buôn trang sức người Pháp tên Jean Tavernier.

Theo tài liệu, Tavernier bán viên kim cương này cho triều đình Pháp để gắn lên vương miện của vua Louis thứ mười bốn và được gọi là viên ngọc xanh của nước Pháp

(Le Bleu de France). Sau khi bán viên kim cương này được ít lâu, Tavernier hộc máu chết trong xưởng làm trang sức của ông ta tại Paris. Sau khi đội vương miện trong lễ đăng quang, vua Louis thứ mười bốn cũng bị bệnh, da thịt ung thối và chết vì nhiễm độc. Không những thế, những đứa con của ông vua này cũng chết thê thảm. Người chết đuối, kẻ chết cháy, kẻ chết vì ngã ngựa lúc đi săn, chỉ có một người duy nhất sống sót.

Vương miện được truyền qua tay vua Louis thứ mười sáu. Ông này cho tháo viên kim cương đó ra để làm vòng đeo cổ cho nữ hoàng Marie Antoinette. Chắc ông cũng biết chỉ vài năm sau, cả hai đều chết thê thảm trên máy chém trong cuộc Cách mạng Pháp 1792. Tài sản triều đình được phân chia cho những người lãnh đạo cuộc cách mạng. Theo tài liệu của các thợ kim hoàn thời đó thì viên kim cương được mang qua Anh và lọt vào tay một thợ kim hoàn nổi tiếng là Wilhelm Fals. Tài liệu ghi rõ ông này cắt nó ra thành bốn viên kim cương nhỏ hơn để cho dễ bán vì mấy ai có khả năng mua được một viên kim cương nặng hàng trăm carat như thế. Ít lâu sau, Wilhelm Fals bị chính con trai mình giết để cướp gia tài. Cậu con bị kết án và cũng chết trong nhà ngục. Chuyện gì đã xảy ra cho bốn viên kim cương này không thấy ai lưu truyền nhắc đến trong suốt một thời gian dài.

Theo tài liệu của các thợ kim hoàn thì chàng triệu phú Hoa Kỳ trẻ Somerset đã mua được một viên - gọi là viên kim cương "Hope", có nghĩa là hy vọng (nhưng hậu quả cho những ai sở hữu đều trái ngược, rất bi đát) để làm quà tặng cho người vợ chưa cưới - lúc đó viên kim cương quý tộc lung linh này được mệnh danh là "Trái tim của Đại dương". Hai vợ chồng hưởng tuần trăng mật sóng gió trên chiếc tàu định mệnh Titanic. Chắc ông cũng biết chuyện gì đã xảy ra cho chiếc tàu Titanic rồi.

Viên thứ hai rơi vào tay Nga Hoàng Nicholas và được chế tác thành vòng ngọc đeo trên cổ hoàng hậu Alexandria. Rồi chuyện gì xảy ra cho gia đình Nga Hoàng trong cuộc Cách mạng Bolshevik 1917 chắc ông cũng biết. Hiện nay chuỗi ngọc đó lọt vào tay ai thì tôi cũng không rõ.

Viên thứ ba rơi vào tay triệu phú Hy Lạp Simon Maoncharides. Chỉ ít lâu sau khi mua viên kim cương, ông này lái xe rơi xuống vực chết thê thảm. Hiện nay không ai biết viên kim cương này thuộc về ai? Có người nói rằng nó lọt vào tay triệu phú Onassis và được tặng cho bà Jacqueline Kennedy trong hôn lễ. Nếu viên kim cương này được lưu giữ trong gia đình Kennedy thì thật là bất hạnh. Chuyện gì xảy ra

cho gia đình này chắc ông cũng biết. Tuy nhiên, đây chỉ là tin đồn, chứ không ai biết rõ sự thật.

Viên thứ tư, lớn nhất và đẹp nhất được bán tại Thụy Sĩ, nhưng giá trị của nó quá lớn nên không ai mua nổi. Nhiều năm sau, Evalyn McLean, con gái triệu phú McLean, sau khi được hưởng gia tài của cha để lại, đã dùng trọn số tiền đó để mua viên kim cương này. Cô thường đeo trong các buổi dạ hội của giới điện ảnh, được báo chí khen là người có món nữ trang đẹp nhất. Ít lâu sau, cô này cũng chết một cách rất lạ lùng mờ ám khi còn rất trẻ.

Vì sống trụy lạc tiêu pha phung phí nên Evalyn nợ nần rất nhiều. Để trang trải, viên kim cương lọt vào tay chủ ngân hàng Thomas Hope.

Từ khi sở hữu viên kim cương, gia đình ông này gặp rất nhiều rắc rối, vợ chồng ly dị, con cái bất hòa, tranh chấp kiện tụng để giành tài sản, tạo ra rất nhiều tai tiếng trên báo chí. Từ đó, viên kim cương này được biết đến như là một tai ương cho những ai sở hữu nó. Cuối cùng, gia đình tỷ phú Hope cũng phải khánh kiệt tài sản. Người cháu của ông Hope bèn đem tặng viên kim cương này cho viện bảo tàng Smithsonian để triển lãm vì không có bất kỳ một ai dám giữ hay sở hữu nó nữa.

Tôi gật đầu:

- Tôi có nghe nói về bốn viên kim cương Hope và tai họa thê lương đã xảy đến với những người có liên quan nhưng tại sao ông lại biết lai lịch và hành trình của những viên kim cương này rõ thế?

Ông lão Do Thái hãnh diện nói:

- Công trình làm ra những món trang sức có giá trị lớn đều được ghi vào sổ sách cẩn thận. Tất cả thợ kim hoàn thiết kế những tác phẩm nghệ thuật đều ghi lại công trình của họ vào tài liệu để cho đời sau học hỏi. Đây là truyền thống của nghề kim hoàn đã có từ nhiều trăm năm nay.

Ông lão kết luận:

- Những bảo vật có giá trị lớn thường đi kèm với những điều không may. Những của cải phi nghĩa do cướp bóc, chiếm đoạt đều mang lại những điều bất hạnh mà không mấy ai biết. Khi một vật có giá trị lớn, nó khiến cho người khác thèm muốn và gây ra phiền toái. Nếu không gặp trộm cắp thì cũng bị chiếm đoạt. Vì lòng tham mà biết bao nhiêu người đã phải bỏ mạng hay tán gia bại sản. Lịch sử đã ghi nhận rõ ràng là những ai lấy của từ người khác một cách phi nghĩa đều phải trả một cái giá rất đắt - không phải lúc này thì ắt cũng vào lúc khác. Càng chiếm đoạt bao nhiêu thì càng gặp những điều không may

bấy nhiêu, nếu không nghèo khổ thì cũng gặp tai nạn bất ngờ, và lúc đó có hối hận thì cũng đã quá muộn. Tuy chỉ là người thiết kế trang sức, nhưng tôi nghiên cứu rất kỹ những tài liệu trang sức, kim hoàn từ xưa để lại, vì thế tôi cũng học được ít nhiều. Hôm nay có duyên vui miệng kể ông nghe, mong ông không để tâm đến chuyện đó.

Hai tháng sau, tôi nhận được chiếc nhẫn có hình con bọ hung giống y như chiếc nhẫn mà tôi thấy trong tấm hình của tiệm trang sức. Phải nói rằng đó là một tuyệt tác được thực hiện bởi người thợ kim hoàn thật điêu luyện khéo tay này. Nếu so sánh với chiếc nhẫn trong viện bảo tàng Luân Đôn thì nó giống y như thật.

Một hôm, tôi ngồi trong phòng làm việc, vô tình tập trung nhìn chiếc nhẫn mà tôi đã đeo từ mấy tuần qua. Tự nhiên có một mãnh lực kỳ lạ khiến tôi cảm thấy ngây ngất và thiếp đi lúc nào không biết.

***

Tôi thấy mình đang đứng trước một ngôi đền ngoài sa mạc với một nhóm giáo sĩ. Tôi cố gắng tự chủ, nhưng cũng như lần trước, tôi biết mình đang ở trong một thể xác khác với thể xác hiện nay. Vì đã có kinh nghiệm nên tôi tự hỏi: “Phải chăng mình nhớ lại tiền kiếp nào đó một lần nữa?”.

Ngay lúc đó, toàn thân tôi run lên và tai nghe rõ tiếng vị giáo sĩ nói:

- Đã đến lúc ngài phải nắm lấy cơ hội hãn hữu này - nếu không thì không còn cơ hội nào nữa. Tuy ngài không hoàn toàn là người Ai Cập nhưng ngài vẫn mang dòng máu hoàng gia. Ngài được sinh ra tại Ai Cập, nghĩa là có liên hệ đến quốc gia này và được sinh ra tại đâu là phải có trách nhiệm với nơi đó. Khi sinh ra tại Ai Cập, ngài đã hấp thụ tinh khí của mảnh đất này và mắc nợ với nó. Dù muốn hay không, số mạng của ngài và quốc gia này có mối liên hệ chặt chẽ. Ngài phải làm tròn bổn phận của một người dân xứ này, nhất là khi quốc gia rơi vào cảnh nguy biến.

Mặc dù biết mình đang ở trong một thể xác khác nhưng đầu óc tôi vẫn còn hoang mang vì không rõ chuyện gì xảy ra. Ngay lúc đó, một binh sĩ oai nghiêm bước vào:

- Thưa ngài, quân sĩ đã sẵn sàng. Chúng tôi chờ lệnh của ngài.

Tôi chưa biết phải phản ứng ra sao vì đầu óc vẫn còn choáng váng, dường như mơ mà không phải mơ, nhưng tôi biết rằng tôi không còn là Thomas nữa mà là một con người khác, sống ở một kiếp khác, thời đại khác rồi. Lúc đó, đột nhiên tiềm thức của tôi hoạt động, rồi quá khứ hiện rõ ra như một cuốn phim.

Tôi tên là Akhon, con của một thứ phi trong vương triều Ai Cập. Khi xưa Pharaoh đi kinh lý vùng hạ lưu sông Nile có bắt được một số nô lệ người Kush, trong đó có nhiều phụ nữ xinh đẹp. Vua đưa những người này về cung làm phi tần. Vì là đứa con mang hai dòng máu, Ai Cập và Kush, trong khi hai quốc gia này lại hay gây chiến với nhau, nên tôi không được coi là hoàng tử chính thức. Cuộc sống trong cung điện bề ngoài xa hoa sung sướng nhưng thật ra bên trong là cả một bãi chiến trường với những âm mưu tranh chấp giữa các phe nhóm cung phi. Là đứa trẻ mang hai dòng máu, con của một thứ phi không được sủng ái, tôi trở thành nạn nhân của những cuộc tranh chấp này.

Khi mẹ tôi mất, tôi bị đối xử kỳ thị đến mức tàn bạo bởi những hoàng tử khác trong cung. Tuy nhiên, là một đứa trẻ kiên cường với dòng máu người Kush chảy trong huyết quản, càng bị đối xử tệ bạc, tôi càng nung nấu ý chí phục thù. Một hôm, tôi bị đám hoàng tử đuổi

đánh dữ dội nên phải trốn vào đền thờ thần Thái Dương. Tại đây, tôi được các giáo sĩ che chở nên sau đó tôi thường tìm chỗ trú ẩn tại đây. Nhờ các giáo sĩ thương tình dạy dỗ nên tôi học hỏi được rất nhiều về tôn giáo Ai Cập.

Các đền thờ Ai Cập lúc đó thật ra không hoàn toàn thuộc về tôn giáo mà là một hệ thống giáo dục bao gồm nhiều lĩnh vực như thiên văn, địa lý, kiến trúc, y học, âm nhạc v.v… Người theo học được quyền lựa chọn các lĩnh vực chuyên môn này. Chỉ một số ít được huấn luyện trở thành giáo sĩ sống trong đền thờ chuyên thực hiện những nghi thức hành lễ, dâng cúng thần linh, làm bùa chú, hay tẩm liệm người chết.

Tôn giáo Ai Cập bắt nguồn từ thời xa xưa, không ai biết nó xuất hiện từ lúc nào hay từ đâu đến, nhưng giáo lý tôn giáo này dạy rằng vào thuở sơ khai, trời đất chỉ là một khối hỗn độn chìm sâu trong màn đêm âm u. Sau đó, thần Thái Dương Ra xuất hiện quét sạch màn đêm u tối bằng ánh sáng mặt trời, đem lại trật tự cho thế giới qua việc phân biệt giữa ngày và đêm, hay thời tiết bốn mùa v.v… Giáo lý thờ Thái Dương Ra dạy rằng đời người cũng giống như ngày và đêm, nghĩa là con người sống và chết, rồi được hồi sinh và sống ở một cõi giới khác. Do đó, đời sống ở cõi giới sau khi chết quan trọng hơn đời sống hiện tại và việc chuẩn bị cho đời sống vĩnh cửu này là việc được hoạch định cẩn thận từng chi tiết. Theo người Ai Cập, sau khi chết, con người sẽ đi vào một thế giới tối tăm, âm u với rất nhiều ma quỷ và các động lực bất hảo cõi âm. Nếu không được chỉ dẫn cẩn thận, họ sẽ bị đọa lạc vào thế giới này và trở thành nô lệ cho những loài ma quỷ hay sinh vật cõi âm, rồi trở thành một loài ma quỷ sống mãi ở đó. Nhưng nếu được giúp đỡ bởi các thần linh qua các nghi thức cúng lễ với bùa phép và thần chú đặc biệt thì họ sẽ được đưa lên cảnh giới của các vị thần và trở thành một vị thần sống sung sướng ở cõi đó.

Dựa trên quan niệm này, tôn giáo Ai Cập chủ trương thờ cúng rất nhiều thần linh vì các vị thần này có thể giúp họ ở thế giới bên kia. Do đó, các nghi thức dâng cúng phẩm vật cho chư thần là một điều quan trọng để làm vui lòng thần thánh vì các vị thần có thể ban

phước hay giáng họa, tùy theo giá trị của các phẩm vật dâng cúng. Người đứng đầu Ai Cập, hay Pharaoh, được coi là trung gian giữa dân chúng và các thần linh nên có bổn phận phải xây cất đền thờ, dâng cúng phẩm vật cho các vị thần để đảm bảo trật tự, thịnh vượng trong xã hội.

Ai Cập là xứ sở với phần lớn đất đai đều là sa mạc nên các xác chết được chôn cất không mấy khi bị hư hoại mà giữ được rất lâu. Tuy nhiên, khi đào lên, những xác khô này đều mang hình thù ghê gớm, xấu xí. Vì người Ai Cập tin rằng có một đời sống vĩnh cửu sau khi chết nên việc ướp xác, xây cất mồ mả, lăng tẩm là một nghi thức quan trọng để đảm bảo người chết sẽ giữ được xác thân đẹp đẽ như lúc còn sống và được thần linh đưa về những cảnh giới tốt đẹp. Theo đó, các nghi thức ướp xác được đặt ra để cho hồn người chết nhập vào đó khi sống ở cõi giới bên kia. Tùy theo mồ mả được xây cất với xác thân được bảo quản bằng việc ướp xác, cùng những nghi thức, bùa chú và cách hành lễ của các giáo sĩ, mà người chết sẽ được thần linh đưa về sống sung sướng ở cảnh giới bên kia. Đối với các vua chúa, quan lại hay giới thượng lưu giàu có, việc xây cất mồ mả, duy trì thân xác sau khi chết để đảm bảo cho đời sống ở cõi bên kia đã trở thành một truyền thống ăn sâu vào văn hóa xứ này nên gần như ai có khả năng cũng đều lo xây cất mồ mả cho mình ngay khi còn sống.

Trong suốt lịch sử kéo dài hơn sáu ngàn năm của Ai Cập, sự xung đột giữa các giáo sĩ và Pharaoh xảy ra rất thường xuyên do đụng chạm quyền lợi giữa hai bên. Khi nhóm giáo sĩ mạnh, họ đòi hỏi triều đình phải xây cất thật nhiều đền thờ, nuôi nhiều giáo sĩ, và dâng cúng phẩm vật theo sự đòi hỏi của họ (như thức ăn, rượu, vàng bạc, châu báu, nô lệ và phụ nữ) để họ hưởng thụ. Khi Pharaoh mạnh thì họ không muốn tiêu pha ngân quỹ cho việc xây cất đền thờ hay dâng cúng phẩm vật mà chú trọng vào việc xây cất mồ mả cho chính họ và chỉ riêng họ được hưởng những tiện ích này thôi.

***

Khi tôi được mười hai tuổi, nhờ sự can thiệp của tu sĩ trưởng đền thờ Thái Dương, tôi được gửi đến vùng biên giới hoang vu đặt dưới

sự giám sát của một vị võ quan lớn tuổi. Đối với các hoàng tử trong cung, tôi bị xem là “đi đày” và họ tin rằng tôi khó có thể sống sót ở vùng biên thùy hoang dã như thế. Tuy nhiên, tại đây tôi được vị võ quan này coi như con và dạy dỗ cẩn thận. Cuộc sống ngoài sa mạc tuy khắc nghiệt đối với những người yếu đuối nhưng nó nung nấu trong tôi ý chí cương quyết không lùi bước trước khó khăn. Nhờ được giáo dục và chỉ dẫn tận tâm của vị võ quan mà tôi coi như cha nuôi, khi lớn lên, tôi trở thành trợ thủ đắc lực cho ông này và lập được nhiều chiến công hiển hách. Khi vị võ quan qua đời, tôi trở thành người chỉ huy quân lực trấn đóng vùng biên thùy sa mạc.

Năm đó, Pharaoh băng hà, các hoàng tử tranh cướp ngôi vua nên trong nước xảy ra nội chiến. Chỉ trong thời gian ngắn, đã có bốn Pharaoh lên ngôi, người nào cũng chỉ giữ được ngôi vị trong vòng vài tháng nên tình trạng xã hội trở nên rối loạn. Triều đình không kiểm soát được nữa. Các quan lại khắp nơi được thể thi nhau cướp bóc, chiếm đoạt tất cả những gì họ có thể lấy được. Nhân cơ hội đó, người Nubia ở phía Nam đưa quân vào chiếm đất đai của Ai Cập. Vị vua da đen xứ Nubia tự xưng là Pharaoh và thiết lập ngay một vương triều trên đất Ai Cập với ý định cai trị xứ này.

Hôm đó, Satt, vị giáo sĩ đền thờ Thái Dương tìm đến tôi. Ông nói:

- Hiện nay, tình thế đang hết sức nguy cấp bởi bên ngoài thì người Nubia đang kéo quân sang thôn tính Ai Cập, còn trong triều lại đang xáo trộn bởi cuộc tranh chấp giữa các phe nhóm hoàng tộc. Nay đã đến lúc ngài phải trở về để lên ngôi Pharaoh vì không ai có thể lãnh đạo Ai Cập trong lúc này được nữa.

Tôi trả lời:

- Ta biết rõ thân phận của mình, ta chỉ là con của một phi tần không chính thức, lại là kẻ mang hai dòng máu. Người Ai Cập không bao giờ chấp nhận một kẻ mang dòng máu Kush làm Pharaoh xứ này đâu.

Satt mỉm cười:

- Các giáo sĩ chúng tôi đã bàn luận với nhau về việc này và đề nghị cho tổ chức hôn lễ giữa ngài với công chúa Nedjem. Hiện nay, Ai Cập đang được cai trị bởi Pharaoh Amose, cha của công chúa Nedjem, nhưng ông này là một vị vua bất tài, ham mê tửu sắc, suốt ngày lo hưởng thụ chứ không màng gì đến việc nước. Ông lên ngôi Pharaoh cũng là do phe nhóm quan triều đưa lên chỉ để cho họ có cơ hội tăng thuế, biển thủ ngân quỹ qua các công trình xây cất lăng tẩm, bóc lột tài sản của dân chúng. Tuy thế, ngôi vị của ông này đang không hề vững vì âm mưu tranh giành quyền lực ngôi vị giữa các phe nhóm hoàng tộc vẫn đang diễn ra. Việc đưa một tướng lĩnh chỉ huy quân lực như ngài về làm rể triều đình sẽ giúp Pharaoh Amose giữ vững ngôi vị. Sau khi kết hôn với công chúa Nedjem, ngài sẽ nghiễm nhiên trở thành hoàng tử chính thức. Từ đó, ngài có thể tái lập trật tự xã hội, chấn chỉnh triều đình và trở thành Pharaoh.

Tôi ngạc nhiên vì đề xuất bất ngờ và thắc mắc:

- Nhưng hiện nay Amose đang làm Pharaoh mà.

Satt bật cười:

- Ngài đừng lo, giáo sĩ chúng tôi đã có kế hoạch. Sau khi ngài trở thành hoàng tử chính thức với công lao dũng cảm đánh dẹp ngoại xâm, được dân chúng kính phục, chúng tôi sẽ lo tính cho hậu sự của Amose.

Tôi kinh ngạc:

- Hậu sự Amose ư? Làm sao ta có thể tranh giành địa vị với cha vợ của mình được?

Satt mỉm cười:

- Chỉ với liều thuốc độc do một y sĩ ra tay là mọi sự yên ngay. Ngài không phải lo gì việc này.

Sau một hồi trấn tĩnh, tôi hồ nghi:

- Làm vậy các ông có lợi gì?

Satt nghiêm nghị nói:

- Ngài là người đã được dạy dỗ trong đền thờ Thái Dương từ nhỏ. Kiến thức tôn giáo của ngài đã được các vị giáo sĩ huấn luyện, do đó ngài là người của chúng tôi. Chúng tôi chỉ mong sau khi lên ngôi Pharaoh, ngài sẽ cho tu bổ, xây cất nhiều đền thờ, bảo vệ quyền lợi của các giáo sĩ, phát triển tôn giáo ở xứ Ai Cập.

Vừa nghe xong tôi đã nghiệm ra ngay: "Thì ra là thế, các giáo sĩ che chở, rèn luyện cho tôi khi còn nhỏ, đưa ra biên thùy để tránh các tranh chấp trong triều đình chỉ là một kế hoạch đã được tính toán cẩn thận. Thế thì tôi chỉ là một quân cờ trong bàn cờ chính trị nhằm tăng sức ảnh hưởng và quyền lực của nhóm giáo sĩ này mà thôi".

Kế hoạch có vẻ khả thi và tôi đã không thể khước từ lời đề nghị hấp dẫn này. Mọi việc diễn tiến đúng như Satt đã trù tính. Sau hôn lễ, tôi khởi binh dẹp ngay đám phản loạn trong triều. Các hoàng tử và quan hầu trong cung từng đối xử khắc nghiệt với tôi đều bị ném xuống hầm tối làm mồi cho đám sư tử bị bỏ đói nhiều ngày. Sau đó, tôi đưa quân tấn công Nubia, chỉ vài trận đánh lớn, vua xứ này rút binh hàng phục, hàng năm phải triều cống vàng bạc, châu báu và nô lệ cho triều đình. Trật tự trong nước được vãn hồi, dân chúng vui mừng khôn xiết. Trong bữa tiệc chiêu đãi chiến công của tôi, Pharaoh Amose say rượu bất ngờ ngã lăn ra chết. Thế là toàn thể triều đình suy tôn tôi lên ngôi Pharaoh ngay trong buổi tối hôm đó.

Hôm sau, Satt đưa một người thợ kim hoàn đến làm chiếc nhẫn vương ấn cho tôi. Thợ kim hoàn cung kính nói:

- Xin Pharaoh ra chỉ thị để hạ thần làm cho ngài chiếc vương ấn ạ.

Tôi trả lời:

- Ta muốn một chiếc nhẫn có đính một viên hồng ngọc lớn, phía sau khắc chữ "Xin thần Thái Dương Amun Ra che chở cho tôi". Vì tên ta

là Akhon (chim ưng) nên ta chọn Horus, thần Công lý có khuôn mặt chim ưng là vị thần bảo hộ quốc gia.

Satt vui mừng nói:

- Chỉ nghe như thế thôi, các giáo sĩ chúng tôi biết rằng chúng tôi đã không chọn lầm người. Không những ngài xứng đáng làm Pharaoh cai trị xứ này mà còn là một người có đức tin mãnh liệt. Với thần Công lý Horus làm vị thần bảo hộ, quốc gia này sẽ trở nên hưng thịnh dưới triều đại của ngài.

Từ khi trở thành Pharaoh, tôi ban hành ngay những đạo luật nghiêm khắc để cải tạo xã hội vốn đã suy đồi từ thời của những Pharaoh đời trước. Việc đầu tiên là trừng trị những kẻ bất tuân luật pháp nhưng vẫn được dung dưỡng, bao che bởi đám quan lại tham ô. Những kẻ trộm cắp bị đưa ra vùng biên thùy làm phu xây cất lăng tẩm. Những kẻ biển thủ công quỹ, tài sản triều đình đều bị ném vào hầm sư tử, gia đình bị đày ra sa mạc không được sống ở thành thị nữa. Những kẻ giàu có bóc lột, chiếm đoạt tài sản người khác, nặng thì bị tử hình, nhẹ thì nhốt trong trại cùi cho sống chung với người tàn tật. Luật pháp trong tay tôi là một thứ luật khắt khe, tàn bạo nhưng tôi không ngần ngại thi hành, bất chấp mọi sự. Với lòng căm thù do bị đối xử tàn tệ thuở trước cùng dòng máu hung dữ của giống dân Kush đang chảy trong huyết quản, nên chỉ trong một thời gian ngắn, tôi đã trở thành một Pharaoh uy quyền, độc đoán. Mỗi khi tôi giơ ngón tay đeo chiếc vương ấn lên, toàn thể triều đình đều run sợ trước quyền lực của tôi.

Là người đã từng chứng kiến những âm mưu tàn bạo của đám quan hầu trong cung nên khi lên ngôi Pharaoh, tôi đã thành lập ngay một nhóm thám tử tinh nhuệ thân tín để kiểm soát mọi thứ, từ trong nội cung đến ngoài triều đình, để chắc rằng không một việc gì có thể qua được mắt tôi. Tôi thay thế toàn bộ quan lại trong triều và chỉ tuyển chọn những người có tài được huấn luyện bởi các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương vào đảm nhiệm các chức vụ quan trọng. Tôi cũng khởi binh đánh dẹp những quốc gia quanh vùng, chiếm được rất nhiều vàng bạc, châu báu và nô lệ, rồi cho xây rất nhiều

đền thờ Thái Dương tại các vùng biên địa, do đó tôi càng được giới giáo sĩ ủng hộ triệt để.

Tuy triều đình đã được ổn định, quốc gia đã tuân thủ luật pháp, xã hội có trật tự, không còn lo nạn ngoại xâm nữa nhưng không hiểu sao tôi vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn. Trong lòng tôi vẫn vương mang một nỗi trống vắng lạ lùng. Các cuộc vui trong triều, các nghi thức trong đền thờ Thái Dương không làm tôi cảm thấy thoải mái. Hình như tôi vẫn còn muốn một cái gì đó mà tôi không thể gọi tên.

Vào một đêm không trăng, tôi đứng một mình trong cung điện, nhìn ra ngoài sa mạc mênh mông và cảm thấy một nỗi buồn vô hạn. Sau bao công lao khó nhọc, bao chiến thắng oai hùng, được bao người kính nể, đạt được địa vị tối cao với quyền uy tột bậc nhưng tôi vẫn tự hỏi không lẽ cuộc đời chỉ có thế thôi sao. Còn có điều gì khác nữa không. Khi sống ngoài sa mạc, đã có những đêm tôi ngồi một mình nhìn vào không gian vô tận và tự hỏi về ý nghĩa cuộc đời. Mặc dù từ nhỏ đã được các giáo sĩ dạy dỗ giáo lý trong đền thờ Thái Dương nhưng tôi không hài lòng về những điều này. Hình như có một cái gì đó thúc đẩy tôi tìm hiểu nhiều hơn nữa, nhưng lúc đó tôi còn bận tâm với nhiều việc khác. Hiện nay, mọi việc đã xong, tôi trở thành Pharaoh, quyền uy tột đỉnh, sống trong cung vàng điện ngọc, có được tất cả những gì mà con người thường ao ước nhưng tôi vẫn bị ám ảnh bởi một cảm giác thiếu thốn và cô độc lạ kỳ. Tôi đã thao thức nhiều đêm vì cảm giác trống vắng lạ lùng ấy. Tôi cảm thấy mình vẫn cần phải làm một cái gì đó, nhưng biết làm gì bây giờ. Tất cả những gì có thể làm được, tôi đã làm xong. Bây giờ đáng lẽ phải là lúc tôi tận hưởng kết quả của việc mình làm chứ! Nhưng tôi không thể.

Tôi ngước mắt nhìn lên bầu trời với muôn ngàn tinh tú lấp lánh và tự hỏi về ý nghĩa của cuộc đời. Phải chăng số phận trở thành người có quyền uy tối thượng của tôi đã được thu xếp sẵn từ trước bởi các thần linh? Tại sao hàng chục hoàng tử trong cung hàng ngày dâng cúng phẩm vật cho thần linh lại không được làm Pharaoh, trong khi một kẻ mang hai dòng máu như tôi, sống ở miền biên thùy hoang vu, không phẩm vật dâng cúng, lại được cái diễm phúc đó? Tại sao

có người được sinh ra ở những nơi đất đai trù phú bên cạnh dòng sông Nile như Ai Cập, trong khi người khác lại phải sống ở những miền núi đá khô cằn như xứ Kush, hay sa mạc nóng bỏng như xứ Nubia? Tại sao có người được sinh ra trong những gia đình giàu có sung sướng, trong khi người khác lại sinh vào nơi nghèo nàn, khốn khổ? Tại sao có kẻ được làm quan, trong khi người khác phải làm nô lệ? Tại sao các thần linh lại làm như thế? Tại sao các thần linh đòi hỏi phẩm vật dâng cúng nhưng lại để cho các giáo sĩ thụ hưởng? Con người được sinh ra với mục đích gì khi mọi việc đều do thần linh thu xếp từ trước? Phải chăng con người chỉ là nô lệ của các thần linh? Tôi muốn đặt câu hỏi với các thần linh về việc này, nhưng biết hỏi ai đây? Đã từng sống với các giáo sĩ khi còn nhỏ, tôi đã thấy rõ những người này sống ra sao, hưởng thụ phẩm vật dâng cúng như thế nào, có nhu cầu gì và đòi hỏi những gì. Họ thường mang các thần linh ra dọa nạt để đòi hỏi thêm lễ vật, rồi chia nhau hưởng thụ. Họ chỉ giải thích bâng quơ chứ không thể trả lời rõ ràng những thắc mắc của tôi.

Tôi sùng kính đấng Thái Dương Amun Ra và thầm đặt câu hỏi với ngài trong các nghi lễ với các phẩm vật quý nhưng không hiểu sao ngài vẫn im lặng, không trả lời những thắc mắc của tôi. Tôi đến đền thờ nữ thần Isis[4], khuôn mặt bà được che bằng một tấm vải nên không ai có thể chiêm ngưỡng dung nhan của nữ thần. Tôi được các giáo sĩ dạy rằng Isis tượng trưng cho những điều không thể nói ra và cũng không thể hiểu được nên tốt nhất là chỉ nên dâng cúng phẩm vật, còn mọi việc hãy để cho chư thần sắp đặt. Là người có ý chí cương quyết và đầu óc ngang bướng, tôi không thể chấp nhận rằng mọi sự xảy ra đều do thần linh thu xếp.

*[4] Isis: Nữ thần của tình mẹ, phép thuật và sự sinh sản. Bà là một trong chín vị thần tối cao nhất của chư thần Ai Cập cổ đại (bộ chín vĩ đại của Heliopolis).*

Có lần tôi đã hỏi:

- Làm sao tôi biết chư thần muốn gì? Nếu Pharaoh là trung gian giữa thần linh và dân chúng thì tôi phải biết rõ ý muốn của chư thần

chứ?

Các giáo sĩ không trả lời được câu hỏi này nên giải thích rằng Pharaoh cũng là một vị thần và Pharaoh muốn gì thì chư thần cũng muốn như thế. Lần đó, tôi đã hỏi ngược lại rằng nếu thế thì tại sao chỉ các giáo sĩ được hưởng thụ những phẩm vật dâng cúng chứ không phải Pharaoh hay ai khác? Các giáo sĩ không ai dám trả lời những câu hỏi hóc búa này nên thường tìm cách tránh né những buổi gặp gỡ như thế. Nhưng ai có thể giúp tôi trả lời hàng trăm câu hỏi thắc mắc về ý nghĩa cuộc sống của tôi ở đây?

Đang suy nghĩ miên man, bỗng tôi giật mình vì tiếng cười đùa đàn hát vang lừng trong cung vọng đến. Mấy tháng nay, tôi đã chán ngấy những trò giải trí vô vị đó, cũng như chai sạn cảm xúc trước các cung nữ xinh đẹp được tuyển vào cung. Ngay như hoàng hậu Nedjem cũng không làm tôi hứng thú gì. Cuộc hôn nhân này thực ra chỉ là một sự dàn xếp quyền lực mà tôi chỉ thi hành theo kế hoạch của giới giáo sĩ thôi. Tôi nghe rõ tràng cười của đám cung nữ xen cùng tiếng ca hát của những nhạc công ở phía sau vọng đến khiến tôi nổi giận quát lớn:

- Các ngươi cút ngay. Nếu ta còn nghe một tiếng động nữa, ta sẽ chém đầu hết.

Tiếng huyên náo dần dần lặng đi và chỉ trong thoáng giây, tôi thấy mình thật đơn độc trong cung điện giữa đêm khuya thanh vắng. Tôi muốn tiếp tục suy nghĩ thêm về ý nghĩa của cuộc sống và những thắc mắc lạ lùng khác, nhưng lúc đó không còn hứng thú nữa. Tự nhiên, tôi nảy ra một ý tưởng là muốn đi thăm thú tình hình dân chúng bên ngoài. Tôi gọi người hầu lấy một chiếc áo choàng cũ khoác lên người, rồi một mình lẳng lặng tiến ra ngoài thành. Tôi không muốn binh sĩ hộ vệ đi theo nên ra lệnh cho họ phải ở lại trong cung. Là người đã từng vào sinh ra tử, tôi không sợ bất cứ chuyện gì. Với sức mạnh được rèn luyện hồi còn sống ở sa mạc, tôi có thể ra tay hạ gục những kẻ vô lại hay đám say rượu một cách dễ dàng.

Tôi lầm lũi bước đi qua những khu chợ khuya tấp nập, nơi một số dân chúng vẫn còn tụ họp buôn bán dưới những bó đuốc thắp sáng

chập chờn. Tôi tiếp tục đi qua những nơi mà các nhóm lái buôn từ phương xa đến để trao đổi hàng hóa. Lướt qua những quán ăn với điệu nhạc dập dìu và các vũ nữ xinh đẹp dân dã đang múa hát, tôi tiếp tục bước đi không định hướng cho đến khi nhìn thấy ánh đèn leo lét trong một khu xóm vắng vẻ tồi tàn với những ngôi nhà đổ nát xiêu vẹo. Bất chợt, tôi nhìn thấy một thiếu nữ duyên dáng, đang dịu dàng bế một đứa bé, đi qua đi lại trước một căn nhà. Lúc đó, không hiểu vì sao có một mãnh lực kỳ lạ thu hút tâm trí khiến tôi dừng chân lại - mà sau này tôi mới biết đó là do vẻ đẹp chân chất cùng những gì toát ra từ người thiếu nữ. Nhưng không hiểu sao tôi lại không tiến đến gần cô gái, mà hướng vào nhà. Nhìn vào dấu hiệu trước cửa, tôi biết đó là nhà của một y sĩ nên bước vào. Tôi thấy một ông lão đang bào chế thuốc với những chậu thuốc chứa đầy thảo dược. Tôi nhận ra ngay những vị thuốc quen thuộc dùng để chữa bệnh thời khí[5].

*[5] Bệnh thời khí là bệnh phát sinh theo thời tiết khí hậu. Hoặc dân gian còn gọi đơn giản là bệnh theo mùa.*

Tôi lên tiếng hỏi về người thiếu nữ đang bồng đứa bé trước cửa mà tôi rất ấn tượng, thì ông lão trả lời:

- Đó là Cihone, cứ mỗi lần tôi gặp phải một trường hợp khó khăn với những đứa trẻ mà mọi phương cách chữa trị đều vô vọng thì tôi giao đứa bé lại cho Cihone, và con bé luôn thành công.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Cô ấy đang làm gì với đứa bé thế?

Ông lão đáp:

- Cihone ôm đứa trẻ vào lòng, dùng tình yêu thương để chữa lành cho đứa bé.

- Tại sao lại như thế? Nếu không chữa được bằng thuốc men thì phải mang đến cho các giáo sĩ làm lễ cầu nguyện chứ?

Ông lão lắc đầu:

- Phải có phẩm vật dâng cúng thần linh thì mới được các giáo sĩ cầu nguyện cho. Dân nghèo chúng tôi thì làm gì có tiền cho các nghi thức đó.

Ông lão giải thích thêm:

- Phần lớn bệnh của trẻ con đều do thiếu sự săn sóc hay thiếu tình thương mà ra. Đa số cha mẹ của những đứa trẻ này đều bận rộn với sinh kế, mấy ai có thời giờ săn sóc cho chúng đâu, nhất là những đứa bé mới sinh. Tuy chỉ là bệnh thời khí thông thường nhưng nhiều đứa bé vẫn chết, mà nguyên nhân chỉ là thiếu sự chăm sóc.

Tôi ngạc nhiên và có phần tức giận:

- Ông là y sĩ mà nói năng thật vô lý. Tình yêu thương là cái quái gì mà có thể chữa được bệnh tật?

Ông lão nhìn tôi, rồi nói một cách chậm rãi:

- Tôi là y sĩ được huấn luyện về y học trong nhiều năm nhưng trường y đâu có dạy về tình yêu thương. Các giáo sĩ cũng đâu biết gì về tình thương. Khi tìm hiểu về các căn bệnh của trẻ con và nguyên nhân gây ra bệnh thần kinh ở người lớn, tôi bắt đầu ý thức về nhu cầu của con người đối với thứ tình cảm này. Thật ra không có gì cần thiết cho con người hơn là tình yêu thương.

Tôi cảm thấy thật khó chịu với cách giải thích của ông ấy:

- Sao lại như thế được? Trẻ con mạnh khỏe là nhờ ăn uống đầy đủ dinh dưỡng. Hiện nay xã hội Ai Cập đang yên ổn, mọi người đều được an hưởng thái bình cơ mà.

Ông lão vẫn điềm tĩnh đáp lời:

- Cậu nói đúng, cuộc sống hiện nay đã tốt hơn trước. Dĩ nhiên đối với trẻ nhỏ, chúng cần thực phẩm để nuôi dưỡng cơ thể, nhưng

thỏa mãn nhu cầu ăn uống vẫn không đủ vì còn có một nhu cầu quan trọng hơn, giúp chúng có sức mạnh và đề kháng chống lại bệnh tật, đó là tình thương. Đối với chúng, được thương yêu săn sóc là điều kiện tất yếu cho sự sống còn, trưởng thành. Thiếu tình thương, chúng rất dễ mắc bệnh và không thể chống chọi trước những căn bệnh hiểm nghèo. Nếu không được săn sóc chu đáo dù được cung cấp dinh dưỡng đầy đủ, chúng vẫn dễ mắc phải những căn bệnh khó trị. Khi lớn lên, nếu không được yêu thương, chúng dễ trở thành những kẻ hung ác, vô cảm và ích kỷ. Hiện nay, Pharaoh cho xây cất đền đài, lăng tẩm khắp nơi, nên phần lớn dân chúng đều bị xung công đi xây cất những công trình này, không mấy ai có thể săn sóc con cái cẩn thận vì người nào cũng bận lo công việc sinh kế. Do đó, hiện nay số trẻ con ốm đau bệnh tật đang gia tăng nhiều hơn những năm trước.

Tôi giận đến tức cả ngực nhưng không muốn để lộ thân thế của mình. Bình thường thì chỉ một ngón tay giơ lên, ông già này có thể bị ném vào hầm sư tử ngay. Tôi quay ra nhìn người con gái vẫn đang ôm đứa trẻ.

Ông lão vô tình nói:

- Cihone đóng vai người mẹ săn sóc cho đứa trẻ bệnh tật vì thiếu sự âu yếm, nâng niu. Người mẹ chính là tình thương và chắc chắn không gì tổn hại trẻ con bằng việc thiếu đi tình thương của người mẹ.

Câu nói của ông lão làm tôi nghĩ đến người mẹ quá cố của mình. Mẹ tôi chết trong cung điện một cách mờ ám khi tôi mới lên bốn tuổi. Tôi không biết gì nhiều về bà, chỉ biết rằng bà là một trong số những phụ nữ bị bắt trong khi Pharaoh hành quân ở biên giới. Sau khi sinh ra tôi, chắc chắn mẹ tôi đã phải tranh đấu để che chở cho tôi ở một nơi đầy rẫy những tranh chấp, ghen tuông, với những âm mưu thâm độc. Trong cung điện của Pharaoh có nhiều cung phi, người nào cũng muốn mình được sủng ái và con mình trở thành thái tử nối ngôi Pharaoh. Vì ghen tức, các cung phi khác đã tìm cách hãm hại mẹ tôi. Tôi không bao giờ quên điều này nên khi lên ngôi Pharaoh, tôi đã hạ lệnh cho ném tất cả phi tần, cung nữ, quan lại hầu cận

trong cung vào hầm sư tử. Tôi đã nghe tiếng kêu la thảm thiết của những kẻ này khi chúng bị lũ sư tử đói xé xác và cảm thấy thực sự sung sướng vì đã trả xong mối hận năm xưa.

Tôi hỏi:

- Phải chăng Cihone đã là một người mẹ?

Ông lão lắc đầu:

- Không, Cihone trước là một bé gái vô thừa nhận, bị vứt ở góc chợ. Vợ chồng tôi thấy tội nên mang về nuôi. Từ nhỏ, Cihone đã giúp chúng tôi săn sóc bệnh nhân nhưng tôi nhận ra nó có tài săn sóc trẻ con vì những đứa trẻ bị bệnh khi được nó quan tâm, không đứa nào phải chết cả.

Tôi ngạc nhiên:

- Như thế Cihone giờ cũng không có mẹ à?

Ông lão bật cười:

- Cihone không có cha mẹ ruột nhưng chúng tôi chăm nuôi từ nhỏ nên tôi xem Cihone như là con ruột. Là y sĩ, tôi thấy rõ sự thiếu tình thương của người mẹ không những làm chậm sự phát triển của con trẻ mà còn sinh ra nhiều vấn đề bệnh tật. Những đứa trẻ dễ mắc bệnh, chậm lớn thường là do thiếu sự chăm sóc yêu thương mà ra.

Ông lão ngừng lại như để cho tôi suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Cậu hãy nghĩ xem, nếu việc thiếu tình thương gây hại như thế thì những đứa trẻ không có cha mẹ sẽ ra sao? Chúng sẽ lớn lên một cách bất bình thường. Chúng sẽ phải chống chọi, phấn đấu đơn độc, một mình đối phó với hoàn cảnh không may của chúng và bộc phát những cá tính khác thường. Khi lớn lên, dù có đời sống khá giả, nhưng chúng cũng dễ mắc bệnh thần kinh như là hậu quả của những biến cố khi còn nhỏ. Nếu không may, với cuộc sống nghèo đói, chúng dễ trở thành những kẻ phạm tội trong xã hội.

Ông lão tiếp tục nói:

- Cậu có biết tại sao như thế không? Tại vì mỗi đứa trẻ đều hành động tùy theo lối cư xử của cha mẹ hay xã hội dành cho chúng. Tùy theo việc đứa trẻ được cha mẹ dạy dỗ như thế nào, được thương yêu hay bị đánh đập mà cuộc đời đối với nó trở nên đáng ghét hay đáng sống. Khi mới được sinh ra, đứa trẻ nào cũng có khả năng yêu thương vì nó được sinh ra qua tình yêu thương của cha mẹ. Nếu nó được sống trong yêu thương, nó sẽ biết thương yêu. Trái lại, nếu không được thế thì khả năng thương yêu của nó sẽ mất đi và nó chỉ biết sống một cách vô ý thức. Làm sao nó có thể thương ai được nếu như trước giờ nó chưa hề được ai thương? Làm sao nó có thể yêu ai được khi nó không hề được ai yêu? Làm sao nó có thể thông cảm với nỗi khổ đau của người khác khi khả năng yêu thương đồng cảm của nó đã bị thui chột? Do đó, mối quan hệ giữa nó và những người chung quanh sẽ trở nên hời hợt, và bị giới hạn trong những điều rất nhỏ, không thể vươn tầm mắt ra xa hay bay bổng lên cao được. Đầu óc của những đứa trẻ này sẽ chỉ giới hạn trong những mối lợi nhỏ nhen, những thú vui vật chất tầm thường, những thói tham lam, ích kỷ chứ không thể nào làm những việc lớn được. Là y sĩ, tôi đã chữa cho nhiều người, quan sát nhiều điều, và thấy rõ rằng phần lớn những kẻ hung ác, tham lam, tàn nhẫn đều là những kẻ vốn dĩ bị thiếu tình thương.

Tôi cố nén cơn giận ập tới vì câu nói vô tình của ông lão đã đụng chạm đến thân thế của mình, rồi lên tiếng bào chữa:

- Nhưng hiện nay Ai Cập đã thay đổi, Pharaoh đã ổn định mọi việc trong nước, đời sống dân chúng sung túc hơn trước và không còn ai lo sợ nạn ngoại xâm nữa.

Ông lão bật cười:

- Dĩ nhiên không ai còn lo sợ người Nubia xâm lăng nhưng việc xây cất đền thờ Thái Dương quá mức khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê, đã làm khánh kiệt nguồn lực quốc gia. Hầu như mọi gia đình đều bận rộn làm việc trong những công trình xây cất vĩ đại này để làm vui lòng Pharaoh nhưng đó chỉ là sự huy hoàng hào nhoáng bên

ngoài thôi, chứ có mấy ai thấy được sự suy kiệt tiềm tàng ngân khố ở bên trong đâu. Các công trình xây cất này chỉ có lợi cho nhóm giáo sĩ và quyền lực của họ chứ không mang lại lợi ích gì cho người dân hết.

Tôi giận run lên vì câu nói hỗn xược xúc phạm đến tôi nhiều như vậy, nhưng ông lão vẫn vô tình nói tiếp:

- Cậu nghĩ xem, tương lai Ai Cập sẽ ra sao khi mọi gia đình đều bận rộn làm công việc xây cất lăng tẩm, để rồi những đứa trẻ này lớn lên không được săn sóc, dạy dỗ và thiếu tình thương? Tương lai của chúng sẽ ra sao khi chúng lớn lên với những thói hư tật xấu, chỉ biết tham lam, tranh giành hay chiếm đoạt? Nếu không được dạy dỗ giáo dục từ nhỏ thì làm sao những đứa trẻ này có thể biết được những gì mà thế hệ trước đã khổ công dựng xây?

Nghe ông lão nói, tuy vô cùng tức giận nhưng tôi cũng giật mình phát hiện điều mà trước giờ tôi không hề nghĩ đến.

- Hiện nay hầu hết các gia đình đều phải đi xây cất đền đài cho giáo sĩ và Pharaoh. Đâu mấy ai có thể săn sóc con cái trừ việc cho chúng ăn uống. Trẻ con lớn lên không được dạy dỗ cẩn thận dễ bị nhiễm các thói hư tật xấu. Trẻ nhỏ không được săn sóc, âu yếm nên bị bệnh rất nhiều. Bệnh tật còn có thể chữa, chứ tính tình hay thái độ của chúng đối với cuộc sống trở nên tiêu cực, xấu xa thì làm sao sửa đổi được?

Tôi cố nén giận, hỏi thêm:

- Vậy thì ông thường làm gì với những đứa trẻ này?

Ông lão trả lời:

- Đối với những đứa trẻ mắc bệnh được gửi đến đây cho tôi săn sóc, ngoài việc chữa trị, tôi còn dạy cho chúng biết yêu thương. Ngay cả những đứa trẻ hung hăng được gửi đến đây, chúng tôi không trừng phạt chúng mà chỉ đối xử dịu dàng với chúng để khơi gợi lại tiềm năng thương yêu đã bị che lấp của chúng.

Ông lão thở dài:

- Thật ra đối với người lớn cũng thế. Thay vì trừng trị bằng cách ném vào hầm sư tử hay đày đi vùng biên giới để xây cất lăng mộ cho các quan triều, lẽ ra Pharaoh phải cho họ cơ hội để thay đổi, để tập thương yêu, vì tình thương là một loại năng lực sáng tạo có thể làm chuyển hóa, có thể chữa lành mọi bệnh tật, có thể thay đổi tất cả mọi thứ. Với tình thương, người trao yêu thương và kẻ được thương yêu đều trở nên sung sướng. Tình thương là một thứ ai cũng có thể cho đi mà không bao giờ sợ phung phí. Một khi xã hội được xây dựng dựa trên nền tảng của tình yêu thương, nó sẽ có năng lực xây dựng, gắn kết mạnh mẽ, có thể khắc phục mọi sự. Một xã hội được xây dựng dựa trên sự oán ghét, hận thù thì khó mà tồn tại vì nó sẽ phá hủy tất cả mọi thứ. Tuy nhiên, hiện nay đã mấy người biết thương yêu hay tha thứ như thế?

Lời nói sau cùng này của ông lão làm tôi giận điên lên vì nó chỉ đích danh đến hành động tàn ác của tôi khi lên ngôi Pharaoh. Nếu như vào lúc khác, tôi đã cho xử tử ngay kẻ hỗn xược này. Nhưng lúc đó tôi đã ý thức được hoàn cảnh và kiểm soát được cơn giận. Tôi quay qua nhìn người con gái đang vỗ về đứa bé đang đứng ở phía xa. Cô ta có một nét gì đó đặc biệt mà tôi không lý giải được khiến tôi phải chú ý. Tuy cô không quá xinh đẹp nhưng đường nét thôn nữ thanh mảnh trong bộ quần áo giản dị, dưới ánh sáng của ngọn đèn nhỏ leo lét, toàn thân cô vẫn toát ra một vẻ thánh thiện của một người mẹ hiền, duyên dáng quyến rũ của một cô gái trẻ. Cô gái không chú ý đến tôi mà chỉ ôm đứa bé trong vòng tay một cách trìu mến.

Ngay lúc đó, tôi hồi tưởng lại một cảm giác xa xưa, khi còn nhỏ tôi cũng được mẹ âu yếm như thế. Tôi vẫn nhớ cái cảm giác được nằm trong lòng mẹ và bà cũng nâng niu tôi y hệt như vậy. Tự nhiên tôi cảm thấy sung sướng một cách lạ lùng về cái gọi là tình thương mà ông lão vừa nói. Tôi nghĩ đến thân phận của mình, mất mẹ từ nhỏ, bị đối xử một cách khắt khe, tàn nhẫn nhưng nhờ ý chí cương quyết, tôi đã vượt qua mọi khó khăn, trở thành một Pharaoh uy quyền tột đỉnh, song tôi chưa biết gì về tình thương cho đến lúc này. Tôi chưa hề thương ai hay yêu ai, và cũng chưa hề được ai yêu thương. Tất

cả những cung nữ xinh đẹp chỉ biết làm vui lòng tôi vì đó là bổn phận của họ, không hề có tình yêu. Hoàng hậu Nedjem cũng chỉ đóng một vai trò mờ nhạt trong cuộc hôn nhân được thu xếp này. Thật ra tôi chưa hề yêu ai và cũng chưa hề được ai yêu. Đó là một sự thật không chối cãi được. Tôi nhìn lại người con gái kia, cô có nét gì đó dịu dàng rất giống mẹ tôi khi xưa. Tự nhiên tôi thấy mình mỉm cười với người con gái đó nhưng cô vẫn mải mê âu yếm đứa bé, không để ý gì đến người khách lạ đang chăm chú nhìn cô.

Tôi lầm lũi bước ra khỏi căn nhà của người y sĩ già nhưng không về cung điện ngay mà đi thẳng qua đền thờ Thái Dương. Satt ngạc nhiên khi thấy tôi đến vào giờ này.

Tôi khơi chuyện:

- Này Satt, theo ông thì tình hình Ai Cập hiện nay ra sao?

Satt nhìn kỹ y phục lạ lùng của tôi, giật mình lo sợ:

- Tại sao Pharaoh lại hỏi như thế? Ngài biết rõ mọi việc hơn chúng tôi mà.

Tôi xẵng giọng:

- Nhưng ta muốn ông trả lời một cách rõ ràng.

Satt quan sát tôi một cách cẩn thận rồi mới trả lời:

- Từ khi lên ngôi Pharaoh, ngài đã làm nhiều việc lớn. Cải tạo xã hội, dẹp phản loạn, trừng trị những kẻ bất tuân luật pháp, mang lại sự thịnh vượng cho dân chúng xứ này. Không những thế, ngài đã cho xây cất nhiều đền thờ ở khắp nơi. Công lao của ngài ít Pharaoh nào sánh được.

Tôi gần như quát lên:

- Đó không phải là điều mà ta đang muốn hỏi!

Satt thực sự bối rối, chăm chú nhìn tôi:

- Phải chăng ngài muốn hỏi đến việc xây cất lăng tẩm cho ngài? Triều đình đã cho xây cất một ngôi mộ vĩ đại để sau khi chết, ngài sẽ có một cuộc sống tốt đẹp ở kiếp sau. Các nghi thức ướp xác đều đã được chuẩn bị đầy đủ.

Tôi không kìm được nữa quát to:

- Ta biết việc này, đó không phải là điều ta muốn hỏi.

Satt rụt rè:

- Phải chăng các cung nữ không làm ngài vui lòng? Triều đình đã cho tuyển rất nhiều cung nữ xinh đẹp từ khắp nơi trong vương quốc. Nếu ngài muốn, chúng tôi có thể tuyển cung nữ từ các xứ khác để phục vụ cho ngài nữa.

Tôi giận dữ thực sự:

- Không hề! Ta không muốn nhiều cung nữ, bọn chúng chỉ toàn là đồ ăn hại.

Satt run sợ:

- Phải chăng ngài muốn thay đổi hoàng hậu. Nếu Nedjem không làm ngài hài lòng, triều đình có thể tìm một hoàng hậu khác thay thế.

Không thể chịu đựng được nữa, tôi hét lớn:

- Không! Hãy cho ta biết! Các ngươi đã thu được bao nhiêu phẩm vật qua các nghi thức tôn giáo? Triều đình đã chu cấp cho các ngươi rất nhiều vàng bạc, châu báu, cho xây rất nhiều đền thờ, mà tại sao lại còn thu nhiều phẩm vật tiền bạc của dân chúng như vậy nữa?

Satt giật mình run lẩy bẩy, câu nói bất ngờ của tôi đã làm cho hắn thực sự hoảng hốt. Tôi tiếp tục:

- Ta muốn xem xét lại việc xây cất các đền thờ. Ngươi hãy cho gọi ngay đám quan trông coi việc này vào cung cho ta xét xử.

Satt lấy lại bình tĩnh, chăm chú nhìn tôi, hiển nhiên hắn đang tính toán một điều gì đó, và nếu mọi việc không thuận lợi cho đám giáo sĩ, biết đâu hắn sẽ trở mặt. Bỗng nhiên Satt cúi đầu:

- Xin tuân lệnh Pharaoh, tôi sẽ điều tra mọi sự theo ý ngài.

Tôi gật đầu bước ra khỏi đền thờ thần Thái Dương nhưng biết Satt vẫn đang quan sát tôi từ phía sau. Chắc chắn đầu óc mưu mô lanh lợi của hắn đang nảy ra nhiều nghi vấn về thái độ hôm nay của tôi. Tuy nhiên, tôi cũng sắp đặt ngay một kế hoạch đối phó nếu đám giáo sĩ này trở mặt. Khi vào cung, tôi gọi ngay toán thám tử riêng và ra lệnh:

- Các ngươi hãy điều tra ngay xem các giáo sĩ đã thu gom tiền bạc như thế nào và công trình xây cất tốn kém bao nhiêu? Ta muốn xem xét rõ mọi sự chi tiêu ngân quỹ.

Chỉ vài hôm sau, những thám tử này đã mang đến cho tôi một báo cáo đầy đủ. Tôi giật mình khi thấy ngân quỹ triều đình đã phải chi một khoản rất lớn vào việc xây cất lăng tẩm cho tôi và hoàng hậu Nedjem. Nhưng ngân quỹ xây cất đền thờ của các giáo sĩ còn nhiều hơn thế. Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng trăm đền thờ to lớn, nguy nga được xây cất, tu bổ dọc theo bờ sông Nile, trong đó hàng ngàn giáo sĩ và gia đình của họ sống sung sướng với hàng chục ngàn nô lệ được đem tới để hầu hạ. Thảo nào bao nhiêu vàng bạc, châu báu, ngọc ngà thu thập được từ trước đến nay trong ngân quỹ triều đình gần như đã cạn sạch. Bây giờ tôi đã hiểu tại sao một số quan lại trong triều yêu cầu cho tăng thuế gấp đôi và các tướng lĩnh đòi mở rộng bờ cõi, xâm lăng những quốc gia lân cận.

Tôi lập tức cho gọi Satt vào và quăng tấm giấy chỉ thảo[6] ghi rõ những con số thu chi vào mặt hắn. Satt nhìn kỹ, đứng sững người một lúc, rồi thưa:

*[6] Giấy papyrus, giấy cói, làm từ ruột cây papyrus (cói).*

- Tôi sẽ xem lại những việc này, chắc là có sự nhầm lẫn nào đây.

Tôi quát lớn:

- Ta đã xem xét rất kỹ, làm sao có sự nhầm lẫn cho được. Ngươi hãy giải thích việc này cho ta, về việc xây cất quá lớn như thế này. Kẻ nào làm không đúng sẽ bị ném vào hầm sư tử ngay.

Satt run rẩy từ đầu tới chân, lắp bắp nói không ra tiếng:

- Xin Pharaoh cho tôi vài hôm nữa để điều tra mọi việc.

Tôi quát lớn:

- Ngươi phải cho ta biết sự thực, bởi ta cần phải biết rõ mọi việc trước khi ban hành những biện pháp mới.

Sau khi Satt lui ra, tôi gọi ngay một thám tử thân tín vào:

- Ngươi hãy theo dõi Satt cẩn thận, nếu hắn có âm mưu gì thì cho ta biết ngay. Ta không muốn nuôi ong tay áo.

Một buổi chiều nọ, mặt trời vừa lặn nhưng còn một chút ánh sáng loang loáng trên mặt nước sông Nile. Tôi đứng trong vườn thượng uyển nhìn ra dòng sông và cảm thấy trong lòng đột ngột dâng lên một nỗi cô độc khôn tả. Nếu lúc đó có ai hỏi tôi điều gì làm cho người ta sợ nhất thì chắc chắn tôi sẽ trả lời rằng đó là sự cô đơn. Dĩ nhiên không ai có thể hiểu tại sao một Pharaoh sống trong cung vàng điện ngọc, chung quanh đầy những cung nữ xinh đẹp lại có cảm giác cô đơn. Không ai có thể hiểu cô đơn là như thế nào khi họ chưa lên đến tột đỉnh của danh vọng. Những người như tôi không có ai để tâm sự, không có ai để chia sẻ. Ở địa vị tối cao này ai cũng sống trong sợ hãi. Pharaoh nào cũng sợ bị phản bội. Pharaoh nào cũng sợ phải trải lòng với người khác. Pharaoh nào cũng sợ, vì họ có những điều không thể giãi bày. Tất cả những người đã thành công, đã thành danh, đã giàu sang tột đỉnh, đều sống trong lo âu, sợ hãi vì đó là những địa vị uy quyền nhất nhưng cũng cô đơn nhất. Người ta không thể trốn chạy nỗi cô đơn bằng những bữa tiệc tùng thâu đêm suốt sáng. Người ta không thể trốn chạy nỗi cô đơn bằng những cung nữ xinh đẹp. Người ta không thể trốn chạy nỗi cô đơn

bằng công việc triều chính bận rộn. Người ta không thể trốn chạy nỗi cô đơn bằng những trò vui vì ngay giữa đám đông ồn ào náo nhiệt - nỗi cô đơn vẫn theo đuổi họ đến cùng.

Tôi thẫn thờ nhìn đàn chim đang bay ở cuối chân trời, rồi như có một cái gì đó thúc đẩy, tôi khoác vội chiếc áo choàng cũ, kéo chiếc khăn lên che mặt, rồi một mình bước ra khỏi cung điện. Tôi vội vã bước đi theo con đường mà cách đây mấy hôm tôi đã đi qua. Tôi tìm đến nhà của người y sĩ vì ông là người mà tôi có thể nói chuyện tự nhiên, không phải lo sợ gì hết. Dĩ nhiên ông ta không biết tôi là ai. Là một người hay nói, ông dám nói ra những điều mà có lẽ không một ai tại Ai Cập dám thốt lên trước mặt một Pharaoh quyền uy như tôi. Tôi cũng muốn gặp lại người con gái mang nét hiền hậu, dịu dàng rất giống mẹ tôi khi xưa.

Vừa bước vào, tôi thấy người y sĩ già đang cặm cụi bào chế những vị thuốc bằng rễ cây nhưng không thấy Cihone ở đâu hết. Tôi lên tiếng chào:

- Chắc ông còn nhớ, cách đây mấy hôm tôi đến đây và chúng ta đã có cuộc nói chuyện rất thú vị với nhau.

Ông lão ngước mắt nhìn tôi, vầng trán nheo lại - có lẽ không phải để nhớ - mà là ngạc nhiên về sự trở lại của tôi thì hơn:

- Tôi nhớ rồi, hôm đó cậu hỏi tôi về Cihone và chúng ta nói chuyện khá lâu với nhau.

Tôi vui mừng:

- Phải rồi, ông nói rằng Cihone có thể chữa bệnh cho trẻ con bằng tình thương.

Ông lão nhìn kỹ gương mặt tôi, rồi ngập ngừng cảnh giác:

- Hôm đó tôi nói năng lung tung nhiều chuyện, mong cậu đừng để ý đến những chuyện đó nữa.

Tôi bật cười gạt đi:

- Không sao, tôi rất thích câu chuyện ông nói nên muốn nghe ông nói tiếp.

Ông lão lại nhìn tôi, ngập ngừng muốn nói nhưng lại im lặng nên tôi bắt chuyện:

- Là y sĩ, tại sao ông không hành nghề trong khu chợ đông đúc mà lại chọn một nơi vắng vẻ như thế này?

Ông lão nói:

- Thế cậu là ai mà lại muốn biết về những điều này? Muốn hành nghề tại những nơi đó thì phải đóng thuế. Phần lớn bệnh nhân của tôi đều nghèo, không mấy ai có tiền để trả nên tôi cũng không đủ tiền để đóng thuế cho Pharaoh.

Tuy tức giận vì câu nói phạm thượng nhưng tôi kìm lại, không trả lời câu hỏi đầu của ông mà hỏi tiếp:

- Ông nghĩ rằng tiền thuế quá cao hay sao?

Ông lão gật đầu:

- Càng ngày thuế càng cao nên những người như tôi phải dọn đến nơi thật xa, hẻo lánh như thế này. Đa số người dân tại đây đều làm việc trong công trường xây cất lăng tẩm cho Pharaoh và đền thờ cho các giáo sĩ, tiền lương đã ít mà còn bị bóc lột, đánh đập liên tục nữa.

Ông lão chỉ vào nồi thuốc đang sôi trên bếp lò:

- Hôm nay mọi người phải ra sông Nile để di chuyển pho tượng Pharaoh vào lăng tẩm của ngài. Đó là một pho tượng khổng lồ được tạc từ hầm đá cách đây rất xa. Công trình chuyên chở từ đó về đây đã khiến cho bao nhiêu người thiệt mạng và không ít người gãy tay, què chân nên hôm nay tôi phải bào chế những vị thuốc băng bó các vết thương cho họ.

Tôi đứng im không nói gì. Dĩ nhiên tôi biết pho tượng này, đây là một công trình vĩ đại vì nó sẽ đứng sừng sững trước lăng tẩm của tôi. Nó tượng trưng cho tôi, một Pharaoh đã mang lại thịnh vượng cho Ai Cập qua những chiến công hiển hách. Chính tôi đã ra lệnh tạc pho tượng này vì nó sẽ tồn tại mãi với thời gian. Biết bao thế hệ tương lai sẽ biết đến công lao của tôi và tên tuổi của tôi sẽ được ghi khắc vào lịch sử, trên những bức bích họa khắp các đền thờ tại Ai Cập. Ngoài ra, tôi đã chuẩn bị trước cho cái chết của mình nên đã cho xây cất một ngôi mộ vĩ đại nhất cùng với rất nhiều vàng bạc châu báu để tôi tiếp tục có một đời sống tốt đẹp ở thế giới bên kia. Công lao của tôi sẽ được thần Osiris phán xét, mà theo các giáo sĩ, vì đã dâng cúng rất nhiều phẩm vật nên tôi sẽ được hưởng một đời sống tốt đẹp vĩnh hằng ở cõi giới của các thần linh.

Ông lão y sĩ tiếp tục nói:

- Tóm lại, chỉ có Pharaoh và các quan lớn trong triều mới được hưởng mọi sự tốt đẹp sau khi chết, còn những người dân nghèo như chúng tôi chỉ biết nai lưng

phục vụ chứ mong gì có được một cuộc sống tốt hơn, ngay ở kiếp này.

Câu nói của ông lão làm tôi vừa cảm thấy bẽ bàng vừa khó chịu, tự ái vì từ trước đến nay tôi vẫn nghĩ mình làm tốt cho tất cả và chưa hề có ai dám nói những điều trái tai đến thế. Sự độc đoán cố hữu của một Pharaoh lại sắp sửa bùng lên...

Ngay lúc đó, có tiếng bước chân bên ngoài và cô gái Cihone ở đâu bước vào. Tôi ngước mắt và bất ngờ nhìn thấy gương mặt dịu dàng, phúc hậu cùng đôi mắt sáng, thiện cảm của người con gái tôi đã để ý mà đêm hôm trước tôi chưa có dịp nhìn rõ mặt. Tôi như quên ngay cảm giác tự ái vài giây trước và như bị hút vào đôi mắt đó. Tôi bất chợt nở một nụ cười thân thiện với cô - nhưng ngay sau đó, tôi sa sầm mặt lại và nụ cười tắt trên môi khi nhìn thấy một thanh niên vóc dáng vạm vỡ theo chân cô gái bước vào. Sự xuất hiện của chàng trai dường như làm tôi không vui và tự nhiên như trước. Cả hai cũng ngạc nhiên khi thấy người khách lạ là tôi ở trong nhà.

Ông lão giới thiệu:

- Đây là người tối hôm trước đã ghé qua nhà mình.

Cihone mỉm cười cất giọng nhẹ nhàng:

- Phải rồi, cha có kể rằng có một người lạ ghé vào hỏi thăm về con. Người đó là anh đây ạ?

Tự nhiên tôi cảm thấy ngượng nghịu không biết phải xử sự như thế nào vì sự hiện diện của người thanh niên kia, nên nói vắn tắt:

- Tôi nghe cha cô nói cô có thể chữa bệnh mà không cần dùng thuốc men hay các nghi lễ cầu xin gì hết.

Cihone đôn hậu lắc đầu, vẫn giọng nói dịu dàng đó:

- Tôi nào có biết chữa bệnh gì đâu. Tôi chỉ biết bế và yêu thương những đứa bé mà cha tôi nhờ tôi trông nom thôi.

Tôi quan tâm ngay:

- Nhưng hẳn là cô cũng cầu nguyện thần Thái Dương ban phúc lành cho những đứa bé đó chứ?

Cihone trả lời ngạc nhiên:

- Tôi chưa từng hiểu biết gì về việc cầu nguyện.

Người thanh niên đến lúc đó mới xen vào:

- Cầu nguyện là công việc của các giáo sĩ. Là người dân thường, chúng tôi làm gì có thời giờ để làm việc đó.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy anh làm gì mà không có thời giờ?

Người thanh niên đáp:

- Tôi làm việc suốt ngày trong công trường xây cất lăng tẩm cho Pharaoh. Về đến nhà là mệt lử, quá kiệt sức rồi.

Cihone góp thêm lời:

- Việc xây cất lăng tẩm khó nhọc lắm, phải làm từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn. Buổi tối còn phải làm thêm cho công trình xây mộ của các quan lớn nữa.

Ông lão y sĩ xen vào:

- Hai đứa đang muốn kiếm ít vốn để dành, rồi mới kết hôn. Phải có tiền trang trải nợ nần và để mua phẩm vật dâng cúng cho các giáo sĩ mới làm lễ thành hôn được.

Câu nói vô tình của ông lão làm tôi tự nhiên thấy đau nhói trong lồng ngực như bị một ngọn giáo đâm vào. Người thanh niên không để ý đến cảm xúc của tôi, tò mò hỏi:

- Anh ở đâu đến, tôi chưa thấy anh ở xóm này bao giờ cả?

Tôi buộc phải nói dối, lên tiếng:

- Tôi ở trong một đoàn thương buôn mới ghé qua nơi đây.

Người thanh niên ngạc nhiên:

- Các đoàn thương buôn thường làm việc ở ngoài chợ chứ đâu có ai mon men đến cái xóm nghèo như thế này. Chúng tôi đâu có gì để buôn bán hay trao đổi đâu.

Tôi cố gắng giữ bình tĩnh, nhưng cảm thấy khó chịu về thái độ của người thanh niên này:

- Đêm hôm trước tôi đi lạc, vô tình đã ghé qua đây và có dịp nói chuyện khá lâu với ông lão y sĩ.

Cihone quay lại nhìn cha, chợt lộ vẻ lo lắng:

- Cha tôi hay nói lung tung, tôi đã dặn đi dặn lại là không nên nói nhiều vì có thể rước họa vào thân.

Ông lão chậm rãi ôn tồn:

- Ta nói có gì sai đâu mà phải cẩn thận chứ.

Cihone cẩn thận thưa:

- Nhưng cha nên nói ít đi một chút, vì nói hết những điều cha nghĩ không khéo có thể gây hiểu lầm và cả nguy hiểm nữa cha ạ. Ở vương quốc này, không phải ai cũng muốn nhìn, biết rõ sự thật như chúng ta đâu. Nhất là...

Ông lão liền nói to át đi, giọng kiên quyết:

- Ta thực sự không có sợ gì hết! Nếu nói đúng sự thật thì có gì phải sợ nào. Đã sợ thì không nói - Đã nói thì không sợ.

Cihone cầm lấy tay ông khẩn khoản:

- Dân thường mạt hạng như mình thì có muốn cũng đâu thể làm thay đổi được điều gì đâu, nên nói nhiều cũng chỉ vô ích mà thôi cha ạ.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Cô đang muốn nói đến việc thay đổi những điều gì?

Người thanh niên xen vào trả lời thay:

- Cha tôi hay nói về việc xây cất các lăng tẩm, đền thờ to lớn, quá tốn kém mà không mang lại ích lợi gì cho dân cả. Nhưng các giáo sĩ và Pharaoh đã muốn làm thì không ai dám cản cả. Chắc chắn Pharaoh không quan tâm đến người dân mới làm như thế nhiều năm rồi.

Tôi giật mình vì việc chỉ trích chuyện xây cất lăng tẩm, đền thờ là điều rất cấm kỵ, đụng chạm đến uy quyền của Pharaoh. Trong lịch

sử Ai Cập, hầu như mọi Pharaoh đều có những công trình xây cất hết sức vĩ đại, như các kim tự tháp, lăng tẩm và đền thờ các thần linh, vì đó là những gì Pharaoh để lại cho đời sau biết đến công lao tên tuổi của họ.

Ông lão lên tiếng:

- Ai sợ Pharaoh chứ ta không sợ. Pharaoh nào cũng thế, chỉ biết đến quyền lợi của mình, chỉ lo xây dựng mồ mả cho thật to, thật tốn kém để đảm bảo một đời sống tốt đẹp ở thế giới bên kia chứ có nghĩ gì đến nỗi bất hạnh của người dân phải còng lưng xây cất đâu. Pharaoh hiện giờ còn tệ hơn nữa, không những lo xây cất mồ mả vĩ đại cho mình mà còn bắt phải xây thật nhiều đền thờ Thái Dương cho bọn giáo sĩ và quyến thuộc của chúng hưởng thụ nữa.

Cihone vội vã lấy tay bịt mồm ông lão lại:

- Cha cẩn thận! Đừng nói nữa cha ơi...

Ông lão thủng thẳng nói chậm, rõ từng lời:

- Việc gì mà phải sợ thế, làm người phải biết can đảm nói lên sự thật chứ. Thế chẳng lẽ con định cho cha đến lúc chết mới được nói lên sự thật à?

Chàng trai có vẻ xúc động thật sự sau câu nói của ông lão:

- Thôi, cha đã muốn nói thì cứ nói. Con ủng hộ cha can đảm nói lên sự thật! Nếu không biết đợi đến khi nào nữa? Cha đã già rồi, không cần quá sợ hãi như trước nữa!

Cihone nhìn chàng trai rồi quay lại nhìn cha, nhỏ nhẹ:

- Giờ cha không nên nói gì nữa. Hôm nay có người lạ ở đây.

Câu nói của Cihone khiến mọi người đều giật mình quay về thực tại, im lặng quay qua nhìn tôi như dò xét.

Hai chữ “can đảm” có một mãnh lực kỳ lạ khiến tôi nhớ lại một kỷ niệm thời thơ ấu. Khi tôi và mẹ tôi sống trong cung điện, tôi thích trèo lên một bức tường thấp, rồi nhảy xuống lòng mẹ để bà ôm lấy tôi. Hôm đó, mẹ tôi khoanh tay lại bảo: “Con hãy nhảy xuống một mình đi, con lớn rồi“. Tôi lo sợ: “Bức tường cao quá mẹ ơi“. Mẹ tôi mỉm cười: “Này Akhon, con hãy nhìn xem, bức tường này chỉ cao hơn con một chút thôi, con có thể nhảy xuống nhưng hãy khôn khéo nhảy bằng hai chân - đừng nhảy bằng cặp mắt”. Ý bà muốn nói là khi nhìn bằng mắt, người ta dễ sợ hãi và không dám nhảy. Mẹ tôi nói thêm: “Con đã lớn rồi, phải biết tự chủ và vượt qua những khó khăn. Con phải can đảm lên! Đừng có quá sợ hãi khi cần can đảm”.

Tự nhiên trong tôi trào lên một cảm xúc. Tôi nhìn mọi người, rồi lên tiếng trấn an:

- Mọi người yên tâm, tôi hiểu chuyện và sẽ giữ im lặng không nói cho ai biết đâu. Mà ông đang nói đúng mà.

Tuy nhiên, tất cả vẫn nhìn tôi với thái độ lo ngại, không ai nói thêm gì nữa. Bầu không khí nặng nề bao trùm lên căn nhà khiến tôi hiểu cuộc gặp gỡ đến lúc phải kết thúc, dù tôi muốn nói chuyện tiếp với Cihone vẫn phải từ biệt quay về.

Tôi trở về cung điện trong trạng thái khó chịu, bực bội. Không hiểu sao những câu nói vô tình nhưng thành thật của những người dân này lại có một sức mạnh đánh thẳng vào đầu óc kiêu căng ngạo mạn của tôi, làm xáo động trái tim tôi.

Tôi nhớ đến giọng nói cùng cách ứng xử dịu dàng của người con gái thuần hậu kia và tự nhiên cảm thấy trong lòng thật sự cay đắng. Vì sao một vị Pharaoh oai hùng, quyền uy lại có cái cảm giác hụt hẫng, xấu hổ trước một người con gái xuất thân quá đỗi bình thường như thế được? Làm sao một Pharaoh cao quý sống giữa đám cung nữ xinh đẹp lại có cảm giác chạnh lòng khi chứng kiến sự yêu thương, đồng điệu giữa khó nghèo của người con gái trẻ chân quê kia với một gã trai làng như thế? Phải chăng chính sự thu xếp của thần linh đã để cho người con gái đó phải thuộc về người khác chăng? Dĩ nhiên tôi chỉ cần vung tay ra là sẽ đạt được điều tôi muốn ngay -

nhưng không hiểu sao tôi biết mình không thể làm như thế với người con gái này được. Chưa bao giờ tôi thấy mình lại bất lực đến thế. Ai đã đặt tôi vào hoàn cảnh trớ trêu lạ lùng như bây giờ? Ai có thể trả lời những điều tôi đang muốn hỏi? Nếu mọi việc đều là ý muốn của thần linh thì tại sao họ lại ác thế? Từ ngày lên ngôi Pharaoh, tôi đã dâng cúng rất nhiều phẩm vật cho thần linh thì tại sao họ lại đặt tôi vào tình cảnh trớ trêu này? Phải chăng đó là sự thử thách về đức tin của tôi đối với chư thần hay là một cái gì đó khác nữa chăng? Những câu hỏi này đã xâm chiếm dọc ngang tâm trí tôi suốt đêm hôm đó, nó giống như một mũi tên sắc nhọn đâm vào tim, giày vò, nhức nhối, đau đớn chưa từng có.

Sáng hôm sau, tôi thấy trong người rất khó chịu, bực bội nên ra lệnh cho kẻ tùy tùng thắng ngựa cho tôi đi ra ngoài cung. Tôi không muốn quân sĩ đi theo nên ra lệnh cho họ quay trở lại, rồi một mình một ngựa tiến thẳng ra sa mạc. Mặt trời bắt đầu lên cao, ánh nắng tỏa lan trên những cồn cát trập trùng trải dài trong sa mạc khiến tôi cảm thấy như có một sức sống kỳ diệu đang bao trùm lên vạn vật.

Tôi tự hỏi: “Hiện nay thần Thái Dương Amun Ra đang ở đâu?”. Đã từ lâu, tôi vẫn thầm gọi tên Ngài trong các nghi lễ tổ chức trong đền thờ khi dâng cúng phẩm vật nhưng không hề cảm nhận được sự hiện diện của Ngài. Hiện tôi đang đứng một mình giữa sa mạc mênh mông, không có những giáo sĩ hay những nghi thức, mà chỉ có những cồn cát vắng lặng, trơ trụi, nhưng tôi lại thấy mình nghĩ đến Ngài một cách thiết tha hơn bao giờ hết. Tôi ước ao được nhìn thấy Ngài, được nói chuyện với Ngài một cách thân mật để mong Ngài trả lời những thắc mắc của tôi. Nhưng vô ích, từ trước đến nay Ngài chỉ là một pho tượng vô tri trong đền thờ Thái Dương mà thôi.

Tôi dừng ngựa, lặng lẽ nhìn ngắm những vệt sáng chạy dài ở cuối chân trời và hốt nhiên cảm nhận được một cái gì đó dịu dàng, mềm mại như bàn tay của đấng Thái Dương đang dang rộng ra để đón tiếp tôi. Như có gì đó thúc đẩy, tôi quỳ xuống, dâng lên Ngài một lời cầu nguyện thiết tha, lời cầu nguyện của một tín đồ trung thành chứ không phải của một Pharaoh oai phong lẫm liệt. Tự nhiên tôi thấy mình chìm ngập trong một bầu ánh sáng bao la vô tận. Tôi cảm

nhận được có điều gì đó lạ lùng đang chuyển hóa trong tâm mình. Hình như đấng Thái Dương đang trêu chọc tôi, đang đùa giỡn với tôi chăng? Tôi đã muốn tìm Ngài từ lâu rồi nhưng không được vì lúc nào Ngài cũng lẩn tránh tôi. Tuy nhiên, có lẽ Ngài nghe được lời cầu nguyện của tôi nên đã dừng lại như chờ đợi. Tôi thu hết can đảm để ôm lấy Ngài, nhưng một lần nữa tôi lại thấy mình không nắm được bàn tay Ngài và cũng không thấy được khuôn mặt Ngài.

Tôi đứng im trong thất vọng và bất chợt thét lớn, thật lâu:

- Thần Thái Dương! Ngài đang ở đâu?

Tiếng hét của tôi lạc lõng dội vào giữa sa mạc mênh mông rồi tắt lịm, chỉ có những cồn cát trập trùng đứng ngây ra như thách đố. Nhưng ngay trong lúc đó, hốt nhiên tôi nhận thức được một tiếng nói vô thanh ở ngay sát bên tai: “Ta đây!”.

Tâm hồn tôi bỗng nhiên như được mở rộng, nỗi thất vọng tự động tan biến, và tôi cảm nhận rõ một cảnh tượng lạ lùng đang xuất hiện. Một cảnh tượng huy hoàng sáng chói hiện ra trước mặt tôi, và tự nhiên tôi ý thức được rằng mình không thể tìm thấy Ngài ở bên ngoài mà phải tìm ở bên trong. Vừa nghĩ như thế thì như thể có một bàn tay vô hình gỡ đi tấm vải từ lâu vẫn che mắt tôi. Bấy lâu nay tôi vẫn tìm kiếm đấng Thái Dương qua các nghi lễ trong đền thờ. Tôi đã tìm kiếm Ngài qua những nghi thức dâng cúng phẩm vật, nhưng lúc nào Ngài cũng lẩn tránh tôi. Bây giờ, giữa sa mạc mênh mông này, Ngài lại hiện diện bên cạnh tôi và thì thầm rõ trong tai tôi:

“Tại sao trước giờ ngươi lại mải miết đi tìm kiếm Ta ở bên ngoài? Hãy quay vào bên trong nội tâm, ngươi sẽ gặp Ta!”.

Tôi lặng người trong giây phút cảnh giới xuất thần lạ lùng đó và tự nhiên hiểu rằng từ trước đến nay tôi đã đi tìm ở bên ngoài nên không có được kết quả, câu trả lời chỉ đến từ bên trong và nếu biết quay vào bên trong thế giới nội tâm của mình - mọi câu hỏi dường như sẽ được giải đáp. Con người luôn thường có thói quen thích lệ thuộc, muốn đi tìm sự trợ giúp từ bên ngoài nhưng đôi lúc chính bản

thân họ đã có đủ sức mạnh cùng lý lẽ trực giác giải quyết được vấn đề rồi.

Tôi ngây ngất trong cơn thần ảo kỳ diệu này, thời gian như lắng đọng, rồi đầu óc của tôi xoay chuyển với muôn vàn tư tưởng cần được giải đáp. Tôi nghĩ đến các giáo sĩ đã ủng hộ tôi lên ngôi vị Pharaoh, họ làm thế chỉ vì quyền lợi của họ. Việc xây cất các đền thờ, tổ chức các nghi lễ dâng cúng phẩm vật chỉ là một hình thức trục lợi của phe nhóm này. Đây là một điều sai lầm vì thật ra đấng Thái Dương đâu hề ngự trị trong những đền thờ to lớn đang được xây cất kia mà Ngài luôn an ngự ở trong tâm trí tôi và trong lòng tất cả mọi người. Câu hỏi từ lâu không được giải đáp bỗng được trả lời một cách tự nhiên. Tôi cảm nhận được một niềm an lạc sâu sắc trỗi dậy bên trong mình. Hơi thở của tôi dần dần trở nên nhẹ nhàng, thoát ra khỏi buồng phổi như một cơn gió mát. Tâm hồn tôi không còn xáo trộn như trước mà trở nên an tĩnh vô cùng. Tôi không còn ý thức gì về thân xác của mình nữa, đầu óc của tôi trở nên sáng suốt lạ thường. Cái bản ngã kiêu căng hung bạo của tôi tự nhiên tan biến vào sa mạc mênh mông. Tầm mắt của tôi được mở rộng ra, tôi nhìn thấy ánh sáng của vầng thái dương lan đến đâu là sự sống bừng lên đến đó. Tôi nhìn thấy những rễ cây chà là đang mọc dưới lớp cát trong những ốc đảo giữa sa mạc. Tầm mắt vươn ra xa, tôi nhìn thấy những đoàn thương buôn cưỡi lạc đà đang cắm cúi trên những con đường dẫn đến kinh đô Thebes. Trong tầm mắt của tôi, vạn vật đều trở nên sống động hơn bao giờ hết. Ngay cả thân thể tôi cũng tan hòa vào luồng ánh sáng bao la vô tận này. Tôi ngây ngất trong cảm giác thần ảo này và chợt hiểu rằng đấng Thái Dương chính là nguồn an lạc vô biên, toàn thân Ngài được dệt bằng muôn vàn tia sáng. Toàn thể vũ trụ hiện ra trong luồng ánh sáng này với muôn vàn tinh tú chói sáng khắp nơi. Tại sao Ngài lại làm vậy? Câu trả lời đến ngay với tôi: “Ta chính là tình thương”. Ngay lúc đó, tôi ý thức rằng chính tình thương đã đem lại sức mạnh cho Cihone để giúp đỡ những đứa trẻ mắc bệnh. Tôi nghĩ đến câu nói của ông lão y sĩ về những đứa trẻ thiếu tình thương. Tôi hiểu rằng tôi cũng là nạn nhân của việc này vì tôi đã mất mẹ từ nhỏ và tại sao tôi trở thành một con người hung bạo hơn những Pharaoh trước đó. Tôi không biết mình

đã đắm chìm trong trạng thái này bao lâu, nhưng tôi đã nhận được câu trả lời mà tôi vẫn thắc mắc từ bấy lâu nay.

***

Tôi giật mình tỉnh dậy và thấy mình đang ngồi trong phòng làm việc ở New York. Cái cảm giác an lạc lạ lùng ngoài sa mạc vẫn còn để lại những rung động tuyệt vời trong tâm trí tôi. Tôi tự hỏi phải chăng tôi vừa trải qua một trải nghiệm về đời sống ở kiếp trước thật hay đó chỉ là một giấc mơ? Nhưng một giấc mơ không thể rõ rệt đến từng chi tiết và có những dư âm sâu đậm đến thế được. Thường qua một giấc mơ người ta sẽ quên ngay, nhưng những trải nghiệm cùng cảm xúc này lại theo tôi mãi sau này. Nhưng khi tôi giơ tay nhìn vào chiếc nhẫn hình con bọ hung đeo trên ngón tay và cố tập trung tư tưởng vào đó nhưng lại không cảm nhận được gì hết. Tại sao khi trước chỉ nhìn vào đó thôi mà tôi có thể nhớ và sống lại tiền kiếp, còn hiện giờ lại không thể làm như thế được?

Suốt ngày hôm đó, đầu óc tôi hoàn toàn bị chi phối bởi những sự kiện diễn ra trong tiềm thức kiếp sống ở Ai Cập. Nếu tôi có khả năng nhớ lại tiền kiếp thì việc gì đã xảy ra sau đó tôi cũng phải biết chứ? Tôi có được gặp lại Cihone, người con gái dịu dàng kia nữa không? Chuyện gì đã xảy ra cho triều đại Ai Cập sau đó?

Ngày hôm sau, tôi tiếp tục nhìn vào chiếc nhẫn với hy vọng nó có thể đưa tôi trở lại tiền kiếp nhưng việc này vẫn không xảy ra như mong muốn. Sau nhiều lần cố gắng vô ích, tôi nghĩ đến ông Kris. Nếu ông này có thể giúp tôi nhớ lại tiền kiếp tại Atlantis thì biết đâu ông cũng có thể giúp tôi trở lại tiền kiếp tại Ai Cập?

Trong buổi nói chuyện về kiếp sống tại Ai Cập, Thomas cho biết mặc dù trong giờ phút cuối tại Atlantis, ông bắt đầu ý thức được cảm giác hối hận và tình thương nhưng chưa được rõ ràng. Nó chỉ là một hạt giống được gieo vào tiềm thức của ông. Trong kiếp này, qua việc tiếp xúc với Cihone, ông đã học thêm được rằng tình thương là cái mà ta cho đi vô điều kiện, do đó ông bắt đầu chuyển hóa. Từ sự hiểu biết này, ông mới ý thức rõ hơn về đấng Thái Dương và trải nghiệm được điều thần ảo ngoài sa mạc. Từ đó, ông hiểu rõ về sự

sa đọa của nền tôn giáo cổ đang bị lũng đoạn bởi các phe nhóm giáo sĩ thành Thebes mà không hề quan tâm đến cuộc sống của người dân nghèo.

# *Phần năm*
# PHARAOH QUYỀN LỰC VÀ YÊU THƯƠNG

---

Chiều hôm đó, tôi lái phi cơ bay thẳng đến Colorado. Tôi vừa dừng xe trước nhà ông Kris thì đã thấy ông này mở cửa bước ra. Sau vài câu chào hỏi xã giao, tôi kể vắn tắt cho ông Kris nghe về trải nghiệm vừa qua, rồi hỏi:

- Khi trước ông có nói rằng ông sẽ giúp tôi nhớ lại tiền kiếp, thế thì việc này ra sao?

Ông Kris không trả lời ngay mà thong thả mời tôi vào nhà, lấy một đĩa trái cây tươi mời tôi ăn. Bất chấp cử chỉ bồn chồn, nóng nảy của tôi, ông Kris vẫn thản nhiên:

- Tôi có thể giúp vì ông đã dặn tôi từ trước. Thật ra ông phải tự mình phát triển cái khả năng mà ông đã quên trong kiếp này.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng tôi phải làm thế nào?

Ông Kris thong thả trả lời:

- Khi xưa ông đã có khả năng này trong lúc đầu óc an tĩnh khi thiền định. Hiện nay ông đã để cho lòng ham muốn sai khiến, với tâm trí xáo động như thế thì làm sao ông có thể khôi phục khả năng này được?

Chúng tôi yên lặng nhìn nhau trong mấy phút, câu nói của ông Kris quả có một tác động khiến tôi cảm thấy yên lòng. Tôi thốt lên:

- Quả thật tình cờ khi chúng ta gặp lại nhau trong kiếp này.

Ông Kris mỉm cười:

- Như vậy hẳn ông đã đồng ý rằng chúng ta đã trải qua nhiều kiếp sống từ trước? Phải chăng ông đã tin rằng có luật Luân hồi?

Tôi bối rối cười, không nói gì cả. Ông Kris lại tiếp tục:

- Ông bạn ơi, đây không phải sự tình cờ đâu mà đã có sự sắp đặt từ trước. Do sự chi phối của những động lực trong vũ trụ qua luật Luân hồi và Nhân quả mà người này gặp gỡ người kia. Có khi là nợ, có khi là duyên, có khi gặp nhau để trả nợ, có khi gặp nhau để nối lại duyên xưa. Biết bao việc xảy ra trong đời tưởng như ngẫu nhiên nhưng thật ra đã được xếp đặt từ trước do nhân duyên để đem lại kết quả nào đó.

Nghe ông Kris nói, lòng tôi xúc động lạ thường, cho đến lúc này tôi không còn nghi ngờ gì nữa mà hoàn toàn tin tưởng rằng có quy luật Luân hồi và Nhân quả.

Ông Kris chăm chú nhìn tôi một cách tinh quái rồi lên tiếng:

- Hình như ông đang thắc mắc về một người con gái và không biết mối tình này sẽ kết thúc như thế nào phải không?

Tôi giật mình, tự hỏi làm sao ông ấy lại biết việc đó. Như đọc được tư tưởng của tôi, ông Kris mỉm cười:

- Tôi có thể biết ông đang nghĩ gì.

Tôi cố tình nói lảng đi:

- Thật ra tôi đang thắc mắc về tôn giáo thờ thần Thái Dương Amun Ra vì tôi vừa có một trải nghiệm lạ lùng khi hồi tưởng về tiền kiếp tại Ai Cập.

Ông Kris giải thích:

- Thần Thái Dương Ra chỉ là một quan niệm cổ xưa đề cập đến sự sáng tạo vũ trụ. Nó bắt nguồn từ nền tôn giáo cổ tại Atlantis, rồi truyền qua Ai Cập do những người tránh nạn đại hồng thủy đến định cư nơi đây. Lúc đầu nó bao gồm rất nhiều lĩnh vực như thiên văn, y học, toán học, kiến trúc, âm nhạc v.v… nhưng theo thời gian, một số lĩnh vực khoa học bị thất truyền. Người Ai Cập chỉ biết đến thần Thái Dương Ra như là đấng sáng tạo, cũng như ngày nay chúng ta sử dụng từ "Thượng Đế" mà thôi. Tôn giáo Ai Cập lúc đó thờ rất nhiều thần linh như thần sông, thần núi, thần đất, thần sa mạc và các vị thần bản địa. Các giáo sĩ ở thành Thebes thờ Amun, một vị thần bản địa, nhưng khi ảnh hưởng của phe nhóm này mạnh lên, được các Pharaoh nể phục, họ thay đổi tên vị thần này thành Amun Ra, đề cao vị này lên thành một thần linh tối cao để mọi người Ai Cập phải tôn thờ, nhờ thế họ bành trướng thế lực của giới giáo sĩ. Từ đó, xứ này mất đi những tinh hoa của thời đại trước mà đi vào con đường tôn giáo sùng tín, rồi dần dần trở nên mê tín chứ không còn là một nền khoa học như trước.

Ông Kris tiếp tục giải thích:

- Vào thời cổ đại, Ai Cập là một vùng đất trù phú chạy dọc theo sông Nile với những cánh đồng mênh mông, ao hồ đầy tôm cá, người dân xứ này sống hiền hòa và chịu ảnh hưởng của tôn giáo thờ thần Thái Dương, bắt nguồn từ châu Atlantis. Các vua chúa Ai Cập thời cổ đại đều xuất thân từ Atlantis nên có kiến thức về các động lực thiên nhiên ẩn tàng trong vũ trụ và biết cách kiểm soát các năng lượng xuất phát từ các tinh tú để đón nhận những vũ trụ tuyến cho các nghi thức đặc biệt. Do đó, nếu nghiên cứu kỹ, người ta sẽ thấy kim tự tháp được xây cất theo đúng vị trí nhất định để đón nhận năng lượng vũ trụ tuyến chứ không phải là lăng mộ vua chúa như các nhà khảo cổ thường nói đâu.

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng tôi nghe nói đó là nơi an táng thi hài các Pharaoh thời cổ xưa.

Ông Kris lắc đầu:

- Đó là một sự hiểu lầm tai hại. Vì hiện nay không ai biết rõ kim tự tháp được xây cất cho mục đích gì nên tất cả đều chỉ là giả thuyết mà thôi. Khi một nhà khảo cổ suy đoán rằng đó là mồ mả của Pharaoh, và rồi những nhà khảo cổ khác cũng nói theo, thì dư luận cũng đồng ý như vậy mà không đòi hỏi thêm bất kỳ bằng chứng gì nữa.

Ông Kris giải thích:

- Nếu quan sát kỹ, người ta có thể thấy có sự khác biệt giữa lăng mộ các vua chúa trong thung lũng mộ vua và các kim tự tháp. Các lăng mộ bao giờ cũng có các hình vẽ, điêu khắc trên vách đá để ghi nhớ, ca ngợi công lao của các vị vua đó, cùng các bùa chú, nghi thức tôn giáo, các hình ảnh người chết được phán xét bởi thần Osiris ở cõi âm v.v… Ngoài ra, các quan tài còn có nhiều lớp ván quách chồng lên nhau và rất nhiều đồ đạc, của cải, vàng bạc châu báu chôn theo. Hàng trăm ngôi mộ tại thung lũng mộ vua đều được thiết trí giống nhau như thế. Trong khi đó, tất cả vách đá trong kim tự tháp hoàn toàn trống trơn, tuyệt nhiên không có một hình vẽ hay dấu hiệu gì cả. Đã có ai hỏi tại sao lại có sự khác biệt như thế chưa?

Tôn giáo Ai Cập chủ trương trong lăng mộ phải ghi rõ các biểu tượng với bùa phép, thần chú, và cuốn Tử Thư[7] để đưa hồn người chết về cõi giới bên kia thì tại sao trong các kim tự tháp lại không hề có hình ảnh hay bất kỳ chữ viết nào? Tại sao người ta đã bỏ công ra xây dựng một công trình to lớn, vĩ đại mà bên trong lại trống trơn, chẳng có gì hết, không một hình ảnh, không một dấu tích, không một chữ viết? Như vậy nó đã được xây lên vì mục đích gì khác chứ không thể là lăng mộ được.

*[7] Tử thư Ai Cập là những văn bản dùng trong tang lễ đã được sử dụng trong gần 1.500 năm. Chúng bao gồm những lời kinh, thần chú và hình vẽ được chép trên một cuộn giấy cói tùy táng trong lăng mộ của người đã khuất. Người ta tin rằng những lời kinh chú này ban cho linh hồn người chết tri thức và sức mạnh cần thiết, dẫn lối họ an*

*toàn qua cõi âm bất trắc để đi đến được kiếp sau. Mỗi cuốn Tử thư được chia ra nhiều chương, nội dung được lựa chọn và kết hợp lại từ 192 bài kinh để mô tả cuộc đời của người chết. Do vậy, mỗi cuốn Tử thư là độc bản, không có hai cuốn Tử thư nào hoàn toàn giống nhau. Ban đầu, Tử thư chỉ dùng cho tầng lớp thượng lưu. Đến thời kỳ Tân Vương quốc (1570-1069 TCN), Tử thư phổ biến hơn trong xã hội.*

Hiện nay, các nhà khảo cổ cho rằng kim tự tháp vĩ đại được xây tại vùng Giza là mồ mả của các Pharaoh mang tên Khufu, Khafre và Menkaure, nhưng có ai từng tìm thấy xác ướp của những ông vua này ở đó đâu? Lịch sử Ai Cập cũng không ghi chép gì về triều đại của những ông vua này mặc dù từ ngàn xưa người Ai Cập đã biết chép sử, ghi nhận chiến công của vua chúa trong các đền thờ hay lăng tẩm. Nếu những ông vua này đã cho xây những công trình vĩ đại như thế thì hẳn họ phải là những vị vua đặc biệt, nhưng tại sao không một sách vở, tài liệu hay văn tự nào nói đến họ mà chỉ có vài giai thoại rời rạc? Đã ai biết đặt câu hỏi tại sao lại như thế không?

Phần lớn các tài liệu cổ về Ai Cập đều ghi rõ các công trình kiến trúc ở thung lũng mộ vua, trong đó có cả tên của những kiến trúc sư, giáo sĩ phụ trách công việc đó mà không tìm thấy một tài liệu nào đề cập đến quá trình xây dựng những kim tự tháp hay nó đã được hoàn thành như thế nào? Tại sao lại có sự thiếu sót như thế chứ?

Kim tự tháp vùng Giza được xây bằng những tảng đá khổng lồ, chồng khít lên nhau một cách tuyệt hảo, không sai lệch một li. Mỗi tảng đá nặng cả trăm tấn, thì làm sao người ta có thể khuân hàng ngàn tảng đá vĩ đại như vậy chồng lên cao thế được? Dù có hàng trăm ngàn nô lệ kéo những tảng đá này lên cũng không thể nào làm được như thế chỉ với sức người. Ngày nay, với máy móc hiện đại nhất, con người cũng không làm nổi việc đó huống chi là mấy ngàn năm trước? Vậy thì ai đã xây cất những kim tự tháp này và sử dụng những kỹ thuật gì?

Những tảng đá xây kim tự tháp được đục tách ra từ những rặng núi cách xa đó hàng trăm dặm, làm sao người ta có thể vận chuyển hàng ngàn tảng đá khổng lồ này đến giữa sa mạc vùng Giza trong khi người Ai Cập vào thời đại đó chưa biết sử dụng bánh xe lăn hay

cần trục? Phải chăng người xưa đã sử dụng kỹ thuật nào đó thuộc một nền văn minh khác mà ngày nay không ai còn biết đến?

Ông Kris ngừng lại nhìn tôi, mỉm cười nói thêm:

- Hiện nay, trong các khu rừng rậm tại châu Phi và Nam Mỹ, còn có vô số kim tự tháp, tương tự như ở Ai Cập, mới được khám phá. Các bộ lạc sống ở vùng đó đều nói đó là đền thờ của tổ tiên họ, nơi thực hành các nghi thức tôn giáo chứ có ai nói đó là mồ mả chôn cất vua chúa đâu. Tại sao các nhà khảo cổ tin rằng kim tự tháp Ai Cập là lăng tẩm của vua chúa trong khi kim tự tháp Nam Mỹ chỉ là nơi chốn thờ phụng? Đã có ai biết hỏi tại sao lại có sự khác biệt như thế không?

Ông hãy nghĩ xem, những bộ lạc bán khai, sống trong những túp lều cất bằng cây lá, không hề biết gì về kiến trúc hay toán học, thì làm sao tổ tiên của họ lại có thể xây cất những kim tự tháp bằng những tảng đá khổng lồ như thế? Trừ phi là những kiến thức này xuất phát từ một nền văn minh từng hưng thịnh hay một chủng người nào đó mà nay đã biến mất trên bề mặt địa cầu.

Như ông đã biết, để tránh nạn đại hồng thủy, người Atlantis đã đóng thuyền đi định cư khắp thế giới và mang nền tôn giáo của họ theo. Nếu để ý thì ông sẽ thấy tất cả nơi nào có kim tự tháp đều tôn thờ thần Thái Dương, hay biểu tượng mặt trời. Tại sao ở những nơi xa xôi vạn dặm mà người dân nơi đó không thờ thần linh nào khác mà đều tôn thờ thần Mặt trời nếu nó không xuất phát từ một nguồn gốc chung?

Nghe ông Kris trình bày kỹ như thế, tôi mới nhận thấy quả là có những khác biệt rõ ràng trong các giả thuyết của các nhà khảo cổ mà ngày nay đa số mọi người đều tin chứ không kiểm chứng xem các giả thuyết đó đúng hay sai. Có lẽ chỉ khi nào người ta có thể đi ngược dòng thời gian, trở lại quá khứ, thì mới có thể hiểu rõ ý nghĩa tồn tại của các kim tự tháp này.

Tôi thắc mắc:

- Khi trước tôi nhớ lại kiếp sống tại Atlantis, còn bây giờ lại trải nghiệm một kiếp sống khác nữa ở Ai Cập. Thời gian ở Atlantis xảy ra khoảng hơn mười hai ngàn năm trước Công nguyên, rồi đến Ai Cập khoảng ba ngàn năm trước Công nguyên, vậy thì chuyện gì xảy ra giữa hai kiếp sống đó? Liệu tôi còn sống ở những đâu nữa không?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi, rồi nghiêm nghị hỏi:

- Ông có thực sự muốn biết chuyện đó không? Liệu ông có can đảm chấp nhận sự thật không?

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao lại không? Nếu con người chết đi rồi tái sinh vào một kiếp sống khác thì thời gian ở giữa hai kiếp sống kéo dài bao lâu?

Ông Kris ngần ngại nhìn tôi, rồi giải thích:

- Này ông bạn, khi trước chúng ta đã nói về luật Luân hồi. Con người sinh ra rồi chết đi, chết rồi tái sinh trở lại, quanh quẩn mãi trong vòng Luân hồi - nhưng không phải ai cũng tái sinh trở lại thành người đâu. Tùy theo những nguyên nhân phức tạp mà có khi tái sinh thành loài vật, loài ma quỷ, hay các sinh vật khác nữa. Ông nên biết cõi giới chúng ta đang sống không phải là cõi giới duy nhất, còn có những cõi giới của các sinh vật khác mà chúng ta không nhìn thấy đó thôi. Ta có thể gọi đó là những chiều không gian khác nhau hay thế giới vô hình cũng được vì các giác quan hiện nay của chúng ta không thể cảm nhận được hết tất cả những thế giới này. Tuy nhiên, không nhìn thấy được không có nghĩa là chúng không đang tồn tại cùng với chúng ta.

Khi trước tôi đã nói về sự thay đổi hay tiến hóa từ loài kim thạch qua loài thảo mộc, rồi đến sinh vật cấp thấp (như côn trùng). Các loài này có một kho kinh nghiệm chung nên hành động y hệt như nhau. Cái kho này tích lũy những kinh nghiệm học hỏi được cho loài côn trùng, rồi sau đó chúng chuyển kiếp tiến hóa lên thành những loài vật như chim chóc, rồi tiến lên loài bò sát, rồi loài dã thú v.v… Sau

đó, kinh nghiệm này được cá nhân hóa thành những sinh vật thông minh như gia súc hay trâu bò, chó mèo v.v… Sự hiểu biết đã được cá nhân hóa này giúp sinh vật tiếp tục tiến hóa và chuyển kiếp thành loài người với bộ óc thông minh biết suy nghĩ và phân biệt. Sự thay đổi từ loài vật cấp thấp lên đến loài người được khoa học ngày nay gọi là luật Tiến hóa.

Ông Kris nhìn tôi như để chắc rằng tôi hiểu rõ những điều ông nói, rồi tiếp tục:

- Tuy nhiên, có tiến hóa thì cũng phải có thoái hóa, nghĩa là thay đổi từ loài thông minh thành những loài cấp thấp. Một sự thông minh lớn có thể biến thành nhiều sự thông minh nhỏ. Do đó, khi một người thoái hóa thành loài thú, sự hiểu biết cũng đi theo những sự hóa kiếp đó, chẳng phải trở thành một con thú duy nhất mà thường trở thành nhiều con thú. Nếu không như thế thì chẳng lẽ một con thú cũng thông minh như người hay sao?

Hãy lấy thí dụ về một người chuyển kiếp thành mười con chó, mỗi con chỉ có một phần mười sự thông minh của người đó thôi vì sự thông minh đã bị phân tán ra thành mười phần. Trong quá trình chia cắt này, sự hiểu biết phải kém đi, do đó những con chó này không thể thông minh như người được.

Trải qua hàng triệu năm, phát triển từ loài cấp thấp lên đến loài người, sinh vật phải trải qua biết bao nhiêu kiếp, học biết bao nhiêu thứ, thanh lọc biết bao nhiêu điều mới chuyển kiếp được thành người. Con người với đầu óc thông minh, biết phân biệt điều hay lẽ phải, phải tiếp tục học hỏi để tiến lên những vị trí cao hơn, để trở thành các bậc tiên thánh. Điều đáng tiếc là thay vì học hỏi để hiểu biết nhiều hơn, họ lại hành động thiếu hiểu biết nên phải chuyển kiếp trở lại để học thêm những bài học mà họ còn thiếu sót.

Ông Kris ngừng lại như để cho tôi suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Luân hồi có thể tạm coi như là một trường học lớn, trong đó mọi sinh vật đều phải học cho đến khi tiến đến sự hiểu biết toàn vẹn. Sự tiến hóa hay thoái hóa là yếu tố quan trọng để chắc rằng sinh vật ấy

đã tiếp thu được bài học. Nếu chưa học được thông suốt thì phải học lại, và đó là nguyên tắc của luật Nhân quả. Gieo nhân nào thì gặt quả đó. Bất cứ một hành động nào xảy ra đều có kết quả phản hồi lại, có khi xảy ra ngay lập tức, có khi xảy ra sau đó, trong kiếp sống khác.

Người thông minh sẽ nhanh chóng học được từ những sai lầm của mình, rồi tự thay đổi để không tái phạm nữa. Những người không biết học từ sai lầm sẽ phải học đi học lại mãi, trải qua nhiều kiếp sống, cho đến khi học được bài học mà họ phải học. Người thiếu hiểu biết sẽ sống bằng bản năng thay vì sử dụng bộ óc thông minh, họ thường chuyển kiếp trở lại thành những loài thú. Vì đầu óc của họ chưa phát triển đầy đủ, chưa học được bài học rõ ràng, nên phải tiếp tục học hỏi trong nhiều kiếp làm các loài vật khác nhau trước khi trở lại làm người.

Tuy nhiên, khi một người chuyển kiếp thành nhiều con thú, sự thông minh bị phân chia ra thành mười, thành trăm, thành ngàn, hay thành triệu phần thì sự hiểu biết cũng theo đó mà giảm đi, nên họ phải trải qua biết bao nhiêu kiếp sống để học thì mới có thể chuyển kiếp trở lại thành người được. Sự hiểu biết từ kinh nghiệm học hỏi khi xưa càng giảm đi chừng nào thì sinh vật càng ngu dốt thêm chừng nấy, trăm ngàn vạn kiếp sống vất vưởng, nay làm con vật này, mai làm con vật khác, cứ thế trôi nổi trong kiếp súc sinh, không dễ gì quay lại đầu thai vào thân xác con người. Vì sự hiểu biết đã bị phân tách ra thành hàng trăm, hàng ngàn mảnh thì đâu dễ gì hợp lại được nữa?

Thí dụ như những người tham lam thường chuyển kiếp trở thành loài giòi bọ, ăn hút ở những chỗ dơ bẩn, thì sự hiểu biết đã bị chia ra cho hàng triệu con giòi con bọ ấy, thử hỏi những con côn trùng ngu si này còn biết được gì nữa đây? Do đó, chúng sẽ phải trải qua biết bao kiếp sống, đi từ loài thú này qua loài thú khác để phát triển sự hiểu biết, rồi mới có thể tiến hóa lên thành người. Đối với những con côn trùng, sâu bọ thì kiếp sống của chúng chỉ kéo dài vài ngày nên chúng sẽ phải trải qua trăm ngàn kiếp sống côn trùng, lâu lắm mới có thể lấy lại sự hiểu biết để chuyển kiếp thành người. Ông nên biết trở thành người không dễ dàng chút nào và khi đã đánh mất thân

xác con người thì rất khó quay trở lại. Đây là một điều hết sức quan trọng mà không mấy người được biết.

Tôi hỏi lại:

- Vậy trường hợp của tôi thì thế nào? Sau kiếp sống tại Atlantis, tôi đã đi đâu và làm gì?

Ông Kris giải thích:

- Sở dĩ tôi chưa trả lời câu hỏi của ông ngay vì phải giải thích sơ lược về luật Luân hồi, với hai yếu tố chính là tiến hóa và thoái hóa, để ông có thể hiểu rõ những điều tôi sắp nói sau đây.

Ông Kris nhìn tôi với vẻ thương xót, rồi nói tiếp:

- Trong kiếp làm người tại Atlantis, nơi mà sự hiểu biết về khoa học rất cao nhưng chưa mấy ai biết học hỏi hay phát triển tình thương. Do sự thiếu sót này nên ông cũng như mọi người khi đó, đều sống một cách vô cảm, ích kỷ, tham lam, chịu ảnh hưởng bởi môi trường chung quanh. Ông được sinh ra trong một gia đình thuộc tầng lớp cao, có quyền bóc lột, chiếm đoạt những thứ của người thuộc tầng lớp thấp hơn, đó là luật của kẻ mạnh trong xã hội Atlantis thời đó. Do vậy, ông không ý thức về việc làm của mình. Ông gây đau khổ, thiệt thòi cho người khác nên ông đã tạo ra những ác nghiệp, vì thế phải lãnh chịu hậu quả.

Trong trường hợp của ông, khi nhìn thấy đôi chân trần của Kor, ông mê đắm và muốn chiếm đoạt cô này. Ý nghĩ tham lam ấy dẫn đến một tư tưởng điên cuồng, khởi đầu cho những hành động xấu xa sau đó. Mặc dù được huấn luyện để trở thành y sĩ, nhưng ông lại thực hành những pháp môn tà đạo của xứ Og - như giết hại loài vật để cúng tế thần linh, dùng bùa chú làm mê hoặc nhân tâm, sử dụng dược chất để đạt được những ham muốn về tình dục, vì sự hiểu biết mù quáng này nên đầu óc của ông trở nên điên đảo và tạo ra ác nghiệp rất lớn. Ông có muốn tôi nói thêm nữa không?

Tôi nhìn ông Kris, đôi mắt ông bừng sáng một cách lạ thường, toàn thân ông toát ra một khí chất nghiêm nghị. Tôi thở mạnh:

- Vâng, xin ông cứ nói. Tôi sẵn sàng nghe đây.

Ông Kris nói tiếp bằng một giọng oai nghiêm:

- Ông đã sử dụng tà thuật để chiếm đoạt người nữ tu trong trắng trong đền thờ Thái Dương, do đó ông phải gánh chịu hậu quả và chuyển kiếp trở thành một loài sâu bọ chuyên hút máu mủ trong các bàn chân phụ nữ. Nguyên nhân là vì ông say mê đôi chân trần của Kor nên tư tưởng của ông cứ theo đuổi, bám víu lấy những bàn chân phụ nữ. Sau khi chết trong cơn đại hồng thủy, ông đã chuyển kiếp trở thành hàng triệu con sâu bọ, sống chui rúc trong bàn chân ghẻ lở của phụ nữ. Ông đã phải trải qua hàng triệu kiếp làm côn trùng chỉ vì cái tư tưởng si mê mù quáng kia. Chắc hẳn ông đã biết, người ta thích gì thì có tư tưởng ham muốn cái đó, vì say mê bàn chân phụ nữ cho nên nó ám ảnh ông trong thời gian mấy ngàn năm làm sâu bọ.

Lời của ông Kris là một tiếng sấm ngang tai, khiến tôi choáng váng, không nói được gì trong một lúc lâu. Ông Kris im lặng, chăm chú nhìn tôi, ánh mắt ông trở nên dịu dàng hơn.

Đến khi tôi lấy lại được bình tĩnh, ông Kris thong thả nói:

- Ông đã trải qua rất nhiều kiếp sống trên con đường tiến hóa từ loài côn trùng cho đến các loài vật trước khi được quay trở lại thể xác con người. Tuy nhiên, kiếp sống tại Atlantis không phải là kiếp sống đầu tiên của ông đâu, còn có rất nhiều kiếp sống trước đó mà hiện nay ông không nhớ được đấy thôi. Trong những kiếp đó, ông đã giúp đỡ rất nhiều người, gieo rất nhiều nghiệp lành. Nhờ những nhân duyên đặc biệt này nên khi chuyển kiếp trở lại thành người, ông được làm Pharaoh cai trị một vương quốc lớn, hưởng thụ mọi sự vui sướng. Tuy nhiên, trong tâm của ông vẫn còn những nét hung ác bắt nguồn từ kiếp sống tại Atlantis, nên ông trở thành một nhà cai trị độc tài. Trước khi qua đời tại Atlantis, trong tâm ông phát ra sự hối hận và nảy sinh tình thương đối với Kor. Đây là một năng

lực chuyển hóa rất mạnh, vì người Atlantis lúc đó chưa hề biết hối hận hay thương yêu. Chính cái nhân duyên hãn hữu này nên sau khi trải qua nhiều kiếp thú, ông được tái sinh thành người tại Ai Cập để tiếp tục bài học mà ông cần học.

Tôi ngập ngừng hỏi:

- Vậy thì tôi đã học được gì khi tái sinh ở Ai Cập?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi:

- Ông được sinh ra vào triều đại thứ hai mươi ba trong giai đoạn cuối cùng của các vua chúa thời cổ đại ở Ai Cập. Lúc đó, Ai Cập đã suy thoái và kiệt quệ, như là hậu quả của việc xây cất các lăng tẩm, mồ mả cho các Pharaoh trước đó. Vào lúc này, phần lớn các Pharaoh không mấy ai ngồi trên ngai vàng được lâu vì những tranh chấp giữa phe giáo sĩ và các Pharaoh. Trong giai đoạn cuối, văn hóa xứ này suy đồi; dân tình nghèo đói khốn khổ; quan lại tham nhũng; cường hào ác bá nổi lên chiếm đoạt tài sản, đất đai, nhà cửa, ruộng vườn của người dân; pháp môn phù thủy thịnh hành; giới giáo sĩ nắm quyền sinh sát; các Pharaoh bất tài, chẳng ai cai trị được lâu.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng trường hợp của tôi thì sao? Làm sao tôi có thể nhớ lại tiền kiếp của mình ở Ai Cập?

Ông Kris mỉm cười:

- Tối hôm nay, khi đầu óc của ông thảnh thơi, tôi sẽ giúp ông quay trở lại ký ức của kiếp đó. Bây giờ ông nên nghỉ ngơi tĩnh dưỡng vì ông đã mệt mỏi khi lái phi cơ đến đây rồi.

Buổi tối hôm đó, sau khi dùng ít trái cây, ông Kris yêu cầu tôi ngồi yên trên ghế bành tĩnh tâm một lúc, rồi bước đến nói nhỏ vào tai tôi một câu với ngôn ngữ lạ lùng khiến tôi thiếp đi và trở lại với ký ức khi xưa ở Ai Cập.

***

Tôi thấy mình trở về cung điện sau khi có một trải nghiệm lạ lùng ngoài sa mạc. Vừa vào đến nơi, tôi gặp ngay một số tướng lĩnh đang chờ đợi tại đó. Amed, vị tướng chỉ huy báo cáo:

- Thưa Pharaoh, theo thông lệ hàng năm, chúng ta đều kéo binh chinh phạt những nước quanh đây. Hiện nay ngân quỹ đang thiếu hụt, không đủ cho việc rèn đúc khí giới và chiến xa. Chúng tôi xin Pharaoh tăng thuế để có đủ tiền cho việc này.

Theo tiền lệ của các Pharaoh đời trước, mỗi năm Ai Cập đều kéo binh chinh phạt các nước quanh đó và mang về nhiều chiến lợi phẩm như vàng bạc, tài nguyên và nô lệ. Mặc dù chỉ mới lên ngôi được vài tháng, tôi cũng đã chuẩn bị cho cuộc chinh phạt này, nhưng hiện nay ngân quỹ lại thiếu hụt vì xây dựng đền thờ quá nhiều.

Tôi cho gọi Satt vào. Hắn vừa đến nơi, tôi hỏi ngay:

- Ngươi đã điều tra những kẻ lạm dụng công quỹ xây dựng chưa?

Satt trả lời:

- Thưa Pharaoh! Tôi đã tìm ra một kẻ lạm dụng việc xây cất nhưng cần thời gian để điều tra thêm những kẻ khác nữa.

Tôi nóng lòng lắc đầu:

- Nếu kéo dài thời gian thì lấy đâu ra ngân quỹ để rèn đúc khí giới cho cuộc chiến sắp tới? Không có khí giới thì không thể chiến thắng và mang vàng bạc, nô lệ về cho các ông xây đền thờ được. Chúng ta không thể để cho việc xây dựng này ảnh hưởng đến khả năng chiến đấu của quân đội.

Satt nhìn tôi một cách lạnh lùng, rồi nói:

- Bề tôi đã điều tra việc xây cất lăng tẩm cho Pharaoh. Sau đây là bản báo cáo về Setau, người kiến trúc sư trông coi việc xây cất lăng

tẩm cho ngài. Tôi đã có bằng chứng rõ ràng cho thấy Setau đã lấy đi một số vật liệu để xây mồ mả cho chính hắn.

Tôi cầm bản báo cáo, nhìn những con số vật liệu và nô lệ đã bị Setau cắt xén và lời khai của những nhân chứng trong cuộc. Satt quan sát tôi cẩn thận, rồi nói:

- Xin Pharaoh xét xử tên tội phạm này.

Tôi nghĩ thầm: "Gã giáo sĩ này quả thật có bản lĩnh. Mình đang muốn điều tra việc xây cất đền thờ của đám giáo sĩ thì hắn lại cho điều tra việc xây cất lăng tẩm của mình và tìm ra một tên tội phạm - quả là một đòn phép nghi binh né tránh gian xảo".

Dĩ nhiên việc thâm lạm ngân quỹ xây cất lăng mộ Pharaoh là một trọng tội, không thể tha thứ. Với bằng chứng rõ ràng như thế, tôi không thể nào làm gì khác hơn là tuyên án xử tử Setau ngay. Ngay lập tức, tôi quát lớn:

- Quân sĩ đâu! Bắt ngay Setau ném vào hầm sư tử cho ta! Những người trong gia đình hắn phải bị đày ra sa mạc và không bao giờ được trở về nữa.

Tuy nhiên, không chịu thua ván cờ này, tôi quát tiếp:

- Này Satt! Việc điều tra của ngươi chỉ là bước đầu, chắc còn những kẻ khác nữa. Từ nay ta muốn đích thân điều tra công trình xây dựng đền thờ của các giáo sĩ để trừng trị những tên tham lam, lạm quyền vi phạm luật pháp!

Toàn thể triều đình lập tức chấn động vì ai cũng biết một khi tôi đã đích thân điều tra là chắc chắn có nhiều kẻ bị ném vào hầm sư tử. Họ đã thấy rõ cơn thịnh nộ của tôi khi ban hành những đạo luật nghiêm khắc như thế nào. Tôi giơ cao vương ấn quyền uy lên:

- Đây là lệnh của ta! Lập tức ngưng ngay các công việc xây dựng đền thờ cho đến khi ta điều tra xong mọi việc.

Amed bước ra:

- Thưa Pharaoh! Việc điều tra sẽ mất thời gian. Xin ngài cho tăng thuế ngay để chúng thần chuẩn bị rèn đúc vũ khí.

Tôi định đồng ý ngay nhưng không hiểu sao lúc đó lại nghĩ đến câu chuyện với người y sĩ già hôm trước về việc tăng thuế làm dân chúng thêm khổ cực, tôi lắc đầu:

- Việc đó tính sau. Hiện nay ta ưu tiên điều tra việc xây cất trước đã.

Amed vội vã bẩm tấu:

- Chúng ta cần vũ khí để chuẩn bị cho cuộc chiến trước khi mùa mưa đến. Nếu để chậm thì các chiến xa không thể đi trên bùn lầy được.

Là người chỉ huy quân lực, dĩ nhiên tôi biết điều này, nhưng vì đã quyết ra đòn nên tôi quát lớn:

- Đây là lệnh của ta! Các ngươi không ai được nói nữa!

Sau khi ra lệnh, tôi bỏ vào trong cung mặc cho đám võ quan ngơ ngác vì không ai ngờ được phản ứng của tôi lại quyết liệt như thế. Satt nối gót theo sau:

- Thưa Pharaoh, tại sao ngài lại cho ngừng việc xây cất ạ?

Tôi quay lại nhìn thẳng vào mặt hắn, gằn từng chữ:

- Ta có lý do của ta! Nhà ngươi muốn làm phản ta chăng?

Satt lùi lại, mặt mày tái nhợt:

- Không ạ! Không bao giờ ạ. Chính chúng tôi đã giúp ngài lên ngôi Pharaoh thì tại sao lại có thể làm phản ngài?

Tôi cười gằn:

- Nếu ngươi từng có âm mưu tạo phản thì giờ này làm gì còn chiếc đầu trên cổ nữa?

Satt thở hổn hển:

- Thưa Pharaoh, đúng vậy. Nhưng tại sao ngài lại cho ngưng việc xây cất đền thờ?

Tôi nổi giận:

- Là Pharaoh, ta muốn gì là quyền của ta! Ta còn có thể phá nát tất cả đền thờ của các ngươi, giết không còn một tên giáo sĩ nào nữa.

Satt lui lại dựa lưng vào vách tường, khuôn mặt xám lại vì hắn biết rõ bản tính ngang tàng hung bạo của tôi:

- Pharaoh nên bình tĩnh lại. Chúng ta đã đồng ý với nhau là khi lên ngôi, Pharaoh sẽ cho xây thật nhiều đền thờ ở khắp nơi. Ngài quên rồi sao? Nếu ngưng tất cả công trình lại sẽ khiến cho hàng ngàn thợ thuyền không có việc làm. Rồi họ sẽ lấy gì để sống đây? Ắt sẽ có loạn xảy ra. Tôi e việc này sẽ có hại nhiều hơn là có lợi.

Câu nói của Satt làm tôi giật mình suy nghĩ một lát, nhưng lệnh đã ban ra không thể thu lại. Tôi tiếp tục:

- Ta biết rõ điều đó, nhưng ta muốn xem xét tại sao lại cho xây quá nhiều đền thờ như thế.

Satt xuống giọng cầu xin:

- Xin Pharaoh hãy xét cho kỹ, ngưng xây dựng đền thờ sẽ làm xáo trộn rất nhiều việc. Từ bao năm nay, xây cất là công việc quan trọng nuôi dưỡng biết bao nhiêu thợ thuyền và nô lệ. Không thể để cho họ không có việc làm được.

Tôi trừng mắt:

- Ta đã quyết. Nhà ngươi còn dám cãi lệnh ta hay sao?

Satt cố gắng giải thích:

- Không phải như vậy. Nhưng chúng ta cũng cần tiếp tục xây lăng tẩm cho ngài nữa. Nếu Setau bị xử tử thì phải tìm người khác thay thế. Ngài cần chuẩn bị cho đời sống ở cõi bên kia. Ngài nghĩ sao khi gặp các thần linh mà ngài vừa bắt ngưng xây cất đền thờ của họ?

Câu nói của hắn làm tôi càng nổi giận hơn, tôi quát lớn:

- Ngươi tưởng ta không biết việc ngươi đã cho xây hàng trăm đền thờ, nuôi dưỡng hàng ngàn giáo sĩ và quyến thuộc của họ hay sao? Tại sao chỉ trong một thời gian ngắn mà số đền thờ và giáo sĩ lại tăng lên nhiều đến thế? Phải chăng các giáo sĩ lại có nhiều vợ và nô lệ hơn cả Pharaoh? Ai là người cai trị Ai Cập? Pharaoh hay giáo sĩ?

Câu nói của tôi như trúng tim đen làm Satt chột dạ, hắn lo sợ thực sự và không dám nói gì nữa. Tôi hầm hầm bỏ vào hậu cung để mặc hắn đứng đó.

Đối với tất cả Pharaoh Ai Cập, việc quan trọng nhất khi lên ngôi là lo xây cho mình một lăng tẩm vĩ đại để đảm bảo đời sống ở cõi giới bên kia. Do đó, việc tìm một kiến trúc sư để xây cất lăng tẩm ngay từ sớm là việc làm ưu tiên, vì công trình thường kéo dài trong suốt nhiều năm. Lăng mộ càng lớn thì công trình được xây cất càng lâu, có khi kéo dài cả vài chục năm. Không ai biết Pharaoh có thể sống được bao lâu, nhưng nếu khi chết mà lăng mộ vẫn chưa xây xong thì thật là điều bất hạnh. Vì không có mồ mả đẹp thì không thể có một đời sống tốt đẹp ở thế giới bên kia. Tuy nhiên, việc tìm một kiến trúc sư thay thế không hề dễ dàng vì công trình này luôn luôn được giữ bí mật. Chỉ riêng Pharaoh và kiến trúc sư hay vài người liên quan trong việc xây cất mới biết rõ mà thôi. Lăng mộ của các Pharaoh Ai Cập đều được đào sâu vào vách núi ở một nơi được gọi là thung lũng mộ vua, với quân sĩ canh gác rất cẩn mật. Mọi ngôi mộ đều được thiết kế với nhiều

chi tiết đặc biệt để phòng ngừa trộm cướp. Trong lăng mộ có rất nhiều phòng ốc và lối đi khác nhau với các cạm bẫy để đánh lừa những kẻ đào mồ trộm của và những cạm bẫy này chỉ có riêng kiến

trúc sư mới biết. Do đó, việc thay thế kiến trúc sư khi việc xây cất còn dở dang là một vấn đề hết sức phức tạp, nan giải.

Tuy nhiên, ngay sáng hôm sau, Satt đã dẫn đến một kiến trúc sư mới, dáng cao lớn. Satt nói:

- Thưa Pharaoh, Samut đây đã từng làm phụ tá cho Setau trong công trình xây cất tại Kanak và Luxor trước đó nên quen thuộc với các đồ án xây dựng của Setau để lại. Xin Pharaoh thu dụng người này.

Vừa nhìn thấy Samut, tôi giật mình vì đó chính là người thanh niên tôi đã gặp ở nhà người y sĩ già cùng với Cihone hôm trước. Dĩ nhiên Samut lúc đó không nhận ra tôi, một phần vì hôm đó trời đã tối, tôi lại che một phần mặt và còn khoác một tấm áo choàng cũ. Còn giờ đây tôi đang ngồi trên ngai vàng oai phong lẫm liệt nên Samut không dám nhìn lâu mà quỳ rạp xuống chờ lệnh.

Tôi ngập ngừng:

- Nhà ngươi có biết việc xây cất này phức tạp như thế nào không?

Satt vội vã đáp thay:

- Tôi đã đưa cho Samut xem qua đồ án xây dựng và hắn biết rõ từng chi tiết. Vì đã làm việc với Setau từ trước nên hắn còn biết khả năng của những người làm dưới quyền ông này. Hiện nay khó có thể tìm được người nào hơn thế. Xin Pharaoh cho phép hắn tiếp quản công việc này.

Tôi còn suy nghĩ thì Samut đã nói:

- Thưa Pharaoh, tôi đã xem qua đồ án xây dựng của Setau và biết rõ công việc này phải làm như thế nào.

Satt tiếp tục:

- Mỗi kiến trúc sư có cách thiết kế và ý tưởng khác nhau, tìm người mới để tiếp tục công việc dở dang này có thể làm trì hoãn việc xây

cất. Xin Pharaoh quyết định.

Trước một việc hệ trọng như thế, dĩ nhiên tôi không thể trì hoãn việc xây dựng lăng mộ cho mình được nên đành chuẩn y cho Samut được làm việc đó. Công nhân xây cất lăng tẩm cho Pharaoh phải làm việc trong thung lũng mộ vua, cách thủ đô Thebes khá xa, vì thế những người này đều đưa gia đình của họ đến trú ngụ ở một ngôi làng nhỏ gần đó tên là Deir el-Medina. Ít lâu sau, tôi cho gọi Erhu, một thám tử thân tín đến:

- Ta muốn ngươi theo dõi nhân công xây dựng lăng mộ của ta, có chuyện bất thường gì thì báo cho ta biết. Ta muốn biết rõ chi tiết để không kẻ nào gian lận được nữa.

Erhu bật cười:

- Sau cái chết của Setau, hạ thần đảm bảo không còn tên nào dám giở trò nữa đâu, thưa Pharaoh.

Tôi nói thêm:

- Ta muốn biết về Samut, xem hắn làm việc như thế nào.

Erhu báo cáo:

- Sau khi được giao phó trọng trách cao hơn với mức lương hậu hĩnh của một kiến trúc sư. Samut lập gia đình ngay và dọn về sống ở Deir el-Medina gần với công trình.

Tôi hỏi:

- Gia đình của hắn gồm những ai?

Người thám tử trả lời:

- Chỉ có hắn và một cô vợ trẻ ở đó thôi ạ.

Tôi không nói thêm gì nhưng trong lòng tự nhiên dâng lên một cảm xúc kỳ lạ vì biết người con gái mà tôi rất có thiện cảm kia đã thuộc

về người khác.

Vài hôm sau, Satt bước vào trình lên một báo cáo:

- Thưa Pharaoh, tôi đã điều tra xong những công trình xây dựng đền thờ và nhận thấy một số việc không minh bạch cùng những kẻ có liên quan, xin Pharaoh cho trừng trị ngay những kẻ này.

Tôi nghĩ thầm: “Tên giáo sĩ này quả to gan, ta đã tuyên bố sẽ đích thân điều tra việc xây dựng của giáo sĩ mà hắn lại đưa ra ngay vài con tốt thí để che đậy cho phe nhóm của hắn”.

Thay vì nổi giận, tôi lạnh lùng nói:

- Nếu thế ngươi cứ xét theo luật mà thi hành, ta không cần phải xem nữa.

Nghe vậy Satt mừng rỡ nói ngay:

- Nếu thế xin Pharaoh cho chúng tôi được tiếp tục công việc xây dựng đền thờ.

Tôi trả lời:

- Để ta suy nghĩ thêm đã, hôm nay ta muốn đi xem việc xây lăng tẩm của ta đang tiến hành như thế nào đã.

Tuy khó chịu nhưng Satt cũng thu xếp một đoàn quân sĩ hộ tống tôi và hoàng hậu Nedjem đến thung lũng mộ vua.

Được tin Pharaoh đến, Samut vội vã ra đón. Anh ta tường trình cho tôi biết công việc đang được tiến hành theo như lịch trình và đưa tôi tham quan công trình đang được đào sâu vào lòng núi. Đến giờ ăn trưa, quân sĩ dâng lên những món ăn đã được chuẩn bị từ trước để tôi và hoàng hậu Nedjem dùng bữa. Tôi ngồi ăn dưới mái lều được dựng trên một mô đất cao. Từ đây, tôi có thể quan sát những thợ xây và nô lệ đang làm việc phía dưới. Đang ăn, tôi bỗng nhìn thấy một thiếu nữ từ xa mang một giỏ thức ăn đến phân phát cho thợ,

một bóng dáng rất quen thuộc. Trong tôi tự nhiên như bừng lên một luồng gió mát - người thiếu nữ đó chính là Cihone.

Erhu đứng gần đó vô tình báo cáo:

- Đó là vợ của Samut. Vào giờ ăn, vợ của những người thợ xây phải mang thức ăn đến, nhưng chỉ những người lớn tuổi già nua thôi. Những người vợ trẻ ít ai dám mạo hiểm đi vào giữa đám đông trai tráng thợ thuyền mà không sợ bị trêu chọc hay quấy rối. Tuy nhiên, cô này thì khác, không phải vì cô là vợ của Samut đâu, ngày trước vợ của Setau cũng không dám đến đây nhưng…

Tôi hỏi dồn:

- Nhưng làm sao?

Gã thám tử hơi ngạc nhiên:

- Cô này thì khác, Pharaoh có thấy không? Cô ta mang rất nhiều thức ăn phát cho những người chưa có gia đình không có ai lo cơm nước và những người lớn tuổi mà người vợ già không thể đi từ làng Deir el-Medina đến đây được. Trước giờ chưa có ai làm như vậy.

Mặc dù lúc đó cũng có nhiều phụ nữ mang đồ ăn đến cho chồng nhưng Cihone đi đến đâu là đám đông đều tránh ra một bên. Không ai tỏ thái độ đùa cợt, trêu chọc như thường thấy ở những công trường xây dựng khác. Cihone thong thả phát thức ăn cho mọi người, rồi quay qua băng bó cho những người bị thương khi làm việc. Tôi nhìn Samut, hắn vẫn cắm cúi vừa ăn vừa xem xét bản vẽ công trình như để hết tâm trí vào đó, không chú ý gì đến người vợ trẻ đang ở trong đám đông đàn ông kia.

Erhu nói thêm:

- Vợ Samut là con của một y sĩ nên biết cách băng bó, săn sóc các vết thương. Mặc dù công trường cũng có y sĩ túc trực tại đây nhưng ai cũng muốn được cô này săn sóc cho. Từ khi cô này có mặt, không có những vụ xung đột, đánh nhau giữa các đám thợ nữa.

Tôi nhìn Cihone săn sóc cho những người bị thương, cô vừa băng bó vừa ân cần nói chuyện khích lệ họ. Đám thợ đứng chung quanh nhìn cô với thái độ cảm kích vì cô ăn nói dịu dàng, hòa nhã với từng người. Không ai có thái độ bất nhã trước người con gái khả ái đó.

Tôi đang dõi mắt quan sát Cihone thì bất chợt có tiếng ồn ào, rồi có tiếng của một người phụ nữ đang kêu gào gần đó. Tôi thấy đám binh sĩ đang cố gắng kéo người phụ nữ đó ra xa. Erhu chạy đến xem rồi báo cáo:

- Thưa Pharaoh, đó là vợ Setau, theo án lệnh của ngài thì toàn thể gia đình Setau phải bị đày ra sa mạc nhưng cô này trốn thoát. Hôm nay biết tin Pharaoh sẽ tới đây nên cô ta đã liều lĩnh đến để muốn gặp Pharaoh và xin cho cô ta được ở lại để sinh con.

Tôi chưa kịp phản ứng thì đã thấy Cihone bước vội đến bên người phụ nữ kia để an ủi, đám binh sĩ không biết phải xử trí ra sao trước hai người phụ nữ này. Thấy vậy, Erhu quát:

- Làm sao ả trốn ở đây mấy hôm nay mà không ai biết. Phải bắt ả đày ra sa mạc.

Không hiểu sao, tôi ngăn lại:

- Đem cô ta đến đây cho ta xét xử.

Erhu vội truyền lệnh, đám quân sĩ đưa người đàn bà đến trước tôi. Cihone cũng đi theo. Vợ của Setau quỳ lạy:

- Thưa Pharaoh, tôi biết chồng tôi có tội và đã bị xử tử. Nhưng hiện giờ tôi sắp sinh con, nếu bị đày ra sa mạc thì mẹ con tôi không thể sống được nữa. Xin Pharaoh thương tình cho tôi được ở lại đây để nuôi con.

Ngày trước, tôi đã từng sống với đoàn quân trấn đóng vùng biên thùy ở sa mạc nên rất hiểu tình trạng tại đó. Bị đày ra sa mạc thì có thể coi như là án tử vì ở đó không có điều kiện sinh sống. Hầu hết những kẻ phạm tội bị đày ra sa mạc ít ai sống được vài tháng,

huống chi một người đàn bà bụng mang dạ chửa sắp đến ngày sinh như thế này. Tuy nhiên, đã ra lệnh thì không dễ gì làm khác được.

Tôi nhìn Cihone đang ân cần an ủi người phụ nữ này và chợt nghĩ đến quan niệm về tình thương mà tôi đã nói chuyện với người y sĩ già hôm trước. Tôi vẫn đang suy nghĩ thì Cihone chợt bước tới quỳ xuống trước mặt tôi:

- Xin Pharaoh hãy ban ơn, cho phép chị ấy được ở lại để sinh con. Cha đứa trẻ có tội nhưng đứa trẻ đâu có tội gì. Nếu Pharaoh cho phép, tôi xin tình nguyện săn sóc chị ấy cho đến khi sinh nở xong.

Câu nói của Cihone làm tôi ngạc nhiên và có một sức mạnh kỳ lạ, tôi gật đầu rồi giơ tay lên ra chỉ thị:

- Được rồi, ta cho phép ngươi được ở lại Deir el-Medina để sinh con, rồi sẽ thụ án sau.

Vợ của Setau mừng rỡ quỳ xuống líu ríu vài câu cảm ơn rồi lui ra. Cihone cũng bước đi theo. Tôi bâng khuâng nhìn theo bóng dáng cô khuất dần sau cồn cát sa mạc.

Từ mấy tuần lễ nay, việc ngưng các công trình xây dựng đền thờ đã tạo ra một luồng dư luận bất lợi trong vương quốc vì thợ và nô lệ đột nhiên không có việc làm để kiếm sống. Không ai biết vì sao lại có lệnh đó. Đối với Ai Cập, việc xây cất lăng tẩm, mồ mả hay đền thờ là một nghề quan trọng giúp nuôi sống hàng trăm ngàn người. Hiện nay tất cả đều ngừng lại tạo ra tình trạng hoang mang rối loạn vì không ai biết việc gì sẽ xảy ra. Giới giáo sĩ bất mãn nhưng chưa dám tỏ thái độ vì từ trước đến nay tôi vẫn luôn là ân nhân của họ. Các quan lại triều đình cũng bất mãn vì tôi không cho tăng thuế. Mặc dù các tướng lĩnh đã nhiều lần đến xin nhưng tôi vẫn cương quyết không cho phép vì nghĩ đến những hậu quả mà dân chúng phải gánh chịu như lời nói của vị y sĩ già.

Tôi đã mất ngủ nhiều đêm vì cứ phải đắn đo suy nghĩ về những việc này. Nếu để mọi việc xảy ra thành tiền lệ - tăng thuế để lấy tiền rèn đúc vũ khí cho chiến tranh để làm vui lòng các võ quan, tiếp tục xây

cất đền thờ để làm vui lòng giới giáo sĩ thì thật dễ dàng - thì dân chúng sẽ là những người phải chịu đựng áp lực này. Tương lai của họ sẽ như thế nào khi mà điều kiện sinh sống trở nên khó khăn, rồi những đứa trẻ lớn lên không được dạy dỗ cẩn thận thì sẽ ra sao?

Tôi chạnh lòng nghĩ về địa vị Pharaoh quyền uy của mình và sự cô đơn trong cung điện đầy mỹ nữ xinh đẹp này rồi chợt tự hỏi không biết Cihone có nhớ hay nghĩ gì đến tôi không? Tôi nghĩ đến đấng Thái Dương và trải nghiệm lạ lùng ngoài sa mạc, cũng như việc phung phí tài nguyên vào những đền thờ to lớn cho những giáo sĩ đã đưa tôi lên ngôi vị như ngày nay. Tôi nghĩ đến quan niệm về tình thương trong cuộc sống mà trước đây tôi không hề biết đến và người con gái xinh xắn đã dùng tình thương yêu để săn sóc những đứa trẻ bị bệnh. Tôi thầm nghĩ, nếu tôi được làm một thường dân như Samut và có một người vợ như Cihone thì tôi sẽ hạnh phúc biết bao.

Tôi đang trong dòng suy nghĩ mông lung thì hoàng hậu Nedjem ở bên ngoài bước vào. Đã lâu rồi tôi không tiếp xúc với Nedjem, cuộc hôn nhân với người thiếu nữ quý tộc chưa đầy mười sáu tuổi này chỉ là một sự dàn xếp quyền lực. Sau hôn lễ, tôi đã khéo léo ra lệnh ngăn Nedjem không được vào phòng riêng của mình để được tập trung suy nghĩ.

Tôi nghiêm giọng nhìn Nedjem:

- Ai cho phép nàng vào đây?

Nedjem nhẹ nhàng thưa:

- Thiếp biết Pharaoh không được an ổn và thường mất ngủ. Là vợ chồng, tuy không chung phòng nhưng thiếp vẫn thường xuyên theo dõi sức khỏe của Pharaoh. Gần đây thiếp biết Pharaoh không thích tiếp xúc với các cung nữ, mặc dù triều đình đã tuyển nhiều người đến từ các nơi xa để phục vụ cho ngài.

Tôi tức giận quát lên:

- Đó là việc của ta. Ai cho phép nàng can dự vào?

Nedjem lên tiếng:

- Xin Pharaoh hãy bớt giận và suy nghĩ lại, ngài chưa có con nối dõi. Nếu có chuyện gì xảy ra thì ai sẽ là người kế vị? Dù sao đi nữa, trước sau gì thì ngài cũng cần phải có hoàng tử để nối nghiệp, do đó thiếp sợ...

Tôi nổi giận:

- Ta biết! Nhưng bây giờ không phải là lúc nói việc đó.

Nedjem dịu dàng nhìn tôi, rồi nhỏ nhẹ nói:

- Thiếp biết cuộc hôn nhân của chúng ta chỉ là một sự dàn xếp để ngài lên ngôi Pharaoh, nhưng thiếp chấp nhận việc đó. Thiếp đã thấy chỉ trong vòng mấy tháng mà Ai Cập có đến ba Pharaoh lên ngôi, người nào cũng chỉ cai trị được vài tháng rồi chết, nội bộ tranh chấp, triều đình bất an, quốc gia rối loạn, Nubia xâm lăng nên thiếp sẵn sàng chấp nhận để ngài được cầm quyền cai trị vì chỉ ngài mới có thể cứu được Ai Cập. Tuy nhiên, thiếp sợ nếu không có người nối ngôi sẽ có những biến cố xảy ra cho Ai Cập trong tương lai.

Tôi bật cười lớn:

- Nàng không cần phải nói xa xôi. Ta biết nàng đang muốn gì nhưng ta không muốn làm việc đó. Nàng hãy lui ra cho ta nghỉ ngơi.

Nedjem vẫn kiên nhẫn nhẹ nhàng:

- Xin Pharaoh đừng hiểu lầm ý thiếp. Thiếp biết ngài không để ý đến thiếp trước giờ và nay ngài đã để ý đến một người con gái khác.

Tôi chột dạ nhưng bình tĩnh gạt đi:

- Nay nàng hết việc làm rồi hả? Nàng chớ có ăn nói bậy bạ, nàng biết gì mà nói. Đừng làm ta nổi giận.

Nedjem nhìn tôi mỉm cười kín đáo:

- Xin Pharaoh hãy lắng nghe. Tuy ngài không hề nói nhưng thiếp vẫn biết.

Tôi cười lớn:

- Tất cả các cung nữ trong cung này, ta không để ý đến một ai hết. Tất cả chỉ toàn đồ ăn hại. Ta sẽ đuổi hết chúng đi cho xong.

Nedjem vẫn nhẹ nhàng:

- Thiếp biết Pharaoh không để ý đến một ai trong cung nhưng lại vương vấn tâm tư một người con gái khác.

Tôi đổi giọng nổi giận quát:

- Nàng đang ám chỉ đến ai?

Nedjem nói nhỏ để vừa đủ cho tôi nghe:

- Thiếp biết Pharaoh đang để ý đến vợ của Samut.

Câu nói của Nedjem tựa tiếng sấm ngang tai, khiến tôi giật mình ngồi phắt dậy. Theo phản ứng tự nhiên, tôi chụp lấy cổ của Nedjem quát lớn:

- Nàng nói gì?

Nedjem gỡ tay tôi ra một cách nhẹ nhàng, rồi tiếp tục:

- Trước đây thiếp nghĩ Pharaoh bận việc triều chính nên không thích gần gũi với đám cung tần mỹ nữ, nhưng hôm đi kiểm tra việc xây lăng tẩm, thiếp nhận ra ánh mắt Pharaoh không rời người vợ Samut. Thiếp nói có gì không phải xin Pharaoh bỏ qua.

Cách nói bất ngờ đầy chân tình, quan tâm của Nedjem khiến tôi luống cuống. Nedjem tiếp tục:

- Nếu Pharaoh thực sự đã muốn thì việc gì mà chẳng được. Chỉ cần ngài ra lệnh là xong ngay.

Tôi lúng túng thực sự:

- Không phải thế. Ta không làm thế được.

Nedjem thong thả nói:

- Nếu Pharaoh ngại, thì đích thân thiếp sẽ làm. Thiếp chỉ muốn ngài thật thoải mái tinh thần để trị vì Ai Cập thôi. Từ nhiều năm nay, Ai Cập không có ai tài giỏi, bản lĩnh như ngài. Nhờ ngài mà tình hình triều chính được ổn định nhiều và tránh được nạn ngoại xâm. Tuy chỉ là một công chúa nhỏ tuổi sống trong cung nhưng thiếp cũng biết quan sát, nhận xét. Thiếp chấp nhận cuộc hôn nhân với ngài để giữ cho tình hình vương quốc ổn định. Thiếp muốn ngài có niềm vui để định hướng đúng cho vương quốc này và thiếp sẵn sàng hy sinh tất cả cho Ai Cập.

Từng lời nói của hoàng hậu Nedjem làm tôi giật mình. Từ trước đến nay, tuy mang danh nghĩa vợ chồng, nhưng chúng tôi thực sự không mấy khi gần nhau hay trao đổi điều gì cả - trừ những ngày đầu. Vì cuộc hôn nhân này chỉ là một sự sắp đặt từ trước nên tôi không biết gì về người vợ này. Và lời tâm sự chân thành của Nedjem đã khiến tôi ngạc nhiên vô cùng.

Nedjem tiếp tục nói:

- Nếu Pharaoh muốn gặp vợ của Samut thì đâu có gì khó. Thiếp đã cho gọi cô ấy vào cung. Nếu ngài muốn, thiếp sẵn sàng thu xếp để cô ấy hầu hạ ngài.

Tôi vừa ngạc nhiên vừa tức giận:

- Nàng nói sao? Ai cho phép nàng làm chuyện đó?

Nedjem trả lời rất chân thành:

- Thiếp trước giờ chỉ thật tâm mong được làm điều gì đó vì Pharaoh. Thiếp đã mạn phép cho người gọi cô ấy vào cung để nói chuyện và nếu ngài đồng ý, ngài có thể…

Tôi không biết nói gì lúc đó:

- Ta không thể làm như vậy được.

Nedjem khích lệ nhìn tôi:

- Pharaoh hãy yên lòng, hiện nay cô ấy đang chờ ở phòng riêng của thiếp. Ngài có thể ngồi sau tấm màn để nghe thiếp và cô ấy nói chuyện.

Nedjem thong thả bước ra khỏi phòng, tôi không kịp phản ứng gì, cũng đứng dậy đi theo người vợ hoàng hậu trẻ tuổi này. Tôi bước vào phía sau phòng riêng của Nedjem, tôi thấy Cihone đang khép nép ngồi chờ sẵn tại đó có lẽ cũng lâu rồi, vẻ mặt lo lắng hiện ra. Hoàng hậu phất tay ra hiệu, đám cung nữ vội vã kéo hết ra ngoài. Trong phòng chỉ có hai người phụ nữ. Tôi bối rối đứng sau tấm màn lớn, mà cũng không thật sự hiểu tại sao mình lại làm thế. Cihone bình dị nhưng sao lại như đang tỏa sáng một góc phòng thu hút tâm trí tôi.

Nedjem lên tiếng:

- Ngươi có biết tại sao ta cho gọi ngươi vào đây không?

Cihone lễ phép lắc đầu:

- Tôi thật sự lo lắng vì không biết vì sao Hoàng hậu lại cho triệu một thường dân như tôi vào đây ạ.

Nedjem mỉm cười, nói một cách thân mật:

- Ngươi không còn là thường dân nữa, ngươi là vợ của người xây cất lăng tẩm cho ta và Pharaoh, sở dĩ ta gọi ngươi vào đây là để khen ngợi ngươi đã can đảm xin cho vợ của Setau được ở lại Deir

el-Medina để sinh con. Chắc ngươi biết một khi Pharaoh đã ra lệnh thì không thể sửa đổi, nên ta muốn biết tại sao ngươi làm việc đó?

Cihone cúi đầu:

- Việc tha tội cho vợ của Setau là do sự đại lượng sáng suốt của Pharaoh chứ tôi nào biết gì...

Nedjem tiếp tục:

- Ngươi trả lời khôn khéo lắm. Nhưng tại sao ngươi lại lên tiếng cầu xin tha tội cho vợ Setau?

Cihone ngập ngừng:

- Tôi cũng không biết, nhưng tôi không đành lòng nhìn một người đàn bà vô tội và đứa trẻ chưa sinh ra đã phải chịu một án lệnh nặng nề như thế. Nếu tôi có làm gì sai, xin Hoàng hậu lượng thứ chỉ dạy cho.

Nedjem lắc đầu:

- Không! Ta thán phục lòng can đảm thương người của ngươi, do đó ta có thiện ý muốn đưa ngươi vào cung để giúp việc cho ta.

Cihone thoáng giật mình:

- Tại sao ạ? Trong cung có thiếu gì người làm việc đó...

Nedjem nhẹ nhàng bảo:

- Nhưng ta vẫn thích những người can đảm, dám nói lên sự thật như ngươi. Được đưa vào cung, dù chỉ làm người phục dịch hầu hạ thôi vẫn là một ân huệ lớn với nhiều người. Vì đời sống trong cung sung sướng hơn bên ngoài rất nhiều, còn lo được cho cả gia đình nữa.

Cihone ngập ngừng thưa:

- Xin Hoàng hậu nghĩ lại, tôi vừa lập gia đình, phải chăm lo cho Samut và những thợ xây cất không ai lo cơm nước.

Nedjem vẫn thản nhiên:

- Ta biết điều đó và đã sẵn sàng gửi người đến săn sóc cho những người thợ xây này. Sống trong cung, xa cách với mọi sự bên ngoài, ta cần có một người hiểu biết, can đảm như ngươi để tâm sự chia sẻ. Những cung nữ hầu hạ quanh ta không có ai được như ngươi.

Cihone rụt rè:

- Xin Hoàng hậu nghĩ lại, tôi chỉ là một cô gái thường dân, không hiểu biết gì đến việc triều đình. Xin Hoàng hậu cho phép tôi được trở về Deir el-Medina.

Nedjem dõng dạc nói:

- Chắc ngươi cũng biết, không có bất kỳ ai dám trái lệnh ta hay Pharaoh. Ý của ta hay Pharaoh một khi đã muốn thì ngươi phải tuân lệnh. Tuy nhiên, ta không coi ngươi như là một người hầu hạ mà là một người bạn để chia sẻ tâm sự với ta, vì ta thán phục những người có tâm như ngươi.

Cihone nhìn hoàng hậu:

- Xin Hoàng hậu cho phép tôi bàn việc này với Samut.

Nedjem mỉm cười:

- Ta đã cho người hỏi Samut rồi và hắn ta đã đồng ý.

Cihone thảng thốt:

- Samut đã đồng ý ư? Tại sao tôi không biết gì về việc này?

Nedjem bật cười:

- Được lên địa vị kiến trúc sư xây cất lăng tẩm cho Pharaoh đã là một vinh dự lớn, và vợ mình cũng được đưa vào trong cung thì địa vị và ảnh hưởng của Samut càng lên cao hơn nữa. Đã mấy ai có được cơ hội tốt như thế?

Cihone im lặng trong giây lát, và vẫn cương quyết:

- Nhưng tôi muốn bàn chuyện này với Samut.

Nedjem gật đầu:

- Dĩ nhiên, ngươi có thể trở về Deir el-Medina bây giờ nhưng đừng quên rằng khi ta gọi thì ngươi phải vào gặp ta ngay lập tức. Nên nhớ đây là mệnh lệnh của hoàng hậu.

Khi Cihone vừa quay người đi khỏi, tôi bối rối bước vào:

- Tại sao nàng lại làm như thế?

Nedjem nhìn vào mắt tôi:

- Pharaoh không muốn có dịp được gần gũi Cihone sao?

Tôi thoáng đỏ mặt nhưng tỏ vẻ khó chịu:

- Đây là việc riêng của ta, không cần nàng can dự vào.

Nedjem thản nhiên:

- Thiếp biết Pharaoh muốn gì và sẵn sàng làm ngài vui lòng để ngài có thể an lòng cai trị vương quốc này. Hiện nay tình hình đang có những chuyển biến tốt nên thiếp không muốn những việc xáo trộn như trước xảy ra nữa.

Cả đêm hôm đó tôi trăn trở nghĩ về đám giáo sĩ, về Cihone và cuộc trò chuyện của Nedjem đến gần sáng mới chợp mắt.

Theo phong tục tại Thebes, pho tượng thần Amun Ra được giữ gìn cẩn thận trong một phòng kín, chỉ vài giáo sĩ cấp cao được phép

bước vào đó mà thôi. Mỗi năm một lần, pho tượng này được mang ra ngoài, làm lễ rước quanh Thebes để ban phép lành cho dân chúng. Đây là một buổi lễ quan trọng, lúc đó dân chúng mang phẩm vật đến cúng dường khi pho tượng này được rước qua khu phố họ cư ngụ. Đây cũng là lúc mọi người hướng những lời cầu xin đến vị thần này. Đám rước được cử hành hết sức long trọng và trang nghiêm. Pho tượng được đặt trên một chiếc kiệu lớn do mười giáo sĩ khiêng. Sau chiếc kiệu là một dàn chiêng trống của những nhạc công do một giáo sĩ lớn tuổi điều khiển. Sau cùng là kiệu của Pharaoh và hoàng hậu, cùng các quan lại trong triều. Dân chúng trong phố bày những tấm thảm lớn trước nhà với các lễ vật dâng cúng. Khi đám rước đi qua, một nhóm giáo sĩ đi sau sẽ thu nhận những lễ vật mang về đền thờ để chia chác. Tôi ngồi trên kiệu nhìn pho tượng được rước đi quanh khu phố, những phẩm vật dâng cúng được bày ra hai bên đường và thầm nghĩ đấng Thái Dương mà tôi chiêm ngưỡng trong linh ảnh ngoài sa mạc có liên quan gì đến pho tượng được rước kia không? Ai đã bày ra những việc như thế này? Tôi nghĩ đến tiếng nói vô thanh “Ta chính là tình thương”, rồi tự nhiên cảm thấy khó chịu khi nghe những lời cầu xin của dân chúng hai bên đường, cùng những hứa hẹn của các giáo sĩ đang vơ vét những phẩm vật.

Hôm sau, Satt vào gặp tôi:

- Có lẽ Pharaoh đã thấy, năm nay số lễ vật thu nhận được không nhiều như mọi năm. Đa số dân chúng vẫn hoang mang vì tình trạng ngừng xây cất. Nhiều người không có việc làm, không thể nuôi gia đình nên không dâng cúng nhiều như trước. Tôi đã cho xử tử những kẻ phạm pháp rồi. Xin Pharaoh cho phép chúng tôi được khởi sự xây cất trở lại.

Tôi lắc đầu:

- Ta đã suy nghĩ kỹ, việc xây cất quá nhiều đền thờ, nuôi dưỡng quá nhiều giáo sĩ và gia đình của họ quả là một gánh nặng cho công quỹ triều đình nên ta quyết định cắt giảm việc xây cất lại. Ngoài ra ta cũng muốn trừng trị những kẻ làm thâm thủng công quỹ triều đình để việc này không tái diễn nữa.

Satt hoảng hốt:

- Ngài không thể làm thế được. Nếu không cho xây cất thì dân chúng và nô lệ sẽ làm gì đây?

Tôi quát lớn:

- Nhà ngươi đang thách thức ta?

Satt lắc đầu:

- Tôi không dám thế nhưng Pharaoh đã hứa trước các thần linh thì phải giữ lời ạ.

Tôi bật cười:

- Ngươi đừng mang các thần linh ra dọa ta.

Nói xong, tôi đưa cho hắn xem tờ báo cáo của các thám tử riêng:

- Ngươi hãy nhìn đây! Số tội phạm ngươi đưa ra chỉ là phần rất nhỏ, không đáng kể. Ta đã cho điều tra kỹ để bắt hết những kẻ cầm đầu và trừng trị chúng. Này Satt! Ngươi tưởng ta không biết những tên đó hay sao? Nhưng ta muốn chính tay ngươi đưa ra danh sách để chứng minh ngươi trung thành với ta.

Khuôn mặt của Satt chuyển sang tái mét, hắn ngập ngừng:

- Thưa Pharaoh, nếu ngài trừng trị những người này, tôi sợ rằng sẽ gây ra nhiều xáo trộn, bất lợi hơn nữa. Chúng ta không thể làm thế được.

Tôi lạnh lùng dằn giọng:

- Vậy là ngươi đã biết những kẻ đó là ai rồi!

Satt im lặng sợ hãi.

Tôi quát:

- Tại sao ngươi biết những kẻ đó mà không báo cáo?

Satt cúi đầu:

- Hiện nay việc ngừng xây cất đã gây ra nhiều bất mãn trong dân chúng. Việc cần làm ngay khi ngân quỹ thiếu hụt là tăng thuế, đánh chiếm các nước khác để lấy tài nguyên. Tôi chắc các tướng lĩnh đều mong đợi cơ hội này.

Tôi quát lớn:

- Ta tăng thuế lúc nào cũng được nhưng hiện nay ta muốn trừng trị những kẻ lạm dụng công quỹ đã. Ta muốn ông đưa danh sách những kẻ phạm pháp đó cho ta xét xử, nếu không thì ta lập tức sẽ có biện pháp mạnh với ông.

Nói xong, tôi hầm hầm bỏ vào trong cung.

Vừa vào đến nơi, tôi được kẻ hầu cho biết hoàng hậu Nedjem cho mời tôi đến phòng riêng vì có khách đến viếng. Dĩ nhiên tôi đoán biết ngay đó là ai. Như lần trước, tôi đứng sau tấm màn quan sát Nedjem trò chuyện với Cihone. Cihone lần này nói chuyện với Nedjem tự tin hơn.

Tôi nghe Nedjem hỏi:

- Ta được biết ngươi còn có khả năng chữa bệnh cho trẻ nhỏ nữa. Không ngờ ngươi lại có nhiều tài đến vậy. Ngươi học những điều này ở đâu?

Cihone lắc đầu:

- Tôi không được ai dạy bảo gì hết ạ. Tôi chỉ biết yêu thương những đứa trẻ mà thôi.

Nedjem bật cười:

- Ngươi không cần phải khiêm nhường như thế. Cha của ngươi là y sĩ mà cũng không chữa được, nhưng giao những đứa trẻ cho ngươi

săn sóc thì mọi bệnh đều khỏi. Hẳn ngươi phải có bí quyết nào đó?

Cihone lắc đầu:

- Không ai bảo tôi phải làm thế cả. Tôi chỉ biết thương yêu, và cảm nhận rằng một khi được thương yêu, con người có thể mạnh mẽ, khỏe mạnh hơn, và trẻ con cũng vậy.

Nedjem nghe chăm chú, nhìn Cihone một lúc rồi hỏi:

- Nếu bây giờ, có một người đàn ông yêu thương một người phụ nữ, muốn nàng hoàn toàn thuộc về, thì như ngươi nói, tình thương yêu đáp lại của người phụ nữ đó sẽ làm người đàn ông mạnh mẽ hơn. Ngươi sẽ nghĩ sao?

Cihone suy nghĩ, rồi trả lời:

- Thưa Hoàng hậu, tôi không biết đó có phải là tình yêu thương thực sự không, hay là một sự chiếm hữu - sự chiếm đoạt sẽ gây ra đau khổ. Tình yêu thương phải từ hai phía chứ không thể gây đau khổ cho người khác được.

Câu nói của Cihone làm tôi chấn động vì từ trước đến nay tôi chưa nghe ai nói rành rọt đến thế. Ước ao thầm kín có được Cihone tự nhiên cũng tan ra như bọt nước. Nedjem cũng lặng người bất ngờ về câu trả lời, nhưng vẫn tiếp tục hỏi:

- Nếu có một người phụ nữ hy sinh cho một người đàn ông khác mặc dù người đàn ông đó không để ý đến mình thì ngươi có cho đó là tình thương yêu không?

Tôi chợt nhận ra Nedjem nói đến tình cảnh của nàng.

Cihone lên tiếng:

- Thưa Hoàng hậu, tình yêu thương thật sự không thể tạo ra đau khổ mà chỉ mang lại niềm vui. Nếu hy sinh mà gây ra sự chịu đựng, đau khổ thì đó là một cái gì đó khác chứ không phải là tình thương yêu chân thật.

Nedjem im lặng rồi thở dài:

- Ngươi thật là một người lạ lùng, ta chưa bao giờ nghe ai nói như vậy hết. Nếu như thế, tình thương yêu là gì?

Cihone đáp:

- Tôi chỉ biết yêu thương vô điều kiện mà thôi.

Câu nói của Cihone làm tôi nghĩ đến tiếng nói vô thanh của đấng Thái Dương - “Ta chính là tình thương.” - và chợt hiểu Ngài không đòi hỏi một điều gì cả vì Ngài chính là tình thương. Tôi nghĩ đến những đòi hỏi của các giáo sĩ, những phẩm vật dâng cúng, những đền đài nguy nga, những ruộng vườn của gia đình giáo sĩ và những thợ thuyền, nô lệ được mang đến để phục vụ cho những người này. Tôi đứng đó nhưng đầu óc biến chuyển với những luồng suy nghĩ xáo trộn.

Mải suy nghĩ, tôi nghe Nedjem hỏi:

- Nếu vậy, tình thương giữa vợ chồng thì như thế nào? Liệu người ta có thể thương yêu nhau như thế không?

Cihone vô tình nói:

- Nếu họ yêu thương chân thành, không thiết tha bám víu hay đòi hỏi một điều gì cả thì đó là tình thương thật sự. Nếu bám víu, lệ thuộc vào một điều gì đó thì đấy chỉ là sự hấp dẫn, vì nếu không được gần nhau, không được đền đáp, họ sẽ đau khổ. Tình thương thật sự không thể dẫn đến đau khổ. Những người biết thương yêu nhau như thế, dù có xa cách thì tình yêu của họ dành cho nhau cũng không bao giờ thay đổi.

Nedjem thốt lên:

- Những điều ngươi nói thật thú vị, nhưng ai đã dạy ngươi như thế? Làm sao ngươi biết được những điều này?

Cihone trả lời:

- Khi còn nhỏ, tôi nghe cha mẹ nuôi tôi nói đến điều này nhưng sau đó tôi cảm thấy đó là bản tính tự nhiên của tôi. Cha nuôi tôi được rèn dạy trong đền thờ Thái Dương, chuẩn bị làm giáo sĩ nhưng do bất đồng ý kiến với giáo lý đền thờ nên chuyển qua làm y sĩ.

Nedjem tò mò:

- Cha mẹ ngươi đã dạy ngươi những gì?

Cihone thưa:

- Cha nuôi tôi dạy rằng có hai động lực điều khiển đời sống con người: lòng tham và tình thương. Lòng tham dẫn đến việc sử dụng tất cả mọi thứ, kể cả bạo lực, để chiếm lấy cái mình muốn. Tình thương thì khác, nó chỉ biết cho đi chứ không đòi hỏi gì hết. Mẹ nuôi tôi cũng dạy rằng cha mẹ không bao giờ đòi hỏi con cái phải làm gì để bù lại những hy sinh của họ. Bổn phận của họ là thương yêu con cái, có thế thôi. Từ đó, tôi biết trong mọi việc, dù lớn hay nhỏ, đều phải có thái độ như thế. Đừng mong mỏi hay đòi hỏi được đền đáp điều gì. Nên là người cho đi, nên là người giúp đỡ người khác, thương yêu tất cả, dù bị lường gạt cả trăm lần. Đừng kể những điều tốt đã làm, đừng nhắc những gì đã cho, đừng chờ đợi ai trả ơn, đừng cố muốn có những gì vốn không thuộc về mình - và hãy vui tươi thanh thản sống như thế thì sẽ hạnh phúc thực sự.

Tôi lặng người đứng yên nhưng đầu óc hoàn toàn chấn động, tự nhiên toàn thân tôi run lên như có một luồng điện mạnh chạy qua vì tất cả những thắc mắc, những điều tôi muốn biết đã được giải đáp đầy đủ. Tôi tự hỏi tại sao một người lại có thể yêu thương tuyệt đối như thế được? Linh ảnh về đấng Thái Dương lại hiện về trong tâm trí tôi, vọng về tiếng nói vô thanh: "Ta chính là Tình Thương". Phải chăng Cihone luôn yêu thương vì cô có một trái tim lúc nào cũng hướng đến những điều thanh cao, trong sạch mà tuyệt đỉnh chính là đấng Thái Dương. Cô không phải là một giáo sĩ, và cô cũng chưa hề đi đến các đền thờ, nhưng cô lại gần với đấng Thái Dương hơn bao giờ hết. Vì cô chính là hiện thân của tình thương, một thứ tình thương thuần khiết cao thượng, vô điều kiện, hòa hợp tự nhiên với đất trời, với vạn vật - chính tình yêu thương đặc biệt đó đã tạo nên

những năng lượng, sức mạnh diệu kỳ có khả năng hàn gắn, chữa lành được những tổn thương, bệnh tật và có thể tác động làm chuyển biến được nội tâm con người.

Bất chợt tôi nghĩ đến phe nhóm giáo sĩ với những đòi hỏi, yêu sách mà họ đang gây áp lực với tôi. Tôi tự hỏi: "Họ đã âm mưu, toan tính gì khi biết tôi quyết thay đổi, ngăn chặn những thói quen tham lam ác độc cố hữu đã có từ rất lâu của họ? Họ đã biết gì về đấng Thái Dương? Họ đã biết gì về tình thương? Phải chăng họ chỉ biết đến quyền lợi của riêng họ đội lốt dưới vỏ bọc tôn giáo, và sẵn sàng làm tất cả, không từ một thủ đoạn nào để duy trì ảnh hưởng lợi ích phe nhóm? Thực sự họ tạo ra các nghi thức cúng lễ không hề có một tác dụng hay kết quả gì chỉ để bóc lột tài sản tiền bạc của dân chúng, như những kẻ cướp hợp pháp mà sao tôi lại phải bảo bọc cho họ?“.

Đã từ bao năm nay, mặc dù giới giáo sĩ không bao giờ cầm quyền nhưng họ chính là thế lực đứng đằng sau tất cả những Pharaoh. Họ xúi giục Pharaoh gây chiến tranh với các nước xung quanh để chiếm tài nguyên, của cải và nô lệ về để phục vụ cho phe nhóm của họ. Họ xây cất những đền thờ để phục vụ cho quyền lực phe nhóm của họ. Pharaoh như tôi đây cũng chỉ là một quân cờ trên bàn cờ đã được sắp đặt sẵn bởi nhóm này. Và các nước đi quân cờ cũng do họ quyết định - Tôi mà đi khác nước cờ thì họ sẽ làm gì tôi?

Cơn giận dữ ở đâu bỗng trào lên, dòng máu hung dữ ngang tàng của giống dân Kusk chảy rần rần trong huyết quản tôi khiến tôi nghiến chặt răng lại: "Không thể được! Ta không thể để cho đám giáo sĩ này lộng hành như thế được nữa. Dù sao ta cũng là Pharaoh, là người có quyền uy sinh sát trong tay - ta phải nắm lấy cơ hội này để thay đổi vương quốc, thay đổi tất cả. Đã đến lúc ta thôi trì hoãn mà phải chứng tỏ ta mới là người quyền lực nhất xứ này và sẽ dạy cho chúng một bài học.

Những luồng suy nghĩ quyết đoán chạy nhanh như tia chớp trong đầu tôi, quên mất sự có mặt của Cihone và hoàng hậu Nedjem, nắm chặt thanh bảo kiếm, tôi thét lên một tiếng vang dội khắp hoàng cung...

Tự nhiên tôi cảm nhận một lực rất mạnh dội vào lồng ngực khiến tôi choáng váng, đầu óc quay cuồng, mắt nhắm lại... và sau đó, tỉnh dậy chợt thấy mình người ướt đẫm mồ hôi đang ngồi tựa lưng, hai tay nắm chặt vào thành chiếc ghế bành ở nhà ông Kris.

***

Tôi bàng hoàng ngồi bật dậy, tay dụi mắt, nhìn thấy ông Kris đang ngồi đối diện, liền kêu lớn:

- Tại sao lại thế này ông Kris? Tôi đang ở trong cung mà sao giờ lại ở đây? Tôi đã rời căn phòng này bao lâu rồi?

Ông Kris mỉm cười ân cần đưa cho tôi một ly nước mát lạnh, tôi thấy khắp người nóng rực, đầu óc chếnh choáng với một cảm giác lạ lùng.

Tôi cầm ly nước uống một hơi dài như chưa từng được uống, nước đi tới đâu tôi cảm nhận được đến đó. Ông Kris đỡ ly nước từ tay tôi, đưa tôi một cái khăn, chờ tôi trấn tĩnh lại rồi ông mới thong thả nói:

- Ông đã may mắn trải qua một hành trình thám hiểm quá khứ của chính mình nhiều trăm năm trước ở Ai Cập. Hẳn ông đã nghiệm ra được điều ông muốn học trong kiếp sống ở đó rồi. Tuy nhiên, thấy ông chấn động, đầu óc náo loạn nên tôi phải đưa ông trở lại, nếu không thì ông có thể bị tổn thương nặng. Hiện nay ông chưa tự chủ hay biết kiểm soát tâm trí khi chuyển qua các vùng ký ức tiềm thức với sự tiếp sức của vũ trụ nên việc nhớ lại những trải nghiệm quá khứ có thể gây ra nguy hiểm cho ông.

Tôi dường như đã lấy lại bình tĩnh, hỏi dồn dập, mắt mở căng như muốn giữ lại tất cả những gì diễn ra trong ký ức:

- Nhưng tôi muốn biết chuyện gì đã xảy ra cho tôi sau đó? Tình hình Ai Cập tiếp theo như thế nào? Mọi thứ đang còn dang dở ở đó. Tôi đã làm gì đám giáo sĩ? Hoàng hậu Nedjem, cô gái Cihone nữa... họ sau đó ra sao rồi?

Ông Kris nheo mắt nhìn tôi thong thả nói:

- Giờ mà ông còn nhớ đến Cihone nữa là tốt rồi. Đúng là sức mạnh tình yêu hiếm hoi của một vị Pharaoh cô độc. Trước khi trả lời các câu hỏi của ông, tôi muốn nói về Ai Cập để ông có thể liên tưởng và hiểu rõ hơn. Vào thời cổ đại, Ai Cập gồm nhiều bộ lạc sống bên bờ sông Nile, đất đai màu mỡ do được phù sa bồi đắp nên việc canh tác nông nghiệp thuận tiện, đời sống dễ dàng và thanh bình. Ai Cập được bao quanh bởi sa mạc khổng lồ nên giao thông không thuận tiện, do đó người Ai Cập khi ấy không bị ảnh hưởng bởi nền văn minh Lưỡng Hà hay Babylon gần đó. Khi người Atlantis tránh nạn hồng thủy đến định cư ở nơi đây, họ mang theo tôn giáo thờ Thái Dương bao gồm nhiều bộ môn khoa học như kiến trúc, toán học, y học, dược học, âm nhạc, triết học v.v… Người Ai Cập được tiếp xúc với nền văn minh này nên chỉ trong một thời gian ngắn, những bộ lạc nhỏ tập hợp lại thành một quốc gia lớn, với một nền văn minh khác hẳn những nền văn minh quanh đó.

Vào lúc đầu, nền văn minh này đã đưa đời sống và dân trí Ai Cập lên một mức rất cao như ông đã thấy, tiêu biểu qua quan niệm của người y sĩ già, cha của Cihone. Tuy nhiên, vì đời sống thoải mái trên mảnh đất hàng năm được bồi đắp bởi phù sa, trồng trọt dễ dàng, tôm cá đầy đồng nên những người đến định cư tại đây dần dần trở nên lười biếng. Các thế hệ con cháu đời sau không còn gìn giữ được tinh hoa của nền văn minh xưa nên nhiều môn khoa học bị thất truyền. Ngoài ra, một số người Atlantis cũng mang theo một tôn giáo khác với những tà thuật, bùa chú, kêu gọi sự tiếp xúc với sinh vật của cõi giới vô hình nên xảy ra những cuộc tranh chấp giữa hai nhóm người này.

Khi nhóm này muốn hủy diệt nhóm khác, không ai chịu nhường ai, gây ra những tranh chấp tôn giáo khiến cho đời sống Ai Cập không còn yên ổn. Từ những tranh chấp nhỏ giữa các cá nhân dẫn đến những tranh chấp lớn giữa những phe phái, rồi hai bên sử dụng tất cả những kiến thức sẵn có để mưu hại lẫn nhau. Khi tinh hoa của các bộ môn khoa học bị thất truyền, phe nhóm sử dụng tà thuật chiếm ưu thế, các đền thờ trở thành nơi buôn thần bán thánh thay vì

học hỏi kiến thức cao siêu. Các giáo sĩ biến nó thành một tôn giáo thờ thần quyền và mê tín. Nền văn minh khoa học được thay thế bằng những đền thờ to lớn với các giáo sĩ chỉ biết thực hành các nghi thức nhưng không hiểu gì nhiều. Giới giáo sĩ và gia đình của họ trở thành đẳng cấp cao với thế lực mạnh, khiến dân chúng phải phục vụ và chu cấp cho họ. Việc phân biệt đẳng cấp cao thấp từ châu Atlantis lại được phục hồi vì những người này chưa học được bài học mà họ cần phải học.

Khi tôn giáo thờ Thái Dương biến thành một thứ tôn giáo thiên về thần quyền và mê tín thì xã hội Ai Cập cũng thay đổi. Với tham vọng bành trướng thế lực tôn giáo, các giáo sĩ xúi giục các Pharaoh mở mang bờ cõi qua việc xâm lăng những nước khác. Những triều đại Pharaoh như Ahmose, Thutmose, Amenhotep, Seti, Ramses đều là những bạo chúa luôn luôn gây chiến với những quốc gia lân cận. Trong số tất cả những Pharaoh vào thời đại đó (1800 - 1400 trước Công nguyên), trừ Akhenaten, Pharaoh duy nhất có đức hiếu hòa[8], phần lớn các Pharaoh khác đều thích gây chiến làm suy kiệt nhân lực xứ này và tạo ra những ác nghiệp rất sâu. Ramses II, vị vua cai trị lâu nhất, hơn sáu mươi lăm năm, đã gây chiến khắp nơi, tàn sát dân chúng các nước quanh vùng. Phía Bắc đánh dẹp người Hittite, dồn họ lên các vùng núi non khô cằn tại Mitani, gây ra nạn đói và dịch bệnh làm thiệt hại phân nửa dân số nước này. Từ đó, dân Hittite kiệt quệ, và bị người Assyria tiêu diệt. Phía Nam, Ramses chiếm đoạt hầu hết các mỏ vàng của xứ Nubia, bắt hàng chục ngàn nô lệ để xây lăng mộ cho mình rồi xua quân phá tan kinh đô nước Kush. Trong các cuộc chiến xâm lược này, biết bao dân lành vô tội đã chết. Do đó, sau này Ai Cập phải gánh chịu những nghiệp quả do mình gây ra.

*[8] Mời bạn đọc xem thêm tác phẩm Dấu chân trên cát do Nguyên Phong phóng tác, được First News – Trí Việt phát hành.*

Ngày nay, lịch sử Ai Cập đề cao Pharaoh Ramses như là vị vua vĩ đại vì công lao mở mang bờ cõi, xây cất các đền đài và lăng tẩm nguy nga với hơn hai trăm phòng đục sâu vào trong vách núi. Hầu hết những nhà viết sử chỉ biết đề cao công trạng của những bạo

chúa qua các chiến công hiển hách mà không nói gì đến hàng chục ngàn nô lệ đã vong mạng trong quá trình hoàn thành những lăng mộ này, cũng như hàng trăm ngàn người đã thiệt mạng trong các cuộc chiến với các vương quốc lân cận. Chính vì những tham vọng điên cuồng của các Pharaoh mà người dân Ai Cập đã phải trả một cái giá rất đắt.

Tôi mất kiên nhẫn, hỏi dồn điều tôi muốn biết ngay lúc đó:

- Thế số phận của tôi - vị Pharaoh đơn độc sau đó đã ra sao? Tôi có triệt hạ được đám giáo sĩ tà giáo đó không? Hoàng hậu Nedjem thế nào? Nàng Cihone nữa?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi, mỉm cười, rồi kể tiếp:

- Ông không đơn độc, nhưng tính ông vốn không chấp nhận nên trở nên khác biệt, vì thế mà cô độc. Trong kiếp sống tại Ai Cập, ông là một trong số những Pharaoh thuộc triều đại cuối cùng của Ai Cập thời cổ đại. Ông làm Pharaoh khi Ai Cập đã suy thoái kiệt quệ vì các tranh chấp cung triều cũng như hậu quả của việc xây cất các lăng tẩm cho các Pharaoh trước đó. Vào lúc này, quyền hành của phe giáo sĩ đã rất mạnh nên ông không cai trị được lâu. Vì thiếu vũ khí và không được chuẩn bị đầy đủ nên mùa đông năm đó, quân lực Ai Cập đi xâm chiếm các nước quanh vùng và bị thua trận thảm hại. Giới giáo sĩ đã biết ý đồ của Pharaoh muốn triệt họ nên đã đổ tội cho Pharaoh vì đã ra lệnh ngưng việc xây cất đền thờ và dâng cúng phẩm vật cho thần linh. Còn dân chúng bất mãn vì không có việc làm nên đã nổi loạn. Là Pharaoh, ông chưa kịp làm đến cùng đã phải chịu trách nhiệm về những việc này. Ông đã bị nhóm giáo sĩ ra tay đầu độc chết trước khi khởi binh đối phó với đám giáo sĩ cùng loạn quân. Vì lăng tẩm của ông lúc đó chưa hoàn tất, hoàng hậu Nedjem đã phải âm thầm mai táng ông một cách vội vàng ở một nơi khác, nên ít lâu sau ngôi mộ của ông bị kẻ trộm đến đào lấy châu báu. Phe giáo sĩ lợi dụng cơ hội xã hội hỗn loạn đã mang quân đi kiểm soát thành Thebes và vùng thượng lưu sông Nile. Những người trong hoàng tộc phải trốn về miền Nam sát biên giới Nubia, rồi đưa con cháu lên ngôi Pharaoh để lập một triều đình tại đó nhưng không ai làm được việc gì đáng kể.

Tôi ngạc nhiên đến sửng sốt khi nghe kể số phận quá bi thảm của mình, nên định hỏi, nhưng ông Kris không cho tôi ngắt lời, kể tiếp:

- Chỉ ít lâu sau, Nubia đánh chiếm Ai Cập, vua Nubia cũng xưng là Pharaoh nên lịch sử Ai Cập trở nên phức tạp vì không còn ai phân biệt được giữa Pharaoh Ai Cập và Pharaoh Nubia nữa. Người Ai Cập lúc đó phải phục dịch cho dân Nubia, tộc người mà họ vốn khinh bỉ, coi là man di mọi rợ.

Sau đó, người Assyria ở phía Đông Bắc đánh đuổi phe giáo sĩ ở Thebes, cũng như triều đình vua chúa Pharaoh Nubia, chiếm trọn Ai Cập và thành lập đế quốc Assyria. Dân Ai Cập lại phải trả một món nợ rất đắt, cắm đầu phục vụ cho người Assyria. Rồi sau đó, Ba Tư xâm lăng đế quốc Assyria, đặt Ai Cập dưới ách cai trị của họ, và một lần nữa dân Ai Cập lại phải gánh chịu thảm cảnh bị đô hộ. Sau đó, Hy Lạp dưới sự chỉ huy của Alexander Đại đế chiếm Ba Tư, đặt Ai Cập dưới ách đô hộ. Các tướng lĩnh Hy Lạp lại trở thành Pharaoh của Ai Cập. Khi đế quốc Hy Lạp suy vong, người La Mã chiếm Ai Cập, cai trị xứ này trong mấy trăm năm. Rồi người Ả Rập chiếm Ai Cập, xóa bỏ văn hóa xứ này, sáp nhập nước này vào lãnh địa Caliphate của họ. Gần đây hơn, các nước Pháp và Anh cũng chiếm Ai Cập, cai trị Ai Cập cho đến năm 1922 mới bắt đầu cho dân xứ này được tự trị một phần nào.

Ông Kris thở dài nhìn tôi, lúc đó vẫn chưa hết bàng hoàng:

- Ông có thấy không? Trải qua gần ba ngàn năm, người dân Ai Cập phải sống dưới ách đô hộ xâm lăng. Hầu hết văn hóa, các phong tục, chữ viết, văn chương của

Ai Cập đều bị xóa bỏ, chỉ còn lại một vài kim tự tháp và lăng tẩm của các Pharaoh để nhắc nhở người Ai Cập về quá khứ huy hoàng của họ mà thôi. Bây giờ ông có thể hiểu nghiệp quả của các cuộc chiến tranh mà vua chúa Ai Cập khi xưa đã gây ra cho xứ này như thế nào rồi.

Trong tôi lúc đó tràn đầy xúc cảm:

- Tôi đã học được bài học về tình yêu thương tại Ai Cập, nhưng còn số phận của nàng Cihone và hoàng hậu Nedjem sau đó đã ra sao? Ông vẫn chưa kể...

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi đồng cảm:

- Ông đã nặng tình thì ắt có duyên. Ông đã có mối liên hệ khá sâu sắc về tinh thần với những người phụ nữ này nên chắc chắn cũng gặp lại họ ở những kiếp sống sau.

***

Thomas đã chia sẻ với tôi về tình trạng Ai Cập thời cổ, cũng như sự sa đọa của tầng lớp giáo sĩ, họ đã lợi dụng đức tin của dân chúng để củng cố quyền lực cũng như gia tăng quyền lợi của họ. Đối với các giáo sĩ, việc xây cất các đền thờ to lớn là một hình thức củng cố niềm tin vào các uy lực thần quyền mà họ là đại diện trung gian. Tầng lớp giáo sĩ lúc đó đều có gia đình và được hưởng quyền lợi rất lớn (như được triều đình cấp phát đất đai, nô lệ và hưởng thụ các phẩm vật dâng cúng).

Vào giai đoạn cuối của triều đại Pharaoh Ai Cập, phe nhóm giáo sĩ trở thành một quyền lực rất mạnh chi phối mọi sự, kiểm soát kinh tế, thuế má, thậm chí quân đội. Họ kiểm soát hơn một nửa Ai Cập, từ thành Thebes lên phía Bắc, trong nhiều năm. Con cháu Pharaoh phải chạy trốn xuống miền Nam, lập một triều đình sát biên giới Nubia và ít lâu sau bị người Nubia chinh phục.

Theo ông Thomas, việc xây cất các đền thờ khắp nơi, gia tăng thuế để nuôi tầng lớp giáo sĩ, lúc đó đã lên đến hàng trăm ngàn người, chỉ hưởng thụ mà không làm gì, cũng là nguyên nhân gây ra tình trạng tuyệt vọng, chán nản trong dân chúng, khiến Ai Cập trở thành miếng mồi ngon cho các nước quanh đó như Assyria, Nubia và Ba Tư.

Ông Thomas cũng chia sẻ thêm rằng qua việc tiếp xúc với Cihone và Nedjem, ông đã học được bài học về tình yêu thương và sự hy

sinh, đó là những bài học đã giúp ông rất nhiều trong những kiếp sống sau đó.

Tôi hỏi ông về việc chuyển kiếp thành loài sâu bọ qua sự tiết lộ của ông Kris. Ông ngậm ngùi nói rằng ông không nhớ gì về việc này, nhưng tin rằng được làm người là một vinh dự to lớn và không dễ gì được mang thân xác con người, và nếu để mất đi thì không dễ gì trở lại được. Ông nói nếu ý thức như thế thì phải biết sống làm sao cho đúng với ý nghĩa của một con người.

Khi chúng tôi nói chuyện về các trận chiến trong lịch sử của nền văn minh cổ, như trận chiến thành Troy, tôi có hỏi ông Thomas quan niệm của ông về chiến tranh. Ông nói rằng chiến tranh là một động lực có tính chất tàn phá hết sức ghê gớm vì nó gây tổn thất về sinh mạng, tài sản, cũng như phá hoại các nền văn hóa và những gì tốt đẹp nhất của con người. Nguyên nhân của chiến tranh bắt nguồn từ lòng tham. Tham danh, tham lợi, tham quyền và tham vọng muốn chiếm đoạt tất cả. Từ lòng tham này mới sinh ra sự ganh ghét, hận thù và nuôi dưỡng mầm mống của chiến tranh.

Mặc dù cuộc chiến thành Troy bắt nguồn từ nguyên nhân là Hoàng tử Paris của Troy đã bắt cóc Helen, vợ của Menelaus, vua xứ Sparta mang về xứ Troy, sau đó Menelaus kêu gọi các đồng minh của mình mang quân vây thành Troy để đòi lại vợ, nhưng theo ông Thomas, đó chỉ là nguyên nhân câu chuyện được ghi lại trong thần thoại Hy Lạp qua ngòi bút của thi sĩ Homer. Nguyên nhân chính là các nước đồng minh của Sparta đã lợi dụng cơ hội này để tấn công xứ Troy vì đây là một xứ rất giàu mạnh, nằm ở một vị thế quan trọng, kiểm soát các hải lộ chính của Hy Lạp đến các nước vùng Trung Á. Chiếm được thành Troy là kiểm soát được toàn bộ nền kinh tế, thương mại, giao thông của vùng Địa Trung Hải. Do đó, Agamemnon, Achilles, Odysseus và rất nhiều tướng lĩnh khác của Hy Lạp đều muốn chiếm đoạt miền này. Trận chiến thành Troy kéo dài hơn mười năm, khiến biết bao nhiêu binh sĩ cả hai bên thiệt mạng. Ngay sau khi trận chiến kết thúc, những nhân vật sống sót cũng phải trải qua rất nhiều khó khăn, trở ngại mới có thể trở về quê hương; nhưng khi về đến nơi, họ nghiệm ra rằng tất cả đều đã đổi khác, ngay cả những người khi

xưa cũng không còn như trước nữa. Đấy chính là bi kịch của cuộc chiến thành Troy, một câu chuyện thần thoại Hy Lạp về thảm cảnh của chiến tranh.

Theo ông Thomas muốn chấm dứt chiến tranh, chúng ta không thể phản đối hay chống lại nó, vì nếu phản đối chiến tranh thì trong lòng chúng ta lại có một cuộc chiến khác khởi phát. Khi chúng ta phản đối một người nào, một ý tưởng nào, hay một quan niệm nào thì chính chúng ta đang khơi dậy một cuộc chiến khác nằm sâu trong tâm của mình. Cũng vì lý do đó mà trong lịch sử nhân loại, chiến tranh không bao giờ chấm dứt. Hết cuộc chiến này lại có cuộc chiến khác vì trong lòng mọi người lúc nào cũng có sự hận thù. Nếu biết quay về nhìn lại các bài học lịch sử, ta sẽ thấy rõ nguyên nhân của các trận chiến là lòng tham, sự ích kỷ và hận thù. Chính chúng đã nuôi dưỡng những quan niệm, những lý thuyết và mục đích sai lầm, dẫn đến xung đột giữa các phe nhóm đối lập. Khi có lòng thù oán, sân hận thì lúc nào chúng ta cũng sẵn sàng gây chiến. Biện pháp tốt đẹp nhất để chấm dứt chiến tranh là xóa bỏ sự thù hận ngay trong tâm mình bằng việc phát triển tình thương và lòng từ bi.

Ông Thomas cho biết, qua các trải nghiệm ở nhiều kiếp sống, động lực quan trọng dẫn dắt cuộc đời của ông là tình yêu thương, nhờ yêu thương mà ông đã vượt qua nhiều thử thách, để tiếp tục học hỏi thêm về nó.

*Phần sáu*

# LUÂN HỒI CÁC NỀN VĂN MINH KHÔNG CÓ GÌ LÀ MÃI MÃI

---

Sau buổi gặp gỡ và nói chuyện với ông Kris về kiếp sống tại Ai Cập, tôi chuẩn bị trở về New York. Trước khi ra phi trường, tôi hỏi:

- Hôm qua ông nói rằng kiếp sống của tôi tại Atlantis không phải là kiếp sống đầu tiên, vậy thì còn những kiếp sống nào nữa mà tôi không nhớ được?

Ông Kris trả lời:

- Ông còn nhiều kiếp sống trước đó. Hầu hết mọi người sống trên thế giới này đều trải qua rất nhiều kiếp sống mà không mấy ai nhớ được. Vì không ý thức rõ ràng họ đã làm gì hay đã học được gì trong những kiếp đó nên đa số vẫn luẩn quẩn trong vòng luân hồi. Lúc thế này, khi thế khác, lúc làm người, khi làm thú, hay làm ma quỷ. Ông nên biết, đời sống của mọi người không chỉ mới bắt đầu từ vài ngàn năm nay.

Tôi ngạc nhiên:

- Nền văn minh của nhân loại chỉ mới bắt đầu khoảng mấy ngàn năm nay, vậy thì đời sống con người thời trước ra sao?

Ông Kris giải thích:

- Con người đã có mặt trên trái đất này từ lâu lắm rồi. Từ ngàn xưa đã có những nền văn minh mà hiện nay đã biến mất trên bề mặt địa cầu. Các nhà khảo cổ cho rằng nhân loại chỉ bắt đầu sống một cách văn minh khoảng mấy ngàn năm nay vì nền văn minh cổ xưa nhất xuất phát ở vùng Lưỡng Hà thuộc Iraq và Syria, khoảng năm ngàn năm trước Công nguyên. Phần lớn không chấp nhận rằng còn có những nền văn minh khác cổ xưa hơn nữa.

Cách đây không lâu, một nhóm khảo cổ đã tìm thấy ngoài sa mạc Gobi, phía Tây Bắc Tây Tạng, vẫn còn di tích một ngôi làng với các vật dụng bằng đá và cống rãnh dẫn nước được ước tính đã hiện hữu vào khoảng mười ngàn năm trước Công nguyên. Không ai biết gì về nền văn minh này nên vẫn còn nhiều tranh cãi, dựa trên quan niệm rằng nền văn minh luôn luôn bắt đầu từ những nơi gần sông hay biển. Một nền văn minh nằm giữa sa mạc là điều không thể chấp nhận. Tuy nhiên, hàng ngàn năm trước, sa mạc Gobi và Tây Tạng vốn là biển cả chứ đâu phải núi non hay sa mạc. Các trận động đất đã đẩy lục địa Ấn lên phía Bắc, hình thành nên dãy Hy Mã Lạp Sơn. Mặc dù các nhà địa chất đã chứng minh điều này nhưng nhiều nhà khảo cổ vẫn giữ lập trường rằng cái nôi văn minh của thế giới xuất phát từ vùng Lưỡng Hà ở Trung Đông, rồi lan ra khắp thế giới.

Tôi hỏi:

- Tại sao họ lại tin như thế?

Ông Kris bật cười:

- Vì thiên chấp của các nhà khảo cổ châu Âu cho rằng mọi sự đều phát sinh từ một nơi chốn duy nhất, rồi mới tỏa lan ra các nơi khác. Ít ai chấp nhận rằng đã có nhiều nền văn minh xuất hiện ở các nơi khác nhau trên thế giới. Điều này cũng giống với quan niệm cho rằng tổ tiên loài người thuộc giống vượn bắt nguồn từ châu Phi, rồi sinh con đẻ cái, và di cư đi khắp thế giới. Dĩ nhiên, khi khám phá ra thêm nhiều bằng chứng thì quan niệm này sẽ phải thay đổi.

Tôi nói:

- Tôi biết về kiếp sống của tôi tại Atlantis, nhưng đã mấy ai tin rằng văn minh thật sự Atlantis hiện hữu. Đa số đều cho rằng đó chỉ là một truyền thuyết đã được Plato phóng đại lên mà thôi.

Ông Kris mỉm cười:

- Điều này cũng dễ hiểu thôi vì hiện nay chưa có ai tìm thấy bằng chứng nào về nền văn minh này. Trong thời buổi khoa học hiện nay, người ta cần có bằng chứng rõ ràng trước khi đi đến kết luận. Trong trường hợp của ông, sự hiểu biết về các kiếp sống quá khứ sẽ giúp ông có một nhận định rõ rệt về các quy luật vũ trụ như luật Luân hồi và Nhân quả. Từ đó, ông có thể tiếp tục con đường mà ông đã theo đuổi trong nhiều kiếp trước đó. Do vậy, việc nhớ lại những ký ức này chỉ có lợi cho ông mà thôi.

Tôi hỏi thêm:

- Hôm qua ông nói rằng tôi có khả năng hồi tưởng lại những ký ức tiền kiếp, mà nay đã quên. Việc đó là thế nào?

Ông Kris đáp ngay:

- Đúng thế, ông đã có khả năng đó từ kiếp trước nhưng biết rằng ông sẽ quên, nên ông yêu cầu tôi giúp. Do đó, chúng ta mới có cơ hội gặp lại nhau trong kiếp này.

Tôi sốt sắng hỏi:

- Việc đó là thế nào? Ông có thể cho tôi biết được không?

Ông Kris mỉm cười, trả lời:

- Điều này ông phải tự tìm ra khi hồi tưởng về các kiếp sống trong quá khứ. Nếu tôi nói ra vào lúc này, sẽ không có ích gì mà chỉ làm ông bối rối thêm thôi.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy tôi phải làm thế nào để tìm lại khả năng đó đây?

Ông Kris nghiêm nghị trả lời:

- Ông cần phải khôi phục khả năng đó qua công phu tu tập nội quán mà ông đã từng làm trước đây.

- Phải chăng ông muốn nói đến việc tập thiền? Tôi phải học thiền ở đâu và như thế nào?

- Hiện nay có nhiều nơi dạy thiền nhưng tên gọi này đã bị sử dụng bừa bãi và sai lạc rất nhiều. Có lẽ ông cũng thấy, hầu hết các trung tâm dạy thiền ngày nay đều bị thương mại hóa bởi những người tự xưng là Thiền sư (Zen Master), Tổ sư (Guru), Đạo sư (Swami) hay Thánh nhân (Bhagwan). Họ dạy chỉ với mục đích được nổi danh hay để kiếm tiền mà thôi.

- Nếu thế tôi phải làm gì?

- Trước khi đi xa hơn, chúng ta hãy tránh sử dụng từ thiền trong lúc này. Thiền là từ của Phật giáo nói về phương pháp quán xét nội tâm. Các tôn giáo khác cũng có những phương pháp tương tự nhưng mục đích lại khác hẳn. Phương pháp của Ấn giáo chú trọng vào việc hòa hợp Tiểu Ngã vào Đại Ngã. Phương pháp của Thiên Chúa giáo, hay mặc niệm, chú trọng vào việc quay về với Thượng Đế. Ngoài ra còn có rất nhiều phương pháp của các pháp sư hay phù thủy nhằm vào việc luyện thần thông hay để cho vong linh nhập vào sai khiến. Do đó, khi bắt đầu, ông phải cẩn thận và chỉ nên coi đó là một phương pháp tĩnh tâm để đầu óc yên lặng, không căng thẳng, để điều khiển tư tưởng và cảm xúc trước khi đi xa hơn.

- Vậy tôi phải bắt đầu như thế nào?

- Nếu ông biết tư tưởng và cảm xúc thường được biểu lộ qua một vài cử chỉ này nọ thì một vài tư thế cũng có khuynh hướng tạo ra những trạng thái và cảm xúc tương ứng. Nhờ biết áp dụng những tư thế này mà thân thể của ông được điều hòa, rồi ông mới có thể đi xa hơn. Phần lớn người phương Tây có thân hình cứng nhắc, chưa

quen ngồi xuống đất nên ông có thể bắt đầu bằng việc ngồi trên ghế, giữ lưng thẳng, hai bàn tay đặt trên đầu gối một cách tự nhiên. Hai chân khép lại. Vấn đề chính là thoải mái, không cố gắng hay gò bó. Giữ thẳng thân người, đừng cúi khòm xuống, để luồng sinh khí chạy đều trong cột sống.

Tôi hỏi thêm:

- Tôi thấy những người tập thiền đều ngồi, vậy thì có gì khác giữa việc ngồi trên ghế và ngồi dưới đất không?

Ông Kris kiên nhẫn trả lời:

- Khi mới tập, tư thế không quan trọng cho đến khi ông có thể làm chủ được thể xác. Dĩ nhiên, ông có thể ngồi xếp bằng theo các tư thế như bán già hay kiết già. Đối với người Á Đông, ngồi xếp bằng là một động tác tự nhiên nhưng không tiện cho phương Tây. Nếu bắt buộc phải ngồi theo một tư thế nhất định ngay lúc mới tập, điều đó sẽ tạo ra những khó khăn không cần thiết. Ông nên nhớ thể xác thoải mái thì ông mới có thể điều chỉnh hơi thở một cách tự nhiên. Khi đã làm chủ được hơi thở, ông có thể thay đổi tư thế để ngồi cho vững vàng. Khi mới tập ai cũng thấy đau chân, đau tay vì chưa quen ngồi, do đó tôi khuyên ông nên bắt đầu một cách từ từ, không vội vàng, hấp tấp.

Tôi nói:

- Angie được dạy phải ngồi thiền khoảng mười lăm phút trước khi bắt đầu các động tác hay tư thế Yoga.

Ông Kris bật cười:

- Một số nơi dạy Yoga thường thêm thắt vào một vài thứ rồi gọi là thiền hay khí công để tạo vẻ huyền bí mà thôi. Ông nên nhớ các tư thế lúc đầu chỉ giúp cho ông có thể thở nhẹ và sâu. Thật ra khi thân thể thoải mái, điều hòa thì hơi thở mới sâu và nhịp nhàng được. Nếu tiếp tục như thế, đến một lúc nào đó, hơi thở sẽ trở nên êm nhẹ và dần dần lắng sâu.

Ông Kris đột nhiên nghiêm giọng:

- Nhiều người mới tập được dạy phải hít thở thật sâu, dồn hơi xuống bụng như các ca sĩ luyện giọng. Việc này thật tai hại vì người ta chỉ chú trọng đến hơi thở mà quên rằng tĩnh tâm là để cho đầu óc thoải mái chứ không phải cố gắng qua cách hít thở làm cho phổi và tim hoạt động bất bình thường. Nhiều người luyện tập hít thở mà quên rằng đây là việc kiểm soát tư tưởng chứ đâu phải là một môn thể thao. Có người dạy phải dồn hơi vào các huyệt đạo, đưa nó đi theo hệ thống kinh lạc trong thân thể để đạt được một điều gì đó. Đây là lối luyện tập của một số phù thủy, rất nguy hiểm vì có thể gây rối loạn thần kinh. Nhiều người được dạy phải hướng đôi mắt lên cao và giữ mắt trong tư thế đó để khiến cho thị giác tê liệt như bị thôi miên và đi đến trạng thái xuất thần, phát sinh các hiện tượng kỳ lạ hay bị các vong linh nhập vào dìu dắt. Đây là điều phải tuyệt đối tránh vì tĩnh tâm là để cho đầu óc thoải mái, loại bỏ các tư tưởng không cần thiết chứ không phải để đạt đến một điều gì hết.

Phương pháp tĩnh tâm giúp cho thân thể và đầu óc thoải mái trước khi bắt đầu tập trung tư tưởng để đi xa hơn. Nếu quan tâm đến các tư thế, rồi thấy đau chân, mỏi tay thì làm sao làm chủ được tư tưởng? Việc luyện tập không được vội vàng, hấp tấp mà phải để cho mọi sự đến một cách tự nhiên. Nên nhớ, tĩnh tâm là sự phát triển trí thức, đạo đức và tâm linh để làm chủ tư tưởng và cảm xúc. Đó không phải là sự phát triển một khả năng thần thông để đạt đến một cái gì đó. Đừng lẫn lộn việc tĩnh tâm với việc tu luyện một phép thần thông nào đấy hay mong muốn đạt được thứ gì đó. Sự cố gắng lúc đầu chỉ để tập một thói quen tích cực nhằm đạt đến sự bình an, loại bỏ những tư tưởng lộn xộn trong đầu óc. Khi những tư tưởng lộn xộn đã được loại bỏ và tâm đã an, thì mọi việc sẽ khác.

Điều quan trọng nhất là phải duy trì thời gian tập luyện. Một khi đã chọn ra thời điểm cụ thể để tĩnh tâm thì cần phải tuân giữ vì ông cần có thói quen, nếu không sẽ khó đi xa được. Ông nên tập vào sáng sớm, khi mặt trời bắt đầu mọc vì đây là lúc những luồng từ điện trong thiên nhiên rất mạnh. Không nên tập sau bữa ăn hay trong đêm khuya vì có những ảnh hưởng bất lợi. Ông có thể bắt đầu tập

trong khoảng mười lăm phút rồi tăng lên ba mươi phút, sau đó có thể tăng lên bốn mươi lăm phút hay nhiều hơn nữa. Đôi khi tập lâu, cơ thể căng thẳng, mệt mỏi thì ông có thể đứng dậy đi bộ thong thả khoảng mười lăm phút cho thân thể điều hòa trở lại.

Khi tập được một thời gian, khi thân thể hoàn toàn thoải mái, hơi thở được điều hòa, nhẹ nhàng thì ông hãy để cho tư tưởng tập trung vào một điều gì đó tốt đẹp để tránh tư tưởng chạy lăng xăng hay bị xáo trộn bởi công việc hàng ngày. Đây là một việc rất khó vì đầu óc của ông quen suy nghĩ đủ mọi thứ rồi.

Ông Kris kết luận:

- Ông nên nhớ phương pháp tĩnh tâm này đòi hỏi một sự nỗ lực chứ không phải là một cảm giác mơ màng, nửa mê nửa tỉnh. Ông có thể hình dung người thực tập phương pháp này giống như con hải âu bay trên biển vậy. Con hải âu dang rộng đôi cánh, lướt theo làn gió trên mặt nước. Bề ngoài trông như bất động nhưng thật ra nó phải cố gắng rất nhiều để đương đầu với những luồng gió mạnh, phải luôn luôn điều chỉnh đôi cánh theo sự thay đổi của luồng gió, do đó nó ý thức từng giây từng phút để không bị gió thổi bay xuống biển.

***

Tôi trở về New York, tiếp tục công việc hàng ngày nhưng dành ra nửa giờ mỗi buổi sáng thực tập tĩnh tâm theo phương pháp ông Kris đã dạy. Điều này làm Angie ngạc nhiên vì từ trước đến nay tôi chỉ thường đọc báo hay xem tin tức vào buổi sáng.

- Khi xưa anh thường cười nhạo việc em và Connie đi tập Yoga, mà sao bây giờ anh lại dành thời gian ngồi yên như đang tập thiền thế?

Tôi không muốn giải thích, nên bào chữa:

- Dạo gần đây đầu óc anh bị căng thẳng nên chỉ muốn ngồi yên tĩnh dưỡng ít lâu trước khi đi làm thôi.

Một hôm, tôi đang làm việc thì Angie bước vào với một tờ quảng cáo về một buổi diễn thuyết. Angie nói:

- Hôm trước em và Connie đi xem triển lãm về Ai Cập ở viện bảo tàng có thấy tờ quảng cáo này nên cầm về. Anh có muốn đi nghe với em không?

Tôi đọc lướt qua tờ quảng cáo, đó là buổi diễn thuyết của một giáo sư đại học nghiên cứu về các nền văn minh cổ xưa. Như có một cái gì đó thôi thúc, tôi gật đầu:

- Ừ, chúng ta cứ thử đi nghe xem người này nói gì.

Buổi diễn thuyết được tổ chức tại Đại học New York, diễn giả là một giáo sư tuy chưa nổi danh nhưng đã có nhiều công trình nghiên cứu nghiêm túc. Khán giả không đông lắm, phần lớn chỉ là sinh viên phải đi nghe để viết tường trình cho lớp học của họ. Tôi đi cùng với Angie và vợ chồng Andrew.

Diễn giả bắt đầu với công trình nghiên cứu về các nền văn minh của ông tại nhiều quốc gia trên thế giới. Ông nói:

- Trong các tài liệu cổ còn được lưu truyền ngày nay thì tài liệu của người Do Thái vẫn được coi là tương đối đầy đủ nhất. Các kinh sách Do Thái thường đề cập đến sự giao ước giữa con người và Thượng Đế thông qua các giới luật căn bản được ghi rõ trong bộ giáo luật Torah và trong kinh Cựu Ước. Tuy nhiên, bên cạnh những giới luật này lại có một quan niệm trừu tượng về sự lưu đày và việc trở về miền đất hứa. Đa số người Do Thái đều tin rằng đây là một sự kiện lịch sử. Khi xưa dân Do Thái bị bắt làm nô lệ tại Ai Cập nhưng sau đó được giải phóng. Tuy nhiên, khi rời khỏi Ai Cập, họ lại vi phạm sự giao ước giữa họ và Thượng Đế nên bị trừng phạt, phải lang thang khắp nơi, không quê hương, và không thể trở về miền đất hứa.

Gần đây, các nhà khảo cổ đã tìm được một tài liệu ở vùng Biển Chết giải thích rằng sự lưu đày chỉ là một ẩn dụ, ám chỉ việc mất ý thức về nguồn gốc thiêng liêng, một sự sa đọa về tâm linh của con người

nói chung. Sự trở về miền đất hứa tượng trưng cho sự quay về để biết mình là ai, để biết đến nguồn gốc thiêng liêng, cao quý vốn sẵn có nơi mình. Sự giao ước với Thượng Đế chẳng qua chỉ là sự phát triển tiềm năng hiểu biết để sống thuận với những quy luật tự nhiên mà thôi. Điều này đã làm đảo lộn quan niệm vẫn có từ mấy ngàn năm nay và tạo ra một cuộc tranh luận sôi nổi trong giới học giả Do Thái.

Một số học giả không công nhận tài liệu này vì như thế là phủ nhận "miền đất hứa", vốn là vùng đất của Thượng Đế đã ban cho dân Do Thái[9]. Chính vì quan niệm cho rằng họ là giống dân đã được Thượng Đế chọn lựa, đã được ban cho một vùng đất làm quê hương, mà người Do Thái, dù lang thang khắp nơi trên thế giới suốt mấy ngàn năm nay, vẫn luôn luôn hướng về "miền đất hứa" của họ. Việc đưa ra tài liệu khảo cổ với quan niệm mới mẻ này, dù được viết bởi giáo sĩ Do Thái thời cổ, là điều không thể chấp nhận được.

*[9] Vùng đất này vẫn là nguyên nhân chính gây ra tranh chấp, các cuộc chiến giữa người Do Thái, Ả Rập và Palestine.*

Một số học giả khác cho rằng tài liệu của giáo sĩ Do Thái, viết từ nhiều ngàn năm trước, giải thích ẩn nghĩa của huyền môn Kabbalah, là một khám phá quan trọng và người Do Thái không thể phủ nhận một văn kiện giá trị như thế được.

Lịch sử Do Thái ghi rõ Kabbalah là bộ sách huyền môn đã được nhà tiên tri Moses ghi chép bằng chữ tượng hình với rất nhiều ẩn nghĩa. Từ xưa, các nhà tiên tri, các đạo gia thường sử dụng một thứ ngôn ngữ bí mật, các ẩn dụ, các câu nói bóng bẩy để diễn tả một số việc sẽ xảy ra trong tương lai mà họ không thể nói trước. Kinh Talmud đã nói rõ: "Chân lý không phải là điều để mang ra nói mà là điều người ta chỉ hiểu được qua công phu tu tập mà thôi". Do đó, các đạo gia thời cổ chỉ truyền dạy cho học trò qua phương pháp khẩu truyền chứ không mấy ai viết ra. Nếu phải viết ra thì họ dùng ám tự, ẩn nghĩa và lựa chọn học trò rất kỹ sau nhiều cuộc khảo nghiệm để chắc rằng học trò có thể hiểu những huyền nghĩa này.

Moses Ben Maimon (Maimonides), nhà thần học nổi tiếng và uy tín nhất về giáo luật Torah của Do Thái giáo, đã viết: "Sự ý thức được chính mình là quy luật căn bản của mọi truyền thống tâm linh vì biết mình tức là biết được nguồn gốc thiêng liêng của mình". Mục tiêu của mọi truyền thống tâm linh cổ xưa đều nhằm vào việc con người tự biết mình. Trong khi ngày nay, nó bị thay đổi để nhắm vào một đối tượng xa vời, một cái gì đó vượt khỏi tầm hiểu biết của con người. Tệ hơn nữa, càng ngày nó càng chú trọng vào các hiện tượng ngoại giới. Chính vì thế mà mọi giải pháp, mọi quan niệm, mọi lý luận của các truyền thống tâm linh ngày nay không thể đem lại hạnh phúc cho con người vì đã sai lầm ngay từ căn bản.

Các nghiên cứu khảo cổ học gần đây đã tìm được nhiều tài liệu cho thấy từ xa xưa, cổ nhân đã sở hữu những kiến thức uyên bác về rất nhiều lĩnh vực, từ thiên văn đến địa lý, từ toán học đến siêu hình học, từ hóa học đến y học và gọi nó là huyền học chứ không phân chia nó ra thành nhiều môn riêng biệt như ngày nay. Trong những căn phòng nằm sâu trong các thánh điện nguy nga, hay các động đá tự nhiên trong rừng núi hoang vu, các đạo gia thời cổ đã nghiên cứu, học hỏi và vận dụng các năng lực huyền bí vào những việc mà ngày nay, trong thời buổi cực thịnh của khoa học thực nghiệm, nó vẫn được coi là những điều bất khả thi hay phép lạ.

Thật là một sự sỉ nhục cho người xưa, khi những nhà khoa học non nớt của thế kỷ này dám chỉ trích các bậc tiền bối của họ là những thầy phù thủy ngu dốt. Nói như thế chẳng khác nào hàng ngàn năm nay, nhân loại chỉ toàn là những kẻ ngu dốt, dại khờ và mê tín dị đoan, cho đến đầu thế kỷ hai mươi này người ta mới trở nên khôn ngoan. Nếu nhìn vào lịch sử, có quốc gia nào trong quá khứ mà không có những vị anh hùng, những vĩ nhân có công xây dựng nền văn minh cho đất nước họ hay không? Có những giai đoạn nào trong quá khứ mà các đạo gia, học giả của họ lại không đưa văn hóa của họ lên đỉnh vàng son, oanh liệt? Tại sao ngày nay người ta lại cố tình quên đi lịch sử, quên đi công trình của tiền nhân, vùi dập những điều tốt đẹp của quá khứ dưới danh nghĩa tiến bộ khoa học? Điều đáng tiếc là ngày nay các nhà khoa học lại chia cắt kiến thức của cổ nhân ra thành những mảnh vụn rời rạc, do đó họ không thể

có một cái nhìn bao quát mà chỉ biết về những mẩu rất nhỏ, song lại tự hào là mình thông minh.

Nếu xét kỹ quá trình lịch sử, người ta có thể thấy nhiều điểm tương đồng giữa các nền văn minh cổ xưa từ Đông qua Tây. Thí dụ như hai tài liệu rất cổ vẫn còn được lưu truyền ngày nay là bộ luật Manu và pho kinh Veda của người Ấn, trong đó người xưa ghi chép rất công phu các nghi thức tế lễ và cầu nguyện. Nếu xét kỹ, người ta sẽ thấy những nghi thức này không khác gì những nghi thức được tìm thấy trong thánh kinh Talmud của Do Thái giáo hay nghi thức của nền tôn giáo cổ được ghi lại trên các thạch trụ ở Babylon. Nếu nghiên cứu kỹ hơn nữa, người ta lại thấy nó cũng không khác các nghi thức tôn giáo của Ai Cập, Tây Tạng, hay Trung Hoa bao nhiêu. Tại sao lại có sự trùng hợp như thế? Tại sao những nền văn minh ở cách nhau rất xa trên phương diện địa lý và thời gian lại có những nghi thức tế lễ, cầu nguyện tương tự như thế? Phải chăng từ ngàn xưa đã có sự liên lạc, giao thiệp giữa những người của các quốc gia đó? Hoặc tất cả đều chịu ảnh hưởng bởi một nguồn gốc chung, bởi một nền văn minh mang tính toàn cầu vượt ra khỏi sự hiểu biết của con người ngày nay? Phải chăng các đạo gia ngày xưa đã sở hữu những kiến thức siêu việt qua công phu tu tập mà ngày nay không mấy ai còn biết đến? Nhờ sở đắc những kiến thức này, họ nghiệm ra rằng trên một bình diện tâm thức cao hơn bình diện của người thường, vốn không hề có sự khác biệt, vốn không hề có sự phân biệt, chân lý hay các quy luật tự nhiên của vũ trụ là bất biến, dù ở đâu hay trong thời gian nào.

Ngày nay, nhiều người cho rằng huyền học là truyền thống của người phương Đông. Nói như thế tức là không nắm vững các yếu tố lịch sử vì ngay tại phương Tây, huyền học cũng có một quá khứ khá huy hoàng. Những đạo gia Druid tại Anh Quốc đã thực hành huyền thuật trong những động đá thâm u của xứ họ. Họ đã để lại nhiều di tích như những cột trụ bằng đá tại Stonehenge mà ngày nay không mấy ai biết được mục đích của nó. Họ cũng chạm trổ các hình kỷ hà trên vách đá dọc theo bờ biển Ái Nhĩ Lan để nhắc nhở điều gì đó cho nhân loại mà ngày nay không ai hiểu được. Lịch sử Anh Quốc đã ghi nhận sự điều hành quốc gia sáng suốt của các nhà lãnh đạo

thuộc chủng tộc Celtic qua các huyền thoại huy hoàng vẫn được dân chúng nhắc đến nhưng không mấy ai hiểu hết ẩn nghĩa của chúng. Những thuật sĩ Semathe của xứ Gaul (nước Pháp ngày nay) đã để lại rất nhiều tài liệu về toán học, vật lý học, vũ trụ học mà ngày nay các nhà nghiên cứu đã kinh ngạc trước những kiến thức về sự vận hành của các tinh tú và sự hình thành của trái đất. Trong những cánh rừng ở Trung Âu, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều tài liệu được chôn giấu ghi rõ các buổi hội họp, bàn thảo, và trao đổi kiến thức của những đạo gia này. Nhiều tài liệu nói về nguồn gốc, quá trình tiến hóa của nhân loại rất chính xác, mặc dù nó được viết từ hàng ngàn năm trước.

Tóm lại, từ ngàn xưa, đã có những nền văn minh cổ với sự hiểu biết thâm sâu nhưng vì lý do nào đó đã biến mất trên bề mặt địa cầu, chỉ còn sót lại một vài mảnh vụn mà ngày nay nhiều nhà khoa học đã cố tình bỏ qua, không để ý đến. Không ai biết con người có mặt trên quả đất này từ lúc nào và đã học hỏi, nghiên cứu những gì. Các tài liệu hiện đại vẫn cho rằng con người chỉ mới xuất hiện từ vài chục ngàn năm trước, nhưng lúc đó sống như con vật, chỉ biết hái lượm, rồi sau chuyển qua săn bắn và trồng trọt; mãi đến thời gian gần đây, con người mới biết đến khoa học và trở nên văn minh tiến bộ. Lý luận này có hợp lý không? Điều này cần phải xét lại.

Diễn giả ngừng lại như để mọi người suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Hiện nay đa số mọi người cho rằng nền văn minh của nhân loại bắt đầu từ vùng Lưỡng Hà rồi truyền đi khắp nơi. Nhiều sử gia cho rằng sự truyền bá nền văn minh này đi theo sự phát triển tôn giáo của người Ba Tư lúc đó là Hỏa giáo. Zoroaster, còn được biết đến là Zarathustra, đã sáng lập phái huyền học gọi là Magi, nhưng đa số các nhà khảo cổ không đồng ý với các sử gia. Họ cho rằng Zoroaster chỉ là một đạo gia đã có công cải cách, thay đổi nền huyền học cổ xưa thành một hệ thống khoa học mà thôi. Một số nhà khảo cổ khác cho rằng nền văn minh nhân loại phát xuất từ Ai Cập rồi truyền vào Ba Tư, trộn lẫn với nền văn minh Lưỡng Hà lúc đó thành một nền văn minh mới, sau đó tiếp tục truyền qua các nước khác. Tóm lại, theo quan niệm này, có hai nền văn minh khác nhau, tích

hợp lại theo các biến cố lịch sử và thời gian, rồi ảnh hưởng đến những nơi khác.

Câu hỏi cần đặt ra là phải chăng chỉ có hai nền văn minh đó thôi hay còn những nền văn minh khác nữa. Tại sao chỉ có hai mà không phải là nhiều nền văn minh khác nhau, xuất phát từ những nơi khác nhau, ảnh hưởng lẫn nhau? Các nhà khảo cổ đã biết gì về những nền văn minh tại Ấn Độ, Trung Hoa hay Tây Tạng? Những nền văn minh này có dính dáng gì với nền văn minh Lưỡng Hà hay Ai Cập? Đã đến lúc phải xét lại xem lý thuyết "chỉ có một nguồn gốc duy nhất, rồi tỏa lan đi khắp nơi" có còn chính xác nữa hay không.

Ông lý luận:

- Đa số các công trình nghiên cứu về các nền văn minh cổ hiện nay chỉ căn cứ vào các công trình xây cất, sản phẩm hay vật dụng đào bới được để xác định giá trị của nền văn minh. Đây là một thiếu sót lớn vì không phải nền văn minh nào cũng chú trọng đến việc xây cất lăng tẩm. Có những nền văn minh cổ xưa, tiến bộ trên địa hạt tinh thần, hiểu biết về các quy luật vũ trụ. Họ không quan tâm đến công trình xây cất, không để lại sản phẩm vật chất nhưng để lại cho đời sau một nền tảng minh triết sâu xa, một truyền thống tâm linh cao cả, qua sách vở, qua những câu chuyện truyền khẩu, qua các bài thơ với các lời lẽ sâu kín, ẩn mật. Theo tôi, nền văn minh Ấn Độ, Tây Tạng và Trung Hoa thuộc về loại này.

Ngày nay, nhiều nhà khoa học, nhà lịch sử, nhà khảo cổ, phần lớn là người phương Tây, chưa chịu chấp nhận rằng có nhiều nền văn minh khác nhau xuất hiện trong thời gian khác nhau và có những hiểu biết khác nhau. Họ phủ nhận những gì xuất phát từ châu Á vì quan niệm tự tôn của nền khoa học phương Tây. Do đó, nói là tất cả đều xuất phát từ một nơi chốn duy nhất như Lưỡng Hà là một khuynh hướng bảo thủ không hợp lý, có tính chất kỳ thị, và phủ nhận sự thật.

Ông kết luận:

- Qua quá trình nghiên cứu nhiều nền văn minh trên thế giới từ Đông sang Tây, tôi có thể kết luận rằng hiện nay không thể nói chỉ có một nền văn minh duy nhất xuất phát từ Trung Đông, dù đó là Lưỡng Hà hay Ai Cập rồi lan tỏa đi khắp nơi, mà bỏ quên những nền văn minh cổ khác như Ấn Độ, Tây Tạng hay Trung Hoa, hoặc biết đâu còn có những nền văn minh khác, cổ xưa hơn nữa, mà ngày nay chưa ai tìm ra hay biết đến.

Sau buổi diễn thuyết, tôi hỏi Andrew và Connie:

- Các bạn nghĩ sao về buổi diễn thuyết này?

Connie nói ngay:

- Tôi thấy diễn giả nói hay và bài diễn thuyết cũng rất giá trị. Là nhà nghiên cứu, chắc hẳn ông ấy còn biết nhiều điều hơn nữa, nhưng do giới hạn về thời gian nên ông ấy chỉ nói vắn tắt đó thôi.

Andrew tiếp lời:

- Đó là một đề tài phức tạp, khó có thể nói rõ từng chi tiết. Vả lại đây chỉ là buổi diễn thuyết dành cho sinh viên và khách tham quan bảo tàng mà thôi.

Chúng tôi vừa rời khỏi giảng đường thì gặp ngay giáo sư Morris, viện trưởng phân khoa khảo cổ của Đại học New York. Ông Morris tiến đến thăm hỏi chúng tôi vì biết tôi làm chủ một công ty lớn, hàng năm vẫn tài trợ cho trường đại học này.

Ông Morris vui vẻ nói:

- Thật bất ngờ và hân hạnh gặp ông. Tôi không ngờ ông lại quan tâm đến các nền văn minh cổ như thế này?

Tôi cũng xã giao nói:

- Thỉnh thoảng chúng tôi cũng hay đi nghe hòa nhạc và tham dự các buổi diễn thuyết giá trị của Đại học New York. Đề tài hôm nay rất hay và giá trị. Tôi hoàn toàn đồng ý với những nghiên cứu của diễn giả.

Giáo sư Morris ngạc nhiên:

- Thế ư? Đây là một đề tài vẫn gây nhiều tranh cãi sôi nổi trong giới nghiên cứu. Giáo sư Baader tuy còn trẻ nhưng đã có nhiều công trình nghiên cứu giá trị. Để tôi giới thiệu anh ta đến gặp ông.

Phần lớn những công trình nghiên cứu của các trường đại học Hoa Kỳ thường được tài trợ bởi các công ty tư nhân hay các hiệp hội. Tôi biết ý của giáo sư Morris muốn giới thiệu vị giáo sư trẻ này với tôi vì biết đâu công ty của tôi sẽ tài trợ cho công trình nghiên cứu của anh ta. Tôi mỉm cười, rút tấm danh thiếp đưa cho giáo sư Morris:

- Vâng, xin ông cho giáo sư Baader biết rằng tôi rất quan tâm đến công trình nghiên cứu này và nếu cần gì, giáo sư Baader có thể đến gặp tôi.

Điều bất ngờ là chỉ vài hôm sau, giáo sư Baader đã gọi điện hẹn gặp. Buổi gặp gỡ diễn ra tại văn phòng làm việc của tôi. Sau vài câu xã giao thông thường, tôi nói ngay:

- Nếu có thể, xin giáo sư cho tôi biết thêm về các nền văn minh cổ. Tôi rất quan tâm đến đề tài này.

Giáo sư Baader thoải mái chia sẻ:

- Tôi đã bắt đầu nghiên cứu từ nhiều năm nay và đã đi đến tận nơi để xem xét những di tích cổ, từ đền đài Ai Cập cho đến chùa tháp Tây Tạng, từ các lâu đài ở châu Âu cho đến lăng mộ vua chúa ở châu Á. Tôi tiếp xúc với dân địa phương để nghe kể về các truyền thuyết dân gian. Tuy nhiều câu chuyện có tính chất hoang đường nhưng một vài trong số đó cũng rất giá trị cho việc nghiên cứu của tôi.

Tôi hỏi:

- Theo sách vở ghi chép về các nền văn minh thế giới thì hầu hết kiến thức đều xuất phát từ Ai Cập, chuyện này là thế nào?

Giáo sư Baader trả lời:

- Đó là một sai lầm rất lớn. Nền văn minh Ai Cập có giá trị của nó, nhưng Ai Cập không phải là cái nôi khai sinh ra nền văn minh thế giới. Từ ngàn xưa, người Ai Cập đã có một truyền thống tâm linh rất cao, gắn liền với tôn giáo. Lúc đó, Ai Cập có một nền tôn giáo cổ tôn thờ thần Thái Dương Ra. Hầu hết các học giả ngày nay đều cho rằng tôn giáo Ai Cập là một thứ tôn giáo đa thần - dựa trên các văn bản, tài liệu, di tích trong các đền thờ. Nhưng theo tôi thì nền tôn giáo đa thần chỉ xuất hiện sau khi thời đại vàng son của nền tôn giáo cổ đã suy tàn.

Tôi thắc mắc:

- Theo như ông nói thì khi xưa Ai Cập đã có hai nền tôn giáo khác nhau sao?

Giáo sư Baader giải thích:

- Đúng thế, theo tài liệu của sử gia Jean Champollion (1780 – 1832) thì các giáo sĩ thành Thebes muốn bành trướng thế lực của phe nhóm đã "đẻ ra" nhiều thần linh khác nhau để biến tôn giáo cao đẹp khi xưa thành một thứ giáo quyền tổ chức chặt chẽ với các hình thức thờ cúng, mê tín dị đoan, kiêm một số tà thuật, sử dụng bùa chú, phép thuật để mê hoặc nhân tâm.

Champollion dẫn chứng rằng từ thời xa xưa, tôn giáo Ai Cập vẫn tôn thờ một đấng duy nhất, gọi là đấng Thái Dương Ra vì cuốn cổ thư của thánh sư Thoth (người Hy Lạp

gọi là Hermes) đã ghi nhận rất rõ về việc này. Thoth viết rằng chỉ có một đấng duy nhất đã ban rải ánh sáng cho muôn loài và tạo ra sự sống trên trái đất. Cuốn cổ thư của Thoth ghi rõ: "Từ nơi Ngài mới có ánh sáng, và ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi phá tan màn đêm u tối. Từ đó sự sống xuất hiện, tạo ra vạn vật. Không có Ngài, muôn loài không thể hiện hữu. Vì không ai biết tên của Ngài nên họ đã tạm lấy mặt trời làm biểu tượng và gọi Ngài là đấng Thái Dương Ra".

Thoth đề cao việc tôn thờ mặt trời làm biểu tượng của đấng cao cả vì Ngài vốn vô hình, vô tướng và vô danh. Thoth biết không thể định danh một quan niệm trừu tượng như thế cho dân chúng nên đã đưa ra tên gọi đấng Thái Dương Ra, hay là đấng sáng tạo ra mọi vật. Từ đó, tất cả các đền thờ, kim tự tháp, tượng nhân sư đều được xây cất quay về hướng Đông, hướng mặt trời mọc, nơi đấng sáng tạo xuất hiện mỗi ngày.

Trên thạch trụ của đền thờ Karnak có ghi rõ lời dạy của Thoth: "Phương Đông là nơi vầng Thái Dương xuất hiện, cũng là nơi để định hướng cho sự sống, vốn luôn luôn tái diễn không ngừng như ngày và đêm. Chỉ có quay về phương Đông thì con người mới thật sự biết mình. Khi biết mình thì sẽ biết tất cả, và tìm ra chân lý để biết sống đúng với ý nghĩa thật sự của sự sống".

Tôi hỏi tiếp:

- Theo nghiên cứu của ông thì tại sao một nền văn minh đẹp như thế lại suy tàn?

Baader trả lời điềm đạm:

- Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự suy tàn của nền văn minh Ai Cập. Nguyên nhân thứ nhất là các giáo sĩ đã không chịu tu tập theo các nguyên tắc của nền tôn giáo cổ. Họ không làm chủ được bản thân, không biết khép mình vào kỷ luật mà lười biếng và ỷ lại, chỉ lo hưởng thụ, để rồi nền tôn giáo cao đẹp mất đi các tinh hoa. Ông nên biết rằng hầu hết các truyền thống tâm linh đều do các giáo sĩ tu tập và gìn giữ. Nếu những người này không chịu tu học, không chịu tuân theo kỷ luật, phép tắc, không biết giữ gìn thì nó phải suy tàn. Lý do chính dẫn đến sự suy tàn của nền tôn giáo cổ là do sự vô trách nhiệm của giới giáo sĩ. Vì lười biếng, không giữ gìn giới luật nên đa số không có kiến thức tâm linh, không có sự hiểu biết đúng đắn. Để bù đắp cho sự thiếu sót này, một số bắt đầu sử dụng tà thuật, rồi phong trào dùng bùa chú, phép thuật để mê hoặc nhân tâm lan tràn khắp các đền thờ làm ô uế nền tôn giáo cổ. Khi dân chúng không còn tin tưởng vào những giáo sĩ lãnh đạo, khi tà thuật làm cho văn hóa suy đồi, xã hội hỗn loạn thì các Pharaoh bắt đầu nắm quyền,

giới hạn các giáo sĩ vào việc thờ cúng tế lễ chứ không được can dự vào những việc khác nữa. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự tranh giành quyền lực giữa các Pharaoh và giới giáo sĩ.

Nguyên nhân thứ hai là việc sử dụng ngôn ngữ. Từ ngàn xưa, người Ai Cập đã có một loại chữ viết bình dân. Phần lớn các văn kiện, tài liệu, giao dịch đều sử dụng loại chữ này. Tuy nhiên, các giáo sĩ lại sử dụng một loại chữ đặc biệt riêng gọi là chữ tượng hình trong tài liệu tôn giáo vì có những chi tiết ẩn mật, sâu kín, không thể nói ra bằng lời được. Đây là loại chữ đặc biệt dành cho những đạo đồ nghiên cứu thâm sâu trao đổi với nhau. Ngày nay, người ta còn tìm được những ám tự này trong cuốn Y Thư và Tử Thư. Vì đa số các giáo sĩ chuyển hướng theo tà giáo, không chịu tu học, nghiên cứu nữa nên các sách vở của nền tôn giáo cổ, viết bằng ám tự, dần dần thất truyền, theo thời gian không còn ai có thể đọc được nữa.

Nguyên nhân thứ ba là khi các Pharaoh bị ảnh hưởng bởi tà giáo, sử dụng bùa chú, phép thuật để liên lạc với các sinh vật cõi âm. Họ được dạy rằng nếu biết ướp xác và thực hành một số nghi thức cúng lễ, họ sẽ sống mãi và trở nên bất tử ở cõi giới bên kia. Do đó, họ cho xây cất các lăng tẩm vĩ đại để lưu giữ xác thân mà không biết rằng xác thân của họ trở thành một nơi cho ảnh hưởng cõi âm phát tác. Tin tưởng rằng con người có thể trở nên bất tử nên việc xây cất lăng tẩm đã trở thành tham vọng chính yếu của các vua chúa Ai Cập. Theo thời gian, việc xây cất trở thành một kỹ nghệ chính với hàng chục ngàn thợ thuyền, nô lệ chuyên xây cất mồ mả, làm suy kiệt tiềm lực quốc gia. Để có tiền xây cất mồ mả hoành tráng, các Pharaoh xâm lăng các nước quanh vùng, chiếm đoạt tài nguyên, vàng bạc và nô lệ. Từ đó, Pharaoh nào cũng gây chiến, đánh dẹp các nước quanh đó, gây thù chuốc oán khắp nơi.

Trải qua nhiều triều đại vua chúa, trải qua bao thăng trầm biến đổi, nền văn minh Ai Cập dần dần suy tàn. Khi nhân lực suy kiệt vì các công trình xây cất, khi vua chúa chỉ mong được bất tử ở thế giới bên kia, khi quan lại tham nhũng đục khoét tài sản quốc gia, khi mọi người chỉ sống ích kỷ thì xã hội rối loạn, dân chúng lầm than, khổ cực, và Ai Cập trở thành miếng mồi ngon cho các nước quanh đó.

Trải qua mấy ngàn năm, người dân Ai Cập phải sống dưới ách đô hộ của người Nubia, Assyria, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã, Ả Rập, Ottoman, và gần đây hơn là người Anh, người Pháp. Hậu quả của việc này là văn hóa Ai Cập hoàn toàn biến mất, ngay cả chữ viết bình dân cũng bị thất truyền huống chi là chữ tượng hình. Do đó, không ai còn biết đến văn hóa, lịch sử hay các dòng chữ ghi khắc trong cổ mộ, hoặc trên thạch trụ trong các đền thờ nữa. Giờ đây, phần lớn người dân Ai Cập không mấy ai biết được nguồn gốc cao đẹp, nền văn hóa huy hoàng hay lịch sử oai hùng của mình nữa, mà họ chỉ đồng hóa mình với nền văn hóa của xứ Ả Rập.

Tôi im lặng nghe, nhưng trong lòng trào dâng một nỗi buồn khôn tả. Những lời giáo sư Baader nói rất trùng hợp với trải nghiệm về tiền kiếp tại Ai Cập của tôi.

Giáo sư Baader nói tiếp:

- Vào năm 1801, Hoàng đế Napoleon đem binh chinh phục Ai Cập. Một nhóm binh sĩ xây cất pháo đài dọc bờ sông Nile đã tìm được một bia đá có khắc ba loại chữ: chữ tượng hình (ám tự), chữ bình dân và chữ Hy Lạp. Đó là sắc lệnh từ các tu sĩ Memphis đề cao công đức của Pharaoh Ptolemy đời thứ năm. Vì nó được khắc bằng ba loại chữ khác nhau cho nên các học giả người Âu liền đối chiếu theo đó mà truy dần ra bộ chữ tượng hình Ai Cập. Jean Champollion, học giả kiêm sử gia nổi tiếng của Pháp, đã được Hoàng đế Napoleon chỉ thị phải nghiên cứu bộ chữ này để tìm hiểu những gì được ghi khắc trên các thạch trụ. Nhờ thế ông đã soạn lại toàn bộ chữ tượng hình đã bị thất truyền từ mấy ngàn năm nay. Công trình này đã vén mở tấm màn huyền bí vẫn bao trùm lên nền văn minh Ai Cập từ hàng ngàn năm qua.

Champollion tiếp tục công việc phiên dịch các tài liệu cổ của Ai Cập, nhất là bộ sách của thánh sư Thoth còn được ghi trên các bia đá và thạch trụ. Là người thận trọng, ông đã lưu ý những học giả đời sau rằng chữ tượng hình là một ngành khoa học thiêng liêng, người ta chỉ có thể hiểu được một phần nào ý nghĩa thông thường, dựa theo sự suy đoán về bộ chữ cái mà thôi. Muốn quán triệt sâu xa những diệu nghĩa huyền bí, người ta phải có kiến thức về tâm linh, một thứ

kiến thức siêu việt cao hơn bình diện tri thức thông thường. Do đó, ông kết luận rằng người ta chỉ nên coi những bản dịch ám tự như là một sự suy đoán, chữ đâu nghĩa đó chứ không thể xác định ý nghĩa thật sự của nó được.

Tôi tiếp tục hỏi:

- Tôi vô cùng thán phục công trình nghiên cứu của ông về Ai Cập với những chứng tích lịch sử. Ngoài ra, ông còn biết gì thêm về nền văn minh này nữa không?

Giáo sư Baader nhiệt tình chia sẻ thêm:

- Từ ngàn xưa, Ai Cập vẫn được coi là trung tâm văn hóa lớn nhất ở miền cận Đông và là nơi tụ họp của rất nhiều thánh nhân, hiền triết. Sử gia Ennemoser đã ghi nhận các hiền triết Hy Lạp như Thales, Herodotus, Orphee, Parmenides, Enedoples và Pythagoras đều từng qua Ai Cập học hỏi. Họ học hỏi với ai và ở đâu thì không thấy nói. Có thể họ vào đền thờ để thụ giáo với các giáo sĩ như sử gia Herodotus đã viết trong cuốn sách của ông. Nhưng cũng có thể họ tìm đến các ốc đảo hoang vu để học hỏi với các bậc đạo gia uyên bác – như Pythagoras đã nói với các học trò về thời gian ông sống ở sa mạc Ai Cập. Những đạo gia này là ai? Không ai biết và không sách vở nào ghi chép rõ, nhưng nếu là bậc thầy của các hiền triết như Pythagoras, Thales hay Orphee thì chắc hẳn họ phải là bậc đại tôn sư, đại hiền triết. Câu hỏi là tại sao lại không thấy tài liệu nào ghi nhận. Phải chăng những bậc vĩ nhân này khiêm tốn, không màng danh lợi trần thế nên đã không chịu tiết lộ danh tánh của mình?

Tôi thắc mắc:

- Tại sao những người ẩn tu ngoài sa mạc ấy không để lại dấu tích gì?

Giáo sư Baader trả lời:

- Theo nghiên cứu của tôi thì từ xưa đã có những bất đồng ý kiến giữa các giáo sĩ về phương pháp tu luyện. Truyền thống tâm linh

nào cũng chia làm hai phần: công truyền và bí truyền. Đối với các đạo gia hay giáo sĩ tu tập theo phương pháp bí truyền thì tự biết mình là điều chính yếu. Một khi đã ý thức về mình, về nguồn gốc thiêng liêng của mình, thì mọi sự sẽ tự nhiên được giải đáp. Do đó, trước khi tìm cách giải thích các hiện tượng ngoại giới, các quy luật vũ trụ, trước khi thu nhận học trò hay giảng dạy điều gì, họ quay vào bên trong để tìm hiểu chính mình qua các phương pháp tu tập nội quán. Do đó, đa số tìm đến những nơi thâm sâu, hoang vắng để tu tập chứ không mấy ai sống trong các đền thờ ồn ào, phức tạp.

Với các giáo sĩ tu tập theo giáo lý công truyền thì các kiến thức về quy luật tự nhiên là công cụ tốt để sử dụng cho mục đích cá nhân nào đó. Thay vì quay vào bên trong, họ lại hướng ra bên ngoài để nghiên cứu và biến các kiến thức này thành một thứ khoa học, sử dụng các năng lực trong tự nhiên, từ đó họ có các quyền năng thần thông. Tuy nhiên, vì thiếu hiểu biết về bản thân, nên họ để cho các động lực như tham lam, sân hận, kiêu căng lung lạc, dần dần đi vào con đường sử dụng tà thuật. Nhờ có kiến thức về các động lực tiềm ẩn trong tự nhiên, có thể kêu gọi và sai khiến những sinh vật cõi âm, họ tự coi mình là đấng cao cả, đại diện cho thần linh nào đó. Thay vì hướng dẫn mọi người thì họ chỉ giảng dạy những gì có lợi cho họ hay phe phái của họ. Thay vì giúp con người học hỏi để tiến bộ thì họ lại vận dụng kiến thức vào những điều mang tính ích kỷ, tham lam, đánh lạc hướng mọi người với những lời hứa hẹn hòng bảo vệ quyền lợi của cá nhân. Thay vì giúp con người thoát ra khỏi các ước lệ, ràng buộc của các thành kiến hẹp hòi qua việc tự biết mình, thì họ lại biến các quy luật tự nhiên thành một thứ luật pháp khắt khe đầy những áp chế, đe dọa. Dưới sự hướng dẫn của họ, đấng Thái Dương Ra không còn là đấng sáng tạo ban ánh sáng để xua tan màn đêm u tối nữa mà đã hóa thành một hung thần, dễ nổi giận, sẵn sàng trừng phạt những ai làm trái ý Ngài. Đó là lý do mà nền văn minh tôn giáo cổ dần dần bị thất truyền.

Các giáo sĩ chân chính không chịu được hình thức áp chế tư tưởng bèn rút vào sa mạc hoang vu để ẩn tu, không màng đến thế sự. Trong khi đó, giáo sĩ tà giáo, những thầy phù thủy, những kẻ sử dụng bùa chú trở nên mỗi ngày một nhiều. Họ cấu kết với các

Pharaoh tham lam, hung ác để sinh ra các hình thức tín ngưỡng mới tôn thờ vô số thần linh mà họ đã tạo ra, do đó tôn giáo Ai Cập trở thành một thứ tôn giáo đa thần.

Tôi hỏi thêm:

- Ông đã dựa vào đâu mà kết luận như thế?

Giáo sư Baader trả lời, giọng điềm tĩnh:

- Tôi dựa vào các tài liệu tìm được trong mộ của Pharaoh Ramses II, trong đó có sắc lệnh ghi rằng ông vua này đã ra lệnh thiêu hủy tất cả các bộ sách viết về các quy luật tự nhiên của đạo gia Denarath và tất cả những gì đề cập đến nền tôn giáo thời cổ. Sau khi Moses giải phóng dân Do Thái, Pharaoh Ramses đã cho đốt tất cả các sách vở huyền môn và giết những giáo sĩ tu học theo nền tôn giáo cổ. Đây là bằng chứng rõ rệt cho thấy sự tranh chấp giữa hai quan niệm bí truyền và công truyền.

Giáo sư Baader dừng lại một lúc, rồi nói tiếp:

- Theo nghiên cứu của tôi về các tài liệu cổ, sở dĩ Do Thái giáo có được một số tinh hoa là nhờ công trình của Thái hậu Batria, mẹ nuôi của nhà tiên tri Moses. Thái hậu Batria là đạo đồ huyền môn đã được truyền dạy các tinh hoa của nền tôn giáo cổ. Chính nhờ sự giáo dục của bà mà dân Do Thái mới có được một nhà tiên tri, một giáo chủ xuất sắc như Moses. Thánh Kinh ghi rõ: “Khi còn trẻ, Moses được huấn luyện theo truyền thống minh triết thâm sâu của Ai Cập”. Câu này ngụ ý rằng tinh hoa của nền tôn giáo thời cổ đã được trao cho Moses. Một đoạn trong Thánh Kinh đã ghi: “Khi thụ giáo nền minh triết này, Moses phủ kín mặt bằng một tấm vải che”. Một số nhà khảo cổ và giáo sĩ ngày nay cho rằng ông đã che mặt khi học hỏi các giáo lý này. Nhưng câu này không có ý nghĩa gì hết vì trong Thánh Kinh đâu nói gì đến việc đi học phải che mặt đâu. Theo tôi thì câu này ngụ ý rằng một tấm màn bí mật đã phủ lên những điều Moses được chỉ dạy vì chỉ những tinh hoa mật truyền mới cần phải che giấu. Điều này có nghĩa là Moses được học những giáo lý mật truyền.

Lịch sử Do Thái ghi nhận rằng Moses đã thụ huấn huyền môn tại Heliopolis, một thành phố cách thủ đô Cairo ngày nay khoảng vài chục dặm về phía Bắc. Đó là một đô thị xây quanh đền thờ Thái Dương rất lớn, chính giữa thành phố này có một thạch trụ rất cao ghi khắc ám tự mà ngày nay người ta vẫn chưa hiểu được ý nghĩa. Trong kinh sách của Do Thái giáo, Moses thường đề cập đến thạch trụ này như là một nơi quan trọng mà ông thường đi vòng quanh để suy ngẫm về ý nghĩa của nó. Các bậc hiền triết Hy Lạp sau này như Plato, Thales và Herodotus cũng nhắc đến thạch trụ này trong tài liệu của họ. Phải chăng thạch trụ có một ý nghĩa đặc biệt nào đó mà các bậc hiền triết đều nhắc đến? Người xưa dựng thạch trụ giữa phố để làm gì? Đây là một bí mật chưa ai có thể giải thích. Ngoài cây thạch trụ khổng lồ này, còn có bảy thạch trụ nhỏ hơn dựng quanh đó.

Lịch sử ghi nhận rằng sau khi chinh phục Ai Cập, đích thân Hoàng đế Napoleon đã đến tận nơi để xem thạch trụ này. Ông thường đứng trước những cây thạch trụ rất lâu như để suy nghĩ về một điều gì đó. Sau cùng, ông hạ lệnh tháo gỡ một thạch trụ nhỏ mang về dựng giữa thủ đô Paris. Nhiều người cho rằng Napoleon coi đó như một chiến lợi phẩm của cuộc chinh phục Ai Cập. Song, tôi không nghĩ như thế mà đoán rằng có lẽ Hoàng đế Napoleon đã biết được một phần nào bí mật của những cây thạch trụ nên mới mang nó về đặt tại Paris. Mặc dù nó đứng giữa thủ đô Paris từ bấy lâu nay nhưng các nhà khảo cổ, các nhà ngôn ngữ học cũng chưa biết những chữ trên cây thạch trụ này có ý nghĩa gì.

Khi chiếm Ai Cập, người Anh cũng tháo gỡ một cây thạch trụ mang về thủ đô Luân Đôn dựng cạnh bờ sông Thames. Cả hai thạch trụ này đều có khắc những ám tự nhưng cho đến nay không ai hiểu nó ám chỉ điều gì. Hiện nay, các nhà khảo cổ vẫn còn bàn cãi về nguồn gốc và mục đích tồn tại của những thạch trụ này, nhưng chưa thể đi đến một kết luận nào cả. Cũng như cho đến nay chưa ai biết các kim tự tháp được xây với mục đích gì.

Tôi hỏi thêm:

- Vậy theo ông thì những dòng chữ này có ý nghĩa gì?

Giáo sư Baader mỉm cười, đáp:

- Theo ý kiến của tôi, những ám tự này là chìa khóa huyền môn mà chỉ những bậc đạo đồ tu tập cao siêu, đã mở được đạo nhãn, mới có thể hiểu được. Nếu cứ dịch sát nghĩa từng câu, từng chữ rồi phỏng đoán sai lạc, trở thành những câu nói ngây ngô thì thật vô ích. Những ý nghĩa tượng trưng, bóng bẩy, những lời tiên tri không phải là điều giản đơn mà một người bình thường có thể hiểu được. Do đó, cần phải có thêm những công trình nghiên cứu đi xa và đi sâu hơn nữa.

Tôi gật đầu đồng ý vì trong thâm tâm tôi cũng biết rằng còn có những nền văn minh cổ xưa hơn nữa, nhưng đây là những điều không thể nói ra. Tôi hỏi tiếp:

- Vậy ông định tiếp tục nghiên cứu như thế nào?

Giáo sư Baader chia sẻ:

- Mặc dù một số kiến thức về khoa học ngày nay đều ít nhiều phát xuất từ người Do Thái thời xưa, nhưng mấy ai đặt câu hỏi rằng người Do Thái đã học được những điều ấy từ đâu? Nếu người Do Thái học từ Ai Cập thì người Ai Cập đã học những điều này ở đâu? Cho đến nay hầu hết các tài liệu nghiên cứu về các nền văn minh cổ đều dừng lại tại Ai Cập hay Lưỡng Hà vì đó là những nền văn minh được xem là cổ xưa nhất. Tuy nhiên, nếu loại bỏ các thành kiến hẹp hòi thì gần đây chúng tôi đã tìm được nhiều tài liệu cổ xưa hơn tại Ấn Độ, Tây Tạng và Trung Hoa. Do đó, tôi nghĩ rằng đã đến lúc những nhà nghiên cứu, những nhà khảo cổ phải tìm đến những nền văn minh này để học hỏi thêm.

- Thế ông cho rằng nền văn minh Ấn Độ, Trung Hoa còn xưa hơn cả Ai Cập sao?

- Nếu chỉ căn cứ vào những di tích đào bới được tại nơi đó thì nền văn minh phương Đông như Ấn Độ và Trung Hoa chỉ bắt đầu khoảng bốn ngàn năm trước Công nguyên với những giai thoại mơ hồ mà ngày nay chúng ta gọi là huyền thoại. Do đó, các nhà khảo cổ

xếp nền văn minh Trung Hoa thật sự bắt đầu vào khoảng ba ngàn năm trước Công nguyên, nghĩa là sau nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. Tuy nhiên, vì thiếu các công trình nghiên cứu nghiêm túc, biết đâu vùng đất chung quanh Ấn Độ, Trung Hoa hay Tây Tạng còn ẩn giấu những di tích văn minh nào đó mà chưa mấy ai biết đến.

Vào năm 1924, các nhà khảo cổ đã tìm được một thành phố cổ ở phía Đông Bắc xứ Ấn Độ (Mohenjo Daro) với hàng trăm ngôi nhà được xây bằng đất rất chắc chắn. Một số nhà còn được xây hai tầng. Mỗi nhà đều có phòng ngủ, phòng bếp, nhà tắm và nhà vệ sinh riêng với hệ thống dẫn nước từ sông vào nhà và các ống cống thoát nước đi nơi khác. Những căn nhà này đều được thiết trí theo đồ án hẳn hoi, cứ vài chục nhà lại có một quảng trường, mà các nhà khảo cổ cho rằng đó là nơi họp chợ hoặc là nơi hội họp công cộng. Các phương pháp định niên đại xác nhận rằng nền văn minh này đã xuất hiện khoảng từ mười ngàn cho đến mười lăm ngàn năm trước Công nguyên, nghĩa là tồn tại trước cả nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà nữa. Không ai biết gì về nền văn minh này cũng như những người sống tại đó, và nghiên cứu này vẫn đang tiếp diễn. Nếu ta nhìn vào con số thời gian thì lúc này hầu như tất cả mọi người tại châu Âu vẫn còn sống trong thời kỳ đồ đá, chưa biết xây cất nhà cửa, chỉ biết hái lượm hay săn bắn mà thôi. Chúng ta phải kết luận thế nào đây? Phải chăng từ ngàn xưa đã có những nền văn minh tồn tại ở nhiều nơi trên thế giới mà vì lý do nào đó đã biến mất một cách bí ẩn?

Giáo sư Baader khôi hài nói:

- Nếu vì lý do gì đó mà hầu hết con người ở thời đại văn minh này biến mất trên bề mặt địa cầu, vài trăm năm nữa người ta đào bới được các khí cụ thô sơ của các bộ lạc bán khai tại châu Phi thì họ sẽ nghĩ thế nào? Phải chăng sẽ có người kết luận rằng con người thuộc thế kỷ hai mươi này chỉ biết sống man rợ, ăn lông ở lỗ mà thôi?

Trước những bằng chứng mới mẻ vừa được khám phá, chúng ta cần đặt câu hỏi rằng phải chăng từ ngàn xưa, nhiều nơi trên bề mặt địa cầu, nhất là ở phương Đông, đã có những nền văn minh phát triển rất cao so với phương Tây. Phải chăng khi người phương Tây

còn sống man rợ trong núi non, rừng thẳm thì người phương Đông đã biết sống hợp quần, xây cất được những đô thị, phát triển về nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ và đặc biệt có một đời sống tinh thần rất cao? Phải chăng khi người phương Tây còn bận rộn với việc tìm kế sinh nhai thì người phương Đông đã biết suy nghĩ về những điều thâm sâu, rộng lớn hơn và đã có những lời giải đáp cho thắc mắc của họ?

Thí dụ như Ấn Độ là một quốc gia đặc biệt với những truyền thống tôn giáo lạ lùng, phức tạp, khó diễn tả. Gần đây, các nhà khảo cổ đã tìm được nhiều tài liệu cổ viết từ bảy ngàn năm trước Công nguyên mà những nhà cổ ngữ học thông thái nhất vẫn chưa truy cứu ra lai lịch của nó. Chưa ai hiểu những chữ loằng ngoằng kỳ lạ này muốn nói lên điều gì. Nó còn cổ xưa hơn chữ Phạn nữa, do đó nó phải xuất phát từ một nền văn minh xa xưa nào đó mà chưa ai biết. Nếu các đạo sĩ Ai Cập hay Do Thái đã cẩn thận gìn giữ các giáo lý bí truyền của họ thì người Ấn còn gìn giữ cẩn mật hơn nữa. Thay vì truyền bá cho một thiểu số đạo đồ chọn lọc như tại Ai Cập hay Do Thái, thì khoa huyền môn Ấn Độ chỉ được truyền bá trong trường hợp đặc biệt, vì ích lợi chung.

Từ ngàn xưa, người Ấn Độ đã sở hữu một kho tàng kiến thức khoa học bao quát rất nhiều lĩnh vực, từ thiên văn đến địa lý, từ toán học đến siêu hình học. Yoga mà người ta biết đến hiện nay chỉ là một chương nhỏ nằm trong bộ sách rất dày ghi chép những kiến thức của người xưa mà nay đã thất truyền.

Các tài liệu cổ ghi nhận rằng Ấn Độ đã từng có một thời đại hoàng kim, một thời đại mà con người biết sống thuận theo các quy luật tự nhiên. Sau đó, xứ này đi vào giai đoạn suy vong do không biết kiềm chế các dục vọng, nhất là tình dục nam nữ và đi đến sự loạn luân. Để giải quyết tình trạng rối loạn xã hội này, các bậc đạo trưởng đã họp và quyết định cho giảng dạy một phần nhỏ trong quyển sách ghi nhận kiến thức thời cổ. Đó là chương Yuj mà ngày nay gọi là Yoga. Đây chỉ là phần chỉ dạy phương pháp tu luyện thể xác và tinh thần để phối hợp thân với tâm, phát triển khả năng trí tuệ của con người. Nếu điều này là thật thì bộ sách kia, cái kho tàng văn hóa thiêng

liêng của Ấn Độ thời xưa, phải là sản phẩm của một nền văn hóa cao siêu vô cùng. Dĩ nhiên hiện nay không còn ai thấu suốt điều gì về nền văn minh đó nữa.

Giáo sư Baader giải thích:

- Ông cũng biết dân tộc nào cũng đều có những huyền thoại về nguồn gốc của họ, mô tả địa thế, núi non, sông ngòi và tổ tiên của họ đã xây dựng nền văn hóa của họ ra sao. Nhiều người cho rằng đó chỉ là truyền thuyết được người sau phóng đại lên nên không có giá trị về mặt sử liệu, nhưng biết đâu nó cũng ẩn giấu điều gì đó mà chúng ta chưa biết đến. Theo tôi thì các huyền thoại không chỉ là sự tưởng tượng đâu, mặc dù chi tiết không chính xác, nhưng nó luôn luôn chứa đựng những ẩn nghĩa mà người đời sau phải xem xét để hiểu rõ công trình của tiền nhân. Một quốc gia không thể đứng vững lâu dài trong lịch sử nếu không có những vị anh hùng chiến đấu để bảo vệ đất nước của họ. Một quốc gia không thể tồn tại nếu không có một nền văn hóa xuất sắc riêng biệt, khác với văn hóa của các quốc gia quanh đó. Nếu không, họ sẽ bị đồng hóa. Nếu chỉ dựa trên lý luận khoa học rồi bác bỏ những huyền thoại thì thật đáng tiếc.

Tôi thắc mắc:

- Tại sao ông lại chú trọng đến những huyền thoại như thế?

Giáo sư Baader tiếp tục chia sẻ:

- Như ông cũng biết, thiên anh hùng ca Iliad của Homer là một huyền thoại nói về trận chiến giữa lãnh chúa Agamemnon và thành Troy để cướp lại một tuyệt sắc giai nhân tên là Helen. Cuộc chiến thành Troy đề cao những vị anh hùng như Hector, Achilles, Ulysses… cũng như sự can thiệp của các thần linh Hy Lạp vào đời sống con người. Từ bao năm nay, mọi người đều coi đó là sự tưởng tượng phong phú của thi sĩ Homer. Ngày nay, người ta đã tìm được di tích thành Troy và rất nhiều tài liệu liên quan đến trận chiến này. Do đó, mọi người công nhận rằng “huyền thoại” này là một sự kiện lịch sử, với chi tiết và nhân vật có thật, mà Homer chỉ thêm thắt vài chi tiết vào bản trường ca bất hủ này thôi.

Như ông biết, từ xưa, Hy Lạp đã có một nền văn minh phát triển rất cao. Các triết gia, sử gia và học giả xứ này đã truyền dạy các môn khoa học, triết học, toán học và chiêm tinh học mà ảnh hưởng của nó vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Chính nền văn minh Hy Lạp đã đặt nền móng cho nền văn minh châu Âu hiện tại. Lịch sử Hy Lạp đầy những huyền thoại và các bài thơ đề cao các anh hùng lập quốc, các chiến sĩ can trường sẵn sàng hy sinh để bảo vệ quê hương của họ. Không một nền văn hóa nào lại có nhiều anh hùng đến thế. Một nhà sử học đã lập danh sách những anh hùng Hy Lạp thời cổ, dù đó là nhân vật có thật hay huyền thoại, và đưa ra con số hơn năm ngàn người. Tại sao lại nhiều đến thế?

Nếu xem xét bối cảnh lịch sử lúc đó, ông có thể thấy Ba Tư là một cường quốc đang bành trướng rất mạnh, họ xâm lăng và chiếm gần hết các quốc gia quanh vùng, rồi đồng hóa các giống dân khác như Metani, Hittite, Assyria, Ai Cập, và đe dọa cả Hy Lạp. Ba Tư đã kiểm soát các vùng biển chung quanh Hy Lạp, chiếm các đảo như Crete, Eubeas, Rhodes, Sacconi và Santorini để kiểm soát và làm chủ các hải lộ giao thương quan trọng. Người Ba Tư cho rằng Địa Trung Hải thuộc về lãnh thổ của họ và họ có ý đồ làm chủ tất cả hải lộ tại đây.

Đã có nhiều trận chiến xảy ra giữa hai quốc gia này. Ba Tư đã nhiều lần mang quân xâm lăng Hy Lạp, nhưng nhờ tinh thần anh dũng của người dân xứ này mà Hy Lạp vẫn giữ được độc lập. Sau đó, dưới sự chỉ huy của Alexander Đại đế, người Hy Lạp không những đã chinh phục Ba Tư mà còn kiểm soát hơn một nửa thế giới.

Các nhà viết sử chỉ biết ca tụng chiến thắng oai hùng của Hy Lạp mà không để ý đến một chi tiết vô cùng quan trọng. Dựa theo các tài liệu cổ thì lúc đó binh lực, vũ khí và chiến thuyền của Ba Tư tối tân hơn Hy Lạp rất nhiều. Trong các trận đánh trên bộ thì số binh lính của Ba Tư nhiều gấp ba lần Hy Lạp nhưng tại sao Ba Tư lại thua thảm hại, hết trận này đến trận khác, và cuối cùng phải quy phục Hy Lạp? Ông có biết vì lý do gì không?

Tôi suy nghĩ, rồi lắc đầu:

- Tôi không rõ, phải chăng người Hy Lạp đã có những kế hoạch táo bạo hay chiến lược hiệu quả?

Giáo sư Baader bật cười:

- Không phải thế đâu. Cả hai nước đều có binh lực hùng mạnh và tướng lãnh đại tài. Theo tài liệu sử học thì tinh thần yêu nước của người Hy Lạp lúc đó rất cao. Tại sao thế? Vì văn hóa của họ chú trọng vào tinh thần yêu nước nâng cao sĩ khí của toàn dân. Theo tài liệu thì lúc đó không một binh sĩ Hy Lạp nào mà không thuộc lòng các bài thơ của thi sĩ Homer đề cao các vị anh hùng. Theo tôi, chính những bài thơ, bài hát ca tụng tinh thần bất khuất, can trường của các vị anh hùng như Hercules, Achilles, Agamemnon, Hector, Ulysses… đã khơi dậy tinh thần chiến đấu anh dũng của người Hy Lạp, và đó chính là nguyên nhân quan trọng trong cuộc chiến bảo vệ đất nước. Không phải cứ có binh lính nhiều, vũ khí tốt mà có thể thắng trận, chính tinh thần anh dũng, can đảm, cương quyết, không sợ hãi mới là lý do chính đã đem lại chiến thắng cho quân lực Hy Lạp và đưa nước này lên địa vị hùng cường ít lâu sau khi Alexander Đại đế lên nắm quyền.

***

Tôi nhớ lại tất cả những trải nghiệm tiền kiếp của mình cùng những câu chuyện thú vị với ông Kris và giáo sư Baader, tôi đã nghiệm ra được một chân lý. Như vậy, qua nhiều nghiên cứu, thực nghiệm, trải nghiệm thực tế và lịch sử đã chứng minh điều mà trước giờ rất nhiều thế hệ con người, nhiều tôn giáo và nhiều bậc triết học thiên tài đã từng tranh cãi: "Không chỉ có kiếp người mới có luân hồi, tái sinh mà các đế chế, triều đại, các nền văn minh của nhân loại của hành tinh này cũng có những chu kỳ luân hồi - theo một quy luật không có gì là vĩnh hằng mãi mãi".

*Phần bảy*

# THÀNH - TRỤ HOẠI - DIỆT VÒNG TRÒN VŨ TRỤ

---

Tôi đã thực hành phương pháp tĩnh tâm được hơn một tháng và cảm thấy thoải mái, dễ chịu, hơi thở dần dần nhẹ nhàng hơn trước. Tôi ngồi xuống sàn theo tư thế kiết già, lúc đầu cũng đau chân và mỏi lưng một chút nhưng tôi nhớ lời dặn của ông Kris, cứ tập trung tư tưởng để hít thở nhẹ, giữ đầu óc bình thản. Tôi biết cái đau là do thể xác chưa quen, nếu cứ xoay chuyển cho bớt đau thì tôi sẽ không làm chủ được thể xác nên tôi giữ vững tư thế, ngồi yên chịu đựng. Ít lâu sau, cảm giác đau nhức dần dần mất hẳn. Từ đó, tôi suy nghiệm được rằng cảm giác đau đớn bắt nguồn từ trong tâm, và nếu giữ tâm tĩnh lặng thì cơn đau không thể ảnh hưởng được nữa.

Thấy tôi ngồi xếp bằng, Angie ngạc nhiên hỏi:

- Anh giờ cũng tập thiền nữa sao?

Không muốn giải thích nhiều nên tôi chỉ nói qua loa:

- Thì tập cho đầu óc thoải mái một chút, chứ gần đây công việc của anh căng thẳng quá.

Nghe thế, Angie nói:

- Nếu anh cần tĩnh dưỡng thì tại sao chúng ta không đi Colorado nghỉ ngơi ít hôm?

Tôi đồng ý nên cuối tuần đó, chúng tôi đã có mặt tại căn nhà nghỉ dưỡng. Sau khi nghỉ ngơi được vài ngày, tôi đến thăm ông Kris và kể cho ông ấy nghe về việc thực hành phương pháp tĩnh tâm mà ông đã từng khuyên tôi.

Ông Kris vui vẻ nói:

- Nếu có thể ngồi vững vàng và giữ được tâm tĩnh lặng thì ông đã vượt qua được giai đoạn khó khăn lúc đầu rồi. Bây giờ, ông cần tập trung loại bỏ những tư tưởng không cần thiết, không cho nó chạy loạn xạ nữa. Giai đoạn này sẽ cần nhiều thời gian hơn vì những thói quen suy nghĩ trong quá khứ sẽ khuấy động tâm của ông. Tuy ngồi yên nhưng đầu óc của ông sẽ nảy sinh không biết bao nhiêu tư tưởng, hết cái này đến cái khác. Do đó, ông phải biết quan sát nhưng không để cho chúng ảnh hưởng đến ông. Cứ để mặc cho chúng đến và đi một cách tự nhiên, ông sẽ thấy các tư tưởng nổi lên như thế nào, hoạt động ra sao, rồi mất đi hay chìm xuống. Ông phải thản nhiên, không can thiệp, giữ vững hơi thở thì theo thời gian sẽ có định (samadhi). Định lực phát xuất từ lòng kiên nhẫn. Dù thể xác có đau, vẫn giữ vững tư thế. Dù đầu óc có sinh ra những tư tưởng này nọ, vẫn duy trì nhịp thở, không để chúng ảnh hưởng. Sau khi thực hành được một thời gian thì ông sẽ tiến bộ. Điều quan trọng vào lúc này là phải tiếp tục tuân thủ theo đúng thời khắc, không thay đổi. Đây là thói quen cần thiết phải giữ vì nếu chăm chỉ ngồi vài ngày rồi nghỉ vài ngày thì khó có thể tiến xa được.

Tôi cảm ơn ông Kris về lời chỉ dẫn đơn giản, dễ hiểu này. Đoạn, ông Kris giải thích thêm:

- Trong thời buổi hiện nay, có rất nhiều thứ làm xao lãng đầu óc con người nên rất khó thực hành theo những phương pháp như người xưa đã làm. Trong thế giới của công nghệ, tâm lý con người đã bị quá nhiều thứ ảnh hưởng và chi phối. Do đó, ta phải bắt đầu từ những bước căn bản, tập thành thói quen, để phát triển định lực thì mới có thể đối trị được tình trạng của thời đại hiện nay. Khi đã có định thì lúc đó mới có thể đi sâu được. Do đó, việc thực hành không được vội vàng, hấp tấp.

Tôi kể cho ông Kris nghe về nghiên cứu của giáo sư Baader. Ông Kris nói, vẻ hứng thú:

- Hiển nhiên các nghiên cứu khảo cổ có thể phát hiện thêm nhiều dữ kiện về các nền văn minh cổ xưa và nguồn gốc của con người.

Thấy ông Kris có vẻ cũng am hiểu những chuyện này, tôi bèn hỏi thêm:

- Liệu chúng ta có thể biết được nguồn gốc của con người hay tương lai của nhân loại hay không?

Ông Kris bật cười:

- Câu hỏi "Con người từ đâu đến và sẽ đi về đâu?" là một câu hỏi đã có từ ngàn xưa. Đã có biết bao nhiêu lý thuyết được đặt ra để trả lời câu hỏi này nhưng không một lý thuyết nào giải đáp được nó một cách thỏa đáng. Mỗi thời đại đều cố gắng giải đáp nó theo quan niệm và nền tảng giá trị thịnh hành vào lúc đó. Hiển nhiên khi xã hội thay đổi, khoa học tiến bộ, nền tảng giá trị thay đổi, thì các quan niệm, lập luận cũng thay đổi theo. Tuy nhiên, hiện nay chưa có một lý thuyết nào có giá trị lâu dài, chịu được sự thử thách của thời gian.

Ông Kris giải thích thêm:

- Cách đây nhiều thế kỷ, mọi người tin rằng có một Đấng Hóa Công sinh ra vạn vật, bao gồm con người. Tuy nhiên, theo lý luận của thời đại khoa học thì loài người bắt nguồn từ những sinh vật đơn bào, dần dần biến đổi thành các sinh vật phức tạp hơn như loài cá, loài bò sát, loài có vú, rồi tiến hóa thành loài linh trưởng, cuối cùng trở thành loài người. Thuyết Tiến hóa của nhà sinh vật học Charles Darwin trở thành nền tảng của khoa học thực nghiệm, đánh đổ thuyết Hóa công trước đó. Nói cách khác, khoa học đã đưa ra một lý luận để dẹp bỏ đức tin về Đấng Hóa Công. Trong tương lai, biết đâu lại có một quan niệm khác đánh đổ thuyết Tiến hóa của Darwin. Tóm lại, tùy theo sự hiểu biết của con người trong từng thời đại mà quan niệm về nguồn gốc con người cũng theo đó mà đổi thay.

- Nếu thế thì người xưa quan niệm về nguồn gốc con người như thế nào?

- Từ ngàn xưa, các bậc hiền triết đã biết quan sát tự nhiên nên cách nhìn của họ không dựa trên những lý thuyết trừu tượng hay dữ kiện khoa học như ngày nay. Có một cuốn sách cổ của Do Thái là cuốn Siphra Dzeniouta, được coi là cuốn sách lâu đời nhất, đã đề cập đến tài liệu kia với chú thích rằng "Trích dẫn trong sách cổ của tiền nhân". Nếu thế thì tài liệu này phải được viết từ xưa lắm vì các học giả Do Thái, nổi tiếng là cẩn thận và tỉ mỉ, cũng không thể truy cứu ra lai lịch của nó. Tài liệu này gồm có những phương trình toán học thể hiện những sự thay đổi trong vũ trụ với những vòng xoáy và công thức mà các nhà nghiên cứu ngày nay vẫn còn nhức óc tìm cách lý giải vì nó quá phức tạp.

Theo tài liệu này thì mọi sự trên thế giới đều thay đổi theo vòng xoáy chứ không phải theo đường thẳng từ thấp lên cao, như các nhà khoa học ngày nay chủ trương. Mỗi vòng là một chu kỳ bao gồm bốn giai đoạn là Thành, Trụ, Hoại, Diệt trước khi chuyển qua một chu kỳ khác. Quan niệm về chu kỳ thật ra đã được người Ấn Độ và Trung Hoa đề cập đến trong các sách vở của họ từ lâu rồi, nhưng họ không đi vào chi tiết và sử dụng phương trình toán học như tài liệu cổ xưa kia.

Theo tài liệu này thì mỗi chu kỳ đều có những nền văn minh xuất hiện, phát triển, suy tàn, rồi biến mất, nhường chỗ cho nền văn minh khác ở chu kỳ sau. Do đó, chúng ta có thể suy nghiệm rằng biết đâu từ xưa đã có những nền văn minh của những giống người có thể mang hình thể khác chúng ta, với sự hiểu biết khác chúng ta, đã có mặt trên trái đất này, và sau khi phát triển, đã suy tàn và biến mất khi chu kỳ của họ đi vào giai đoạn Hoại và Diệt.

Hiện nay, dĩ nhiên không ai tin khi trước đã có những giống người thời cổ, khác với chủng loại của chúng ta, hay những nền văn minh cổ với sự hiểu biết khác hẳn chúng ta. Càng ngày càng có nhiều khám phá về nguồn gốc của con người. Khi các nhà địa chất tìm thấy những khí cụ bằng đá thô sơ thì họ kết luận rằng nếu đi lùi xa hơn thời kỳ đồ đá, thì nhân loại lúc đó chỉ là những người man rợ,

không khác gì loài thú. Do đó, khi Charles Darwin đưa ra giả thuyết con người bắt đầu từ một giống vượn rồi tiến hóa thành người, quan niệm này đã được các nhà khoa học thế kỷ mười chín và hai mươi chấp nhận ngay, rằng nền văn minh của chúng ta ngày nay là kết quả của sự tiến hóa từ thấp lên cao, từ man rợ đến văn minh, rằng ngày nay chúng ta đang ở trên tột đỉnh qua các khám phá và phát minh của khoa học thực nghiệm.

Tôi bật cười:

- Tuy thế nhưng nói rằng từ xưa đã có những giống người khác hẳn chúng ta trên quả đất này thì thật khó tin.

Ông Kris thong thả nói tiếp:

- Khi xưa, có một truyền thuyết phổ biến trong giới học giả Hy Lạp được triết gia Plato ghi nhận trong cuốn Phaedrus đó là: “Con người đã từng, và sẽ trở thành, những sinh vật có cánh, sống trong cảnh trời với các thần linh. Thật ra họ vốn là thần linh, vì để rơi mất cánh mà phải sống dưới trần làm người. Đến khi nào tìm lại được đôi cánh thì họ sẽ bay về quê hương của họ”.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Triết gia Plato đã viết như thế sao? Tôi chưa từng đọc cuốn Phaedrus, nhưng biết đâu đó chỉ là một ẩn dụ, đề cập đến một vấn đề gì đó?

Ông Kris gật đầu đồng ý:

- Dĩ nhiên, chưa có bằng chứng nào cho thấy con người khi xưa đã từng có cánh và bay lượn trong không gian. Cách đây không lâu, các nhà khảo cổ đã tìm thấy trong kim tự tháp ở Nam Mỹ một tài liệu cổ tên là Popol Vuh, trong đó ghi nhận nguồn gốc của nhân loại như sau:

“Khi xưa, con người không có hình thể rõ ràng như ngày nay mà chỉ là những thực thể thanh nhẹ, sống trong thế giới gần với các thần

linh. Họ có khả năng lý luận sâu sắc và liên lạc với nhau bằng tư tưởng. Những thực thể này sở hữu một thứ nhãn quan gần như là vô hạn, có thể nhìn thấy tất cả mọi sự. Thế giới của họ toàn là những chủng loại vô hình, tốt cũng như xấu, cao cũng như thấp. Sống trong cảnh giới thanh cao, nhìn thấy được những thế giới khác nên một số người tò mò tìm đến thế giới này rồi bị ô trược. Khi thân thể của họ bị những yếu tố vật chất nặng trược bám vào, họ không thể quay trở về cõi giới thanh nhẹ được nữa mà bắt buộc phải ở lại đây. Để sống trong thế giới ô trược này, họ phải tạo ra những 'bộ áo' bằng vật chất để che chắn bảo vệ cho các giác quan tinh nhạy của họ. 'Bộ áo' vật chất này đã tạo cho họ một hình thể, giúp họ thích nghi với đời sống mới. Vì được cấu tạo bởi yếu tố vật chất nên nó cản trở các giác quan của họ, khiến các giác quan không còn tinh nhạy nữa. Dần dần, 'bộ áo' này trở thành một rào cản ngăn cách họ với thế giới thanh cao kia. Do không thể liên lạc với nhau bằng tư tưởng được nữa, nên họ phải tạo ra ngôn ngữ để biểu lộ ra tư tưởng của mình. Dĩ nhiên ngôn ngữ chỉ là một phương tiện giới hạn trung gian chứ nó không thể diễn tả hết những hiểu biết thật sự. Theo thời gian, kiến thức của họ dần dần bị hạn chế bởi ngôn ngữ mà họ sử dụng. Khi tinh hoa của sự hiểu biết mất đi thì con người trở nên sa đọa, các tư tưởng thanh cao bị thay thế bởi các tư tưởng thấp hèn, các giác quan siêu việt của linh hồn bị thay thế bởi các giác quan thấp mọn của thể xác vật chất. Cuối cùng, con cháu của họ chỉ biết sống thụ động, không còn biết gì về nguồn gốc thiêng liêng hay khả năng siêu việt khi xưa nữa. Tuy nhiên, một số rất ít nhớ được đôi chút về nguồn gốc qua những câu chuyện truyền khẩu hoặc sở hữu một vài kiến thức đặc biệt nhờ biết kiểm soát thể xác, tu dưỡng tinh thần, nên họ có thể giao cảm với cõi thiêng liêng, do đó thấy được những biến cố trong tương lai. Họ là các nhà tiên tri, hay pháp sư thuở trước."

- Nghe ông giải thích một cách chi tiết như thế, tôi nghĩ có lẽ ông cũng tin rằng mọi sự đều thay đổi theo quan niệm chu kỳ?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi, rồi điềm tĩnh trả lời:

- Nếu giải thích theo lý luận khoa học hiện nay, rằng con người bắt nguồn từ loài cấp thấp, tiến hóa thành người, đi từ thấp lên cao, theo một đường thẳng và cứ tiếp tục thay đổi mãi thì quan niệm chu kỳ này không thể chấp nhận được. Nhưng nếu giải thích theo quan niệm của người xưa với những vòng xoáy, mỗi vòng là một chu kỳ khác nhau, tiếp diễn không ngừng, qua bốn giai đoạn Thành - Trụ - Hoại - Diệt, thì điều này rất có lý và có thể chấp nhận được.

Tôi hỏi dồn:

- Nhưng nếu đã có những nền văn minh như thế thì tại sao tất cả lại biến mất nhanh chóng như vậy?

Ông Kris kiên nhẫn trả lời:

- Theo vật lý học, nếu ta ném một vật lên không trung thì sức ném lúc đầu phải mạnh, nhưng dần dần giảm bớt khi lên cao, rồi chuyển hướng rơi xuống với một lực ngược lại, lúc đầu chậm, sau gia tăng mạnh lên. Cũng như thế, giai đoạn Thành và Trụ mất rất nhiều công sức nhưng khi bước vào giai đoạn Hoại và Diệt thì thường diễn ra rất nhanh. Nền văn minh nào cũng mất nhiều thời gian xây dựng mới tạo được, nhưng khi suy hoại thì biến cố này diễn ra nhanh vô cùng.

Thí dụ như, con người đã trải qua biết bao nhiêu thế kỷ mới có được nền văn minh như hiện tại, nhưng nếu xảy ra một trận đại chiến, với vũ khí nguyên tử phá tan tất cả, mọi sinh vật đều chết hết thì sao? Nếu tất cả những gì thuộc nền văn minh hiện thời đều tiêu tan hết thì đến chu kỳ sau còn ai biết gì về thời đại này nữa?

Ông Kris nhìn tôi đầy hàm ý, rồi nói:

- Tương tự như thế, nếu có trận động đất lớn xảy ra khắp thế giới, chôn vùi tất cả lục địa xuống lòng đại dương, thì đâu còn di tích nào nữa. Chuyện này đã xảy ra đối với Atlantis, ông không nhớ sao?

Tôi hỏi thêm:

- Nếu thế vào chu kỳ sau, tất cả phải bắt đầu từ con số không hay sao?

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế, tất cả phải bắt đầu lại từ đầu vì mỗi chu kỳ đều có những bài học và giá trị riêng, chỉ hữu ích cho con người vào thời đại đó thôi. Như tôi đã nói, cuộc sống là một ngôi trường và con người phải học những bài học cần thiết. Có người học nhanh, có người học chậm, do đó họ phải trải qua nhiều kiếp sống trong chu kỳ đó để học những bài học cần thiết.

Tôi hiểu nhưng vẫn thắc mắc:

- Thế rút cục người ta phải học những gì?

Ông Kris thong thả giải thích:

- Nói một cách tổng quát thì có những bài học mà toàn thể nhân loại phải học để chuẩn bị cho chu kỳ tiếp theo. Nói một cách hẹp hơn thì mỗi cá nhân cũng có những bài học riêng mà họ cần học tùy theo tâm nguyện và hoàn cảnh của người đó. Thí dụ như trong kiếp sống của ông tại Atlantis, trước khi qua đời, ông đã hối hận về hành động của ông cũng như đã có tình thương đối với Kor. Do đó, qua sự sắp đặt của luật Nhân quả, ông sẽ gặp lại cô này để trả nợ cho hành động ông đã gây ra và tiếp tục học bài học này trong những kiếp sau vì đó là ý nguyện của ông. Tất cả mọi người khi từ trần đều có những tư tưởng riêng, như yêu thương, giận hờn, thù hận, hay hối tiếc... và những điều này sẽ trở thành những yếu tố dẫn dắt họ vào kiếp sau.

- Vậy trong chu kỳ này, nhân loại đã học được gì hay chưa?

- Có nhiều thứ mà người ta cần phải học để thích ứng với những sự thay đổi trong mỗi chu kỳ. Nếu quan sát thì hiện nay có bao nhiêu là kiến thức từ những nền văn minh cổ, bao nhiêu là bài học lịch sử qua các thời đại, nhưng đã mấy ai tiếp thu được hết thảy những bài

học ấy? Do đó, chúng ta cần phải khơi gợi lại một số bài học cần thiết. Nếu không, chúng ta sẽ phải học đi học lại những bài học này.

- Theo ông thì bài học nào cần phải được khơi gợi lại?

- Mỗi kiến thức, mỗi kinh nghiệm, đều mang đến ích lợi cho mọi người để thay đổi. Hiện nay chúng ta cần gạt bỏ thành kiến và sự tự cao tự đại của nền khoa học thực nghiệm để tìm về những môn học cổ xưa, những bài học lịch sử, vì hơn lúc nào hết, chúng ta cần phải khôi phục lại những giá trị này.

Ông Kris dừng lại suy nghĩ, rồi nói:

- Cách đây không lâu, thư viện Astor New York đã sưu tầm được một cuốn cổ thư Ai Cập có nhan đề Phương pháp chữa bệnh nội thương của Thoth. Đó là một bản sao được chép lại vào khoảng một ngàn năm trăm năm trước Công nguyên, viết trên loại giấy chỉ thảo tốt nhất, dài hơn hai mươi thước, rộng không quá ba mươi phân được cuộn lại trong một chiếc ống đồng chạm trổ tinh xảo. Nội dung cuốn sách chia làm một trăm mười chương, có đánh dấu cẩn thận, đề cập đến những phương pháp điều trị các bệnh nội thương, cũng như các dược chất và công thức pha chế thuốc men với nhiều vị thuốc mà ngày nay người ta vẫn chưa biết đến. Ngoài ra, nó đề cập rất rõ trách nhiệm và bổn phận của người y sĩ trường Khoa học của sự Sống tại Abydos, việc họ đã được huấn luyện như thế nào, có lời tuyên thệ cam kết làm việc ra sao. Đó là một bản giao ước mang tính thiêng liêng giữa những người được chọn vào trường Khoa học của sự Sống với mục đích và tôn chỉ của trường này. Nó liên kết người y sĩ mới tốt nghiệp với những thế hệ y sĩ trước đó, cũng như với Thoth, người khai sáng ra nền y học Ai Cập. Nó giúp các y sĩ thời cổ hành động theo đúng với lương tâm và chức nghiệp.

Ngày nay, các y sĩ cũng có lời tuyên thệ Hippocrates nhưng mấy ai tuân theo? Phần lớn họ chỉ coi đó là một nghi thức trong lễ tốt nghiệp chứ mấy ai coi trọng lời tuyên thệ này đâu. Khi hành nghề thì nhiều người đã để cho mục đích kiếm tiền ảnh hưởng đến việc làm của họ. Hiện nay, ông có thể thấy hầu hết hệ thống y khoa hiện đại đều huấn luyện y sĩ chữa bệnh chứ không chú trọng gì đến lương

tâm hay chức nghiệp nữa. Hầu hết các bệnh viện hay y sĩ chỉ quan tâm đến việc chữa trị cho những người có thể trả tiền mà thôi, chứ ít ai coi y nghiệp là một thiên chức cao quý nữa. Do đó, chúng ta cần khôi phục lại truyền thống y học cao đẹp cổ xưa này.

Theo triết gia Iamblichus (245 – 325) thì khi xưa cuốn sách này vẫn được cất giữ cẩn thận trong đền thờ Khoa học của sự Sống tại Abydos. Khi Alexander Đại đế chinh phục Ai Cập, ông cho sưu tầm, sao chép các tài liệu, sách vở của nền văn minh Ai Cập mang về cất giữ trong thư viện tại thành phố mang tên ông là Alexandria để các học giả đời sau nghiên cứu. Đây là một thư viện khổng lồ được xây cất rất công phu với tường vách bằng đá bao bọc chung quanh, chính giữa có một khu vườn trồng nhiều cây cao bóng mát để cho các học giả thảnh thơi nghiên cứu. Theo Iamblichus, lúc đó thư viện này chứa đựng hơn sáu vạn tài liệu, được đánh dấu cẩn thận theo số thứ tự.

Khi người La Mã xâm lăng Ai Cập, Hoàng đế Julius Caesar đã cho phá những bức tường lớn bao bọc chung quanh thư viện để lấy gạch đá xây cất đường sá, một số quân lính nhân cơ hội này lấy đi những đồ vật quý giá, do đó một số tài liệu cũng bị thất thoát. Khi người Ả Rập chiếm Ai Cập, việc đầu tiên họ làm là đốt tất cả những gì thuộc về văn hóa Ai Cập để đồng hóa xứ này vào nền văn minh của họ. Thư viện Alexandria đã bị vua Umar bin Al Khattab ra lệnh thiêu hủy, tất cả sách vở đều bị đốt để không còn người Ai Cập nào biết đến văn hóa của họ nữa. May thay, cuốn sách này được cất giữ trong một ống đồng nên không bị ngọn lửa thiêu hủy. Đầu thế kỷ hai mươi, một kiến trúc sư người Anh khi đào đất để xây cất hải cảng tại đây đã tìm được nó. Cuốn sách này ghi rõ xuất xứ của nó từ thư viện Alexandria. Ông này bèn tặng cho thư viện Astor để lưu trữ. Do đó, chúng ta mới biết rằng ngày xưa nền văn minh Ai Cập, nhất là y học, đã tiến bộ và đào tạo y sĩ như thế nào.

- Nhưng việc tìm thấy lại tài liệu này đâu thể thay đổi được gì?

- Ngày nay, đa số mọi người đều sống vội vã, thụ động và để cho tiền bạc, của cải vật chất chi phối họ. Dĩ nhiên không ai có thời giờ xem những tài liệu cổ để biết người xưa đã làm việc như thế nào.

Tuy nhiên, chỉ cần vài người có tâm huyết, đề xướng và hành động theo như thế thì mọi việc sẽ thay đổi. Hiện nay hầu hết mọi người làm việc, bất cứ nghề nghiệp gì, cũng thiếu đi một hai yếu tố quan trọng là lòng trắc ẩn và lương tâm chức nghiệp. Nền giáo dục hiện nay dạy con người làm việc để kiếm sống chứ không hề đề cao đạo đức và lương tâm chức nghiệp, do đó nó còn thiếu sót và cần được bổ túc thêm. Dĩ nhiên, mọi người đều phải làm việc để nuôi thân nhưng họ cũng cần làm việc với tình yêu thương và tinh thần trách nhiệm nữa. Đời người trôi qua rất nhanh, mong manh như bọt nước, sống nay chết mai, nhưng mấy ai ý thức được điều đó. Đời người lúc thịnh lúc suy, tiền tài sự nghiệp cũng lúc có lúc không, lúc giàu sang phú quý, lúc nghèo túng, khổ sở. Nếu sống mà không có mục đích rõ ràng trong đời, nếu không có lòng trắc ẩn hay lương tâm chức nghiệp ngay từ lúc bắt đầu làm việc, thì bất luận làm gì, hay đi hướng nào, ta rất dễ bị mê mờ, bị chi phối bởi lòng tham, rồi lạc mất mục đích, mất phương hướng, không còn nhận biết con đường mình phải đi, nên càng sống càng mờ mịt, phải hứng chịu những hậu quả của việc mình làm. Người xưa đã học được những bài học này nên để lại những tài liệu hữu ích. Nếu ta không biết khôi phục lại những giá trị đạo đức này thì khó mà tránh khỏi những hậu quả to lớn sẽ xảy đến trong tương lai.

- Theo ông thì hiện nay nhân loại cần thức tỉnh học hỏi điều gì để có thể thích ứng với chu kỳ hiện tại?

- Ông vừa dùng từ “chu kỳ”... phải chăng bây giờ ông cũng tin rằng mọi sự đều tuân theo luật Chu kỳ? Thật ra điều này rất rõ ràng, nhưng nhiều người không để ý đấy thôi. Ông hãy nhìn vào sự thay đổi của ngày và đêm. Ngày bắt đầu từ lúc rạng đông, rực rỡ vào buổi trưa, thoái hóa vào lúc hoàng hôn, và mất đi khi màn đêm xuống. Đời người cũng thế, bắt đầu từ khi sinh ra, lớn lên, rồi già yếu và sau cùng là chết. Nếu nhìn rộng hơn nữa, sự phát triển của quốc gia cũng như thế. Khi được khai lập là Thành, khi phát triển lớn mạnh là Trụ, rồi suy thoái là Hoại, và biến mất trên bản đồ là Diệt. Tuy nhiên, các giai đoạn này kéo dài lâu hay chóng còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa. Điều này chỉ có thể giải thích bằng luật Nhân quả.

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao lại là luật Nhân quả?

Ông Kris giải thích, giọng điềm đạm:

- Luật Nhân quả là một quy luật của vũ trụ. Một người hành động như thế nào sẽ tạo ra phản ứng ngược lại. Tất cả những gì ta làm sẽ quay lại chi phối chính mình, do đó mỗi người phải chịu trách nhiệm cho những việc mình làm. Đây được gọi là biệt nghiệp, hay nghiệp quả riêng của từng cá nhân. Do sự thu xếp mầu nhiệm và phức tạp của nhân quả nên những người có nghiệp nhân giống nhau sẽ sống gần nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, và hưởng thụ hay chịu đựng cùng nhau. Đây được gọi là cộng nghiệp, hay nghiệp quả chung của số đông.

Cũng như thế, mỗi quốc gia đều có nghiệp quả riêng của nó. Những người được sinh ra hay sống trong cùng một quốc gia đều có mối liên hệ với nhau, hay cùng chung một cộng nghiệp. Cộng nghiệp của một quốc gia không chỉ riêng cho con người, mà cho mọi sinh vật sống trong đó. Nếu nhìn vào thế giới ngày nay, ông có thể hỏi tại sao có người được sinh ra ở quốc gia này chứ không phải ở quốc gia khác? Tại sao có người được sinh ra ở một quốc gia hùng cường, giàu mạnh, hưởng mọi sự sung sướng trong khi người khác được sinh ra ở những nơi nghèo đói, chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai triền miên?

Tôi muốn hiểu sâu hơn về điều này, bèn nói:

- Xin ông hãy giải thích cụ thể hơn nghiệp quả quốc gia diễn ra như thế nào.

Ông Kris từ tốn trả lời:

- Vào thuở sơ khai, con người tụ tập thành bộ lạc. Nhờ người lãnh đạo hay tù trưởng tài giỏi thì bộ lạc mới đứng vững, không bị những bộ lạc khác tiêu diệt. Từ đơn vị như bộ lạc, sau thành làng xã, và trở thành quốc gia, là một tiến trình trải qua rất nhiều khó khăn và thăng

trầm, hoàn toàn do tài điều khiển của những người lãnh đạo. Một quốc gia được thành lập là do viễn kiến và sứ mạng của những người công thần có công xây dựng nên quốc gia đó. Nếu nhìn vào lịch sử, khi mới thành lập, quốc gia nào cũng đều có những bậc anh hùng hào kiệt, được sinh ra ở đó để xây dựng một quốc gia độc lập, với văn hóa riêng biệt theo điều kiện địa lý đặc thù.

Giai đoạn Thành là một khoảng thời gian đặc biệt, với rất nhiều người tài đến để xây dựng quốc gia đó. Không có những người này, quốc gia không thể tồn tại. Những người này phải chiến đấu, khắc phục những khó khăn, từ thời tiết, khí hậu, địa thế, đến các loài thú dữ hay những quốc gia chung quanh, mới có thể thành lập được một quốc gia độc lập. Nếu xét kỹ, ông có thể thấy sự nghiệp dựng nước của những người này lớn lao như thế nào. Tiếc thay, ngày nay không mấy ai nhớ được những việc đã diễn ra trong quá khứ, người đời sau lại hay phóng đại, thêm thắt chi tiết vào, nên con cháu họ coi đấy chỉ là những huyền thoại không có thật.

Sau giai đoạn Thành là giai đoạn Trụ. Lúc này cũng có rất nhiều nhân tài xuất hiện nhưng với nhiệm vụ là tổ chức, thành lập những cơ cấu kinh tế, văn hóa, điều kiện sống căn bản cho người dân để điều hành và phát triển quốc gia, đưa nó lên địa vị hùng cường. Nhưng đây cũng là giai đoạn quyết định số phận của quốc gia. Tùy theo người lãnh đạo điều hành quốc gia như thế nào, hành động ra sao mà giai đoạn Trụ sẽ kéo dài lâu hay chóng.

Nói cách khác, tùy theo hành động (nhân) mà người trong quốc gia đó làm sẽ tạo ra các động lực ngược lại, chi phối quốc gia đó (quả). Mọi người đều phải chịu trách nhiệm cũng như hậu quả cho việc làm của họ (cộng nghiệp). Nghiệp quả quốc gia rất phức tạp và khó giải thích vì có nhiều nguyên nhân, tốt cũng như xấu. Quốc gia nào cũng có đủ mọi loại người với các hành động khác nhau. Có người xây dựng, có người phá hoại, có người lành, có người dữ, do đó dù đã gieo nhân nhưng đôi khi quả không đến ngay mà tiềm ẩn một thời gian nên nhiều người không tin vào luật Nhân quả nữa. Thật ra đời người thì ngắn, luật Nhân quả thì phức tạp, kéo dài rất lâu, nhiều đời, nhiều kiếp, chằng chịt với nhau, không ai có thể biết khi nào

nhân sẽ trổ quả. Tuy nhiên, đã gây nhân thì chắc chắn sẽ gặt quả, vì luật Nhân quả không bao giờ sai.

Ông Kris ngừng lại như để tôi suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Vì ông đã sống tại Ai Cập nên tôi lấy nước này làm thí dụ. Sử gia Herodotus của Hy Lạp khi qua Ai Cập đã ghi nhận về tình trạng lúc đó như sau:

"Những chứng tích của nền văn minh huy hoàng khi xưa đã bị xóa bỏ hoàn toàn, chỉ còn những đền đài, lăng tẩm đổ nát, không người săn sóc. Tôi không tiếc cho những công trình kiến trúc bị bỏ hoang này, mà chỉ tiếc cho các công trình tâm huyết, các bí quyết kỹ thuật, tinh hoa tri thức của tiền nhân đã bị thất truyền, vì không ai học được những thứ này nữa. Dân Ai Cập sống lầm than, khổ cực, chỉ làm những việc để sống qua ngày, không còn ai tha thiết hay nhắc nhớ gì về thời đại huy hoàng khi xưa nữa. Ai Cập với những đồng ruộng màu mỡ nhờ phù sa sông Nile bồi đắp, cá tôm bơi lội từng đàn, với biết bao tài nguyên thiên nhiên mà nay người dân xứ này lại không đủ ăn. Tất cả mọi thứ đều đã bị thu góp mang về Nubia và Assyria."

Lịch sử Hy Lạp viết rằng khi Herodotus đến đây, Ai Cập đã trải qua một thời gian rất lâu sống dưới ách đô hộ của Nubia, rồi Assyria, những quốc gia mà khi xưa các Pharaoh Ai Cập vẫn thường mang quân đi xâm lăng, chiếm đoạt tài nguyên, bắt nô lệ, và chém giết không gớm tay.

Tôi ngậm ngùi nghĩ đến hậu quả mà người dân Ai Cập đã phải trả trong thời gian gần hai ngàn năm sống dưới ách đô hộ của Nubia, Assyria, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã, Ả Rập, Anh và Pháp. Một nền văn minh huy hoàng như thế mà hoàn toàn bị tiêu diệt, chỉ còn lại những kim tự tháp và một số đền đài, lăng tẩm đổ nát như để nhắc nhở cho người dân về một quá khứ đã qua. Ngày nay, phần lớn người Ai Cập cũng không biết rõ về nền văn hóa huy hoàng của tổ tiên họ mà chỉ coi đó là những giai thoại mơ hồ và chấp nhận văn hóa Ả Rập như là nền văn hóa chính.

Ông Kris thong thả nói tiếp:

- Đối với những chính thể, các triều đại, ngay cả các công ty lớn cũng đều chịu ảnh hưởng của luật Chu kỳ. Tất cả đều trải qua giai đoạn thành lập, phát triển, suy thoái và tiêu vong. Nhìn vào lịch sử, ông có thể thấy những triều đại vua chúa trên thế giới, ngày xưa có triều đại kéo dài hàng trăm năm, có triều đại chỉ tồn tại vài chục năm, tùy theo sự lãnh đạo và hành động của người cầm quyền nước đó. Ngay cả các chính thể, hay các công ty lớn cũng thế. Có chính thể hay công ty tồn tại được vài chục năm. Có chính thể và công ty vừa thành lập ít lâu rồi suy sụp.

Ngày nay, với sự phát triển nhanh như vũ bão của công nghệ và khoa học, đời sống con người cũng thay đổi rất nhanh. Do đó, sự tồn tại của các chính thể hay công ty cũng sẽ đổi thay nhanh hơn trước. Nếu quan sát, ông có thể thấy các chính thể và công ty lớn thuộc thế kỷ mười chín đã tồn tại được hơn một trăm năm. Qua thế kỷ hai mươi, đa số chỉ tồn tại được khoảng tám mươi năm hay ít hơn. Nhưng qua thế kỷ hai mươi mốt, ông sẽ thấy ít chính thể hay công ty nào có thể tồn tại hơn năm mươi năm và sự tồn tại sẽ thay đổi theo thời gian, ngày một ngắn đi.

Ông Kris nhấn mạnh:

- Là thương gia về tài chính tại New York, chắc chắn ông biết rõ năm trăm công ty lớn nhất Hoa Kỳ của thế kỷ mười chín đều đã phá sản vào đầu thế kỷ hai mươi, chỉ riêng công ty General Electric là còn sống sót. Hẳn ông cũng thấy thời đại huy hoàng của năm trăm công ty lớn nhất trong thế kỷ hai mươi - như công ty xe hơi, điện lực, điện thoại - cũng đã qua rồi, hầu hết những công ty này nếu chưa phá sản cũng sắp khánh tận để nhường chỗ cho những công ty công nghệ mới thành lập gần đây như Apple, Google, Microsoft, Amazon v.v…

Tôi gật đầu đồng ý:

- Điều ông nói rất hay và rất đúng. Là một chuyên gia về tài chính tại thị trường New York, tôi biết rất rõ những công ty này. Hiện nay tất

cả những công ty lớn nhất của thế kỷ mười chín đều không còn hiện hữu và hầu hết các công ty lớn nhất của thế kỷ hai mươi cũng đang ở trong tình trạng suy thoái và sắp phá sản. Theo ông, những công ty có tầm ảnh hưởng lớn hiện nay sẽ tồn tại được bao lâu?

Ông Kris mỉm cười:

- Mỗi công ty cũng có sứ mạng và nghiệp quả riêng, tùy theo tài điều khiển của người lãnh đạo và sự thay đổi thị trường, nhưng với chiều hướng thay đổi hiện nay, tôi không nghĩ một công ty nào có thể tồn tại quá bảy mươi năm. Nhân loại đang bước vào giai đoạn mà sự thay đổi sẽ diễn ra hết sức nhanh chóng và bất ngờ.

Tôi thắc mắc:

- Chúng ta vừa nói về công ty, còn các quốc gia hay chính thể thì sao? Liệu trong tương lai gần sẽ có sự thay đổi lớn nào không?

Ông Kris bật cười:

- Làm sao tôi có thể biết được? Tôi đâu phải là nhà tiên tri. Hiện nay chúng ta đang bước vào giai đoạn Hoại thì tôi nghĩ các quốc gia hay chính thể nào cũng sẽ suy tàn. Theo suy nghĩ của tôi thì khi xưa, trong giai đoạn Trụ, nhiều nước nhỏ hợp lại thành một nước lớn hay các khối lớn, thì trong tương lai sẽ có sự tan vỡ của những nước lớn hay các khối lớn thành những phần nhỏ. Vì theo chu kỳ, tất cả mọi sự, mọi vật khi đi đến giai đoạn Hoại thì sẽ tan vỡ. Lịch sử để lại bài học rất rõ về quan niệm Chu kỳ nhưng mấy ai chịu để ý? Qua trải nghiệm về tiền kiếp, ông có thể thấy rõ sự suy tàn và hoại diệt của Atlantis và Ai Cập như thế nào rồi. Trong tương lai, khi phục hồi khả năng hồi tưởng trở lại những tiền kiếp khác, ông sẽ biết rõ hơn nữa các giai đoạn lên xuống của từng chu kỳ quốc gia.

Tôi nghi hoặc, hỏi:

- Thế thì chỉ qua khả năng hồi tưởng, người ta mới biết được các giai đoạn đó hay sao?

Kris lắc đầu:

- Không hẳn thế. Nếu nhìn vào lịch sử gần đây, ông có thể thấy hậu quả phải hứng chịu của các quốc gia đang diễn ra khắp nơi trên thế giới. Thí dụ như vào thế kỷ mười lăm, mười sáu và mười bảy, Tây Ban Nha phát triển mạnh mẽ, làm bá chủ thế giới với bao nhiêu thuộc địa chạy dài từ châu Mỹ, châu Phi đến châu Á. Họ đã đi khắp nơi để chinh phục, để chiếm đoạt tài nguyên, tàn sát biết bao nhiêu dân lành vô tội. Các chiến thuyền của họ đi đến đâu thì gieo rắc nỗi kinh hoàng và dịch bệnh đến đó. Hầu hết những người da đỏ ở châu Mỹ, khoảng hai phần ba dân số, đều chết vì những dịch bệnh do người Tây Ban Nha mang vào. Nhờ thế nên Tây Ban Nha mới chinh phục được châu Mỹ một cách dễ dàng. Họ thẳng tay tiêu diệt các nền văn minh cổ, thay đổi phong tục tập quán, ngôn ngữ, tôn giáo và đặt một nền móng cai trị hết sức tàn bạo cho những thuộc địa của họ. Thế mà ngày nay nhiều sách lịch sử vẫn còn ca ngợi tinh thần khai phá, chinh phục và đồng hóa những dân tộc "man rợ, thiếu văn minh" này của Tây Ban Nha. Đã đến lúc chúng ta cần nhìn lại những gì người Tây Ban Nha đã làm trong những thế kỷ trước và tự hỏi nhân loại đã học được điều gì?

Vào thế kỷ mười tám và mười chín, Tây Ban Nha bị suy thoái vì sự tranh chấp trong triều đình giữa vua chúa và giới quý tộc. Sự tiêu pha hoang phí của triều đình cùng việc áp đặt thuế má lên dân chúng đã gây tổn hại cho nền kinh tế nước này. Nhân cơ hội, các thuộc địa nổi lên chống lại các đạo luật thuế quá cao, các nước Anh, Pháp xoay qua tấn công Tây Ban Nha để giành quyền lợi. Các chiến thuyền xâm lăng và khai phá thuộc địa của xứ này đã bị Hải quân Anh bắn tan nát khắp nơi. Người dân xứ này đã phải trả giá cho những cuộc chiến, trên biển cũng như trên đất liền, với số thương vong rất cao. Cuối cùng, Tây Ban Nha thua trận, phải đầu hàng, và chuyển giao hầu hết tài sản cướp bóc khi trước trong ngân khố cho nước Pháp để bồi thường chiến tranh, nhường lại hầu hết thuộc địa cho Anh và Pháp. Ngày nay, Tây Ban Nha chỉ là một nước yếu kém so với các nước châu Âu khác. Ông có thể đặt câu hỏi hiện nay nước này đang ở giai đoạn nào? Người dân xứ này đã và đang trả nghiệp quả như thế nào? Và tương lai quốc gia này sẽ ra sao?

Tương tự như thế, ông có thể quan sát lịch sử của các quốc gia khác như Anh, Pháp, Đức, Ý trong thế kỷ mười tám, mười chín và hai mươi. Nước nào cũng phát triển huy hoàng với tài nguyên chiếm đoạt được từ các thuộc địa về làm giàu cho nền kinh tế của họ. Dân chúng của họ hưởng thụ sự sung sướng qua chính sách xâm chiếm thuộc địa, bành trướng thế lực khắp thế giới, nhưng chuyện gì đã xảy ra trong hai trận Thế chiến vừa qua? Người dân của họ đã phải chịu đựng những gì? Hiện nay tình hình những quốc gia này ra sao? Họ đang ở trong giai đoạn nào của chu kỳ? Tương lai của những quốc gia này như thế nào? Người ta đã học được gì qua bài học lịch sử này?

Nếu quan sát một cách vô tư, không thành kiến, ông sẽ thấy mọi quốc gia và toàn thế giới đều chịu sự chi phối của luật Chu kỳ và luật Nhân quả. Thế giới là do nhiều quốc gia hợp thành. Mỗi quốc gia gồm nhiều gia đình tạo nên. Mỗi gia đình gồm có nhiều người tụ họp, vì thế mọi sự, mọi việc đều bắt đầu từ hành động của con người. Nếu mọi người đều ý thức, biết rõ bổn phận, trách nhiệm thì gia đình được hòa thuận, quốc gia được thịnh vượng, và thế giới cũng được an lành. Ngược lại, nếu mọi người không ý thức, chỉ lo sống ích kỷ, tham lam, tranh giành, chiếm đoạt thì gia đình sẽ xáo trộn, quốc gia sẽ suy vong, và thế giới sẽ trở nên loạn lạc. Tóm lại, chỉ cần nhìn vào những người dân sống trong quốc gia đó hành động ra sao, thì ta có thể biết được quốc gia đó đang ở trong giai đoạn nào.

Tôi hỏi tiếp:

- Vậy điều gì sẽ xảy ra khi quốc gia bước vào giai đoạn suy hoại?

Ông Kris trả lời, vẻ mặt trầm ngâm:

- Quốc gia nào cũng trải qua các giai đoạn Thành, Trụ, Hoại, Diệt. Nếu đã thành lập ắt phải có lúc hư hoại, hủy diệt. Sau giai đoạn Trụ là thời kỳ Hoại. Lúc này cũng có rất nhiều người đến quốc gia này nhưng phần lớn đến với nhiệm vụ phá hoại những gì đã được thành lập trước đây. Tùy theo những nghiệp quả đã được sắp đặt, những người này, phần lớn là những nạn nhân bị áp bức, bóc lột khi trước,

đến để trả thù, hay đòi nợ. Họ sẽ làm những việc hết sức tồi tệ, xấu xa, hay đưa ra những quyết định sai lầm, để đưa quốc gia này vào những lỗi lầm tai hại, không thể cứu vãn.

Sau giai đoạn Hoại là đến giai đoạn Diệt. Như ông đã biết, từ mấy ngàn năm trước, có nơi từng là quốc gia mà nay cả lục địa bị chìm sâu dưới biển, hoặc có nơi đang sống yên ổn bỗng bị động đất rồi cả quốc gia bị chôn vùi dưới lòng đất. Giai đoạn Hoại, Diệt diễn ra như thế. Ngay cả trái đất trước sau gì cũng đi đến giai đoạn suy hoại.

- Theo ông thì giai đoạn suy hoại diễn ra như thế nào?

- Theo sự hiểu biết của tôi thì vào những năm cuối cùng của một chu kỳ, trái đất sẽ trải qua nhiều biến cố lớn. Một số do con người gây ra như chiến tranh hay sự tàn phá thiên nhiên. Một số khác là do sự thay đổi trên bề mặt địa cầu như địa chấn, núi lửa phun trào, bão tố, lụt lội hoặc các biến động ghê gớm khác. Có thể sự thay đổi sẽ bắt nguồn từ đáy biển và tạo ra những cơn đại hồng thủy gây ngập lụt cả địa cầu, hoặc sự thay đổi bắt nguồn từ không gian khiến cho nhiệt độ trái đất biến chuyển thất thường, đất đai màu mỡ trở nên khô cằn, đồng ruộng biến thành sa mạc. Sẽ có những trận cháy rừng khủng khiếp hay những trận hạn hán thay đổi điều kiện địa dư biến những nơi trù phú thành vùng hoang vu không thể sinh sống.

Người Hy Lạp thời cổ gọi quan niệm chu kỳ là “heliakos” gồm có một đại chu kỳ và nhiều tiểu chu kỳ (nhiều tiểu chu kỳ hợp lại thành một đại chu kỳ). Tuy nhiên, các hiền triết Hy Lạp viết rằng đại chu kỳ của trái đất cũng chỉ là một tiểu chu kỳ của Thái Dương hệ. Nói rộng ra thì sự thay đổi trên địa cầu chỉ là một thay đổi nhỏ trong Thái Dương hệ, nhưng Thái Dương hệ mà chúng ta đang sống cũng chỉ là một phần của một hệ thống hành tinh trong vũ trụ mà thôi. Toàn bộ hệ thống hành tinh, hàng triệu hệ thống, xoay vần trong vũ trụ, với những chu kỳ, những giai đoạn, sinh rồi diệt, diệt rồi lại sinh, kéo dài vô tận. Phải chăng vì sở hữu một lượng kiến thức sâu xa về khoa chiêm tinh mà người xưa đã ý thức rõ rệt về sự thay đổi của mọi vật và có một nhân sinh quan rộng, thâm thúy hơn chúng ta ngày nay?

Các nhà tiên tri hay đạo trưởng trong các đền thờ cổ Hy Lạp đã viết rằng vào thời kỳ chuyển tiếp giữa hai chu kỳ, thế giới sẽ trải qua những thảm họa rất lớn. Các tai ương thiên nhiên sẽ gia tăng mỗi ngày một mạnh. Lúc đầu thiên tai sẽ xảy ra ở một vài nơi, nhưng về sau sẽ xảy ra ở khắp nơi. Chính những thiên tai này sẽ góp phần vào việc biến đổi khí hậu, thời tiết, điều kiện địa dư và ảnh hưởng đến kinh tế, thương mại, chi phối đời sống con người. Dù xã hội có văn minh đến đâu, dù con người có khôn ngoan đến mấy, hay có chuẩn bị kỹ càng đến thế nào, họ cũng không thể chống lại những thiên tai này được.

Không phải chỉ người Ai Cập hay Hy Lạp biết về quy luật Chu kỳ, mà từ ngàn xưa, người Ấn Độ và Trung Hoa cũng đã sở hữu những kiến thức hết sức uyên thâm về sự thay đổi trong vũ trụ. Theo sách vở về khoa chiêm tinh Vrishaspati của Ấn Độ thì các đại chu kỳ (mahakalpa) kéo dài khoảng 4.320.000 năm. Mỗi đại chu kỳ chia làm bốn tiểu chu kỳ (yuga): chu kỳ Satya Yuga dài 1.728.000 năm, chu kỳ Tretya Yuga dài khoảng 1.296.000 năm, chu kỳ Dwapara Yuga dài khoảng 864.000 năm và chu kỳ Kali Yuga kéo dài 432.000 năm.

Cách tính toán của người Ấn Độ hết sức phức tạp và chi tiết, dựa trên những niên lịch chiêm tinh cổ. Nếu so sánh với niên lịch hiện tại thì con số có thể khác biệt một chút, nhưng theo sách này thì hiện nay chúng ta đang ở trong chu kỳ Kali Yuga, nghĩa là giai đoạn đi xuống hay Hoại, Diệt của đại chu kỳ hiện tại, trước khi chuyển qua một đại chu kỳ khác.

Theo các hiền triết Ấn Độ thì sự biến chuyển trên địa hạt vật chất và tinh thần luôn luôn tương ứng với nhau. Sự tiến hóa về tâm linh của nhân loại tương ứng với sự thay đổi trên địa hạt vật chất. Nhìn vào lịch sử, chúng ta thấy có những thời đại mà các bậc vĩ nhân thay phiên nhau xuất hiện, hướng dẫn nhân loại làm điều tốt đẹp, ta thường gọi đó là thời đại hoàng kim. Cũng có những thời đại mà những kẻ tiểu nhân xuất hiện làm những chuyện xằng bậy, xúi giục con người đè nén, áp bức, giết hại lẫn nhau, ta thường gọi đó là thời đại hôn ám. Có thời đại con người sống thoải mái với thiên nhiên, thuận thảo với nhau, nhưng cũng có thời đại con người phá hoại

thiên nhiên, chém giết lẫn nhau. Đã có những quốc gia hùng mạnh, đạt đến đỉnh vinh quang nhưng sau đó lại suy thoái. Đã có những nền văn minh rực rỡ, huy hoàng một thời gian, rồi suy tàn nhường chỗ cho nền văn minh khác xuất hiện. Sự kiện này tái diễn không biết bao nhiêu lần trong lịch sử, lên rồi lại xuống, thắng rồi lại thua, vinh rồi lại nhục.

Theo tài liệu cổ với những phương trình toán học thì cứ mỗi một chu kỳ, vòng quay lại nhích lên trên một chút so với lần trước vì chu kỳ là một vòng xoáy trôn ốc chứ không phải là vòng tròn. Điều này có nghĩa là nhờ sự học hỏi những bài học cần thiết để rút kinh nghiệm mà nhân loại tiến bộ hơn xưa. Do đó, họ sẽ đi từ những chu kỳ thấp lên chu kỳ cao hơn để tiếp tục học hỏi chứ không phải quay trở lại khởi điểm. Mỗi chu kỳ đều có những bài học, những kiến thức mà mọi người đều phải học để có thể bước vào một chu kỳ sau với những bài học và kiến thức khác.

Tuy nhiên, trên bình diện thấp, người ta vẫn thấy có những sự kiện xảy ra trong quá khứ được lặp lại vì nhân loại chưa học được bài học đó. Bài học "lịch sử tái diễn" là một bi kịch lớn của con người. Vì không chịu học những bài học từ trước nên họ phạm đúng những lỗi lầm của tiền nhân. Tuy nhiên, không một bài học nào có thể dạy con người hiệu quả hơn là sự đau khổ. Khi sung sướng thì không mấy ai biết nghĩ, nhưng khi gặp hoàn cảnh khổ đau, họ mới nghĩ đến nguyên nhân tại sao. Khi mạnh khỏe, mấy ai quan tâm giữ gìn sức khỏe, chỉ khi mắc bệnh thì họ mới hiểu ra. Tất cả mọi sự, mọi việc, mọi hậu quả, đều do chính họ gây ra chứ không phải do ai khác. Họ có thể trách trời, trách đất, và trách tất cả mọi người nhưng trách móc không thể làm cho họ vơi đi nỗi khổ. Chỉ có hiểu biết nguyên nhân thì họ mới học được rằng không có việc gì mà không để lại hậu quả. Do đó, trước khi hành động, con người phải biết nghĩ đến hậu quả của việc mình làm.

Tôi thắc mắc:

- Trong vòng Luân hồi, có người học nhanh, có người học chậm, nhưng cũng có người không học được gì. Dù trải qua bao nhiêu kiếp, bao nhiêu khổ đau, họ vẫn không thể học được thì sao?

Ông Kris nghiêm giọng:

- Theo luật Luân hồi thì con người trải qua rất nhiều kiếp. Mỗi kiếp sống đều có những bài học mà họ phải tiếp thu. Có người học được ngay, có người phải trải qua nhiều kiếp mới học được. Tuy nhiên, cũng có người mặc dù trải qua biết bao nhiêu kiếp, bao nhiêu đau khổ, vẫn u mê, không học được gì. Nếu nhìn vào vũ trụ, ông sẽ thấy có hàng triệu, hàng tỷ hành tinh. Có những hành tinh đang được hình thành và có những hành tinh đang bị hoại diệt. Tất cả đều tuân theo luật Chu kỳ. Trái đất của chúng ta cũng thế, khi chu kỳ của trái đất tiến đến giai đoạn hoại diệt, nó sẽ tan vỡ. Nhưng không phải trái đất này hoại diệt rồi thì mọi người cũng bị hủy diệt đâu. Những người đã học những bài học của chu kỳ đó sẽ tái sinh vào chu kỳ của thế giới khác để học những bài học mới. Những người không học được gì, trình độ hiểu biết thấp kém, không thể tái sinh vào nơi khác có trình độ cao hơn, sẽ bị bỏ lại. Vì trái đất đã tan, những người này phải ở trong tình trạng đau khổ liên miên bất tận, phải chờ đợi khi trái đất được thiết lập lại, để học lại bài học mà họ chưa học được. Sự thiết lập một hành tinh như trái đất đòi hỏi một thời gian rất lâu, có lẽ hàng triệu hay hàng tỷ năm. Hãy thử tưởng tượng những người bị bỏ lại bơ vơ, lạc lõng, vất vưởng thì trạng thái khổ sở đó kinh khủng như thế nào.

Ông Kris ngừng lại nhìn tôi như chờ đợi. Cả hai chúng tôi đều im lặng một lúc khá lâu. Ông Kris không nói gì, nhưng cặp mắt của ông ngời sáng như soi rọi vào tôi. Tôi ngồi yên nhưng đầu óc tự nhiên bối rối vì những điều vừa nghe là một cú sốc lớn. Đây là những điều mà tôi chưa hề nghĩ đến. Phải chăng đây chỉ là một sự tưởng tượng của ông Kris hay là một quan niệm đã có từ xưa? Càng suy nghĩ, tôi càng thấy luật Chu kỳ mà ông Kris vừa trình bày rất vững chắc và có lý.

Sau một lúc, tôi định thần, rồi lên tiếng:

- Có lẽ lúc này chúng ta cần hỏi nhân loại đã học được gì và sự tiến bộ, văn minh hiện nay sẽ đưa con người đi đến đâu?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi, rồi thong thả nói:

- Hiện nay, khoa học và công nghệ đang chiếm ưu thế trên mọi lĩnh vực, ảnh hưởng khắp nơi trên thế giới. Đã đến lúc chúng ta cần xem xét những ảnh hưởng này một cách nghiêm túc để giữ thái độ sống quân bình trong thế giới thay đổi này.

Hãy lấy thí dụ về chiếc điện thoại. Hiện nay mọi người đều có thể liên lạc với nhau từ khắp nơi trên thế giới chỉ nhờ vào một vật có thể bỏ gọn trong túi áo. Tuy nhiên, điện thoại di động cũng có thể là mối đe dọa cho tương lai nhân loại. Ông có thể thấy học trò thay vì tập trung học, lắng nghe giáo viên giảng bài, hầu hết lại bị xao lãng, sử dụng điện thoại để chat, để xem YouTube, để lướt Facebook. Hầu hết mọi người ngày nay đều vô tình để cho những vật vô tri này ảnh hưởng đến đầu óc của họ. Dù đi, đứng, nằm hay ngồi, mắt họ đều dán chặt vào cái màn hình nho nhỏ này. Đầu óc của họ không còn hoạt động tự do nữa mà chỉ tuân theo mệnh lệnh của chiếc máy và những phần mềm được thiết kế trong đó. Nhân loại đã vô tình để cho những vật vô tri giác này rút hết sinh lực của mình, họ sẽ không học hỏi được gì nữa. Đầu óc của họ đã thoái hóa, căng thẳng đến mức thụ động thì làm sao còn biết suy xét các bài học lịch sử, các lỗi lầm quá khứ, biết đến sự hy sinh của tiền nhân.

Công nghệ cũng sản xuất ra những trò chơi điện tử. Ông hãy tự hỏi chúng đã dạy gì cho những người trẻ tuổi hiện nay? Phải chăng họ đang học những hành vi kỳ lạ, khác thường mà không ai có thể tưởng tượng được. Hiện nay từ trẻ con cho đến người lớn đều say mê những trò chơi điện tử này. Phần lớn đều coi đó là những trò giải trí vô hại nên họ học cách chơi rất nhanh và bắt chước những điều nguy hại trong cái thế giới ảo ấy. Ít lâu nữa, thế hệ tương lai sẽ học lấy tất cả những điều xấu xa, ác độc như chém giết, tàn phá, bạo lực và dâm đãng vì không còn ai có thể phân biệt được giữa thế giới ảo và thế giới thật. Hiện nay, các sản phẩm công nghệ tinh vi này đang hút hết sinh lực con người. Mọi người khắp nơi đều dán tâm, dán mắt vào những thứ này và hoàn toàn quên hết tất cả mọi việc đang diễn ra chung quanh. Khi không quan tâm, con người trở nên vô cảm, không còn biết rung động hay trắc ẩn với mọi sự nữa.

Ông Kris nói thêm, giọng nghiêm túc:

- Trong thời đại công nghệ này, bao nhiêu người đang mất đi sự thông minh thật sự vì họ đã vô tình để cho trí thông minh nhân tạo điều khiển? Bộ óc con người đã bị các sản phẩm vật chất chi phối nên ít lâu nữa, không ai còn muốn suy nghĩ hay phát triển sự hiểu biết thật sự. Thay vì sử dụng bộ óc thông minh để suy nghĩ, tìm hiểu, phát triển sự hiểu biết về đời sống thì họ lại để cho các sản phẩm vô tri này chi phối. Tại sao phải đọc sách khi chỉ cần bấm nút là có máy đọc giùm cho? Tại sao lại phải mất công suy nghĩ khi máy móc suy nghĩ và trình bày mọi thứ mình muốn? Việc gì phải mất công tìm kiếm khi chỉ cần hỏi Google là xong hết? Tại sao phải học xây dựng, kiến trúc khi máy móc thông minh có thể đảm đương công việc này? Ông sẽ thấy trong vài năm nữa, tất cả đều tập trung vào việc chế tạo ra sản phẩm hay hàng hóa để tiêu thụ. Con người không còn biết phục vụ cho lý tưởng mà trở thành những cỗ máy chỉ biết kiếm tiền, sản xuất, tiêu thụ và sống trong cái vòng hư ảo của sự thiếu hiểu biết này. Trong tương lai, họ sẽ trở nên vô dụng khi người máy sẽ thay thế và kiểm soát họ.

Tôi lên tiếng biện hộ:

- Có lẽ ông đang bi quan quá đấy thôi. Hiện nay chúng ta đang bước vào thế kỷ hai mươi mốt, thời đại của vi mạch điện tử tiên tiến và công nghệ cao.

Ông Kris ôn tồn nói:

- Ông hỏi tôi rằng chúng ta đang ở giai đoạn Trụ hay Hoại trong chu kỳ của nhân loại ư? Điều này có lẽ tự ông phải tìm ra câu trả lời, nhưng tôi chỉ có thể cho ông biết trước một vài điều rồi ông có thể tự đi đến kết luận.

Này ông bạn, ông đang cho rằng sự phát triển của khoa học là hữu ích, nhưng ông có biết rằng ngay lúc này, trong những phòng thí nghiệm bí mật tại một số quốc gia, rất nhiều nhà khoa học vô đạo đức đang nghiên cứu và tạo ra những con quái vật bằng phương pháp ghép các yếu tố di truyền sinh học của con người vào loài vật, hay đang ngày đêm cấy ghép lai tạo nên những loài vi rút biến thể độc hại cực kỳ nguy hiểm đến tính mạng loài người? Điều kinh

khủng gì sẽ xảy ra nếu những loài vi rút đáng sợ này vô tình bị sổng chuồng khỏi các phòng thí nghiệm? Chắc hẳn ông còn nhớ kiếp trước tại Atlantis, chuyện này đã xảy ra tại xứ Og rồi. Ông có biết rằng những người thuở trước đang trở lại để tiếp tục công việc họ đã làm trong quá khứ không? Họ tạo ra những con quái vật phục vụ cho những mục đích phá hoại hết sức ghê gớm mà hiện nay không mấy ai biết. Phải chăng thói quen quá khứ không dễ gì xóa bỏ? Phải chăng lòng ham muốn cùng với kiến thức từ quá khứ đã làm cho họ đánh mất cả lương tri? Trong tương lai rất gần, ông sẽ thấy con người không còn là con người nữa mà đã trở thành một giống nửa người nửa thú. Có lẽ ông không tin được điều này nhưng chỉ một thời gian không xa, ông sẽ thấy những loài sinh vật dị dạng và khác thường này làm những việc mà ngày nay chưa ai dám nghĩ đến. Ngay cả ngày nay, biết bao người đang sống một cách vô cảm, họ không nhìn thấy sự đau khổ mà họ đã gây ra cho người khác. Họ sống vô ý thức, bị thôi thúc bởi sự tham lam quyền lợi và quyền lực. Chính những người này sẽ xây dựng những phòng thí nghiệm, những cơ sở thương mại với những kiến thức ma quái thời cổ để tạo ra những con quái vật vô tri giác phục vụ cho mục đích riêng của họ.

Hiện nay, khoa học công nghệ đã phát triển với tốc độ quá nhanh, không còn ai có thể kiểm soát nổi. Ông sẽ thấy tất cả những sản phẩm công nghệ ngày nay sẽ hoàn toàn thay đổi trong thời gian sắp tới vì những phát minh ra đời mỗi ngày một nhiều. Không một chính quyền nào, luật pháp nào có thể thay đổi nhanh chóng để bắt kịp những đổi thay công nghệ ngày nay. Ông sẽ thấy rất nhiều công ty lớn sẽ bị thay thế bởi những công ty nhỏ nhưng có những phát minh mới, sản phẩm mới và kiến thức mới. Cả thế giới sẽ bị đảo lộn bởi những sự thay đổi bất ngờ không thể tưởng tượng được. Chỉ ít lâu nữa thôi, con người sẽ bị biến dạng do cấy ghép những bộ phận và máy móc vào trong thân thể của họ để họ có những khả năng đặc biệt. Dĩ nhiên, hiện giờ ông không tin điều này có thể xảy ra, nhưng nếu ông nhìn lại khoảng năm chục năm trước, khi ai đó nói rằng người ta có thể nói chuyện với nhau bằng điện thoại không dây hay xe hơi tự lái thì có ai tin không? Giờ thì điều này không còn lạ nữa.

Tại sao hôm nay tôi lại đề cập đến những giá trị cổ xưa và những bài học lịch sử mà chúng ta cần phải học? Vì đã đến lúc chúng ta cần nhìn lại những tiến bộ khoa học và các lợi ích về vật chất. Không phải tất cả đều hữu ích cho nhân loại trong lúc này và cho tương lai. Tôi không phủ nhận giá trị hay ích lợi của các sản phẩm khoa học công nghệ hiện nay nhưng tất cả chưa hoàn toàn phục vụ cho con người vì chúng được tạo ra bởi những người chưa có đủ sự hiểu biết về hậu quả của việc họ làm.

Nhiều nhà khoa học chế tạo ra các loại vũ khí tối tân có thể giết hàng trăm, hàng ngàn người, nhưng họ phủ nhận trách nhiệm và lý luận rằng vũ khí là vật vô tri, không thể giết người mà chỉ có con người mới sử dụng nó để giết nhau mà thôi. Tương tự như thế, nhiều người đưa ra những luận cứ để bào chữa cho hậu quả của những học thuyết vô nhân tính đã gây ra chiến tranh thù hận giữa các quốc gia, gây thương tổn cho hàng triệu người nhưng vẫn nói rằng họ không có trách nhiệm gì cả. Không ai biết về luật Nhân quả. Tuy họ có trí thông minh nhưng họ chưa đủ sự hiểu biết chân chính để hiểu hậu quả của việc mình làm. Do đó, chúng ta phải khôi phục lại những kinh nghiệm của người xưa, học lại những bài học lịch sử, đừng để cho nó tiếp diễn nữa. Khi con người biết hành động với lương tâm và đạo đức thì bất cứ việc làm gì của họ cũng đều tốt đẹp.

Ông Kris im lặng một lúc như suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Trong giai đoạn cuối của mỗi chu kỳ, chúng ta sẽ thấy chiến tranh lan rộng, thiên tai xảy ra mỗi ngày một khốc liệt (như núi lửa, sóng thần, động đất, lụt lội, hạn hán), tiếp đến là sâu bọ phá hoại mùa màng gây ra nạn đói khắp nơi, rồi các đại dịch bệnh cũng theo chu kỳ bùng phát, lúc đầu chỉ ở vài nơi nhưng sau sẽ lan ra khắp thế giới và mỗi ngày một trầm trọng, ghê gớm hơn trước.

Khi trước, tôi đã nói cho ông biết về nền văn minh Atlantis, con người lúc đó sống bằng bản năng nên tham lam, ích kỷ và có dục tính rất mạnh. Đa số mọi người lúc đó thường ngẫu phối, không phân biệt nam hay nữ, ngay cả với giống nửa người nửa thú. Một số người như thế hiện nay đã trở lại thế giới này. Họ tiếp tục thói quen

từ trước nên những việc giao phối loạn luân tiếp tục diễn ra, sinh ra nhiều thứ bệnh quái lạ. Một số bệnh có thể tìm được thuốc chữa, nhưng sẽ có những thứ bệnh vô phương cứu chữa và đến lúc đó khoa học cũng phải bó tay. Nguyên nhân chính là lòng tham lam sinh ra sự luyến ái bệnh hoạn, không phân biệt và không thuận với luật tự nhiên. Những dịch bệnh ghê gớm hiện nay chỉ là sự cảnh cáo về các mối hiểm họa lớn hơn sắp xảy ra nhưng có mấy ai để ý đến. Nếu nó chưa xảy ra cho chính họ hay gia đình của họ thì họ không quan tâm. Chính vì thái độ vô cảm này mà dịch bệnh tiếp tục phát sinh, truyền đi khắp nơi, mỗi ngày một mạnh. Chẳng hạn như, bệnh sốt xuất huyết Ebola đã bùng phát tại Guinea, Sierra Leone và Liberia, rồi lan ra nhiều nước châu Phi. Gần đây ông có thể thấy những căn bệnh viêm phổi chết người tái phát ở nhiều nơi và có nguy cơ lan rộng khắp thế giới. Một ngày nào đó, những dịch bệnh này sẽ tàn phá vượt qua mọi sự tưởng tượng và lúc đó thì đã quá muộn.

Đây không phải là điều gì mới lạ vì từ xưa đã có những bệnh truyền nhiễm như dịch hạch, lao phổi, đậu mùa v.v… Những căn bệnh này đã giết chết hàng triệu người nhưng trong tương lai, sẽ có những căn bệnh ghê gớm hơn có thể tiêu diệt phần lớn dân chúng thế giới. Tại sao lại như thế? Vì dịch bệnh cũng do chính con người gây ra. Khi con người tàn sát, giết hại loài vật thì những con thú này phản ứng như thế nào? Hiển nhiên chúng không thể chống trả lại bằng cơ thể của loài thú, nhưng chúng có thể trở thành hàng triệu con vi trùng hay vi rút gây ra dịch bệnh, khi đó con người không thể phản ứng gì được. Hiển nhiên, nếu con người ăn thịt loài vật, thì sau đó loài vật sẽ ăn thịt lại con người. Khi con người tìm sự khoái lạc qua việc giết hại thú rừng và ăn thịt chúng, thì những con vi trùng, vi rút cũng sẽ tàn phá thân thể con người. Và cái vòng thù oán này sẽ tiếp tục, không bao giờ chấm dứt.

Nếu ông hiểu được luật Chu kỳ và Nhân quả thì ông sẽ thấy mọi sự thay đổi, chuyển hóa không ngừng. Cái gì đi đến cực điểm cũng sẽ thay đổi. Tốt đến cực điểm có thể trở thành xấu. Ác đến cực điểm cũng có thể hóa thiện. Một người nghèo đến cùng cực có thể trở nên giàu có, trong khi người giàu đến cực điểm cũng có thể trở

thành trắng tay. Khi mới sinh ra, chúng ta chỉ là một đứa bé, rồi chúng ta lớn lên, trưởng thành, già nua và chết. Đó là chu kỳ của Thành - Hoại luân chuyển trên thế gian này. Đó là sự biến đổi tự nhiên, liên tục theo luật Chu kỳ. Đó chính là tiến trình biến đổi và chuyển hóa của vũ trụ mà không mấy ai để ý đến. Điều quan trọng nhất trong thời đại này là đừng quên tất cả chúng ta đều là người chứ không phải là loài vật. Chúng ta phải sống có ý nghĩa, có mục đích. Bài học mà chúng ta cần phải học là hiểu rõ luật Nhân quả và chịu trách nhiệm cho mọi hành động của mình.

Và một khi con người tự tâm có ý thức thay đổi làm việc tốt, phát tâm tích đức, tạo phúc cũng có thể tác động giảm, tiêu trừ bớt nghiệp quả. Tác động tương hỗ bù trừ này được luật Nhân quả của vũ trụ xét trên nhiều yếu tố chứ không đơn thuần như phép cộng trừ nhân chia.

***

Trong những lần trò chuyện với ông Thomas, tôi nhận ra ông luôn nhắc đi nhắc lại nhiều lần bài học rất cần ghi nhớ về Luật Nhân quả và Luân hồi. Đối với tôi, và có lẽ với hầu hết người châu Á, đây không phải là điều mới lạ. Nhiều người đã biết câu nói nổi tiếng "Bồ Tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả". Nhưng giữa biết và thấu hiểu có một khoảng cách rất xa. Từ biết, hiểu rồi trở thành niềm tin thực sự còn tùy thuộc vào độ trải nghiệm thực tế và căn duyên của mỗi người. Nhưng, ở trên đời có nhiều chuyện xin "đừng đợi thấy mới tin"...

Tôi nhớ rõ ông Thomas đã chia sẻ một suy nghĩ sâu sắc, rất đáng suy ngẫm: "Vào lúc này, khi anh và tôi đang nói chuyện về luật Luân hồi và Nhân quả tại căn nhà ở Colorado, thì quanh đây mấy chục dặm, có hàng ngàn người đang sống, đã mấy ai biết về những quy luật này? Nếu nhìn rộng ra cả tiểu bang này, với vài triệu người, đã mấy ai biết về luật Luân hồi hay Nhân quả? Nếu anh quan sát cả nước Mỹ, trên ba trăm triệu người, đã mấy ai biết gì về những quy luật vũ trụ này chưa? Và anh hãy nhìn khắp thế giới hơn bảy tỷ người, có bao người đang hành động độc ác, vô nhân tính? Có những quốc gia đang đối xử với người khác tàn độc như thế nào?

Có bao nhiêu cái chết thương tâm và cuộc sống bi đát của nhiều con người vô tội đã và đang diễn ra? Hãy thử nghĩ nếu tất cả đều chịu học hỏi và hiểu rõ về Nhân quả, biết rõ một khi 'gieo nhân gì sẽ gặt quả đó' thì có ai dám hành động như thế không?

Thường thì con người, khi hành động, ít ai nghĩ đến hậu quả, nhưng một khi hậu quả xảy đến thì họ nghĩ gì, làm gì? Họ oán hận, trách trời, trách đất, trách những người chung quanh hay ai đó đã gây ra những hậu quả đó? Có mấy ai biết chiêm nghiệm, tự trách và thay đổi chính mình không? Đó là động lực để tôi chia sẻ với anh những câu chuyện chưa từng kể với ai này - dù có những điều thiên cơ bất khả lộ - và chấp thuận để anh chia sẻ những trải nghiệm, bài học vô tiền khoáng hậu này với các bạn của anh, có thể viết thành một cuốn sách để cho nhiều người trên thế giới cùng chiêm nghiệm - giữa lúc trái đất đang có nhiều tai ương, biến động từng ngày. Tôi mong chúng ta - những cánh bướm bé nhỏ rung động mong manh cũng có thể tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh mọi người.

Tương lai của mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi quốc gia và cả hành tinh này sẽ ra sao trong giai đoạn sắp tới là tùy thuộc vào thái độ ứng xử, nhìn nhận và thức tỉnh của từng cá nhân, từng tổ chức, từng quốc gia đó tạo nên. Nếu muốn thay đổi, cần khởi đầu bằng việc nhận thức, chuyển đổi tâm thức, lan tỏa yêu thương và chia sẻ sự hiểu biết từ mỗi người chúng ta trước.

Nhân quả đừng đợi thấy mới tin. Nhân quả là bảng chỉ đường, giúp con người tìm về thiện lương“.

Tôi quyết định viết cuốn sách này bằng tiếng Việt - ngôn ngữ đồng bào, đất nước thân thương trong tim tôi.